

HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM TỈNH BÌNH THUẬN

SĐ

024

LỊCH SỬ
PHONG TRÀO NÔNG DÂN
VÀ HỘI NÔNG DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN
(1930 - 2000)



XUẤT BẢN NĂM 2002

Thịnh Điển

**LỊCH SỬ PHONG TRÀO
NÔNG DÂN VÀ HỘI NÔNG DÂN**

TỈNH BÌNH THUẬN

(1930 - 2000)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Chỉ đạo biên soạn:

Đồng chí **NGUYỄN VĂN THIỆU.**

Đồng chí **TRẦN THANH ĐÌNH.**

Đồng chí **PHAN TẤN KHẾ.**

Biên soạn:

PHÒNG LỊCH SỬ ĐẢNG.

Biên tập:

Đồng chí **TRẦN MẠNH TƯỜNG.**

Trình bày:

Đồng chí **VÕ VĂN TÍNH**

Sửa bản in:

Đồng chí **TRẦN THỊ HÀ NHI**



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

“Trải qua các thời kỳ, Đảng ta đã nắm vững và giải quyết đúng đắn vấn đề nông dân, củng cố được liên minh công nông. Đảng ta đã đấu tranh chống những xu hướng hữu khuynh và “tả” khuynh đánh giá thấp vai trò của nông dân là quân chủ lực của cách mạng, là bạn đồng minh chủ yếu và tin cậy nhất của giai cấp công nhân, là lực lượng cơ bản cùng với giai cấp công nhân xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Hồ Chí Minh

(NXBCTQG - 1995, tập 10, trang 18).

LỜI NÓI ĐẦU

Trong sự nghiệp chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước bao đời nay, giai cấp nông dân Việt Nam luôn giữ một vai trò quan trọng trong sự nghiệp vinh quang ấy. Đặc biệt, từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, giai cấp nông dân tỉnh Bình Thuận là một bộ phận của giai cấp nông dân cả nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng đã phát huy cao độ sức mạnh bằng tổ chức của mình cùng với giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức góp phần to lớn vào sự nghiệp kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ xâm lược, bảo vệ Tổ quốc và bước vào thời kỳ xây dựng đất nước theo định hướng XHCN.

Để ghi lại một chặng đường lịch sử cách mạng vẻ vang của giai cấp nông dân và tổ chức Hội Nông dân trong tỉnh 70 năm qua (1930-2000), Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận (khóa IV) tổ chức sưu tầm tư liệu, tiến hành biên soạn lịch sử phong trào nông dân và hội nông dân tỉnh Bình Thuận (1930 -2000). Tập lịch sử phân ra các thời kỳ đấu tranh cách mạng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 (1930-1945); Nông dân Bình Thuận dưới

sự lãnh đạo của Đảng kháng chiến chống Pháp (1946-1954), kháng chiến chống Mỹ xâm lược (1954-1975), 25 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN (1975- 2000).

Nhân dịp kỷ niệm 72 năm ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam (14/10/1930 - 14/10/2002), Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh phát hành tập lịch sử này.

Tập lịch sử tuy đã có nhiều cố gắng trong sưu tầm tư liệu thành văn, tư liệu qua các nhân chứng, song cũng không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế, mong bạn đọc góp ý, bổ sung để việc tái bản lần sau được hoàn chỉnh hơn.

Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bình Thuận chân thành cảm ơn các đồng chí lão thành cách mạng, lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận tỉnh và các đồng chí lãnh đạo, cán bộ Hội nông dân đương chức hay nghỉ hưu đã cung cấp tư liệu, tham gia ý kiến góp phần hình thành nội dung tập Lịch sử này.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ HỘI NÔNG DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**
Chủ tịch

NGUYỄN VĂN THIỆU



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THƯỜNG
HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG
HẠNG Ba

CÁN BỘ, HỘI VIÊN NÔNG DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

*Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1995 đến 1999,
góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.*

Quyết định số: 502/KCTC ngày 11 tháng 10 năm 2000

Đề nghị số: 1

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2000

CHỦ TỊCH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



T. Hương
Trần Đức Lương



CHƯƠNG I:

ĐẶC ĐIỂM GIAI CẤP NÔNG DÂN BÌNH THUẬN TRƯỚC KHI THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bình Thuận là một tỉnh của vùng Cực Nam Trung bộ, có ranh giới phía Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu; phía Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận và phía Tây, Tây Bắc giáp tỉnh Lâm Đồng; phía Đông Nam giáp với biển Đông. Diện tích toàn tỉnh rộng 784.860 ha, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 484.190 ha, đất trồng trọt 151.290ha, còn lại là đất thổ cư, ao hồ và đầm lầy. Địa hình Bình Thuận được chia thành 3 vùng: miền núi, đồng bằng và ven biển, trải dài từ Đông Bắc xuống Tây Nam và 7 con sông lớn, nhỏ chia cắt, nên đặc điểm đất đai các vùng khác nhau, có tác động nhất định đến việc sản xuất của nông dân trong tỉnh.

Bờ biển Bình Thuận từ xã Vĩnh Hảo (giáp tỉnh Ninh Thuận) đến xã Tân Thắng (giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) dài 192km và có vùng lãnh hải 52.000km². Ngoài khơi, cách bờ biển 56 hải

lý có đảo Phú Quý là cầu nối từ đất liền với quần đảo Trường Sa. Với điều kiện này, nghề biển Bình Thuận phát triển khá sớm và là một ngư trường lớn trong nước, có nhiều chủng loại hải sản. Dọc bờ biển có nhiều bãi ngang, đồi núi nhô ra biển, với nhiều danh lam thắng cảnh; có khoảng 4.000 ha đất đầm lầy, bãi triều thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản và phát triển nghề muối.

Khí hậu Bình Thuận có hai mùa khá rõ rệt, mùa mưa thường từ tháng 5 đến tháng 10 và mùa nắng thường từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Do địa hình khác nhau, nên khí hậu giữa các địa phương trong tỉnh có sự khác nhau. Các huyện Hàm Tân, Đức Linh, Tánh Linh thường có mưa sớm và kéo dài, trong khi đó các huyện Bắc Bình, Tuy Phong mùa mưa thường đến muộn và chấm dứt sớm hơn.

Bình Thuận có sông La Ngà chảy qua dài 272km, Sông Lũy 98km, sông Cà Ty 56km, sông Lòng Sông 50km và nhiều sông suối nhỏ khác. Các sông lớn ở Bình Thuận đều bắt nguồn từ rừng núi giáp với tỉnh Lâm Đồng nên độ dốc cao, mùa mưa nước chảy mạnh, mùa khô nước sông cạn ảnh hưởng đến việc tưới tiêu cho sản

xuất. Vì vậy việc xây dựng các hồ thủy lợi chứa nước là một yêu cầu lớn phục vụ cho sản xuất.

Ngược dòng thời gian, Bình Thuận hình thành từ năm 1692. Năm 1832 (Minh Mạng thứ 13), Bình Thuận chính thức gọi là tỉnh. Từ năm 1886, Bình Thuận có 2 phủ gồm phủ Ninh Thuận có các huyện An Phước, Tuy Phong trực thuộc và phủ Hàm Thuận có các huyện Hòa Đa, Tuy Lý, Tuy Tĩnh trực thuộc. Đầu thế kỷ 20, phủ Ninh Thuận nhập vào Khánh Hòa và năm 1903 tách ra thành lập Đạo Ninh Thuận. Từ khi tách phủ Ninh Thuận, đến năm 1916 tỉnh Bình Thuận thành lập phủ Hòa Đa có huyện Phan Lý, Tuy Phong trực thuộc và phủ Hàm Thuận có các huyện Hàm Tân, Tánh Linh trực thuộc. Năm 1898, tỉnh thành Bình Thuận từ phủ Hòa Đa chuyển về phủ Hàm Thuận đóng tại làng Đại Tài và Tòa sứ Pháp đóng ở Phan Thiết, từ đó Phan Thiết trở thành trung tâm văn hóa của tỉnh Bình Thuận.

Ngay từ buổi đầu trên vùng đất Bình Thuận đã có hàng chục ngàn người là các dân tộc Chăm, Rắc Lây, K'ho ... và người Kinh sinh sống. Từ giữa thế kỷ 17 trở đi, các nhóm dân cư từ Đàng ngoài vào Đàng trong bằng đường bộ, đường biển. Phần đông các nhóm di dân này là nông dân, ngư dân lao động và một số quan lại, nho sĩ,

binh lính, nhà buôn, thợ thủ công. Họ vào phương Nam với một mong muốn tìm một chốn sinh sống lâu dài, một số ở lại góp phần cải tạo thiên nhiên xây dựng nên cuộc sống, xác lập một vùng quê mới ở Bình Thuận.

Buổi đầu đến vùng đất Bình Thuận, nhiều cư dân ở tại các bãi ngang, các cửa sông La Gàn, Phan Rí, Phố Hải, Phan Thiết, La Gi, đảo Phú Quý. Trong quá trình phát triển, họ hình thành nên các thôn xóm và khi nhà Nguyễn từng bước chinh phục phương Nam đã tổ chức nên hệ thống hành chính. Vào vùng đất mới, nhiều người dân sống bằng nghề biển, nhiều người làm nghề nông, một bộ phận làm nghề thủ công ... Từ đó hình thành phát triển thêm các ngành nghề phục vụ cho chế biến, đánh bắt hải sản, cho sản xuất nông nghiệp, nghề thủ công... Khi Pháp xâm lược Việt Nam, để khai thác thuộc địa, Pháp có mở một số cơ sở công nghiệp như xây dựng đường sắt, đường bộ, xây dựng công sở, nhà dây thép (bưu điện), nhà đèn ⁽¹⁾ thì trong giai cấp nông

(1) Năm 1896 Pháp xây Tòa sứ (nay là UBND tỉnh). 1900 chúng làm đường Phan Thiết đi Phú Hải. Từ năm 1905 đến 1912 Pháp mở con đường sắt Sài Gòn-Nha Trang đi qua Bình Thuận dài 180km. Năm 1906 xây nhà dây thép (Bưu điện). Năm 1916 xây nhà thương... (nay là Bệnh viện tỉnh). Năm 1923 Hiệp hội Điện lực Đông Dương xây nhà máy đèn ở Phan Thiết, công suất 100Kw...

dân có sự phân hóa. Một bộ phận lao động trở thành công nhân làm trong các công sở, công trường và nhà máy, xí nghiệp của Pháp. Tuy nhiên, lúc bấy giờ các ngành công nghiệp ở Bình Thuận phát triển không nhiều, nên giai cấp công nhân phát triển chậm, giai cấp nông dân vẫn chiếm hơn 90% dân số là lực lượng chính ở Bình Thuận. Với điều kiện xuất thân của giai cấp công nhân, tạo cho mối quan hệ liên minh công- nông ngày càng gắn bó trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, cũng như trong bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước ⁽¹⁾.

Vốn là người lao động cần cù, dũng cảm, sáng tạo, vừa chống giặc ngoại xâm, vừa chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt trong quá trình sinh tồn của mình, họ đã có những đức tính chịu thương chịu khó, đoàn kết giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiết kiệm để tạo dựng nên cuộc sống. Từ trong lao động sản xuất, người nông dân Bình Thuận vừa tạo nên giá trị văn hóa mang tính

(1) Dân số Bình Thuận trong hơn 300 năm qua thay đổi theo từng thời gian. Năm 1910 Bình Thuận có khoảng 88.205 người. Năm 1943, dân số Bình Thuận có 145.900; năm 1970 có khoảng 344.833 người (cả Bình Thuận và Bình Tuy); năm 1999 có 1.047.000 người (theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận).

chất kế thừa của dân tộc, vừa sáng tạo nên bản sắc văn hóa địa phương. Bình Thuận có 27 dân tộc anh em, nên tập quán sản xuất, văn hóa các dân tộc có khác nhau, thể hiện tính đa dạng phong phú, đồng thời nó cũng phản ánh trình độ khác nhau giữa các địa phương, các vùng, các dân tộc.

Người nông dân Bình Thuận trước đây với việc sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa nước, trỉa lúa rẫy. Bên cạnh đó có trồng thêm cây đậu phộng, mè, lang, mì, dưa. mía, trồng bông... Trong kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, chủ yếu là quảng canh. Đất tự nhiên còn nhiều, việc phát triển sản xuất phụ thuộc vào khả năng lao động của con người. Tuy nhiên, thiên nhiên có nhiều khắc nghiệt, nắng hạn, lụt lội đã làm cho kết quả sản xuất nông nghiệp thường bị thất bát, khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống của người nông dân lao động ⁽¹⁾.

Nghề làm muối phát triển khá sớm, như đồng muối ở Trinh Tường (Hàm Thuận), Duồng (Hòa Đa) và sau này là Cửa Cạn (Hàm Tân). Nghề

(1) Trong Đại Nam thống nhất chỉ mô tả: "Cả năm chỉ làm được một mùa hên thóc lúa không đầy đủ, cũng bởi tại địa lợi đã bị thiên thời hạn chế vậy".

dân có sự phân hóa. Một bộ phận lao động trở thành công nhân làm trong các công sở, công trường và nhà máy, xí nghiệp của Pháp. Tuy nhiên, lúc bấy giờ các ngành công nghiệp ở Bình Thuận phát triển không nhiều, nên giai cấp công nhân phát triển chậm, giai cấp nông dân vẫn chiếm hơn 90% dân số là lực lượng chính ở Bình Thuận. Với điều kiện xuất thân của giai cấp công nhân, tạo cho mối quan hệ liên minh công- nông ngày càng gắn bó trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, cũng như trong bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước (1).

Vốn là người lao động cần cù, dũng cảm, sáng tạo, vừa chống giặc ngoại xâm, vừa chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt trong quá trình sinh tồn của mình, họ đã có những đức tính chịu thương chịu khó, đoàn kết giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiết kiệm để tạo dựng nên cuộc sống. Từ trong lao động sản xuất, người nông dân Bình Thuận vừa tạo nên giá trị văn hóa mang tính

(1) Dân số Bình Thuận trong hơn 300 năm qua thay đổi theo từng thời gian. Năm 1910 Bình Thuận có khoảng 88.205 người. Năm 1943, dân số Bình Thuận có 145.900; năm 1970 có khoảng 344.833 người (cả Bình Thuận và Bình Tuy); năm 1999 có 1.047.000 người (theo số liệu của Cục Thống kê tỉnh Bình Thuận).

chất kế thừa của dân tộc, vừa sáng tạo nên bản sắc văn hóa địa phương. Bình Thuận có 27 dân tộc anh em, nên tập quán sản xuất, văn hóa các dân tộc có khác nhau, thể hiện tính đa dạng phong phú, đồng thời nó cũng phản ánh trình độ khác nhau giữa các địa phương, các vùng, các dân tộc.

Người nông dân Bình Thuận trước đây với việc sản xuất nông nghiệp chủ yếu là trồng lúa nước, trỉa lúa rẫy. Bên cạnh đó có trồng thêm cây đậu phộng, mè, lang, mì, dưa. mía, trồng bông... Trong kỹ thuật canh tác còn lạc hậu, chủ yếu là quảng canh. Đất tự nhiên còn nhiều, việc phát triển sản xuất phụ thuộc vào khả năng lao động của con người. Tuy nhiên, thiên nhiên có nhiều khắc nghiệt, nắng hạn, lụt lội đã làm cho kết quả sản xuất nông nghiệp thường bị thất bát, khó khăn, ảnh hưởng đến đời sống của người nông dân lao động ⁽¹⁾.

Nghề làm muối phát triển khá sớm, như đồng muối ở Trinh Tường (Hàm Thuận), Duồng (Hòa Đa) và sau này là Cửa Cạn (Hàm Tân). Nghề

(1) Trong Đại Nam thống nhất chí mô tả: "Cả năm chỉ làm được một mùa nên thóc lúa không đầy đủ, cũng bởi tại địa lợi đã bị thiên thời hạn chế vậy".

diêm nghiệp sản xuất tự phát theo lối quảng canh nên năng suất không cao.

Nghề biển phát triển khá sớm và từ đó kéo theo sự phát triển các ngành nghề khác như: muối mắm, phơi cá, đóng thuyền, đan lưới, làm tìn ... Khi Pháp xâm lược Việt Nam và tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất vào cuối thế kỷ 19 và cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai sau chiến tranh thế giới thứ nhất đã làm cho các ngành nghề truyền thống trong sản xuất cũng bị cuốn hút vào guồng máy chung đó và sự bóc lột tư bản chủ nghĩa bắt đầu xâm nhập vào các ngành nghề sản xuất của giai cấp nông dân.

Để thống trị, thực dân Pháp chia nước ta thành Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ. Ở Trung Kỳ chúng duy trì và triệt để khai thác chế độ phong kiến theo công thức "dựa vào nền nếp cũ, trật tự cũ trong xã hội Việt Nam: ở giữa là quan lại, ở dưới là nông thôn có bộ máy hương lý và ở trên là quân chủ". Đối với thực dân Pháp, việc thống trị dân ta là để khai thác và bóc lột. Ngoài bóc lột giai cấp công nhân, chúng coi bóc lột giai cấp nông dân là chính, vì giai cấp nông dân chiếm đại đa số trong dân cư. Bị bóc lột về sức lao động, thuế, nông

dân còn là người tiêu thụ hàng hóa của chúng ... Bên cạnh các loại thuế ruộng đất, muối, ghe thuyền, chợ... giai cấp nông dân cũng như các giai cấp, tầng lớp khác trong tỉnh còn phải chịu một thứ thuế khác đánh vào con người, đó là thuế đinh (còn gọi là thuế thân). Đại đa số nông dân còn nộp một suất sưu (gọi là làm xâu) cho chúng. Cần đắp đường, làm kho tàng, xây dựng dinh thự, nhà tù ... Pháp thông qua bộ máy Nam triều có trát sức cho tổng lý bắt nông dân ở các làng đi làm phu. Khi đã đi làm phu, người nông dân phải chịu mọi sai khiến, đánh đập, chửi mắng của "người có quyền".

Bóc lột sức lao động nông dân theo kiểu thời Trung cổ chưa đủ, chúng còn dùng quyền lực cướp đoạt hàng trăm hecta ruộng bằng những giấy phép khai khẩn đồn điền "độc quyền lãnh thổ" và các bá tước, cố đạo, sĩ quan, viên chức Pháp lần lượt đến Bình Thuận chiếm ruộng của nông dân lập ra những đồn điền rộng lớn. Theo "Đường Cách mệnh" của Nguyễn ái Quốc, tại Phan Thiết từ 1910 - 1930 Tây đồn điền chiếm 13.474 mẫu ruộng đất. Lợi dụng ruộng đất trong vùng bị hạn hán, bọn chủ đồn điền như Cát Xê (Casset) ở vùng cây số 13 - 14 đường quốc lộ I từ Phan Thiết đi Sài Gòn và Lăng Lê (Langlets) ở Đồng

Mới (Hòa Đa) chiếm độc quyền sử dụng nước và bán nước cho dân, thu "tô nước" ...

Năm 1944 phát xít Nhật còn bắt nông dân nhiều nơi như ở Long Hương, Làng Mới (Lương Sơn), Tú Luông, Bình Sum, Kim Bình ... trồng cây thầu dầu làm nguyên liệu phục vụ chiến tranh. Nhiều vùng đất rẫy trước đây trồng mía, mè, dưa, lang, lúa cù mi đỏ, lúa cù mi trắng nay bị thu hẹp diện tích, ai không trồng bị chửi phạt và đánh đập, làm cho đời sống nông dân thêm khó khăn.

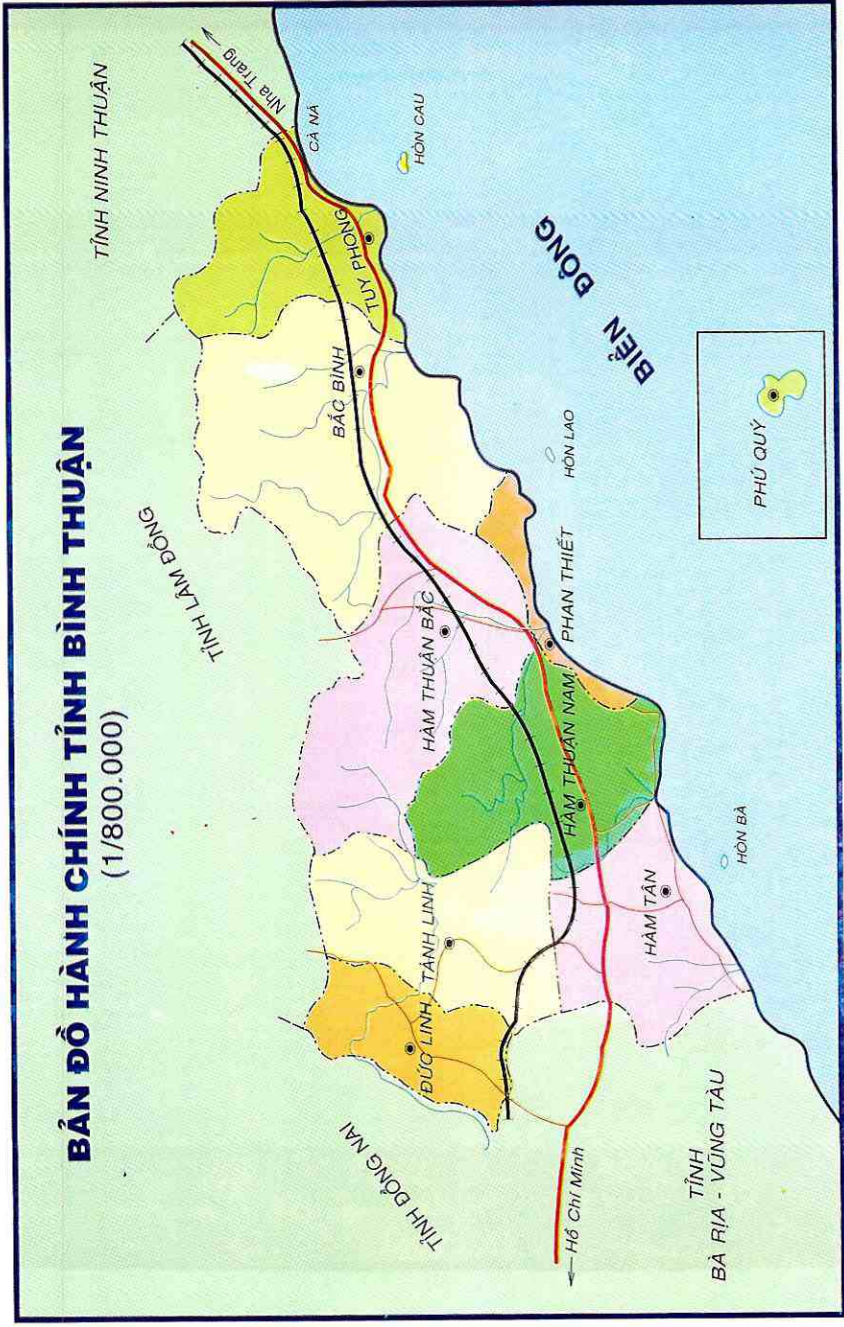
Trước Cách mạng tháng 8/1945, tại Bình Thuận chế độ công điền, công thổ còn phổ biến ở các vùng đồng bằng, những ruộng đất ấy bị bọn hương lý làng xã dùng đầu thầu để bóc lột địa tô của tá điền. Ngoài ra, người nông dân còn bị địa chủ, tư sản, lái buôn bóc lột bằng cách cho vay nặng lãi làm cho người nông dân lao động thiếu tiền trả phải bán lúa non trước cho chủ. Một bộ phận khá đông nông dân có ít ruộng, hoặc không có ruộng sản xuất đã bị bần cùng hơn.

Trong nghề biển, quan hệ sản xuất chủ yếu được hình thành giữa "thợ" và "bạn". Thợ là người làm chủ phương tiện và ứng mọi chi phí đánh

bắt hải sản và thuê mướn "bạn" là tầng lớp ngư dân lao động không có phương tiện hành nghề đem sức và hiểu biết kỹ thuật làm công cho "thợ". Sau mỗi đợt đi biển về ăn chia thợ 7 phần, bạn 3 phần hoặc thợ 6 phần, bạn 4 phần số hải sản đánh bắt được. Trong đánh bắt hải sản do phương tiện và trình độ kỹ thuật còn kém nên sản lượng đánh bắt được không cao, phần của "bạn" ít, tác động khó khăn đến đời sống gia đình họ. Đây là mối quan hệ giữa chủ thuyền và người làm thuê. Ngoài ra ở vùng biển còn có chủ vựa, đầu nậu bóc lột ngư dân làm biển. Họ là những người có tiền cho ngư dân vay nặng lãi, hoặc cho vay tiền trước khi đi đánh bắt, bán cá rẻ cho họ trừ nợ. Những hình thức bóc lột trên đây đã làm cho ngư dân lao động lâm vào cảnh nghèo khó, thất nghiệp.

Những người nông dân làm muối bao đời nay gắn bó với những cánh đồng muối ở Duồng, Trinh Tường ... Tuy không sung túc, nhưng là mặt hàng phục vụ cho cuộc sống con người, với kỹ thuật thủ công, họ vẫn kiếm đủ sống. Khi thực dân Pháp xâm lược, chúng chiếm độc quyền về sản xuất muối, sự bóc lột trong nghề muối nặng nề thêm. Chúng mua của nông dân làm muối với giá 7 xu một thùng (52 kg) và bán ra

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH THUAN
(1/800.000)



150 xu, về sau chúng nâng giá mua 16 xu, nhưng bán ra với giá 250 xu một thùng. Nếu nông dân đưa ra bán ngoài thị trường, chúng cho là muối lậu, có quyền tịch thu. Cách bóc lột này của thực dân Pháp làm cho nhiều chủ ruộng muối không đủ tiền trả công cho người làm. Chính sách độc quyền về muối của thực dân Pháp không những tác động đến người làm muối, người dân tiêu dùng, mà nhà lều muối mắm, muối cá, phơi cá cũng bị ảnh hưởng theo.

Giai cấp nông dân cũng như giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức trong tỉnh đều bị chế độ thực dân phong kiến áp bức một cách nặng nề. Cả tỉnh do một tên công sứ cùng một số sở, ty do người Pháp trực tiếp điều hành bộ máy tay sai tuần vũ ở tỉnh, tri phủ, tri huyện đến hương chức ở làng. Trong các làng địa chủ là người bóc lột trực tiếp nông dân về kinh tế; guồng máy cai trị, áp bức của chúng luôn đè nặng lên nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Mặt khác chúng tìm mọi cách để kích động chia rẽ các dân tộc, tôn giáo để dễ bề cai trị.

Trải qua những năm tháng bị đế quốc, thực dân phong kiến thống trị, nông dân Bình Thuận cũng như nông dân cả nước vẫn luôn đứng lên đấu tranh chống áp bức bóc lột. Các phong trào

chống Pháp do ông Ung Chiếm khởi xướng ở vùng Hàm Thuận, các ông Phùng Hàn, Phùng Tố, Nguyễn Văn Luận (Chí Công), Phạm Đoan (Bình Thạnh) ở phủ Hòa Đa, được nông dân các dân tộc Kinh- Chăm- Thượng tham gia chiến đấu dũng cảm. Lực lượng nghĩa quân đã đánh vào tỉnh đường Bình Thuận lúc đó đóng tại làng Xuân An (nay thuộc Chợ Lầu) làm chủ tình hình. Với khí thế thắng lợi của nghĩa quân, nông dân nhiều nơi tích cực tham gia đánh giặc, tiếp tế...

Các hoạt động của nghĩa quân làm cho quan lại Nam triều hoảng sợ phải vào thành Gia Định cầu cứu Pháp đưa quân ra cứu viện. Thống đốc Nam Kỳ cử tên thiếu tá Đờ-Loóc-Mơ, công sứ Ấy-mô-ni-e và tên tay sai Trần Bá Lộc đưa quân ra Bình Thuận đàn áp phong trào yêu nước. Ngày 3/7/1886, chúng dùng 2 tàu thủy chở quân đổ lên bờ biển Phan Rí tiến đánh chiếm lại thành Bình Thuận. Tiếp đến chúng đánh vào phòng tuyến núi Kênh Kênh do lãnh binh Nguyễn Văn Luận rút về đây chốt giữ chống giặc. Ngày 28/7/1886 chúng tiếp tục tấn công vào Hàm Thuận, Phan Thiết đánh bại các nghĩa quân chống Pháp ở đây. Lần lượt các lãnh tụ của phong trào chống Pháp như Phùng Hàn, Phùng Tố, Nguyễn Văn Luận, Phạm Đoan, Ung Chiếm ... bị chúng bắt, giết

hại. Trong cuộc chiến đấu ấy, nghĩa quân là những chiến sĩ chân đất quen tay cày, tay cuốc nay cầm giáo mác, gậy gộc đánh giặc với nghĩa khí "Bình Tây sát tả", phò vua, cứu nước hưởng ứng hịch Cần Vương, có nhiều người đã ngã xuống trên mảnh đất quê hương. Quân Pháp sợ tinh thần yêu nước của dân ta trở dậy nên các vùng cư dân Phan Rí, Duồng, La Gàn, Long Hương, Hàm Thuận, Phan Thiết và hai làng người Chăm ở thượng lưu Sông Lũy đều bị chúng tàn sát, giết hại nhằm ngăn chặn phong trào.

Mặc dù Bình Thuận là vùng đất do Nam triều quản lý, nhưng để cai trị các vùng ở Bắc Bình Thuận, năm 1887 Pháp đặt cơ quan Đại Lý tại phủ Hòa Đa quản lý toàn bộ kinh tế - xã hội vùng này và có 1 trung đội lính khố xanh bảo vệ.

Bước vào thế kỷ 20, khi tiếng súng Cần Vương vừa chấm dứt, phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản cũng diễn ra ở Bình Thuận. Năm 1905 các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp đến Phan Thiết gặp 2 người con của cụ Nguyễn Thông và những người yêu nước khác bàn tính nhằm "chấn hưng kinh tế, nâng cao dân trí, hậu dân sinh". Vì vậy,

từ năm 1906 đến năm 1908 Liên Thành Thương quán (Công ty Liên Thành sau này), Liên Thành thư xã, Dục Thanh học hiệu (Di tích trường Dục Thanh ngày nay) được thành lập tại Phan Thiết. Trường Dục Thanh học hiệu còn là nơi anh thanh niên Nguyễn Tất Thành (sau này là Hồ Chủ tịch) trong năm 1910 dừng chân dạy học trước khi đi tìm con đường cứu nước cho dân tộc. Lúc bấy giờ phong trào hoạt động của Liên Thành thư xã rất sôi động với những buổi diễn thuyết và bình giảng các sách có xu hướng dân chủ tại đình làng Phú Tài, Duồng... có tác động đến người nông dân.

Năm 1908, nông dân các tỉnh miền Trung chống thuế, nhân dân Phan Thiết hưởng ứng bắt trói một số viên quan lại, chúng điều binh lính đến đàn áp. Vào năm 1909, khi tên toàn quyền Đông Dương đi qua Bình Thuận, nhân dân đón đường đưa yêu sách đòi bỏ sưu, giảm thuế và đòi Sở đoan chấm dứt gian lận khi mua bán muối cho dân.

Phong trào Cần Vương và Duy Tân đã chấm dứt một giai đoạn lịch sử ở nước ta, cũng như ở Bình Thuận con đường giải phóng dân tộc đang bị bế tắc, chưa có lối thoát.



*Công ty Liên Thành - nơi sản xuất nước mắm
của phong trào Duy Tân (số 3 Duy Tân, thành phố Phan Thiết).*

CHƯƠNG II:

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, NÔNG DÂN BÌNH THUẬN GÓP PHẦN GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG 8 NĂM 1945 (1930-1945)

I- DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NÔNG DÂN BÌNH THUẬN ĐẤU TRANH ĐÒI QUYỀN LỢI DÂN SINH DÂN CHỦ:

Trước yêu cầu bức thiết của dân tộc, ngày 3/2/1930 Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập để lãnh đạo nhân dân ta đánh đổ thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai, giành độc lập tự do cho dân tộc, tiến lên xây dựng CNXH. Sau đó tổ chức Đảng lần lượt được hình thành tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Tại Bình Thuận, vào đầu năm 1930, Dương Chức- một đảng viên cộng sản từ Khánh Hòa đến xây dựng cơ sở, phát triển đảng viên ở làng Đại Nấm, Phú Hội thuộc phủ Hàm Thuận. Sau một thời gian tuyên truyền các đồng chí Ngô Đức

Tốn (người Hà Tĩnh vào dạy học ở làng Tam Tân, Hàm Tân), Nguyễn Ty (nông dân), Phan Xích (làm ở đề pô xe lửa Mương Mán) được kết nạp vào Đảng. Theo hướng dẫn của Dương Chương, Giáo Tốn (Ngô Đức Tốn) đã tập hợp số thanh niên, nông dân, ngư dân, công chức trong làng Tam Tân, nơi anh dạy học lập thành một tổ chức "Phản đế đồng minh hội", do đồng chí làm tổ trưởng. Từ những hạt nhân của "Phản đế đồng minh hội", đến cuối năm 1930, chi bộ Tam Tân hình thành có 7 đảng viên do đồng chí Tốn làm bí thư⁽¹⁾. Tổ chức Phản đế đồng minh hội đến đầu năm 1931 có tới 30 người.

Vào mùa hè năm 1930, đồng chí Hồ Quang Cảnh một đảng viên từ Sài Gòn về dạy học ở Rạng đã lập nhóm cách mạng có 6 người là thầy giáo, thợ may, nông dân ở làng Rạng (Thiện Khánh- Hàm Thuận).

Cuối năm 1930, một cán bộ xứ ủy Nam Kỳ ra Phan Thiết ở tại nhà số 6 - Hàn Thuyên - Phan Thiết tiếp tục chỉ đạo, xây dựng phong trào cách mạng ở Bình Thuận. Do hoạt động bí mật

(1) Mùa hè năm 1931, đồng chí Tốn bị bệnh qua đời, ông Lê Thanh Lư thay làm bí thư cho đến tháng 8/1931.

nên mọi người không biết tên thật, chỉ gọi đồng chí là "anh Nghệ"⁽¹⁾. Đồng chí Nghệ thường lui tới vùng Tuy Hòa bắt liên lạc với đồng chí Nguyễn Thắng quê ở Quảng Ngãi vào đây sinh sống bàn thành lập các tổ chức nông hội và kết nạp đồng chí vào Đảng. Tháng 2/1931 tổ nông hội làng Tuy Hòa (xã Hàm Đức ngày nay) được thành lập có các hội viên: Nguyễn Thắng, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Đức Thắng, Phan Cao Đăng (xã Đăng) do Nguyễn Thắng làm tổ trưởng. Sau đó đồng chí Nguyễn Thắng xây dựng tổ nông hội thứ hai gồm các hội viên: Nguyễn Tương, Trần Hoàn đều là thợ may làng Bình An; Nguyễn Xuân Thi (Mười Rây), Nguyễn Quế, Ngô Mân, Ngô Thí ở làng Bình Lâm và Hồng Ngọc Hải (Hai Hiến), Hồng Ngọc Quang (Ba Tiểu) nông dân làng Kim Ngọc. Đến tháng 5/1931, tổ nông hội được xây dựng nhiều nơi ở phủ Hàm Thuận, tổ nông hội làng Kim Ngọc (có các anh Tiểu Nghi, Nguyễn Cường...), tổ nông hội các làng Long Thạnh, Mỹ Thạnh, Ninh Thuận, Phú Trường. Riêng tổ nông hội Tuy Hòa phát triển thêm hội viên như Nguyễn Thị Ngôn (vợ đồng chí Tú), Nguyễn Thị Bốn, Tư Quán (vợ đồng chí Thắng), Phạm Thị Đôn

(1) Có một số ý kiến đồng chí "Nghệ" là Ngô Đức Kinh.

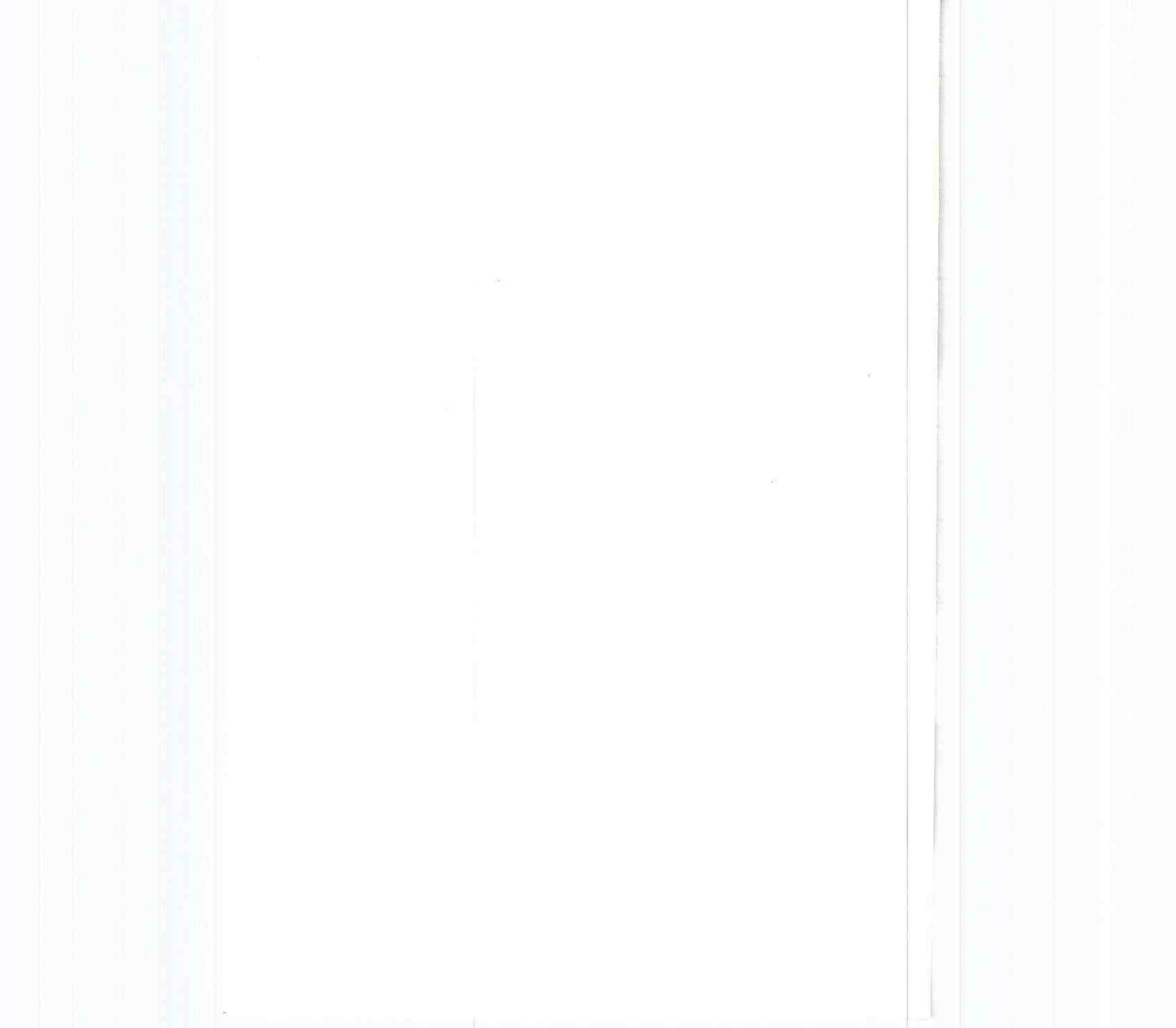
con ông Xã Đăng ... Sau đó các anh Nguyễn Gia Tú và Nguyễn Tương được kết nạp vào Đảng trong năm 1931. Khi trở thành đảng viên, đồng chí Nguyễn Gia Tú được đồng chí Nghệ phân công tổ chức in tài liệu cho cách mạng như "báo Nhân đạo", tài liệu tuyên truyền ...

Trong thời gian từ giữa năm 1930 đến giữa năm 1931, các nhóm Phản đế Đồng minh hội ở Tam Tân, nhóm cách mạng ở Rạng, tổ chức nông hội ở Hàm Thuận được hình thành đánh dấu bước đầu tổ chức Nông hội Bình Thuận được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Người đảng viên đầu tiên phụ trách tổ chức nông hội là đồng chí Nguyễn Thắng.

Để chuẩn bị cho cuộc đấu tranh nhân ngày thế giới chống chiến tranh đế quốc (ngày 01 tháng 8) trong năm 1931, cơ sở in ấn của đồng chí Tú bí mật in truyền đơn và sau đó chị Tư Quán, Nguyễn Thị Ngôn dấu truyền đơn trong gánh gạo chuyển đến các cơ sở đã định. Tổ nông hội ghép Bình An - Bình Lâm - Kim Ngọc được phân công viết khẩu hiệu. Đảng viên, quần chúng cách mạng vùng Phan Thiết, Hàm Thuận đã chuẩn bị cho cuộc đấu tranh bằng cách rải truyền đơn, treo băng, cờ. Riêng chi bộ và quần chúng Tam Tân



Đồng chí Nguyễn Thắng
Tổ trưởng tổ nông hội năm 1931.



cử người ra Phan Thiết nhận truyền đơn, biểu ngữ, do trời mưa to, nước sông lớn không về kịp.

Đêm 14 rạng ngày 15/8/1931 các đảng viên, quần chúng đồng loạt hành động trong một đêm trời đầy giông bão. Truyền đơn, biểu ngữ được rải theo các tuyến thị xã Phan Thiết đến các làng Đại Nấm, Phú Hội, Rạng, Mũi Né; các làng Tuy Hòa, Dân Thạnh, Vĩnh Hòa, Long Thạnh và các làng Bình An, Bình Lâm, An Phú, Ma Lâm. Trên các cây cổ thụ như cây me gần ga Ma Lâm, cây lim đầu làng Dân Thạnh và cả trụ đèn trước cổng lính khố xanh Phan Thiết, nóc tôn gác đình làng Khánh Thiện ... đều có cờ đỏ tung bay.

Sáng ngày 15/8, lý hương các làng hoảng hốt, nổi trống mỗ liên hồi báo động về hoạt động của cộng sản. Tiếng trống, tiếng mỗ các làng tạo ra âm thanh vang rộng cả một vùng, càng làm cho nhân dân thấy thế cách mạng mạnh mẽ, rộng khắp nhiều nơi. Trước khí thế đó, kẻ thù càng hoang mang dao động. Khi biết tin cộng sản hoạt động, tên công sứ Pháp ở Bình Thuận điện báo cho Sở Mật thám Trung Kỳ ở Huế. Ở Huế điện báo cho Sở Mật thám các nơi biết tình hình: "Tối thứ sáu rạng ngày thứ bảy, nhiều truyền đơn cộng sản đã rải trong các làng kế cận thị xã, trên đường quốc lộ đi Phan Rí và tỉnh lộ đi

Đà Lạt, trong vùng Mũi Né và cả trong vùng thành phố một số cờ đỏ được treo trên các bờ đậu và cây cao, ngay trong đêm giông tố rất tối trời", và tên công sứ cũng đã hứa với cấp trên "cuộc điều tra đang được tiến hành một cách kiên quyết"⁽¹⁾.

Ngô Đình Diệm làm quản đạo Ninh Thuận, do có công đàn áp cộng sản ở Ninh Thuận năm 1930, được thăng chức tuần vũ Bình Thuận lại ra tay đàn áp phong trào yêu nước ở Bình Thuận. Y ra lệnh cho tri phủ, tri huyện và tri phủ, tri huyện ra lệnh cho chánh tổng, lý hương các làng cùng với mật thám, lính lệ, cai tuần sục vào các làng nghi vấn ai là bắt không cần chứng cứ. Hai ba làng chúng lập một "trường tra", tập trung những người bị bắt tra khảo tìm cho ra cộng sản. Bằng cách khảo tra, dụ dỗ chúng đã phanh phui ra đầu mối. Gia đình đồng chí Nguyễn Thắng, Nguyễn Gia Tú... (làng Tuy Hòa); Nguyễn Tương, Trần Hoàn... (làng Bình An, Kim Ngọc), cùng với các ông giáo Đến làng Long Thạnh, giáo Phú ở Phú Long, cùng một số nông dân các làng Bình An, Bình Lâm, Kim Ngọc ... đều bị địch bắt. Tại Đại Năm, Phú Hội các đảng viên Nguyễn

(1) Điện số 175 ngày 15/8/1931 của Công sứ Phan Thiết - Lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng.

Ty, Phan Xích; các đảng viên Lê Thanh Lữ, Lê Chạy, Nguyễn Hữu Lợi ... chi bộ Tam Tân cũng bị chúng truy bắt. Đồng chí Hồ Quang Cảnh cũng bị địch bắt tại nhà ở số 6 - Hàn Thuyên - Phan Thiết, riêng đồng chí Nghệ thoát được vào Sài Gòn.

Qua các lần khảo tra, gạn lọc ở các trường tra, phiên tòa Nam triều tháng 12/1931 kết án 36 người, trong đó có nhiều hội viên nông hội. Các đồng chí Nguyễn Gia Tú, Trần Hoàn, Nguyễn Ty ... bị kết án 3 năm tù giam tại Phan Thiết, đồng chí Phan Xích cùng một số người khác bị giam 2 năm tù. Các đồng chí Nguyễn Tương, Hồ Quang Cảnh, Nguyễn Thắng bị đưa đi nhà đày Buôn Ma Thuột, số đảng viên, quần chúng còn lại bị giam giữ gần 1 năm.

Bắt được nhiều đảng viên, phá được nhiều cơ sở cách mạng trong các làng ở Bình Thuận, bọn thống trị cố giữ vững quyền cai trị để bóc lột nhân dân ta. Phong trào cách mạng tuy bị tổn thất, nhưng đây là mồi đánh dấu sự ra đời và lớn mạnh của một tổ chức yêu nước chân chính được giai cấp nông dân Bình Thuận và nông dân cả nước đi theo nhằm mục đích giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp.

Từ cuối năm 1933, kẻ thù thả một số đảng viên và quần chúng trong các tổ chức nông hội ở Bình Thuận. Đầu năm 1934, đồng chí Nguyễn Gia Tú sau khi ra tù với bộ đồ cắt tóc và lý do kiếm sống, đi nhiều nơi ở Hàm Thuận, Hàm Tân móc nối xây dựng lại phong trào, đã tuyên truyền Phan Lợi (em đồng chí Phan Xích) ở Đại Nấm, Lâm Đình Trúc ở Phú Mỹ tham gia hoạt động cách mạng ... và tập hợp lực lượng thông qua các hình thức đội banh, mua sách báo tiến bộ để đọc. Trong khi đó, đồng chí Nguyễn Tương mới từ nhà đày Buôn Ma Thuật trở về từ năm 1935, do bệnh tật chưa hoạt động được nhiều.

Tháng 7/1936 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương nhận định "Cách mạng Đông Dương chưa thể trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp và làm cách mạng ruộng đất, mà chỉ đấu tranh chống phát xít và chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo hòa bình"⁽¹⁾. Với cơ sở và phong trào cách mạng được khôi phục dần trong những năm 1934, 1935 và từng bước tiếp thu được phương hướng hoạt động mới, đồng

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập I - trang 369, NXB Sự Thật - Hà Nội 1976.

chí Nguyễn Gia Tú đã tập hợp một số cơ sở nòng cốt như Lâm Đình Trúc, Phan Lợi và ông Tống Ngọc Cang một nhà yêu nước làm nghề kinh doanh nước mắm lãnh đạo quần chúng đấu tranh với địch vì mục đích dân sinh, dân chủ theo chủ trương của Đảng.

Trong các cuộc đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ nổ ra trong tỉnh, nông dân là lực lượng tham gia khá đông đảo. Cuộc bãi thị được tổ chức vào dịp tết Thanh Minh tháng 4/1937. Ban vận động được thành lập gồm những đảng viên và cốt cán như Nguyễn Gia Tú, Phan Lợi, Lâm Đình Trúc, Tống Ngọc Cang ... Đối tượng vận động được xác định cụ thể, tạo nên sự phối hợp rộng rãi. Ban vận động bí mật phổ biến cho nhân dân trong phố dự trữ sẵn lương thực, thực phẩm; ngư dân không đem cá vào bán ở chợ Phan Thiết; Các hiệu buôn đóng cửa, xe ngựa chở khách các tuyến vào thị xã ngưng hoạt động, nông dân trong vùng không đưa nông sản, hàng hóa vào bán trong thị xã... Cuộc đấu tranh diễn ra trong 3 ngày liền, chợ Phan Thiết và phố xá vắng lặng ... Tên công sứ Bình Thuận cuối cùng phải thông báo chủ thầu chỉ thu thuế chợ một lần, mức thuế hạ và cò (cảnh sát) không được phạt vạ vô cớ. Thắng lợi vang dội

càng làm tăng thêm sức mạnh đoàn kết các tầng lớp nhân dân, trong đó có nông dân. Đồng thời họ tin vào sự lãnh đạo của Đảng.

Qua thử thách thực tiễn phong trào, đồng chí Nguyễn Gia Tú đã tuyên truyền tôn chỉ, mục đích về Đảng cho Lâm Đình Trúc và Phan Lợi. Trong khi chưa bắt được liên lạc với tổ chức Đảng cấp trên, nhưng trước sự đòi hỏi của phong trào đấu tranh cách mạng ngày một sôi nổi và mở rộng cần có một tổ chức Đảng lãnh đạo, đồng chí Nguyễn Gia Tú đã nhân danh một đảng viên tuyên bố kết nạp Lâm Đình Trúc, Phan Lợi vào Đảng Cộng sản và lập thành một tổ Đảng, do đồng chí Tú làm tổ trưởng.

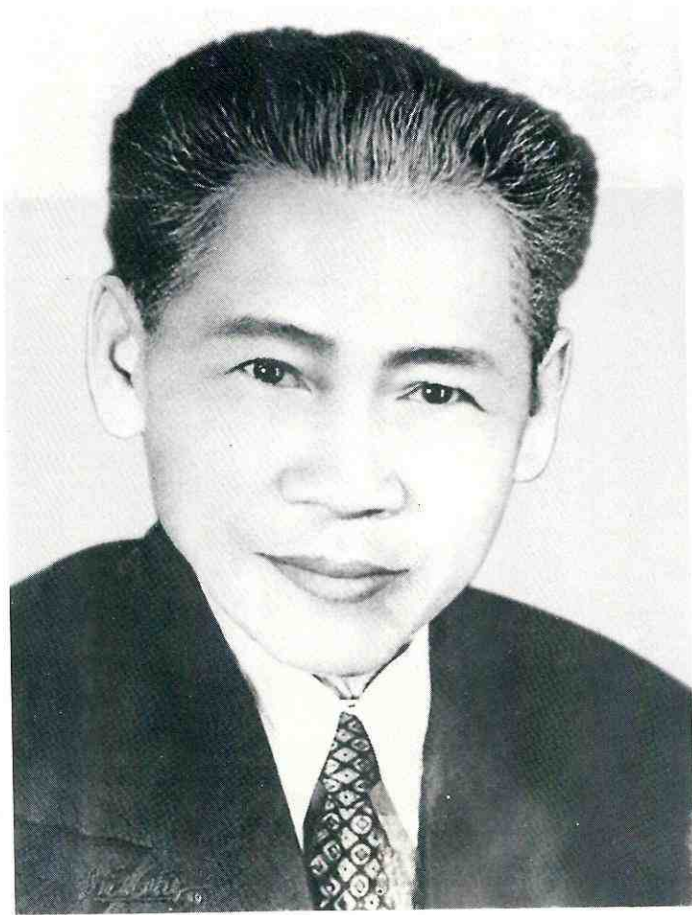
Bước sang năm 1938, nông dân vùng Hàm Thuận đấu tranh quyết liệt với tên chủ đồn điền người Pháp là Cát - Xê (Casset). Nguyên từ xưa, trên địa bàn Phú Sung (xã Hàm Kiệm) đã có đập Đồng Đế do nhân dân ở đây tự góp công, góp sức đắp nên để cung cấp nước trong vùng. Nhưng từ năm 1914, tên Cát - Xê đến mở đồn điền ở vùng Phú Sung đã chiếm đập nước này của nông dân và độc quyền khai thác nước, bắt dân địa phương làm ruộng phải nộp "tô nước" theo diện tích cày cấy. Đến năm 1938, vào dịp làm vụ mùa của nhân dân trong vùng, Cát- xê ra

lệnh không bán nước hòng để ép nông dân làm ruộng phải nộp tô nước với mức cao hơn. Trước sự tích tụ lòng căm phẫn đối với tên chủ đồn điền này, Lâm Đình Trúc được phân công đến gặp Ngô Văn Thố (Ba Thố), Ngô Xuân Duyên là nông dân trong vùng đi vận động dân đấu tranh. Sau tết nguyên đán mấy ngày, hơn 200 nông dân trong vùng vác cuốc, xẻng kéo đến gặp tên chủ đập Đồng Đế. Khi được người coi đập báo cáo yêu sách của nông dân không được ngăn nước, tên Cát - Xê sợ, không dám ra gặp dân, yêu sách không được giải quyết, nông dân đã phá đập ngăn nước làm cho tên chủ đồn điền phải chạy về Phan Thiết cầu cứu bọn cầm quyền, nhưng tên công sứ vẫn làm ngơ.

Tiếng đồn nông dân Hàm Thuận phá đập Đồng Đế của chủ Pháp vang đi nhiều nơi trong tỉnh. Nông dân người Kinh, người Chăm ở huyện Phan Lý và phủ Hòa Đa cũng bàn tán đến "tô nước" ở đập Lãng-lê (Langlet). Trong nhiều năm qua, tên Lãng-lê chiếm đập Đồng Mới trên sông Lũy, độc quyền thu tô nước với giá cắt cổ, Lâm Đình Trúc được phân công ra gặp cơ sở cốt cán vận động nông dân người Chăm, người Kinh ở vùng này làm đơn kiện tên Lãng-lê đòi giảm tô nước. Nhận được đơn của nông dân, tên công sứ

Bình Thuận sợ xảy ra vụ phá đập nước nữa, đã vội vã ra lệnh cho tri huyện Phan Lý đứng ra dàn xếp và buộc tên Lãng-lê phải giảm mức tô nước cho nông dân địa phương.

Thắng lợi của 2 cuộc đấu tranh đã gây tiếng vang trong nhân dân, nông dân vùng Phong Điền, Hiệp Nghĩa (Hàm Tân) tổ chức chống tên địa chủ Trần Huỳnh Kỳ (Thông Kỳ). Tên địa chủ Thông Kỳ đã dùng thủ đoạn cho nông dân vay nặng lãi để đi khai khẩn ruộng, chỉ 3 năm sau nợ lãi quá cao, người nông dân không có tiền trả nợ phải gán ruộng, nên y đã chiếm hàng trăm ha đất sản xuất của nông dân trong vùng. Bị mất ruộng, nông dân phải thuê ruộng làm, nộp tô cho địa chủ. Trên các cánh đồng cây Trôm Lớn, cây Trôm Nhỏ, Đất Sét, Cầu Ván, Phán Đặng, Mả Vôi, Ruộng Xoài (làng Phong Điền), Bầu Dòi, Sưởi Tre, Bà Cứng... (làng Hiệp Nghĩa) đã trở thành đất của Thông Kỳ, nên nông dân rất căm thù tên địa chủ gian ác này. Để đòi Thông Kỳ giảm tô, xã Lư (Lê Thanh Lư) ra Phan Thiết tìm gặp đồng chí Nguyễn Gia Tú là người quen biết trước đây hướng dẫn, từ đó các ông Lê Chạy, Nguyễn Hữu Lợi cùng đi vận động bà con nông dân Phong Điền, Hiệp Nghĩa đấu tranh đòi Thông Kỳ giảm tô. Mục tiêu đấu tranh, đòi tên Thông



Đồng chí Nguyễn Gia Tú
Tổ trưởng tổ nông hội năm 1931.

Kỳ giảm tô từ mức 40% xuống còn 30%, nếu Y không chấp nhận thì vận động bà con đồng loạt trả ruộng, góp sức cùng nhau khai khẩn đất mới trồng cây màu sống tạm. Cuộc đấu tranh đã diễn ra vào giữa năm 1938, nông dân 2 làng không ra đồng làm việc, các ông Hương Tích, Kiểm Mùi ... đại diện của nông dân đến đấu lý với Thông Kỳ. Trước tình hình nông dân không đi làm ruộng hàng chục ngày liền và với xu thế chung trong tỉnh, Trần Huỳnh Kỳ phải chấp nhận giảm tô theo yêu sách của nông dân. Đây là cuộc đấu tranh thắng lợi đầu tiên của nông dân Hàm Tân.

Cùng với đấu tranh giảm tô, cuộc vận động giảm thuế cũng được tiến hành ở Hàm Tân, Hàm Thuận, Hòa Đa. Các đồng chí Tú, Trúc, Lợi phân công nhau đi liên hệ với cơ sở các nơi. Đồng chí Tú đi gặp các ông xã Lư, Lê Chạy, Nguyễn Hữu Lợi ... (ở Tam Tân), các ông Nguyễn Ngọc Thọ (làng Phú Long), Nguyễn Chánh Nghị (làng Kim Ngọc) ... Đồng chí Lâm Đình Trúc ra Hòa Đa, Tuy Phong liên lạc với ông Hồ Hữu Ý. Đồng chí Phan Lợi đi Tánh Linh liên lạc với các anh Đại (Tự - là nông dân có ruộng), Giáp (là thợ may) để vận động nhân dân làm kiến nghị đòi giảm thuế.

Tháng 7/1938, tại Văn phòng của ông Huỳnh Văn Dậu - dân biểu của nghị viện Trung Kỳ đóng tại Phan Thiết liên tiếp có nhiều đại diện của nhân dân đưa kiến nghị đòi giảm sưu, giảm thuế. Tháng 9/1938, do sức ép của phong trào quần chúng và báo chí công khai của Đảng ta, cũng như báo chí tiến bộ khác, Viện dân biểu Trung Kỳ đã bác bỏ dự án tăng thuế của chính quyền thực dân.

Sau khóa họp Viện dân biểu lần này, đồng chí Phan Thanh là người của Đảng cùng với Huỳnh Văn Dậu tổ chức cuộc diễn thuyết tại rạp hát "Bà Đầm"(rạp hát Măng Non ngày nay). Cũng tại buổi diễn thuyết này, ông Phan Thanh thay mặt Trung ương Hội truyền bá quốc ngữ kêu gọi thành lập hội tại Phan Thiết. Từ đấy, phong trào truyền bá quốc ngữ đã lan đến các huyện trong tỉnh. Việc truyền bá quốc ngữ được ta đánh giá cao "những trường học văn hóa rất rộng lớn và cũng là tiếng học yêu nước, yêu dân"⁽¹⁾. Cùng với Hội truyền bá quốc ngữ, các Hội tương tế, Hội ái Hữu được thành lập.

Các Hội ái hữu ở Phan Thiết được thành lập theo từng ngành nghề như thợ mộc, thợ hồ,

(1) Những sự kiện Lịch sử Đảng -NXB Sự Thật -tập I, trang 446.

thợ may ... Ở Hàm Thuận thành lập các tổ nông hội hoặc tổ tương tế ở các làng Đại Năm, Kim Ngọc, An Phú, Mỹ Thạnh, Phú Bình ... Các tổ nông hội đông nhất có 15 người, ít nhất cũng từ 5 đến 7 nông dân. Đây là những tổ chức phù hợp với chủ trương của Đảng đề ra từ tháng 3/1937: "Hình thức tổ chức chính của nông dân là nông hội, Đảng không chủ trương tổ chức nông hội đỏ ... có thể tùy sáng kiến của họ và của quần chúng mà lập ra những hội khác lấy tên là ái hữu, tương tế, hợp tác xã ..." ⁽¹⁾.

I-PHONG TRÀO NÔNG DÂN TRONG CUỘC TỔNG KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN VỀ TAY NHÂN DÂN:

Tháng 9/1939, chiến tranh thế giới lần thứ II bùng nổ, chính phủ phản động Pháp ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản, đàn áp phong trào cách mạng trong nước và thuộc địa. Ở Việt Nam nói chung, ở Trung Kỳ nói riêng địch đã truy lùng bắt bớ nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng ở Xứ ủy và các tỉnh.

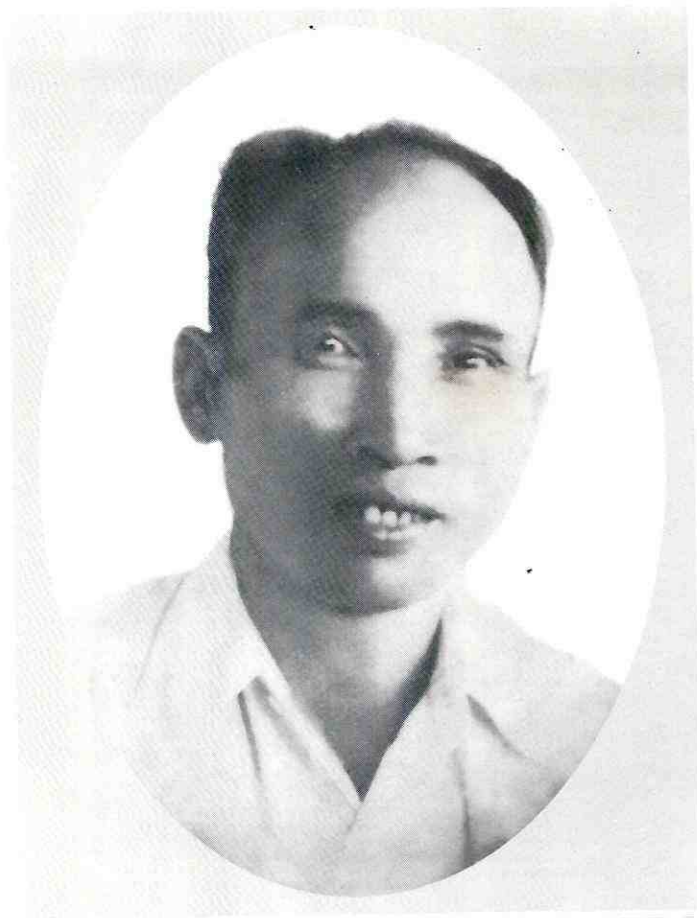
Trong tình hình ấy, địch ở Bình Thuận cũng ra sức đàn áp phong trào cách mạng trong tỉnh.

(1) Văn kiện Đảng 1930 - 1945, tập II, trang 202.

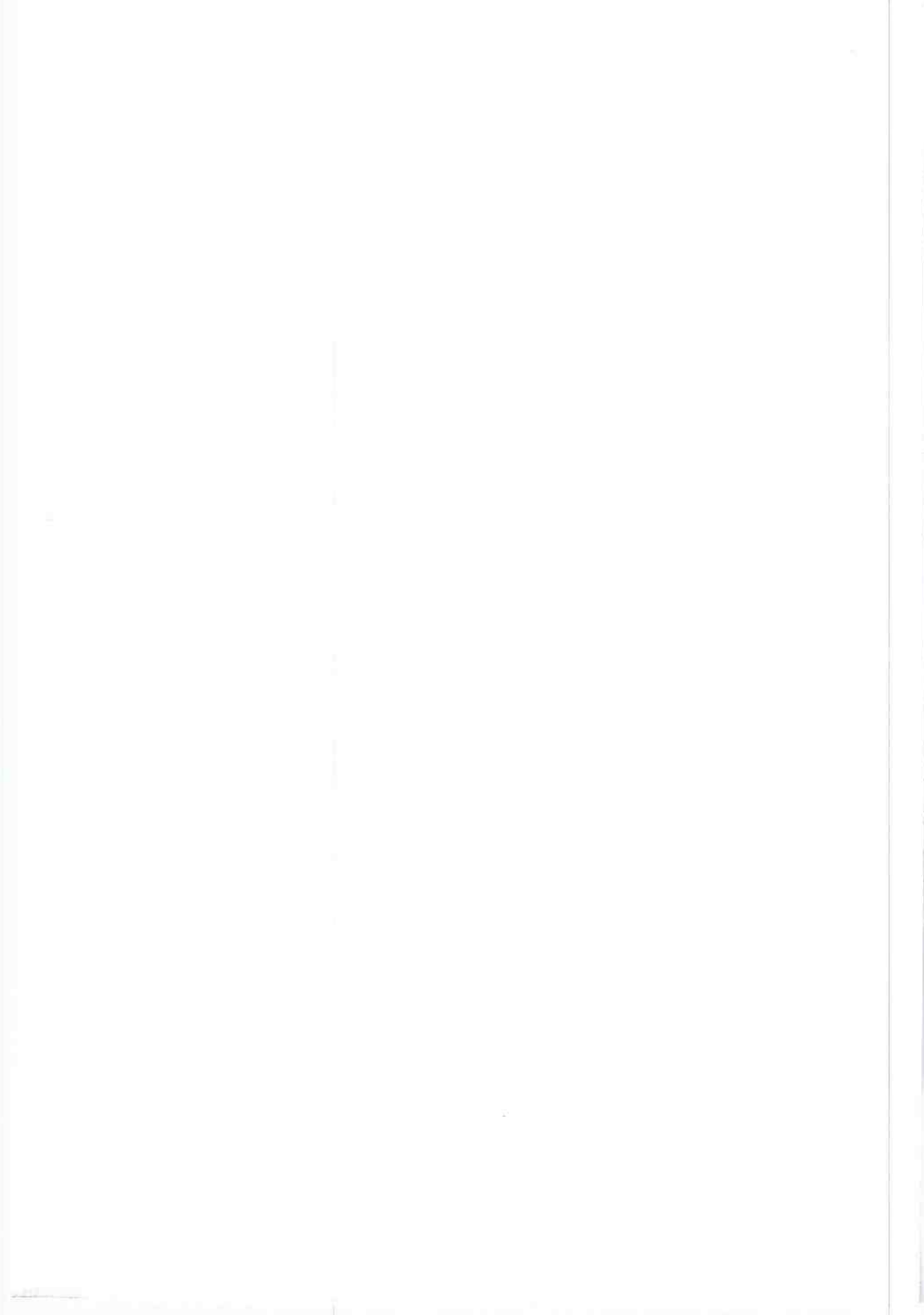
Năm 1941, các đồng chí Lâm Đình Trúc, Phan Lợi, Nguyễn Tương, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Thắng cùng các quần chúng khác như Trần Hoàn... lần lượt bị địch bắt; Nguyễn Tương, Phan Lợi, Trần Hoàn bị địch đày ở nhà đày Buôn Ma Thuột, Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Thắng bị đưa đi đày ở Ly Hy (Thừa Thiên - Huế). Còn Lâm Đình Trúc đã tránh lánh nhưng cũng bị địch bắt giam giữ ở Củng Sơn - Phú Yên và hy sinh tại đây.

Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp và chiếm hoàn toàn Đông Dương. Để thực hiện chính sách mị dân "Người Châu á của người Châu á", Nhật thả chính trị phạm ở Việt Nam, nhiều đảng viên trở về các tỉnh làm nòng cốt cho phong trào khởi nghĩa giành chính quyền.

Tại Bình Thuận, từ tháng 10/1943 các đồng chí Phan Lợi, Trần Hoàn và đến tháng 4/1945 các đồng chí Nguyễn Tương cùng các đồng chí Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Chúc, Thái Hựu, Nguyễn Nhơn quê ở nơi khác từ nhà đày Buôn Ma Thuột trở về Bình Thuận. Cũng trong tháng 4/1945 đồng chí Nguyễn Gia Tú, Nguyễn Thắng, từ trại tập trung Ly Hy trở về. Đến tháng 5 và tháng 7/1945 các đồng chí Cổ Văn An, Nguyễn Đức Dương, Đặng Soa cũng quê ở tỉnh khác từ nhà đày Buôn Ma Thuột về Bình Thuận hoạt



*Đồng chí Nguyễn Tương
Tổ trưởng tổ nông hội năm 1931.*



động. Tháng 6/1945 hình thành Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách. Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh phân công nhau phụ trách các huyện Hàm Thuận, Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Thiết và các ngành (chủ yếu công nhân xe lửa).

Các đồng chí ở nhà đày Buôn Ma Thuật trở về bắt liên lạc với chị Tư Quán (Nguyễn Thị Quán) một người nông dân ở làng Tuy Hòa, chồng là đồng chí Nguyễn Thắng một đảng viên lớp đầu tiên ở Bình Thuận. Đồng chí Nguyễn Thắng cũng mới từ nhà đày Ly Hy trở về quê, khi các đồng chí đến, đồng chí Nguyễn Thắng đã ra Quảng Nam. Vì vậy, chị Tư Quán tiếp đón, lo nơi ăn chốn ở cho các đồng chí. Là một nông dân vùng đất Tuy Hòa lúc bấy giờ cũng như bao vùng quê khác bị địch bóc lột, bị chèn ép không được tự do. Chị đã cùng chồng sớm tham gia cách mạng trong năm 1930. Sau đợt khủng bố tháng 8/1931, chồng bị đày đi Buôn Ma Thuật, chị bị giam ở nhà lao (Pagốt) Phan Thiết 2 năm. Năm 1933 ra tù chị về lại quê hương, dù phong trào cách mạng không còn, chị vẫn tin tưởng đợi chờ. Năm 1935 đồng chí Thắng ra tù, như được tiếp thêm sức mạnh, chị lại hoạt động tại quê do đồng chí Nguyễn Gia Tú móc nối. Năm 1941, chồng chị cùng các đồng chí Tú, Tương ... lại bị địch bắt,

bị tù đầy, chị vẫn một mực tin vào cách mạng. Nên tháng 4/1945 dù không có chồng ở nhà, các đồng chí Nguyễn Tương, Nguyễn Sắc Kim ... từ nhà đầy Buôn Ma Thuột về móc nối, chị tiếp tục làm nhiệm vụ của mình là nơi liên lạc, tiếp tế, nuôi giấu cán bộ cách mạng. Tuy trình độ nhận thức cách mạng còn hạn chế, nhưng về nhiệm vụ đánh Pháp, đuổi Nhật chị tích cực ủng hộ và tham gia các công việc được giao.

Tiếp theo, các vùng Hàm Thuận, Phan Thiết, Hòa Đa, Tuy Phong, cơ sở cách mạng được móc nối xây dựng, nhiều nông dân hăng hái tham gia Việt Minh, các đội tự vệ, cơ sở vũ trang ban đầu trong tỉnh. ở thị xã Phan Thiết, từ tháng 5 đến tháng 8/1945 ta xây dựng được hàng trăm cốt cán, trong đó có 10 cơ sở trong lính bảo an.

Khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, ngày 24/8/1945 Tòa tỉnh trưởng ngụy, tay sai của Nhật đã giao chính quyền cho ta. Ngày 25/8/1945 hàng ngàn nhân dân thị xã, nông dân vùng Hàm Thuận tập trung về sân vận động Phan Thiết làm lễ mít tinh mừng thắng lợi. Tiếp sau đó, lãnh đạo các huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý, Hàm Tân, Tánh Linh lần lượt huy động quần chúng cách mạng, phần đông là nông dân tham gia giành chính quyền ở cấp phủ, huyện và xã.

Ngay ngày 25/8/1945, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh được thành lập, do đ/c Nguyễn Nhơn làm chủ tịch. Tháng 9/1945 Mặt trận Việt Minh chính thức được thành lập do đ/c Nguyễn Tường làm chủ nhiệm, đồng chí Phan Lợi (Tư Minh) làm phó chủ nhiệm. Cùng với thành lập Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc Nông dân, Công nhân, Phụ nữ, Thanh niên lần lượt được hình thành từ tỉnh đến các thôn, xã.

Như vậy, từ năm 1930 đến cách mạng tháng 8/1945 thành công, nhân dân Bình Thuận trải qua chặng đường 15 năm đấu tranh đã giành thắng lợi, cùng cả nước đánh đổ chế độ phong kiến thực dân, phát xít giành chính quyền về tay nhân dân. Trong 15 năm ấy, tổ chức Đảng Cộng sản trong tỉnh nhiều lúc bị địch đánh phá, nhiều đảng viên bị địch bắt nên sự lãnh đạo của Đảng không được duy trì thường xuyên, song giai cấp nông dân vẫn tin tưởng đi theo Đảng làm cách mạng. Họ vừa ủng hộ, nuôi giấu cán bộ, vừa tham gia cách mạng, nhiều người trong họ đã trở thành đảng viên. Qua cuộc đấu tranh sinh tử này đã gắn giai cấp công nhân với giai cấp nông dân thành một liên minh chống giặc ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là tiền đề liên minh trong suốt cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và xây dựng CNXH hiện nay. Qua đó cho thấy

giai cấp nông dân muốn giành thắng lợi, giải phóng cho giai cấp mình thì chỉ có đi theo con đường của Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo.

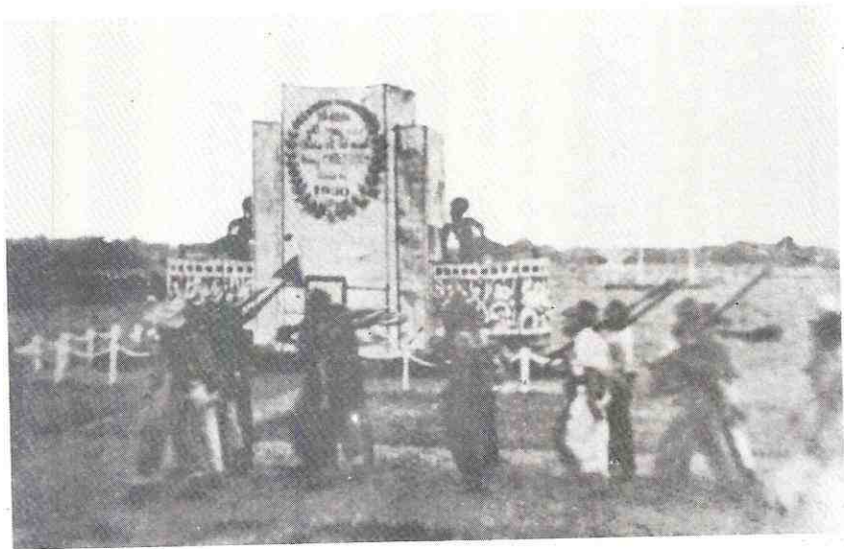
CHƯƠNG III

GIAI CẤP NÔNG DÂN BÌNH THUẬN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I - PHONG TRÀO NÔNG DÂN TRONG NHỮNG NĂM THÁNG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN CÔNG NÔNG (THÁNG 8/1945 ĐẾN ĐẦU NĂM 1946):

Đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, ngày 2/9/1945 tại Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập. Đây là bản tuyên ngôn sau hàng trăm năm đấu tranh của dân tộc và 15 năm từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời lãnh đạo nhân dân ta chống thực dân Pháp, phát xít Nhật giành chính quyền về tay nhân dân.

Cùng ngày này, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh tổ chức mít tinh tại sân vận động



*Duyệt đội ngũ trong lễ mừng độc lập ngày 2-9-1945
tại sân vận động Phan Thiết.*

Phan Thiết, đại biểu ở các huyện và nhân dân trong huyện Hàm Thuận, Phan Thiết với các phương tiện xe ngựa, xe đạp, đi bộ lần lượt kéo về nơi quy định trong sân vận động Phan Thiết. Một lễ đài được trang hoàng long lẫy, có ảnh chân dung Bác Hồ và hai bên lễ đài, ngoài đội Giải phóng quân danh dự được trang bị vũ khí mới thu được của địch, còn có đội Ky mã cứu quốc thị xã, một tiểu đội du kích được trang bị cung, nỏ, dao, gậy ... thể hiện lực lượng vũ trang nhân dân. Đại diện của Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời, Mặt trận Việt Minh tỉnh lần lượt phát biểu ý kiến tuyên bố xóa bỏ chính quyền tay sai do thực dân Pháp, phát xít Nhật lập ra; xóa bỏ các loại thuế, xây dựng chính quyền nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng ... Kết thúc buổi lễ là cuộc diễu hành rầm rộ diễn ra trên đường phố và tỏa về các thôn xóm. Đây thật sự là ngày hội độc lập, là ngày đổi đời của nhân dân trong tỉnh và là ngày đổi đời của giai cấp nông dân Bình Thuận.

Cùng với sự hình thành các đoàn thể khác trong Mặt trận Việt Minh, khoảng tháng 12 năm 1945, Hội Nông dân Cứu quốc tỉnh được thành lập do ông Trần Hoàn làm thư ký. Mặt trận Việt Minh các huyện đều phân công cán bộ phụ trách Hội Nông dân cứu quốc. Hội Nông dân cứu

quốc các xã cũng được Mặt trận Việt Minh địa phương chỉ định cán bộ phụ trách. Riêng huyện Tánh Linh lúc này do điều kiện địa lý và dân cư thưa thớt nên chưa cử cán bộ phụ trách Hội Nông dân huyện, xã, mọi hoạt động đều do Mặt trận Việt Minh huyện chỉ đạo. Do đặc thù nên Phan Thiết cũng không thành lập Hội Nông dân cứu quốc thị xã. Đến đầu năm 1946, toàn tỉnh có khoảng 9.000 hội viên Nông dân cứu quốc.

Sau khi hình thành Ban chấp hành Hội nông dân cứu quốc lâm thời các cấp, cán bộ Hội đi vào vận động nông dân các làng, xã gia nhập tổ chức Hội. Hình thức gia nhập đoàn thể lúc này đơn giản, ai là lao động nông nghiệp không tham gia Thanh niên và Phụ nữ cứu quốc đều được tham gia Hội, cho nên hội viên Hội Nông dân cứu quốc chỉ là những nam giới ngoài lứa tuổi thanh niên.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về chống giặc đói, giặc dốt và chuẩn bị chống giặc ngoại xâm⁽¹⁾, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh đề ra các chủ trương:

- (1) Sáng ngày 3/9/1945, Hội nghị Chính phủ bàn về một loạt công việc cần làm: Tăng gia sản xuất để chống nạn đói; chống nạn mù chữ; tổ chức tổng tuyển cử; vận động thực hiện cần-kiệm-liêm-chính; bỏ các thứ thuế thân- thuế chợ- thuế đò; cấm hút thuốc phiện; ra tuyên bố tự do tín ngưỡng và lương giáo đoàn kết .

- Chính quyền tuyên bố xóa bỏ các loại thuế của Pháp- Nhật trước đây và đặt những thứ thuế công bình hợp lý.

- Về chính sách ruộng đất, chính quyền tuyên bố tịch thu đất đai của bọn thực dân- địa chủ trước đây chia cho những người không có đất cày cấy. Đồng thời khuyến khích nông dân tự do khai khẩn đất hoang để sản xuất.

Đây là những chính sách của chính quyền cách mạng đáp ứng lòng mong mỏi của nhân dân, xóa đi những thứ thuế bất hợp lý và ai cũng có ruộng cày làm cho nông dân rất phấn khởi. Chính sách này đã khuyến khích người nông dân tích cực sản xuất, giải quyết được lương thực, góp phần ủng hộ cho cách mạng và họ thực sự làm chủ mảnh đất của mình đã sinh sống bao đời nay.

Trước tháng 8 năm 1945, ở đồng bằng Bình Thuận có 7,5 vạn dân sống, với diện tích 310 km², đất trồng trọt chỉ 140km² (14.000 ha), nhưng hầu hết ruộng đất này nằm trong tay 5 chủ đồn điền người Pháp và địa chủ, nhà chung, nhà chùa, cuối cùng mới là các tầng lớp nông dân. Việc bóc lột tô tức cao nhất là 60%, thấp nhất 20%. Số tô trên có nơi như thị xã dựa theo mức sản xuất trung bình để tính, nhưng cũng có nơi dựa

vào mức sản xuất từng mùa. Riêng Hàm Phú, Hàm Trí ngày nay là vùng dân cư lúc bấy giờ còn thừa thớt, đất mới khai phá, nước đọng và xã Tân Thắng (Hàm Tân) mức tô 20%. Ngoài hình thức tô nộp, ở Hàm Tân nông dân còn bị bóc lột tô rẽ. Ngoài các mức tô, tức, tô rẽ, địa chủ còn dùng mọi thủ đoạn để thu nhiều hơn mức tô được hai bên đã thỏa thuận. Khi người nông dân (tá điền) nộp tô cho địa chủ, chúng dùng gựa lớn để đong lúa tô, hoặc dọa lấy ruộng lại, hay đưa mức sản lượng (định mức) cao hơn. Bên cạnh đó chúng còn bóc lột tô phụ là loại tô không có trong thỏa thuận giữa địa chủ với tá điền lúc giao kèo. Hình thức địa chủ thu tô phụ như hàng năm tá điền phải nộp thêm ít xe củi; ngày tết, ngày giỗ của gia đình địa chủ, tá điền phải có lễ vật, gạo nếp, gà vịt... Đã vậy nhiều lúc tá điền cũng khó giữ được ruộng lãnh canh khi chủ không vừa ý, mùa màng thất bát không kịp nộp tô cũng bị địa chủ lấy ruộng lại.

Sau khi chính quyền cách mạng được thành lập, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời và Mặt trận Việt Minh tỉnh đã có chủ trương buộc địa chủ phải giảm 25% tô cho nông dân thuê mướn ruộng cày. Chủ trương này chỉ có huyện Hàm Thuận thực hiện bằng tuyên bố chương trình giảm tô, không đi vận động trong quần chúng,

nhưng trong không khí sôi nổi của cách mạng, đa số địa chủ hưởng ứng giảm tô cho tá điền. Các huyện Hòa Đa, Tuy Phong và Hàm Tân không triển khai thi hành chủ trương giảm tô của tỉnh. Riêng Tánh Linh là vùng rừng núi, chỉ có một số xã người Kinh, người Chăm có ruộng đất nên thực hiện làm ăn tập thể nhưng tiến hành được 2 tháng, thực dân Pháp tái chiếm, nên chính sách này cũng không còn hiệu lực.

Thực hiện chính sách xóa nạn mù chữ cho nhân dân, tỉnh thành lập các Ban bình dân học vụ các cấp, do ủy viên tuyên truyền trong chính quyền phụ trách; vận động những thầy giáo đã dạy học trước đây cùng với những người biết chữ trong các làng xã tham gia giảng dạy. Trên khắp các phố phường, thôn quê đều tổ chức các lớp học. Phần nhiều nông dân trước đây do cuộc sống khó khăn và chính sách "ngu dân" của bọn đế quốc, thực dân, phong kiến tay sai, nhiều người suốt cả cuộc đời không biết chữ. Vì vậy, các cụ già cũng hăng hái tham gia học tập bên cạnh các con cháu. Ngày lo sản xuất, đêm đêm dưới ánh sáng đèn chai, tiếng đọc bài, tiếng thầy giáo đọc chính tả cho mọi người tập viết râm ran trong thôn xóm. Để kiểm tra chất lượng học tập, nhiều nơi tổ chức "đố chữ" ở những nơi công cộng, nơi hội họp làng xã và nơi chợ búa. Ai đọc thông đi

vào chợ, ai đọc không được phải trở về nhà. Với hình thức vừa tự nguyện, vừa bắt buộc này đến ngày bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, nhiều người đã biết viết tên các ứng cử viên mà mình đã lựa chọn. Nhằm duy trì và theo dõi công tác học văn hóa của nhân dân, tháng 4 năm 1947 tỉnh thành lập Ty Bình dân học vụ. Từ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược lần thứ hai, nhiều vùng căn cứ, vùng giải phóng vẫn duy trì tổ chức học tập cho nhân dân.

Thực hiện chủ trương gây quỹ độc lập của Chính phủ, từ ngày 17 đến 24/9/1945, "tuần lễ vàng" trong cả nước được phát động. Nông dân cùng với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đóng góp vàng, đồ trang sức bằng vàng cho cách mạng để có ngân quỹ xây dựng và bảo vệ đất nước độc lập. Nhiều nông dân không có vàng họ ủng hộ những đồng tiền ít ỏi để góp phần vào mục đích chung.

Sau "Tuần lễ vàng" là các phong trào "Tuần lễ đồng", "Hũ gạo đồng tâm" và khi bước vào kháng chiến chống Pháp, "Hũ gạo cứu quốc", "Hũ gạo nuôi quân" được phát động. Các gia đình ở nông thôn và thành thị thường dùng nồi đồng, mâm đồng để sử dụng trong nấu cơm, dọn ăn,

khi có chủ trương ủng hộ đồng cho Chính phủ đúc súng đạn, họ sẵn sàng ủng hộ. Có những gia đình ủng hộ cả lư hương bằng đồng dùng thờ tự lâu nay. Việc làm vì "Tổ quốc trên hết" là khẩu hiệu lúc bấy giờ đã kêu gọi mọi tấm lòng vì nghĩa nước. Phong trào "Hũ gạo đồng tâm", "Hũ gạo cứu quốc" đã trở thành thông lệ trong làng, xóm. Cứ mỗi bữa nấu cơm, mọi người đều bớt ra một ít gạo bỏ vào "hũ gạo cứu quốc" để gặt đó. Khi hũ gạo đầy, gia đình đem ra đình làng nộp cho ủy viên kinh tế và ủy viên kinh tế chuyển lên cho cấp trên. Với cách làm này, khi cán bộ, bộ đội, du kích đi đến đâu đều có những hạt gạo, củ khoai của người nông dân đóng góp nuôi nấng. Nó cũng thể hiện tinh thần hậu phương tại chỗ cung cấp cho cách mạng giải quyết những khó khăn ban đầu.

Trước ngày khởi nghĩa có một số lính bảo an là cơ sở cách mạng. Khi chính quyền về tay nhân dân, số anh em này cùng với thanh niên là lực lượng vũ trang cách mạng. Khi chính quyền các làng xã phổ biến chủ trương kêu gọi nam giới tham gia bộ đội đánh giặc giữ làng, nam giới là những người lao động chủ yếu trong sản xuất, trong các làng chài hăng hái tham gia. Tùy theo số lượng và lứa tuổi, ủy viên quân sự phân

công số thanh niên tập trung về tỉnh gia nhập bộ đội giải phóng quân, số thanh niên còn lại và nam giới lớn tuổi tham gia dân quân du kích ở các làng xã. Chính vì vậy, sau hai tháng giành được chính quyền, tỉnh thành lập được 2 đại đội giải phóng quân và các xã có từ một tiểu đội đến một trung đội du kích và dân quân tự vệ. Những người lính Cụ Hồ, phần nhiều là những người nông dân lần đầu tiên xa gia đình, xa đồng ruộng, xa những mái chèo thoát ly tham gia cách mạng. Lực lượng dân quân tự vệ, du kích vừa tuần tra, tập luyện quân sự, vừa thay nhau về gia đình làm ruộng, làm rẫy, đánh bắt cá theo thời vụ.

Từ tháng 12-1945, khắp các làng xã, phố phường đều có các đội thông tin tuyên truyền và Đoàn Sao Vàng của tỉnh cổ động cho cuộc bầu cử Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa. Đến ngày 06/01/1946, diễn ra cuộc bầu cử trong cả nước. Nhiều nông dân từ 18 tuổi trở lên, không phân biệt gái trai, tôn giáo, dân tộc lần đầu tiên được đi bỏ phiếu bầu những người đại diện cho mình tại Quốc hội. Tuy chưa hiểu đầy đủ về quyền lợi và nghĩa vụ công dân nhưng ai cũng thấy mình phải có trách nhiệm với đất nước. Trong 14 ứng cử viên đã chọn được 2 đại biểu

đại diện cho hơn 120.000 người dân Bình Thuận
trúng cử vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt
Nam Dân chủ cộng hòa. Đó là ông Nguyễn Tường-
một đảng viên Cộng sản và Bác sĩ Huỳnh Tấn
Đối - nhân sĩ trí thức.

Trong những ngày nông dân Bình Thuận đang
sôi nổi góp phần xây dựng và củng cố chính quyền
cách mạng vừa mới giành được thì 15 giờ ngày
28/8/1945, thực dân Pháp cho máy bay thả dù
một số biệt kích xuống làng Tân Lý (nay là xã
Tân Hải - Hàm Tân). Nhưng khi những chiếc dù
vừa chạm đất, hàng trăm nông dân các làng dưới
sự chỉ huy của ủy viên quân sự đã đến bao vây
bắt gọn 4 tên Pháp và 2 tên Việt gian cùng một
số tang vật. Tiếp sau đó, quân Pháp tiếp tục thả
biệt kích xuống Suối Kiệt (Tánh Linh) cũng bị
nhân dân vây bắt. Với tinh thần cảnh giác cao,
nông dân đã tham gia phá tan âm mưu địch thả
dù, đưa lực lượng biệt kích vào liên lạc với bọn
tay sai ở địa phương.

Ngày 23/9/1945, được quân Anh giúp sức,
quân Pháp ở Sài Gòn gây hấn đánh chiếm các
trụ sở của chính quyền ta ở Sài Gòn- Gia Định
(nay là thành phố Hồ Chí Minh) và dùng tàn
quân Nhật làm lính xung kích chiếm lại các địa
phương. Trước tình hình đó Trung ương Đảng và

Bác Hồ kêu gọi cả nước "ủng hộ Nam Bộ kháng chiến". Thực hiện chủ trương này, các tỉnh lập các đoàn quân vào Thị Nghè đánh giặc. Trong tháng 10/1945, gần 14 đoàn quân Nam tiến đi qua Bình Thuận, các chị em phụ nữ, thanh niên và nông dân các làng từ Tuy Phong, Hòa Đa, Hàm Thuận và quanh Phan Thiết lo tiếp tế cơm nước, lo nơi ăn ở tạm và động viên chăm sóc như những người con em của mình. Qua đó động viên tinh thần các chiến sĩ ra mặt trận.

Khoảng đầu tháng 11/1945, theo lệnh quân Anh, Pháp, một tiểu đoàn tàn quân Nhật từ tàu biển đổ bộ lên chiếm đồn Thương Chánh cũ (ở khu vực Nhà nghỉ Công đoàn hiện nay) làm bàn đạp đánh chiếm thị xã để phối hợp với quân Pháp ở Nam Bộ ra đánh chiếm Bình Thuận. Trước tình hình ấy, Ủy ban Nhân dân Cách mạng lâm thời tỉnh vừa tổ chức chuẩn bị đánh giặc, vừa tổ chức sơ tán dân. Nhân dân trong thị xã và vùng ven phối hợp hỗ trợ bộ đội, du kích bao vây tiêu diệt quân Nhật. Sau một thời gian bị ta bao vây, đến ngày 12/12/1945 quân Nhật xuống tàu rút ra biển. Những ngày nhân dân thị xã tản cư ra vùng ven là lần đầu tiên nhiều người dân thành thị tiếp xúc với cuộc sống ở nông thôn. Được các gia đình ở nông thôn (chủ yếu ở dọc đường số 8 - nay là quốc lộ 28) đùm bọc, nên mối quan

hệ giữa thành thị với nông thôn lúc ấy không còn cách biệt như trước đây.

II. PHONG TRÀO NÔNG DÂN TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1949).

Sau ngày đánh Nhật thắng lợi, quân dân trong tỉnh rất phấn khởi. Song mọi người cũng thấy được âm mưu kẻ thù rất thâm độc, nên việc huy động nhân dân sẵn sàng chiến đấu được các tầng lớp nhân dân tham gia rất tích cực.

Ở các vùng giáp ranh với tỉnh bạn như Rừng Lá (Hàm Tân) giáp với tỉnh Biên Hòa (nay là tỉnh Đồng Nai), Km 42 ở đường số 8 giáp với Đồng Nai Thượng (nay là tỉnh Lâm Đồng) và vùng Vĩnh Hảo giáp với tỉnh Ninh Thuận, tỉnh điều các đơn vị Vệ quốc đoàn (Giải phóng quân đổi tên) canh giữ. Trong từng làng xóm, ven biển và các thị xã, thị trấn đều có tự vệ, du kích canh giữ. Những người nông dân trong các đội dân quân tự vệ, du kích ngày đêm thay nhau vừa canh gác bảo vệ xóm làng, vừa sản xuất. Những ngày đầu tháng 1 năm 1946, tàu địch bắn phá vào Lagi, Phan Thiết, Phan Rí, dân quân, du kích tay mã tấu, gậy gộc dân hàng ngang dọc bờ biển để ngăn chặn quân thù, phụ nữ nấu cơm

đưa đi tiếp tế, càng làm cho khí thế vùng nông thôn thêm khẩn trương.

Khi biết địch từ Sài Gòn theo đường 20 đánh chiếm tỉnh Đồng Nai Thượng, tỉnh Lâm Viên (10/1950 hai tỉnh này sáp nhập thành tỉnh Lâm Đồng) và theo đường 11 đánh chiếm Phan Rang (Ninh Thuận), Ủy ban Hành chánh (UBHC) tỉnh⁽¹⁾ thực hiện chủ trương "Vườn không nhà trống" và sơ tán các cơ quan tỉnh, huyện về các vùng nông thôn kháng chiến chống giặc.

Ngày 30/01/1946, quân Pháp theo đường quốc lộ I đánh vào Tuy Phong, chúng đến dốc Vĩnh Cố (xã Vĩnh Hảo) bị đại đội 3 chi đội I⁽²⁾ chặn đánh. Địch dùng ô tô chở quân và cấm cờ đỏ sao vàng trên xe để lừa ta. Khi chiếc ô tô đi đầu đến dốc Hồi Long (Duồng) bị dân quân, du kích Duồng (nay là xã Chí Công) chặn đánh hơn 1 giờ đồng hồ. Dù ta đã đào ngang đường quốc lộ I để chặn bước tiến quân thù và dân quân, du kích chiến đấu rất dũng cảm nhưng là mùa khô

(1) Sau khi bầu cử Quốc hội, UBND CMLT đổi thành ủy ban Hành chánh.

(2) Tháng 10/1945 theo chủ trương của trên, các tỉnh Cực Nam thành lập các đơn vị tập trung cấp trung đoàn. Chi đội I ở Bình Thuận, Chi đội II ở Ninh Thuận.

nên chúng đi tránh xuống ruộng, vượt qua tiến vào phủ lý Hòa Đa. Trong trận chiến đấu oanh liệt này, 11 dân quân, du kích đã hy sinh. Đây là những người nông dân suốt ngày gắn với đồng ruộng, khi giặc đến với tinh thần vì nước họ đã hy sinh đời mình cho tổ quốc. Chúng để lại một đại đội do tên Can-ve chỉ huy chiếm giữ phủ Hòa Đa, ngày 31/01/1946 (ngày 30 tết âm lịch) quân Pháp tiến vào Phan Thiết. Khi đến cầu Phú Long, chúng bị dân quân Xóm Lụa và đại đội 4, chi đội I chặn đánh diệt một xe địch. Quân Pháp hèn hạ trả thù, chúng bắn vào chợ và dân cư gần đó, làm 30 người dân bị thiệt mạng. Đến 14 giờ cùng ngày, quân Pháp đến Phan Thiết bị lực lượng dân quân thị xã cùng đại đội 1, chi đội I chặn đánh tại ga xe lửa, kho bạc (Ngân hàng nhà nước hiện nay). Địch mạnh, ta yếu và bị tổn thất, phải rút về Dân Thạnh (nay là xã Hồng Sơn) để củng cố. Tiếp sau đó chúng đánh chiếm Ma Lâm (02/02/1946), Hàm Tân (03/02/1946). Như vậy đến tháng 2/1946, quân Pháp đã cơ bản chiếm đóng những vị trí quan trọng trong tỉnh, nhưng vùng nông thôn vẫn do ta làm chủ.

Sau khi ổn định vùng chiếm đóng, chúng tiến hành càn quét để mở rộng vùng kiểm soát.

Ngày 8/2/1946 (mùng 7 tết âm lịch), chúng tập trung quân từ Phú Hội đánh xuống, Phan Thiết đánh lên và hướng ga Mương Mán đánh vào Xóm Mía (thuộc xã Hàm Liêm) nơi đóng các cơ quan, các đơn vị bộ đội rút về đây, gây cho ta tổn thất lớn, 70 người dân bị tàn sát, có nhà đến 4 - 5 người và nhiều cán bộ, chiến sĩ hy sinh.

Từ khi quân Pháp đánh chiếm Bình Thuận, tình hình hoạt động của các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công nhân, nông dân cứu quốc các cấp rất khó khăn. Tổ chức Nông dân cứu quốc các làng xã không sinh hoạt, chỉ hoạt động theo mệnh lệnh của chính quyền và nhiều nơi không còn tồn tại. Khi Pháp thực hiện chính sách mua chuộc công chức cũ, lập bộ máy lý hương các làng xã thì trong giai cấp nông dân có sự phân hóa rõ rệt. Một số thanh niên nông dân đi lính cho địch, một số người làm trong ban hội tề của chúng. Trước tình hình đó, từ cuối tháng 2/1946, Ủy ban hành chánh và Mặt trận Việt Minh tỉnh họp tại làng Mỹ Thạnh (Hàm Thuận) bàn củng cố tổ chức kháng chiến, trong đó có chủ trương củng cố lại các đoàn thể, ổn định đời sống nhân dân. Các cơ quan chính quyền lúc này gặp khó khăn về cán bộ và không sát dân nên tỉnh quyết định các huyện ghép 2, 3 xã thành một khu hành chánh. Như huyện Hàm Thuận chia thành 8 khu, Hòa

Đa- Phan Lý 12 khu, Tuy Phong 5 khu, Hàm Tân 4 khu, Phan Thiết 2 khu ... và đưa cán bộ huyện về phụ trách các khu. Trên cơ sở đó các đoàn thể quần chúng ở xa vùng địch kiểm soát được củng cố lại. Hội Nông dân cứu quốc xã Hàm Kiệm do ông Lê Hữu Tố làm thư ký; xã Hàm Nhơn do ông Nguyễn Đức Phan làm thư ký; xã Minh Thắng (Hòa Đa) do ông Võ Kiên làm thư ký; ông Lương Tri cán bộ nông dân huyện Hòa Đa; Phạm Thơi cán bộ nông dân huyện Hàm Tân, v.v...

Theo quy định của Đồng Minh, quân Anh-Ấn vào Nam vĩ tuyến 16 và quân Tưởng vào Bắc vĩ tuyến 16 của nước ta để giải giáp quân đội phát xít Nhật. Vì vậy, ngày 6/3/1946, Chính phủ ta ký với Pháp Hiệp định sơ bộ nhằm đẩy quân Tưởng về nước, ta có thời gian chuẩn bị lực lượng để tập trung đánh lại quân Pháp. Nhưng kẻ thù muốn lợi dụng thỏa thuận này đánh ta từ cơ sở nên chúng đã phản bội Hiệp định sơ bộ 6/3. Ngày 7/5/1946 tỉnh họp tuyên bố không thực hiện Hiệp định với Pháp ở địa phương thì tối 7/5/1946 chúng tấn công vào Ban chỉ huy chi đội I; ngày 11/5 đánh vào La Gàn (Bình Thạnh -Tuy Phong). Như vậy, phong trào và lực lượng cách mạng ở Bình Thuận một lần nữa bị tổn thất. Số tay sai của Pháp trước đây thấy vậy bắt đầu ra

làm việc cho địch ngày càng nhiều, làm cho tổ chức cách mạng và phong trào quần chúng thêm khó khăn.

Trước tình hình ấy, Xứ ủy và Ủy ban hành chánh Trung Bộ cử nhiều cán bộ vào bổ sung cho tỉnh Bình Thuận. Đến tháng 5/1946, lãnh đạo tỉnh họp tại Rẫy Thơm (làng Tuy Hòa - xã Hàm Đức) bàn củng cố tổ chức, bố trí lại cán bộ, củng cố lực lượng vũ trang, chính quyền, đoàn thể Việt Minh và diệt tề trừ gian.

Về tổ chức, từ tháng 11 năm 1945 Đảng ta tuyên bố "tự giải tán" và hình thành các "Hội nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác" để tuyên truyền về Đảng. Thực hiện chủ trương của Đảng, đến tháng 3/1947 toàn tỉnh có 163 hội viên chính thức, 20 hội viên dự bị sinh hoạt trong 25 chi bộ. Thành phần trung, bần nông chiếm 54% số lượng hội viên. Nhiều nông dân đã tự nguyện tham gia tổ chức này. Họ là những người nông dân giác ngộ lý tưởng của Đảng.

Cũng thời gian này, đồng chí Cổ Văn An làm chủ nhiệm Việt Minh tỉnh đã lãnh đạo các đoàn thể trong tỉnh xây dựng tổ chức và từ đây các đoàn thể công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên cứu quốc được củng cố một bước. Hội Nông

dân cứu quốc tỉnh vẫn do ông Trần Hoàn phụ trách.

Đến cuối năm 1946, theo chủ trương của tỉnh, các huyện giải thể khu hành chánh thành lập xã mới như huyện Hàm Thuận có 17 xã, Hàm Tân 5 xã, Hòa Đa 10 xã, v.v... Trên cơ sở tổ chức các xã lớn, các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh cơ sở cũng được tổ chức lại.

Sau khi Ban chỉ huy Chi đội I bị địch đánh úp, các đại đội cũng bị tổn thất, một số theo đường biển ra vùng tự do Liên khu V, một số dao động đầu hàng đi lính cho Pháp. Phần đông các chiến sĩ còn lại tiếp tục bám trụ tại các địa bàn và được các gia đình nông dân nuôi giấu trong những ngày khó khăn. Đại đội 3 đóng ở vùng Tuy Phong, Hòa Đa tuy bị địch đánh úp Ban chỉ huy, nhưng những cán bộ, chiến sĩ còn lại vẫn hoạt động đánh địch. Đại đội 2 vẫn hoạt động trên vùng đất Hàm Thuận ... Đến tháng 6/1946 tỉnh củng cố lại lực lượng vũ trang, thành lập Trung đoàn 82 có 5 đại đội. Trên cơ sở đó, tháng 10/1947 hình thành 2 tiểu đoàn 86, 89. Trung đoàn 82 đánh giặc kiên cường, bám trụ chiến trường, chiến đấu oanh liệt, vang dội trong nhân dân. Lực lượng vũ trang lớn mạnh là thể hiện tinh thần, ý chí yêu nước của giai cấp nông dân

Bình Thuận. Cũng như trong những năm đầu sau khi giành được chính quyền, thanh niên đứng vào lực lượng vũ trang cách mạng với tất cả lòng nhiệt huyết. Họ ra đi tham gia cách mạng, quần áo, cơm gạo do gia đình cung cấp. Nhiều người đã chiến đấu hy sinh, thương tật, vẫn không sờn lòng. Với khí thế cách mạng mới, trong một thời gian ngắn (từ tháng 3 đến 6/1946) đã có hàng ngàn chiến sĩ mới lên đường. Trong đội quân cách mạng ấy, đa phần là những thanh niên nông dân. Ngoài Trung đoàn 82, các huyện cũng củng cố, thành lập các đơn vị bộ đội huyện. Huyện Tân Linh thành lập đơn vị lấy tên là Châu Ro; huyện Phan Lý thành lập đơn vị Chế Bồng Nga. Huyện Hàm Thuận thành lập đơn vị tự vệ gọi là "Tự vệ ông Tương". Sau đó, đơn vị này phát triển thành Đội tự vệ chiến đấu của tỉnh. Còn các huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Hàm Tân thành lập các đội du kích tập trung và Phan Thiết thành lập "Danh dự đội". Tại các xã, du kích được tổ chức lại làm nhiệm vụ đánh địch. Đồng thời Công an tỉnh thành lập các đơn vị công an xung phong, Ban AS làm nhiệm vụ diệt tề, trừ gian.

Ngoài góp phần đánh địch, nông dân trong tỉnh còn ủng hộ lương thực, thực phẩm cho bộ đội. Nhiều nông dân ủng hộ cả số lúa vừa mới



*Ông Nguyễn Hình - trong kháng chiến chống Pháp,
ủng hộ nhiều lúa gạo cho cách mạng.*

gặt được cho cách mạng. Trong số đó tiêu biểu có ông Nguyễn Hình (các chiến sĩ thường gọi là ông già Đống Rơm) ở xã Hàm Liêm (Hàm Thuận), năm 1946 ủng hộ 19 xe lúa và dành riêng một số ruộng cho bộ đội sản xuất tự túc. Nông dân vùng địch tạm bị chiếm, ủng hộ tiền Đông Dương, thuốc men, hàng hóa cho cách mạng. Đến cuối 1946, phong trào cách mạng trong tỉnh đã có bước phục hồi. Việc xây dựng căn cứ Triền, Thái An, La Gàn, Ba Hòn, Tam Minh...⁽¹⁾ chỗ dựa cuộc kháng chiến được chú ý. Nơi ấy, giai cấp nông dân đã đóng góp sức người, sức của với số lượng đáng kể tạo thế và lực mới cho cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ trong giai đoạn mới.

Với bản chất của quân xâm lược muốn biến dân tộc ta làm nô lệ một lần nữa, nên từ ngày 15 đến 19/12/1946 chúng gây hấn tại Hà Nội và đêm 18/12, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương gửi tối hậu thư đòi Chính phủ ta phải đầu hàng. Trước âm mưu của địch như vậy, Đảng và Chính phủ quyết định "Kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ". Ngày 20/12/1946, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" và

(1) Tam Minh là ghép 3 xã Minh Quang, Minh Cảnh, Minh Thành.

ngày 22/12/1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "Toàn quốc kháng chiến".

Tỉnh Bình Thuận trong bối cảnh chung ấy, cũng đã có bước chuẩn bị củng cố tổ chức chính quyền, Việt Minh và các đoàn thể. Cuối 1946, Hội Nông dân tỉnh tổ chức hội nghị cán bộ nhằm củng cố tổ chức, phát động quần chúng trong Hội tham gia cách mạng, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, hưởng ứng toàn quốc kháng chiến. Hội nghị tổ chức tại khu Rừng thuộc làng Tuy Hòa - Hàm Thuận, có đại diện các huyện, các ngành, các giới ở tỉnh về dự. Ban Chấp hành Hội lúc này vẫn do ông Trần Hoàn làm thư ký. Sau hội nghị của Nông hội tỉnh, Ban Chấp hành Nông hội các huyện và các xã cũng được củng cố. Đầu năm 1947, Hội Nông dân cứu quốc huyện Hàm Thuận tổ chức hội nghị tại Rẫy Nổ, bầu lại Ban Chấp hành hội do ông Tịnh Quát làm chánh thư ký; ủy viên có các ông Đỗ Hữu Diệm, Ngô Xuân Duyên, Nguyễn Đức Phan, Trần Hữu Đáng. Nông hội Hàm Tân do ông Trần Thường phụ trách. Nông hội Hòa Đa do ông Trương Trọng Đồng làm thư ký. Nông hội Phan Lý do ông Nguyễn Thăng làm thư ký. Nông hội huyện Tánh Linh do ông Nguyễn Ngoạn làm thư ký và Nông hội Tuy Phong do ông Phạm Chặt phụ trách. Riêng

thị xã Phan Thiết không thành lập Hội Nông dân cứu quốc, chỉ tổ chức các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ và Công nhân cứu quốc ở 6 phường.

Với khí thế hưởng ứng toàn quốc kháng chiến, từ đầu năm 1947 đến giữa năm 1948 phong trào cách mạng của nông dân Bình Thuận phát triển mạnh mẽ. Ngoài tham gia, phối hợp, hỗ trợ cho lực lượng vũ trang đánh địch 98 trận, nông dân còn tham gia "gác bù", "gác mõ" báo động khi có địch đến. Việc tổ chức gác bù, gác mõ được thực hiện ở các vùng thôn quê huyện Tuy Phong, Hàm Thuận, Hòa Đa, Hàm Tân. Tại các địa điểm đầu làng, trên các cây cao, những người gác bù, gác mõ quan sát thấy địch từ xa thì ngã bù xuống và đánh mõ cho nông dân đang sản xuất biết để tránh lánh địch càn quét. Khi bù được kéo lên, báo yên thì mọi người trở lại làm việc. Cách làm này đã trở thành nền nếp trong sản xuất và chiến đấu. Cũng tùy nơi, có nơi chỉ tổ chức gác bù, không gác mõ và có nơi gác mõ không gác bù. Chính tiếng mõ, trạm bù đã góp phần làm cho kẻ thù bị thất bại trong nhiều cuộc càn quét đánh phá phong trào cách mạng. Vì vậy, muốn đánh phá được cách mạng, chúng phải diệt người gác bù, gác mõ. Nhiều cuộc đột kích của địch vào nơi gác bù, gác mõ đã giết hại những người dân quân gác bù, gác mõ. Mặc dù có đổ máu, nhưng

trạm gác bù, gác mõ vẫn tồn tại, người này ngã, người khác thay thế. Tiếng mõ Thái An (Hòa Đa), gác bù ở Hàm Thuận, La Gàn (Tuy Phong) có tiếng vang ở Cực Nam Trung Bộ.

Tháng 10/1947, thực dân Pháp thất bại trong cuộc càn quét vào căn cứ của ta ở Việt Bắc và cũng là mốc đánh dấu sự thất bại trong chiến lược "đánh nhanh, thắng nhanh" của chúng. Để duy trì cuộc chiến tranh, năm 1948 chúng dùng chính sách "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt". Đây là một chiến lược thâm độc của kẻ thù. Để nuôi chiến tranh, chúng tăng cường bóc lột, khai thác thuộc địa; để đánh người Việt, chúng xây dựng quân đội tay sai (ngụy binh) đông đảo thay thế quân Pháp, dùng người Việt Nam trực tiếp đánh phá phong trào cách mạng Việt Nam. Thực hiện âm mưu này, ở Bình Thuận chúng xây dựng các đồn bót, tháp canh dọc các đường quốc lộ thành hệ thống và các cứ điểm. Đến tháng 11/1950, trong toàn tỉnh, chúng đã thiết lập 293 cứ điểm và tháp canh. Từ 1949 chúng dồn dân các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý vào các khu tập trung nhằm kiểm soát nhân dân, ngăn nông dân với cách mạng và năm 1950 chúng tập trung dồn dân Hàm Thuận nên cuộc chiến đấu ở đây trở nên quyết liệt.

Trước tình hình mới, sau Hội nghị cán bộ Đảng của tỉnh tháng 4/1947, cấp ủy Đảng các cấp được củng cố. Các huyện, thị đều thành lập huyện, thị ủy; Ủy ban kháng chiến hành chính thay thế cho Ủy ban hành chính trước đây. Về Mặt trận Việt Minh tỉnh, đồng chí Nguyễn Tương trở lại làm chủ nhiệm Việt Minh thay đồng chí Cổ Văn An mới hy sinh. Cũng tại Hội nghị tháng 4/1947, Đảng bộ tỉnh chủ trương tinh giản đoàn thể nên ban chấp hành các giới thanh niên, nông dân, công nhân cứu quốc cấp huyện, tỉnh giải thể. Các đoàn thể này chỉ còn ban chấp hành ở cấp xã, phường và dưới sự lãnh đạo của Việt Minh cùng cấp.

Khi có chủ trương giải thể Ban chấp hành các giới (trừ phụ nữ) ở tỉnh, ở huyện, nhiều đồng chí trong Ban chấp hành Hội Nông dân cứu quốc chuyển sang công tác khác. Ông Trần Hoàn về công tác ở Việt Minh tỉnh... Sau đợt sắp xếp tổ chức này sự chỉ đạo của đoàn thể ở tỉnh, huyện không còn, mọi việc hoạt động của nông hội xã làm theo chủ trương của Việt Minh xã. Các hoạt động của hội viên và nông dân lúc này chủ yếu là đóng góp, ủng hộ kháng chiến. Hai địa phương có thành tích đóng góp nhiều nhất lúc bấy giờ

là huyện Hàm Thuận 500 xe lúa, Hàm Tân từ 100 đến 200 xe lúa hàng năm cho kháng chiến.

Về tình hình ruộng đất, từ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược cho đến đầu năm 1949 có nhiều thay đổi. Địch mở rộng vùng chiếm đóng nên diện tích ruộng đất bỏ hoang nhiều. Trong khi đó các năm 1947, 1948 bị hạn hán nặng nên ruộng ăn nước trời không sản xuất được. Các vùng tạm bị chiếm, số địa chủ, tư bản Pháp trở lại chiếm đất của nông dân, việc bóc lột địa tô trở lại như cũ. Trong xã hội có sự phân hóa, một số địa chủ mới hình thành, nông dân ở vùng địch tạm chiếm bị một cổ hai tròng áp bức của thực dân và địa chủ phong kiến. Còn vùng du kích, vùng căn cứ, ta thực hiện chính sách ruộng đất và tiết kiệm của Đảng, lập các chợ kháng chiến trao đổi hàng hóa nên đời sống nông dân được cải thiện. Tuy nhiên địch càn quét, bắn phá, nhiều vùng cũng gặp nhiều khó khăn.

Qua thử thách của những năm đầu kháng chiến chống Pháp xâm lược đầy khó khăn, gian khổ, hy sinh, song đại bộ phận nông dân lao động Bình Thuận vẫn hăng hái tham gia và ủng hộ cách mạng. Về tổ chức Hội có sự biến động ở tỉnh, huyện, nhưng ở cơ sở vẫn tồn tại và duy trì hoạt động với mức độ các vùng có khác nhau.

III - Củng cố tổ chức Hội, góp phần đánh bại thực dân Pháp xâm lược (1949-1954).

1. Củng cố tổ chức Hội, đẩy mạnh cuộc kháng chiến:

Thực hiện chủ trương của Đảng về việc mở rộng Mặt trận Dân tộc thống nhất, đầu năm 1948 tỉnh thành lập Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam, gọi tắt là Liên Việt. Mục đích của Hội là "đoàn kết tất cả các đảng phái yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, phú cường"⁽¹⁾. Vì vậy, các tổ chức Phật giáo, Công giáo kháng chiến ra đời. Đồng thời các Hội phụ lão (lão ông, lão bà), thiếu niên,... được thành lập. Năm 1949, Mặt trận Việt Minh được củng cố lại và theo chủ trương của trên hai tổ chức Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt sáp nhập thành Hội Liên- Việt, do đồng chí Nguyễn Đình Huê làm chủ tịch. Năm 1950, ông Phạm Ngọc Cẩn thay đồng chí Nguyễn Đình Huê.

Cũng từ đầu năm 1948, Tỉnh ủy và Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh chủ trương củng cố lại Mặt trận Việt Minh. Từ năm 1949 Ban chấp

(1) Chương trình của Hội Liên Việt.

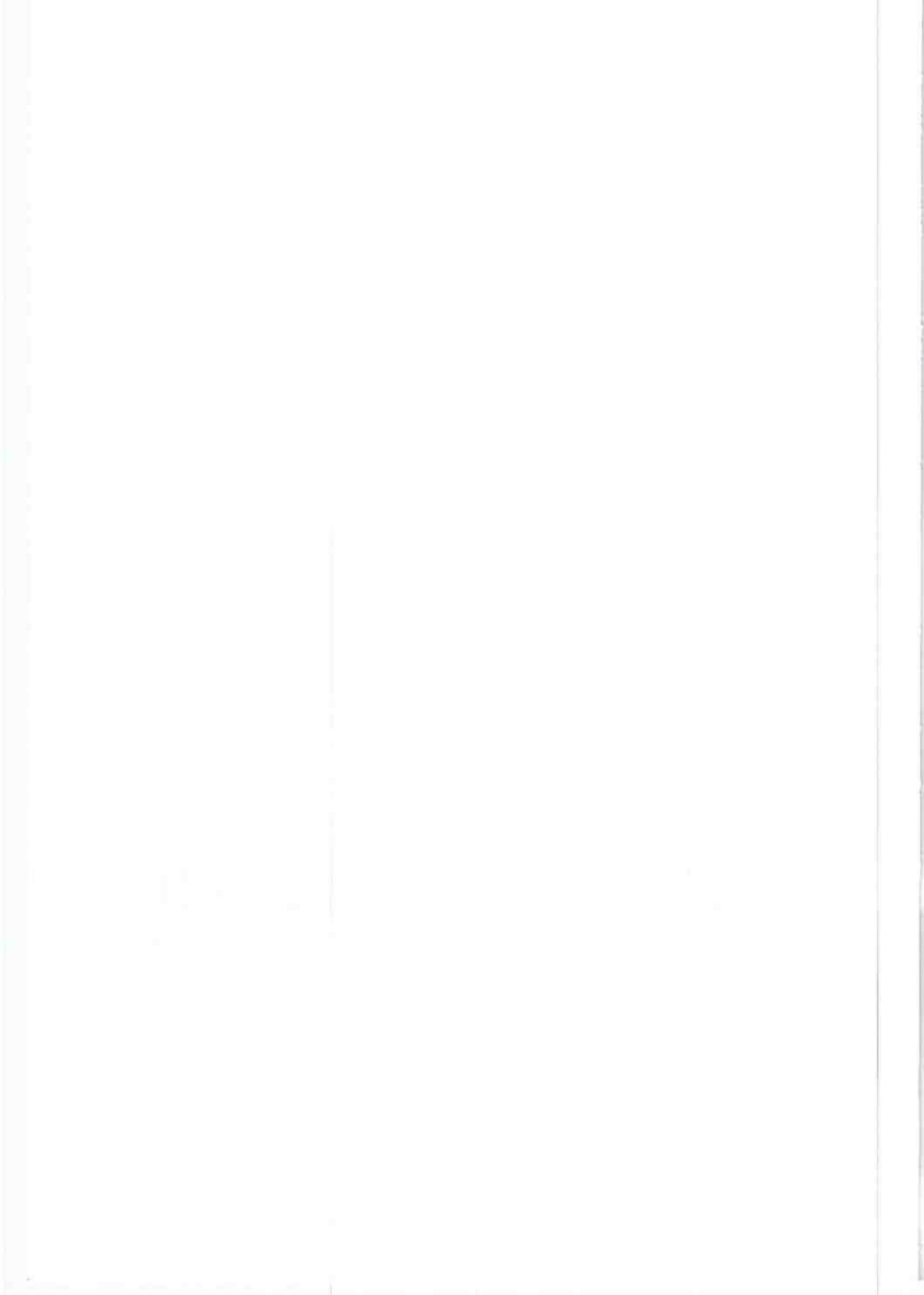
hành các đoàn thể thanh niên, công nhân và nông dân cứu quốc được củng cố, làm vai trò nòng cốt lãnh đạo đoàn thể mình từ tỉnh đến cơ sở trong cuộc kháng chiến trường kỳ.

Đối với Hội Nông dân, đầu năm 1949 đồng chí Nguyễn Gia Tú trong Mặt trận Liên- Việt đi liên hệ các huyện, thị bàn nhân sự thành lập Ban chấp hành Hội Nông dân huyện, thị. Đến tháng 7/1949, tại Triều, Hội nghị cán bộ nông hội tỉnh thành lập Ban chấp hành và định hướng công tác của Hội. Đồng chí Nguyễn Đình Huệ tỉnh ủy viên, chủ tịch Mặt trận Liên- Việt cùng đại diện các đoàn thể thanh niên, phụ nữ, công đoàn và tôn giáo về dự. Hội nghị bầu Ban chấp hành gồm có 7 ủy viên: ông Huỳnh Hoa (Ngô Mân), Nguyễn ĐỀ (ở Liên khu V cử vào), Ngô Xuân Duyên, Bùi Sô, Nguyễn Đức Phan, Trương Trọng Đồng, Lâm Chí Xuân, ông Ngô Mân làm bí thư. Cán bộ hội còn có đồng chí Phạm Khắc Hoàng (Hải Giác), Nguyễn Thanh (em ruột đồng chí Nguyễn Tương) và Bảy Tư⁽¹⁾. Toàn tỉnh có 85 ủy viên Ban chấp hành nông hội xã và đến cuối năm có 9.278 hội viên nông hội.

(1) Ý kiến đ/c Phạm Khắc Hoàng: Lúc củng cố lại Ban chấp hành Hội nông dân cứu quốc tỉnh, đồng chí Nguyễn Đình Huệ phụ trách.



*Ông Ngô Mân (Quỳnh Hoa)
Bí thư Hội Nông dân cứu quốc từ 7/1949 - 1951.*



Sau khi củng cố tổ chức Nông hội tỉnh, cuối 1949 tỉnh cử các ông Nguyễn Đức Phan, Bùi Sô đi dự hội nghị Nông dân cứu quốc Liên khu V⁽¹⁾. Sau hội nghị ở Liên khu, ông Bùi Sô cùng đoàn đại biểu Nông hội Liên khu đi dự hội nghị cán bộ nông dân toàn quốc tại Việt Bắc.

Hội nghị cán bộ Nông dân cứu quốc toàn quốc họp từ ngày 28/11 đến 7/12/1949. Hội nghị đã thảo luận báo cáo về tình hình nhiệm vụ của Hội trong giai đoạn mới; kiểm điểm công tác Hội từ khi thành lập đến cuối năm 1949 và đề ra chương trình hành động của Hội trong năm 1950, bao gồm các cuộc vận động lớn:

- *Tăng gia sản xuất tự túc, tự cấp;*
- *Nuôi dưỡng bộ đội;*
- *Xây dựng hợp tác xã*
- *Hoàn thành giảm tô, thực hiện giảm tức;*
- *Đào tạo cán bộ và thanh toán nạn mù chữ.*

Hội nghị đã đón nhận thư của Hồ Chủ tịch gửi tới. Trong thư Người căn dặn :

(1) Từ 1945-1948 các tỉnh Cực Nam Trung Bộ thuộc Khu VI. Đến cuối 1948 Trung ương sáp nhập Khu V, Khu VI và Khu 15 (Tây Nguyên) thành Liên khu V. Tháng 3/1949 Liên khu V lập Ban cán sự Cực Nam Trung Bộ chỉ đạo các tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận, Khánh Hòa và Phú Yên là địa bàn Khu VI trước đây.

- Tổ chức nông dân phải chặt chẽ.
- Đoàn kết nông dân thật khăng khít.
- Huấn luyện nông dân thật giác ngộ.
- Lãnh đạo nông dân hăng hái đấu tranh cho lợi ích của nông dân, của Tổ quốc.

Người còn dạy:

- Cán bộ nông vận phải tránh bệnh chủ quan, bệnh hình thức, bệnh giấy tờ.

- Trong các cấp chính quyền cũng như trong lãnh đạo nông hội phải có những anh em bản cố nông tham gia thật sự. ⁽¹⁾

Để thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng nhằm đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến ngày thắng lợi hoàn toàn, đầu năm 1950, Tỉnh ủy Bình Thuận đề ra chủ trương "Kiện toàn Mặt trận, đẩy mạnh dân vận để tổng động viên nhân tài vật lực, phụng sự tiền tuyến". Trên cơ sở đó, Tỉnh ủy có chủ trương củng cố các đoàn thể trong Mặt trận Liên-Việt nhằm phát huy cao độ sức mạnh khối đại đoàn kết trong tỉnh, nhằm phục vụ cho giai đoạn chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công. Trong đó có Hội Nông dân cứu quốc tỉnh cũng được Tỉnh ủy quan tâm lãnh đạo.

(1) Những sự kiện lịch sử Đảng, tập II, NXB Sự Thật xuất bản 1984, trang 238.

Đến cuối 1950, toàn tỉnh có 9.519 hội viên nông dân. Tổ chức Hội trong vùng địch hậu đến cuối năm 1950 có 2.103 hội viên. Vùng dân tộc thiểu số cũng được chú ý nên cuối 1950 có 856 hội viên Thượng du, 377 hội viên người Chăm. Thắng lợi của ta là đã xây dựng được 22 nông đoàn là tổ chức làm ăn có tính tập thể với 280 người và 15 tổ vận đổi công có 217 người tham gia.

Đầu năm 1952, thực hiện chủ trương giảm chỉnh cơ quan của Đảng. Tỉnh ủy tiến hành giảm các cơ quan Quân- Dân- Chính- Đảng trong tỉnh từ 3.000 người, đến tháng 9/1952 còn 2.000 người. Riêng bộ phận Dân chính Đảng tỉnh còn 100 người. Đối với các đoàn thể, ban ngành chỉ để lại một bộ phận thường trực, còn lại phân công tăng cường cho các huyện, thị và Ban chấp hành các huyện, thị tăng cường cho các xã. Vì vậy Ban chấp hành Nông hội tỉnh có sự thay đổi. Năm 1951, ông Ngô Mân bí thư Nông hội tỉnh đi học, ông Nguyễn Đề về lại Khu V, ông Tiểu Oai Nghi làm bí thư và thường trực Nông hội tỉnh là ông Nguyễn Đức Phan, Trương Trọng Đồng.

Để tiếp tục củng cố tổ chức Hội, từ năm 1953 Hội Nông dân tỉnh chia nhau đi thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở, vận động nông dân

giảm tô, giảm tức. Các ông Nguyễn Đức Phan, Nguyễn Minh Công, Nguyễn Thanh dưới sự chỉ đạo của đồng chí Hồ Liên (Hoàng Bích Sơn) ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, bí thư huyện Hàm Thuận về Hàm Phú xây dựng xã căn cứ; đồng chí Văn Hữu Chu về Hàm Tân cùng ông Nguyễn Ngọc Phan thực hiện vận động giảm tô, giảm tức trong nông dân.

Qua đợt thực hiện giảm biên chế trong năm 1952, cán bộ Nông hội tỉnh, huyện còn quá ít, bộ máy các đoàn thể nhiều nơi không còn, nên tổ chức Nông hội chỉ là những cán bộ chuyên môn, việc xây dựng các đoàn thể bị xem nhẹ. Ở một số xã, trong ban lãnh đạo Nông hội có nhiều thành phần trung nông, còn thành phần bản, cố nông ít, nên đấu tranh vì quyền lợi của đại đa số bản, cố nông chưa thỏa đáng. Lê lối làm việc chưa thống nhất từ trên xuống dưới, sinh hoạt Ban chấp hành chưa đều. Việc giáo dục chính trị cho hội viên, giáo dục lập trường giai cấp cho cán bộ hội chưa được chú ý. Vì vậy đến Hội nghị Tỉnh ủy tháng 4/1953, tỉnh mới chú ý đến việc chỉ đạo công tác xây dựng mặt trận, trong đó có công tác nông hội và đến tháng 7/1953 tiến hành củng cố lại một số Ban chấp hành Nông hội cấp huyện và một số xã vùng căn cứ.



*Đồng chí Tiểu Nghi
Bi thư Nông dân cứu quốc từ 1951 - 1954.*

Handwritten text in a cursive script, possibly a letter or a page from a manuscript. The text is written in dark ink on aged, slightly yellowed paper. The script is dense and fills most of the page, with some lines appearing to be part of a list or a series of entries. The handwriting is somewhat slanted and fluid, characteristic of a personal or working draft. There are some faint, illegible markings at the top of the page, possibly a header or a date. The overall appearance is that of a historical document or a personal note.

2. Nông dân Bình Thuận góp phần đánh bại thực dân Pháp xâm lược:

Từ năm 1947 trở đi, phong trào kháng chiến chống Pháp của tỉnh Bình Thuận đã được củng cố và phát triển. Các hoạt động đánh địch, đẩy mạnh sản xuất, thực hiện các chính sách để kháng chiến toàn diện cũng thu được nhiều kết quả. Năm 1947 những xã giải phóng thuộc các huyện Hàm Thuận và từ năm 1949 huyện Hàm Tân được giải phóng các xã cũng được thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức của Đảng và Chính phủ. Mặt khác tổ chức trao đổi hàng hóa trong vùng căn cứ, vùng giải phóng, các huyện Hàm Tân, Hàm Thuận, Hòa Đa, Tuy Phong thành lập các chợ kháng chiến. Hàng hóa sản xuất được nhân dân mang đến chợ trao đổi, mua bán, hoạt động chợ kháng chiến có ảnh hưởng tốt cho nhân dân lao động, giải quyết được phần nào nhu cầu đời sống, góp phần vào kinh tế kháng chiến. Cùng với đẩy mạnh tăng gia sản xuất, phong trào bảo vệ mùa màng, chống địch lấy lúa của dân cũng được cấp ủy chỉ đạo. Song song với các công tác trên việc bao vây kinh tế địch cũng được tổ chức, phát động. Nhiều hàng hóa của địch không phù hợp với cuộc sống vùng căn cứ, vùng giải phóng nhân dân không dùng.

Năm 1950, Ban cán sự Cục Nam và Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương mở đợt hoạt động Hè để phá âm mưu dồn dân của địch ở 3 huyện Bắc tỉnh. Thời gian chuẩn bị chiến dịch từ 15/5 đến 25/7; thời gian tấn công địch từ 25/7 đến 25/8 và thời kỳ khuyếch trương chiến quả từ 25/8 đến 30/8/1950. Thời kỳ chuẩn bị, trong tháng 5/1950 tỉnh phát động đợt "Tổng động viên nhân tài vật lực" phục vụ cho chiến dịch. Hưởng ứng phong trào này, nông dân trong tỉnh tích cực sản xuất và ủng hộ lương thực, thực phẩm cho kháng chiến. Nông dân cùng với các giai cấp khác trong tỉnh ủng hộ được 3,5 triệu đồng, 1.300 mẫu ruộng hiến điền để phân chia cho nông dân lao động không có đất sản xuất, 500 xe lúa, 150 con trâu bò. Đến tháng 10/1950, tỉnh phát động tiếp đợt 2 cho chuẩn bị chiến dịch Đông Xuân ở Ninh Thuận, nông dân ủng hộ 5 triệu đồng tín phiếu, 200.000 đồng Đông Dương, 1.100 mẫu ruộng, 450 xe lúa và 30 tấn đậu các loại.

Sau khi nhân dân ủng hộ lúa gạo cho cách mạng, địch chống phá bằng cách tổ chức gom lúa, bắn giết trâu nhằm phá hoại sản xuất. Trước tình hình đó, để có lúa gạo ủng hộ kháng chiến, chống lại âm mưu cướp lúa của địch, tỉnh phát động đợt bảo vệ mùa màng. Khi bước vào đợt

gặt hái, cùng với bộ đội, du kích canh gác đánh địch, nông dân còn tranh thủ gặt đêm, vận chuyển lúa không kịp, đào hầm ngoài ruộng, bìa rừng để chôn giấu.

Cùng với ủng hộ, nông dân còn tham gia xay lúa, giã gạo và vận chuyển lương thực ra tiền tuyến. Những trại xay ở Hàm Thuận, Hàm Tân, Khu Lê... ngày đêm tấp nập chị em phụ nữ là nông dân xay, giã gạo. Những gánh gạo tình nghĩa được những người nông dân gánh ra gần Duồng, ra La Gàn tiếp tế cho bộ đội. Khi chiến dịch Đông Xuân ở Ninh Thuận diễn ra, trên nhiều chặng đường ngày đêm dân công gánh gạo ra tiền tuyến.

Từ đấu tranh chống địch càn quét, nông dân còn đấu tranh kinh tế với địch. Trong vùng căn cứ, vùng giải phóng ta vẫn duy trì trao đổi bằng đồng tiền tín phiếu, tiền Việt Nam. Đồng tiền lưu hành nhiều lần không còn nguyên vẹn nhưng vẫn được nhân dân sử dụng với tấm lòng "bạc cù Hồ". Ngoài ra, đồng bào vùng tạm bị chiếm còn đổi tiền Đông Dương (tiền của Pháp) lấy tiền Việt Nam nhằm giúp cách mạng có tiền mua một số mặt hàng cần thiết trong vùng địch. Đi đôi với lưu thông tiền tệ, ta còn phát động nông dân sử dụng hàng nội hóa nhằm kích thích sản

xuất vùng căn cứ, nâng đời sống nhân dân lên.
Để khuyến khích động viên cho công việc này,
nhiều câu ca dao xuất hiện như:

*Tuy anh mặc áo vải thô,
Nhưng em quý chuông vì đồ nước ta.
Còn dùng ngoại hóa xa hoa,
Đẹp thì có đẹp nhưng mà em khinh.*

Việc thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức của Đảng được thực hiện trong cả vùng tranh chấp và vùng giải phóng.

Từ 1949, dân số Bình Thuận có khoảng 150.000 người, trong đó ở Phan Thiết, các thị trấn, nông thôn ven biển có 65.000 người; 25.000 đồng bào Kinh-Thượng sống bằng nghề làm rẫy, còn lại khoảng 60.000 người sống ở vùng đồng bằng các huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Hàm Thuận, Phan Lý Chàm và Hàm Tân, chủ yếu làm ruộng.

Về tình hình ruộng đất, các xã Hàm Cường, Tiến Thành, Hàm Phong, Hàm Nghĩa, Hàm Thắng là vùng xung quanh Phan Thiết; các xã Hàm Chính, Hàm Nhơn, Hàm Đức (Hàm Thuận); Hồng Sơn (khu Lê Hồng Phong); các xã Tân Thuận (Hàm Tân) và các xã xung quanh vùng tạm bị chiếm ở Bắc Bình, Phan Lý là vùng ruộng đất có từ lâu và dân cư đông đúc. Còn các xã Hàm

Thạnh, Hàm Phú, Hàm Trí (Hàm Thuận), Bình An (Bắc Bình), một phần các xã Tân Thuận, Tân Hòa và một số xã của Hàm Tân là ruộng đất mới khai phá, dân cư thưa thớt. Vì vậy, sự phân phối ruộng đất trước cách mạng tháng 8-1945, theo thống kê của Pháp, tỉnh Bình Thuận chỉ có 25.000 hécta, trong đó các tên tư sản thực dân Pháp như Langlet, Cátxê, Lavallee, Demoestrol, Taxi chiếm khoảng 1.000 mẫu ta. Riêng số địa chủ ở thị xã, thị trấn và Hàm Thuận có 70 người, chiếm 40% ruộng đất hiện có ở Hàm Thuận. Tiếp đến là số phú nông chiếm nhiều ruộng đất. Còn bản, cố nông chiếm số đông trong xã hội lại là người sở hữu ít ruộng đất, chủ yếu lãnh canh của địa chủ. Ngoài ra còn các loại ruộng công điền, ruộng chùa, ruộng nhà chung, ruộng thầy chang trong đồng bào Chăm chiếm một số lượng đáng kể. Chỉ tính số ruộng công điền ở Hàm Thuận, Hàm Tân, Lê Hồng Phong đã chiếm tới 1.200 mẫu ta.

Việc phân phối ruộng đất trong các giai cấp, tầng lớp trong xã hội trước năm 1945 có khác nhau. Khoảng 7.000 người Chăm sống ở các xã Bình Điền (Tuy Phong), Phan Lý, Hòa Đa, xã Hàm Phú (Hàm Thuận), xã Tân Thuận, Tân Thắng (Hàm Tân) thì phần nhiều đất đai các xã này nằm trong tay một số thầy Chang. Trong 6 tên

tư bản Pháp chiếm ruộng đất làm đồn điền thì có Langlet và Cát-xê là những tên tư bản có thế lực kinh tế lớn vừa độc quyền xuất cảng nông sản phẩm trong tỉnh, vừa sử dụng giá nhân công rẻ mạt để khai thác đồn điền trồng các loại cây cam, bưởi, trồng thí nghiệm cao su, cà phê và bóc lột tô tức. Ngoài ra, hai tên này còn chiếm đập bán nước tưới cho dân nhằm thu lợi cao.

Trong địa chủ người Kinh, trước năm 1945 có hai loại: Loại địa chủ thôn quê là những quan lại thì bóc lột theo lối phong kiến, dùng uy quyền chiếm đoạt ruộng đất của nông dân qua các đời và để lại cho con cháu hưởng; Số khác là tổng lý, cường hào dùng mưu mô chiếm đoạt ruộng của nông dân gần ruộng của chúng, đồng thời dùng giá nhân công rẻ mạt khai khẩn đất hoang, cho vay nặng lãi lâu ngày nông dân bị nợ nần chồng chất phải giao ruộng cho chúng. Còn loại tư sản kiêm địa chủ gồm những hàm hộ, thương gia, thầu-khoán khai khẩn và mua ruộng ở thôn quê bóc lột địa tô. Số tư sản địa chủ này phát triển do hưởng một phần lợi kinh doanh khi số tư bản Pháp vào Việt Nam đầu tư kinh doanh các ngành kỹ nghệ thương mại trong những năm 1922-1928, họ có tiền về thôn quê khai khẩn rừng thành đất ruộng bóc lột nhân công. Khi chủ nghĩa tư bản bị khủng hoảng kinh tế trong năm

1930-1931, kinh doanh thương mại, kỹ nghệ bị đình đốn, họ lợi dụng tình hình phá sản của nông dân và một số địa chủ thôn quê để mua ruộng, hoặc cho vay nặng lãi để xiết ruộng. Với cách này số ruộng đất của nông dân quanh thị xã dần dần vào tay họ và tầng lớp tư sản địa chủ bắt đầu chiếm ưu thế kinh tế ở nông thôn. Chính vì thế, trong thời gian này các thị trấn của Hàm Thuận và thị xã Phan Thiết có 70 địa chủ, trong đó có 8 địa chủ tư sản lớn thu hoạch mỗi mùa từ 60 đến 300 tấn. Còn 30 địa chủ loại trung bình thu hoạch từ 18 đến 50 tấn và một số địa chủ còn lại thu hoạch ít hơn. Ruộng đất của số địa chủ tư sản này chiếm 4 phần mười ruộng đất ở Hàm Thuận và sản lượng lúa thu được là 4.000 tấn so với tổng số 10.000 tấn lúa của toàn huyện Hàm Thuận lúc bấy giờ, riêng số lúa tô, thu khoảng 200 tấn. Trần Huỳnh Kỳ (Thông Kỳ) dựa vào thế lực quan lại thực dân cướp trắng trợn ruộng đất của nông dân trong vùng. Còn ở Tuy Phong, Hòa Đa có 5 địa chủ lớn giàu có ngang hàng với số địa chủ ở Phan Thiết. Ngoài ra còn có khoảng 20 địa chủ hạng bậc trung.

Trước cách mạng tháng 8-1945, dựa vào thực dân phong kiến, địa chủ có thế lực chính trị tuyệt đối ở nông thôn. Ở Hàm Tân có địa chủ bắt cóc nông ở đợ suốt đời; có địa chủ kêu người làm

công, ai không làm thì bắt nhất. Còn ở Hàm Thuận, địa chủ kiêm hàm hộ chiếm ưu thế kinh tế ở nông thôn. Trong số địa chủ phú nông có một số ra thành thị sinh sống kinh doanh bóc lột thành giàu có, còn lại số địa chủ khác xuất thân từ dân nghèo làm giàu trong nghề biển, làm nước mắm sau đó khai khẩn, mua ruộng đất. Họ có ưu thế kinh tế hơn là chính trị. Số địa chủ không biết rõ nghề nông nên mua chuộc tá điền trông coi ruộng, cho tá điền thuê mướn nhiều ruộng, số tá điền cho thuê mướn lại ruộng (gọi là quá điền). Số địa chủ này bóc lột địa tô không nặng bằng số địa chủ nông thôn, nhưng do quá điền nên mức tô người trực tiếp sản xuất đóng góp 2,3 lần nên cao ⁽¹⁾. Tầng lớp phú nông phần nhiều là con các địa chủ, phong kiến hoặc cường hào ở nông thôn, có tiền cho vay hoặc khai khẩn ruộng. Có một số phú nông ít ruộng, mướn lại ruộng của số địa chủ thị xã về cho mướn lại, bóc lột theo lối quá điền. Còn tầng lớp trung nông ở Bình Thuận họ có một ít ruộng nhưng có nhiều công cụ sản xuất và họ cũng thuê mướn ruộng địa chủ thị xã cho nông dân mướn lại theo lối quá điền. Thành phần bản nông chiếm đa số

(1) Ruộng Nhà chung, ruộng Công hoa ở Hàm Tân tô gốc 20 thùng/mẫu, cho mướn lại (quá điền) tô đóng là 80 thùng/mẫu.

nông dân lao động trong tỉnh. Họ thuê mướn ruộng của địa chủ, các đồn điền của địa chủ và thực dân Pháp. Cũng có một số bản nông có ruộng nhưng không nhiều. Họ là những người đi làm thuê, làm mướn, do bị bóc lột nên đa số lao động quần quật không đủ ăn. Tuy nhiên là người lao động cần cù, tích góp cũng có một số phát đạt trở thành trung nông. Tầng lớp cố nông số lượng ít hơn bản nông. Trước cách mạng tháng 8-1945, mỗi làng có khoảng 7, 10 người ở thành phần này và số còn lại là nông dân ở đảo Phú Quý và các tỉnh ngoài vào đi ở, làm công thàng, từng mùa.

Sau cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công và trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ 2, nhiều địa chủ yêu nước đã trực tiếp tham gia, đóng góp cho kháng chiến, có con em gia nhập bộ đội, có người hy sinh hoặc trở thành cán bộ cách mạng như đồng chí Nguyễn Thành, con ông Bát Xi, Võ Văn Ngưỡng, Võ Thị Khánh Lan con ông Võ Văn Trang; Nguyễn Đờn, Nguyễn Thế Lâm (Kèn) con ông Cửu Hưng v.v... Nên quá trình diễn biến, phân hóa giai cấp trong xã hội Bình Thuận đã tác động đến thực hiện chính sách giảm tô của Đảng và Chính phủ. Đối với vùng địch kiểm soát, vùng bản lề (tranh chấp) từ sau khi Pháp chiếm lại, ruộng đất bỏ hoang

nhieu và số ruộng cày cấy được, sản xuất rất khó khăn nên nông dân đấu tranh đòi hạ tô. Địa chủ cũng sợ ruộng đất bị bỏ hoang không ai mướn, nên họ cũng hạ mức tô cho tá điền. Đến ngày 14/7/1949, Chính phủ ban hành sắc lệnh số 74/SL-CP quy định giảm 25% so với mức địa tô trước cách mạng tháng 8-1945, xóa bỏ các loại tô phụ, thủ tiêu chế độ quá điền và thành lập Hội đồng giảm tô cấp tỉnh. Trên cơ sở đó, cuối 1949 Ủy ban Kháng chiến hành chính tỉnh công bố sắc lệnh của Chính phủ và cụ thể hóa các khoản tô trong tỉnh:

- Các mức tô cao hơn 45% phải đưa xuống mức 45% và giảm tiếp 25%.

- Các mức tô dưới 45% thì giảm 25%.

Tuy nhiên, các chủ trương giảm tô của Chính phủ, tỉnh phổ biến hướng dẫn chưa đầy đủ, người nông dân hiểu chưa cặn kẽ. Trong khi đó, cán bộ chính quyền theo dõi kiểm tra việc thi hành không thường xuyên đã xuất hiện tình trạng:

- Bên ngoài địa chủ hứa giảm tô theo chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, nhưng họ biết nông dân sợ mất ruộng cày không đòi giảm tô, nên địa chủ không thực hiện giảm tô.

- Có những nơi, địa chủ thấy mức tô thấp hơn quy định, họ đã đưa lên 45% rồi tiến hành

giảm nên thực tế nông dân được giảm mức tô rất ít.

Nhìn chung việc thực hiện chính sách giảm tô của Đảng, Nhà nước, kết quả chưa giảm được bao nhiêu so với địa tô trước đó; cuối 1950 Tỉnh ủy có quyết nghị về việc thi hành giảm tô theo chủ trương của Liên khu ủy Khu V là giảm mức tô không quá $\frac{1}{3}$ và không dưới $\frac{1}{4}$ so với mức tô cũ. Tỉnh ủy ra nghị quyết này nhằm giải quyết tình trạng sau khi có chính sách giảm tô năm 1949 của Chính phủ, số đông nông dân bị địa chủ giảm ít, nhưng cũng có nhiều nông dân nộp tô không đúng mức, một số địa phương thỏa thuận cho địa chủ kéo lại mức tô dưới $\frac{1}{3}$ hay $\frac{1}{4}$ số diện tích sản xuất. Cuối 1952, Tỉnh ủy có chủ trương thi hành giảm tô, bảo đảm lãnh canh cho nông dân và bảo đảm mức thu tô của địa chủ bằng cách hai bên làm giấy giao kèo. Nhưng trong chủ trương thi hành chính sách ruộng đất chỉ mới nêu một phần vận động nông dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất, chưa chú ý đến giải quyết chính sách ruộng đất cho nông dân nên chưa sát với tình hình thực tế của nông dân ở từng nơi. Sau khi phổ biến chủ trương trên cho nông dân học tập đi vào thực hiện mới thấy được thực trạng tình hình ruộng đất và thu tô ở các huyện có khác nhau. Ruộng đất ở huyện Hàm Thuận, chủ

yếu là của địa chủ, tư sản thị xã Phan Thiết. Trong những năm trước đây nông dân không đóng, hoặc không đóng đủ tô, nên khi ta phổ biến chủ trương bảo đảm lãnh canh, bảo đảm thu tô thì họ đòi truy thu tô cũ, nếu nông dân không đóng thì địa chủ lấy lại ruộng. Địa chủ muốn nắm chắc phần thu tô nên phần đông cho mượn tiền mặt, tính lãi nhẹ để bảo đảm dễ dàng trong thu tô. Do đó người nông dân cố chạy vay tiền để mượn ruộng được thuận lợi hơn. Dù bị mất mùa, địa chủ chỉ căn cứ vào số tiền vay, mà không cần đến tô thấp, tô cao. Các xã Hàm Phú, Hàm Trí trước đây là vùng đất mới khai thác và chủ yếu là đất rẫy, sau chiến thắng Sông Quao (1952) dân cư về đây sống đông đúc, việc canh tác được mở rộng, địa chủ đòi tăng tô các phần ruộng trước đây là rẫy.

Việc không bảo đảm lãnh canh cho nông dân đã gây ra tình hình khó khăn cho bản, cố nông, còn địa chủ thì lợi dụng để tăng tô. Điều đó đã làm ảnh hưởng đến lòng tin của nông dân vào chủ trương, chính sách của Đảng, chính quyền. Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương:

- Cấm địa chủ cho vay tiền mặt, cấm quá điền và chống việc địa chủ tăng lại mức tô đối với nông dân đã lãnh canh.

- Triệt để bảo đảm lãnh canh, buộc địa chủ phải làm giấy giao kèo hợp lệ.

Công tác tuyên truyền về chính sách giảm tô năm qua có kết quả, nên vụ sản xuất trong năm 1953 đã ngăn chặn tình trạng cho vay tiền mặt của địa chủ (trừ một số tá điền đã trả tiền lời cho địa chủ). Việc bảo đảm lãnh canh và làm giấy giao kèo giữa địa chủ và tá điền làm một cách hợp lệ. Trường hợp địa chủ ở vùng tạm bị chiếm không liên lạc được với chính quyền địa phương có ruộng thì chính quyền địa phương đứng ra cho tá điền mượn ruộng, làm giao kèo với tá điền, nhằm vừa bảo đảm lãnh canh, vừa đẩy mạnh sản xuất góp phần bảo đảm đời sống cho nhân dân. Đồng thời, chính quyền địa phương rà soát lại các mức tô để buộc địa chủ giảm tô đúng 25%. Ruộng nào sau khi giảm 25% mà tô còn quá 1/3, chính quyền địa phương lãnh đạo nông dân đòi giảm thêm. Đối với phần ruộng ở vùng du kích hay bị địch càn quét, kiểm soát gắt gao, khó thực hiện chủ trương này thì ta vận động địa chủ giảm tô mức nhẹ hơn những nơi khác.

Nhìn chung, sau khi chấn chỉnh lại phương pháp triển khai, những chủ trương trên đều được chi bộ, chính quyền xã chú ý thực hiện. Nông dân vùng du kích, vùng căn cứ, vùng giải phóng

rất phấn khởi. Hàm Tân là một huyện trước kia bị địa chủ bóc lột rất nặng, khi thực hiện chính sách này nông dân tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Tuy nhiên, một số nơi chi bộ thi hành giảm tô bằng lối mệnh lệnh, chưa tích cực giáo dục nông dân, vận động nông dân nghèo đứng ra đấu tranh buộc địa chủ thực hiện. Vùng tranh chấp, chi bộ chưa lãnh đạo nông dân đưa yêu sách và thuyết phục địa chủ thực hiện, nên diễn ra một số vụ đấu tranh có tính chất tả khuynh: Vụ 20 tá điền ra ngồi ở bờ ruộng đấu tranh đòi địa chủ bảo đảm lãnh canh trong khi ta chưa thuyết phục địa chủ. Ở vùng tạm bị chiếm, ta chưa điều tra nghiên cứu tình hình bóc lột của địa chủ và chưa thực hiện được chính sách giảm tô của Đảng.

Qua thực hiện chủ trương giảm tô của Đảng, chỉ có huyện Hàm Thuận và Hàm Tân là 2 vùng sản xuất chủ yếu trong tỉnh lúc bấy giờ đạt một số kết quả.

Vùng du kích, vùng căn cứ ở Hàm Thuận đã giảm từ 15 đến 50% mức tô trước cách mạng tháng 8-1945. Cũng có trường hợp giảm 50% là mức tô trước đây cao hơn 45%, ta đưa xuống bằng 45%, giảm tiếp 25%. Có trường hợp giảm đến 60% mức tô là do nhiều năm định lại mức

tô. Những nơi Pháp dồn dân, địa chủ sợ bỏ ruộng hoang nên địa chủ đồng ý hạ mức tô xuống 5 đến 10% hoặc cho tá điền làm, đến mùa thu hoạch, đóng 5 đến 30 gia, hình thức này là tăng tô trở lại. Ở xã Hàm Trí chỉ giảm 13 đến 17%. Vùng du kích yếu (sát địch), dân cư đông nhưng cơ sở chính trị chưa mạnh, tô trước đây giảm, giờ tăng lại hoặc giao kèo với nhau ở mức giảm nhưng địa chủ không thi hành. Như xã Hàm Thắng, một số địa chủ, phú nông cho tá điền thuê đất thu tô cao hơn 50%. Vùng tạm bị chiếm như Hàm Nghĩa, Ma Lâm từ 1946-1947 đến nay không giảm mà còn cao hơn mức tô trước năm 1945. Còn vùng Hàm Cường, Bình Lâm bị địch dồn dân trong 1949-1950 đến nay mức tô đã giảm.

Huyện Hàm Tân là vùng giải phóng từ tháng 5-1949, việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng nhìn chung đã giảm mức tô từ 25 đến 50%. Riêng nhà chung ở xã Cộng Hòa mức tô trước năm 1945 là 42%, nay còn 25%. Một số ruộng chưa giảm đúng 25%, tá điền đấu tranh buộc địa chủ định mức thấp hơn mức cũ, nhưng thực tế tô không thấp hơn so với trước. Như sản lượng cũ là 500 gia, tô nộp 250 gia tức là mức 50%, khi định mức lại 300 gia đóng tô 140 gia, mức tô 46,6%, nhưng thực tế tô mới là 28%. Ngược lại số ruộng sử dụng

nước của các công trình thủy lợi, địa chủ tăng sản lượng định mức lên nên tô không hạ.

Trong năm 1953, việc bóc lột địa tô của địa chủ vẫn diễn ra khác nhau theo từng vùng. Mức tô ở vùng du kích và vùng tự do (ta làm chủ) của huyện Hàm Thuận từ 10 đến 40%; mức tô phổ biến là từ 25 đến 35%. Ở Hàm Tân, mức tô phổ biến từ 18 đến 35%. Vùng sát địch kiểm soát một số nơi mức tô 50%. Việc bảo đảm lãnh canh nói chung các nơi đều thực hiện được, có giấy giao kèo, không còn tình trạng thỏa thuận với nhau như trước. Tuy nhiên nạn 'quá điền hiện nay chưa được bãi bỏ hẳn. Địa tô phụ so với trước cách mạng tháng 8-1945 cơ bản đã giảm gần hết, chỉ còn tồn tại một số vùng ở Hàm Tân và vùng du kích sát vùng địch kiểm soát.

Trên cơ sở tình hình thực tế, Tỉnh ủy chủ trương tiếp tục thực hiện chính sách giảm tô là:

- Tiếp tục bảo đảm lãnh canh cho nông dân và buộc địa chủ phải làm giấy giao kèo hợp lệ.

- Tiếp tục thực hiện giảm tô đúng 25% với những ruộng chưa giảm đúng; tránh thu các mức tô đã giảm còn dưới 1/3 sản lượng trung bình. Chống lại việc địa chủ dựa vào số sản lượng định trong mức thuế nông nghiệp mà tăng tô cũng như các mảnh khóe khác.

- Bãi bỏ hẳn địa tô phụ cho nông dân.

- Tiếp tục giáo dục và hướng dẫn cho nông dân đòi giảm thêm các mức tô tuy đã giảm đúng 25%, nhưng mức tô còn cao.

- Nắm lại tình hình địa chủ ở vùng tạm bị chiếm có ruộng vùng ta nhưng không thường xuyên liên lạc với chính quyền địa phương, chính quyền quản lý số ruộng của họ, phát canh cho nông dân nhằm triệt để bảo đảm lãnh canh cho nông dân, chống nạn quá điền.

- Điều tra tình hình bóc lột địa tô và các hình thức bóc lột khác của địa chủ ở vùng tạm bị chiếm để có chủ trương thích hợp, theo đúng đường lối của Đảng.

Cùng với việc thực hiện chính sách giảm tô, việc giảm tức cũng bắt đầu thực hiện. Sau cách mạng tháng 8/1945 thành công, Tỉnh ủy không đề ra chính sách vận động giảm tức, song qua mấy năm kháng chiến, việc cho vay nặng lãi ở vùng du kích, vùng căn cứ so với trước đã giảm nhiều. Nguyên nhân chính là số địa chủ và thương nhân cho vay chủ yếu ở thị xã, nay ra vùng du kích, vùng tự do khó khăn; địa chủ thôn quê bị phá sản một phần, phần khác do chiến sự ác liệt, việc ăn ở, đi lại và việc làm không ổn định, việc vay trả bấp bênh, địa chủ không

muốn cho vay. Mặt khác, ảnh hưởng của cuộc cách mạng đã tác động làm cho địa chủ bóc lột nặng lãi cũng giảm đi. Năm 1950, Tỉnh ủy có đề ra vận động giảm tức nhưng không có kế hoạch cụ thể và không thi hành thống nhất. Việc bóc lột lợi tức ở Hàm Tân nặng hơn các nơi, nhất là nông dân người Chăm bị địa chủ, phú nông bóc lột nặng nề. Trước tình hình đó, Huyện ủy Hàm Tân chủ trương giảm tức bằng cách:

- Chính quyền ra lệnh giảm tức xuống 50% so với trước đây (100%).

- Hội nông dân bàn bạc ra quyết định đòi giảm tức kết hợp với chính quyền chống lại việc cho vay nặng lãi.

Đến năm 1953, tình hình cho vay ở các vùng với lợi tức khác nhau. Vùng bị tạm chiếm, việc cho vay nặng lãi không giảm mà còn nặng nề hơn trước. Việc cho vay dưới hình thức trả góp, lãi cao, nhưng nông dân vẫn phải chấp nhận vay. Vùng du kích và căn cứ, các món nợ cũ đã xóa bỏ, nhưng những đám ruộng tốt, địa chủ vẫn chưa giao cho nông dân và vẫn diễn ra vay lúa khô 1, đến mùa trả 2 lúa tươi và vay tiền lãi hàng năm từ 40 - 50%. Tuy nhiên do thực hiện chủ trương vẫn đổi công, tương trợ lẫn nhau nên đời sống một số nông dân được cải thiện, giảm được

vay với lợi tức cao. Việc cho vay chỉ còn diễn ra ở một số nơi dưới các hình thức:

- Đồng bào làm màu cho vay khoai, bắp trước mùa lúa và đến khi gặt trả theo thỏa thuận.

- Đồng bào làm ruộng mua cá mắm, thịt thiếu nợ của tiểu thương, đến mùa lấy lúa trả.

- Số tiểu thương buôn bán hàng hóa, thực phẩm còn bóc lột nặng lãi, như cho vay 3 thùng lúa trước mùa gặt, khi mùa gặt trả 6 đến 7 thùng lúa.

Trong năm 1953 ta tiếp tục vận động quỹ tương trợ trong các đoàn thể quần chúng, để hỗ trợ nông dân giúp nhau có vốn sản xuất và tổ chức quỹ nghĩa sừng, tổ chức vận đổi công ở các làng xã.

Cùng với việc thực hiện chính sách ruộng đất, địa tô và lợi tức, việc giải quyết đất công điền, hiến điền cũng được đặt ra. Đất công điền ở Hàm Thuận, Khu căn cứ Lê Hồng Phong, Hàm Tân và đất công điền ở các vùng tạm bị chiếm do ta kiểm soát số lượng khoảng 1.200 mẫu, sản xuất hàng năm được 1948 xe tương ứng 1.560 tấn lúa. Nguồn gốc của đất công điền là do địa chủ ở địa phương bắt nông dân khai khẩn đất hoang sung vào quỹ làng; một phần đất Triều

Nguyễn vận động nông dân cúng ruộng cho các phong trào du học... và một số người được chức tước (hoặc mua chức tước) phẩm hàm cũng cúng ruộng đất của mình cho làng. Sau Cách mạng tháng 8/1945, một số ruộng của các chùa được chính quyền xung vào công điền. Dưới chế độ thực dân, phong kiến đất công điền không chia cho dân làng mà đấu giá bỏ vào công quỹ làng (gọi là công bản), nhưng số chức sắc địa phương hưởng, nông dân không được lợi lộc gì. Sau cách mạng tháng 8 năm 1945, đến năm 1949 ta đấu giá một số đất công điền sung vào ngân sách xã, một số diện tích bỏ hoang không ai làm. Năm 1950- 1951, ta chủ trương chia số đất này cho nông dân nghèo và ưu tiên gia đình thương binh, gia đình tử sĩ. Năm 1952, Tỉnh chủ trương đất công điền vùng ruộng xấu, khó khăn miễn tô để khuyến khích sản xuất hết diện tích đất bị bỏ hoang. Năm 1953, sau khi thực hiện chỉnh giảm cơ quan, số cán bộ, chiến sĩ chuyển về vùng kháng chiến nhiều, ta khuyến khích những người có ruộng công điền san bớt cho người không có; tổ chức vận đổi công để hỗ trợ lẫn nhau. Từ năm 1953 trở đi, diện tích ruộng công điền được khai thác hết. Ở huyện Hàm Tân có 129 gia đình, Hàm Thuận có khoảng 1.200 gia đình (xã nhiều có 185 và xã ít có 26 gia đình) được mượn ruộng

công điền để cày cấy. Để thực hiện chính sách ruộng công điền, tỉnh quyết định chia cho nông dân nghèo không có ruộng có quyền sở hữu vĩnh viễn để người lao động được làm chủ mảnh đất của mình.

Đối với ruộng hiến điền mới phát sinh từ đợt tổng đông viên nhân tài, vật lực trong năm 1950, do nhiều địa phương, gia đình ủng hộ cho chiến dịch Hè và Đông Xuân vừa qua. Tổng số ruộng hiến điền ở Hàm Thuận, Hàm Tân, Lê Hồng Phong có hơn 575 mẫu (một số xã ở Bắc Bình chưa nắm được) và 194 mẫu ruộng hiến hoa màu trong thời kỳ kháng chiến.

Từ năm 1951-1952, tỉnh chưa có chủ trương về chính sách ruộng đất hiến điền mà do các địa phương tự giải quyết. Vì vậy các địa phương tùy theo hoàn cảnh để phân phối. Năm 1953, Tỉnh ủy chủ trương ruộng của trung -bần -cố nông đã hiến trước đây giao lại cho họ làm, không lấy tô và sau này sẽ giải quyết trả lại cho họ. Các loại tô công điền sẽ hạ mức và chuẩn bị cấp hạn điền cho dân nghèo. Còn những người hiến hoa màu tỉnh chủ trương tạm giao lại.

Về ruộng của các tư bản thực dân Pháp, những năm trước tỉnh chia cho nông dân nhưng chưa triệt để. Sau khi địch tái chiếm, phần nhiều

ruộng đất này do một số tên thực dân kiêm địa chủ sử dụng lại, hoặc bị bỏ hoang hóa. Đầu năm 1953, Tỉnh ủy chủ trương: Những ruộng hoang hóa, ta khuyến khích nông dân quanh vùng đến khai khẩn hưởng hoa lợi. Đối với ruộng đã khai phá, ta chủ trương phân lô chia cho nông dân nghèo mượn với mức tô nhẹ, miễn tô cho gia đình chính sách như thương binh, tử sĩ, dân quân, du kích và nông dân quá nghèo⁽¹⁾.

(1) Ruộng của Cát-xê ở xã Hàm Kiệm, rộng 450 mẫu, hàng năm sản xuất 700 xe lúa (520 tấn), từ 1951 về trước bị bỏ hoang. Năm 1952 nông dân chỉ làm các ruộng thuộc, phần ở xa vẫn bị bỏ hoang. Năm 1953, nông dân đến cư trú đông nên làm gần hết phần ruộng bỏ hoang và 70 gia đình sản xuất được miễn tô, còn lại chính quyền phát canh, cho mượn, thu tô.

- Ruộng của Coftaxi, có 15 mẫu cũng tại xã Hàm Kiệm, có 11 gia đình nghèo sản xuất được miễn tô.

- Ruộng của Demonestrol rộng 105 mẫu ở Hàm Kiệm, phần nhiều bị bỏ hoang.

- Ruộng của Guidon Lavallée rộng 113 mẫu (một phần nằm ở Sông Khiêng- xã Bình An- Bắc Bình, 100 mẫu) ta chia cho 113 gia đình cày 50 mẫu, còn 50 mẫu đang khuyến khích nông dân cày cấy; phần còn lại nằm ở Hàm Trí (Hàm Thuận), ta phát canh thu tô 5 đến 15%.

- Ruộng của Hăng Matuti (phát xít Nhật) diện tích mỗi chiều hơn nửa km nằm sát đường xe lửa Long Thạnh. Năm 1952 ruộng này bị bỏ hoang, năm 1953 có vài chục gia đình đến sản xuất tự hưởng hoa lợi, mỗi năm sản lượng 150 xe.

- Ở vùng tạm bị chiếm có tên Catsset ở xã Hàm Cường rộng 6 mẫu; tên Langlet ở Bắc Bình cũng chiếm một diện tích đáng kể.

Hội nghị Tỉnh ủy tháng 4/1953 kiểm điểm tình hình thực hiện chính sách ruộng đất trong thời gian vừa qua và đề ra chủ trương chính sách hiện nay:

- Tuyên truyền sâu rộng chính sách ruộng đất của Đảng trong nông dân, nhất là những địa phương có ruộng của Nhật, Pháp.

- Điều tra, nghiên cứu tình hình ruộng đất của Pháp, Nhật ở trong tỉnh, đặt chính sách cụ thể việc chia cho nông dân những ruộng đất ấy vào năm 1953. Hội nghị Tỉnh ủy cũng đặt vấn đề đầu tháng 8/1953, có kế hoạch miễn tô cho nông dân nghèo, còn số hoa lợi thu từ địa tô đưa vào quỹ nghĩa sường của làng xã.

Về chính sách ruộng đất của địa chủ ở vùng tạm bị chiếm, như thị xã, thị trấn có ruộng ở vùng căn cứ, vùng giải phóng và số địa chủ, nông dân vùng ta chạy vào vùng tạm bị chiếm gọi chung là ruộng vắng chủ (loại ruộng này địa chủ ở thị xã chiếm 40% ruộng đất ở Hàm Thuận). Còn ruộng địa chủ, nông dân vùng ta vào vùng địch tạm chiếm do bị dồn dân (chủ yếu ở Hàm Thuận), hoặc cầu an. Hai loại ruộng của các đối tượng này từ 1952 về trước chưa có chính sách cụ thể. Từ đầu năm 1953, ta bắt đầu thực hiện phân loại từng đối tượng theo Chỉ thị 14 của Trung

ương và Nghị định 333 của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy đề ra chính sách cụ thể:

- Số địa chủ, nông dân vùng tạm bị chiếm có ruộng đất ở vùng kháng chiến, nếu họ thi hành đầy đủ chính sách ruộng đất của ta và không có hành động chống lại kháng chiến và thường xuyên liên lạc với ta thì ruộng đất của họ sẽ thực hiện theo điều 45 Nghị định 333/TTCP.

- Đối với chủ đất từ vùng ta chạy vào vùng tạm bị chiếm để trốn tránh nhiệm vụ kháng chiến thì ruộng đất của họ giao cho nông dân nghèo như Nghị định 333 quy định.

Nhìn chung việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Chính phủ đã đạt được một số kết quả, sát với thực tế hơn. Việc bóc lột địa tô, lợi tức đã giảm ở nông thôn và đặc biệt chính sách đối với ruộng vắng chủ ngày được hoàn thiện hơn. Qua đó đời sống nông dân trong tỉnh có nâng lên. Ở vùng du kích, vùng căn cứ nhờ thực hiện tốt tăng gia sản xuất, tiết kiệm và tác động của chính sách ruộng đất nên nông dân đều có cơ sở làm ăn, số đông có ruộng cày, đời sống được cải thiện. Vùng bị địch càn quét đánh phá tuy có khó khăn, nhưng cũng đỡ hơn trước. Vùng giải phóng Hàm Tân, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt, cao hơn vùng tạm bị chiếm Hàm

Thuận. Còn vùng Hàm Thuận thường xuyên bị địch càn quét nên đời sống của nông dân thấp hơn và khó khăn nhất khi địch giết hại 1.200 con trâu bò vào 6 tháng đầu năm 1953. Vùng Lê Hồng Phong, đời sống nông dân còn gặp nhiều khó khăn hơn các nơi khác, hàng ngày phải ăn độn 2/3 là khoai mì. Song nhờ thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Chính phủ người nông dân được làm chủ cơ sở sản xuất, nên đời sống không bị bấp bênh như trước. Vùng tạm bị chiếm, nông dân bị 2 tầng áp bức bóc lột của đế quốc và địa chủ nên ngày càng bị bần cùng thêm, nhất là nông dân bị dồn vào các khu tập trung ở Bắc Bình, Ngã Hai (Hàm Thuận). Trong năm 1952, có hơn 1.000 người dân vùng này vào làm phu trong các đồn điền ở Nam bộ.

Phong trào đấu tranh của nông dân diễn ra nhiều nơi với nhiều hình thức. Vùng Tam Giác (Hàm Thuận) là nơi địch càn đi quét lại nhiều lần hồng giải tỏa áp lực cho thị xã Phan Thiết. Vì vậy sống và bám trụ của nông dân để sản xuất là một việc làm hết sức dũng cảm. Địch càn đốt phá, khi địch rút đi, nông dân lại tiếp tục sản xuất. Mỗi lần địch càn quét bắn phá, nông dân lại xây dựng lại nhà cửa. Nhưng do địch càn quét nhiều lần việc làm nhà đi, làm nhà lại nhiều lần gặp không biết bao trở ngại.

Từ khó khăn gian khổ đó nông dân có sáng kiến làm nhà bằng đất. Những ngôi nhà bằng đất nổi lên nhiều nơi trên vùng Tam Giác kiên cường. Địch càn quét, chúng không đốt được nhà, chỉ đốt được đồ đạc, vật dụng và lúa gạo của nông dân. Trước sự tàn phá của địch, nông dân lại nảy ra sáng kiến mới làm nhà đất có vách đôi, ở giữa hai vách đổ lúa gạo, địch đốt không cháy được, hoặc đào hầm giấu lúa xa nhà. Với cách này, nhà đất vẫn tồn tại, lương thực vẫn bảo đảm cho những người dân bám trụ và tiếp tế cho bộ đội, du kích. Ở Hàm Tân, nông dân vừa đẩy mạnh sản xuất, vừa sẵn sàng bố phòng đánh địch càn quét và làm nhiệm vụ tiếp tế cho lực lượng kháng chiến .

Từ năm 1952 đến 1953, hoạt động tấn công địch của ta diễn ra liên tục trên chiến trường Bình Thuận. Những trận đánh như: trận Căng ESEPIC, Mương Mán, Ngã Hai (1952); Sông Quao, Mũi Né (1953)... tác động tích cực đến phong trào đấu tranh của nhân dân trong tỉnh.

Phối hợp với chiến trường chung trong cả nước, nhất là với chiến trường Điện Biên Phủ, Tỉnh ủy Bình Thuận mở chiến dịch Miền Tây. Đêm 7/4/1954, ta đồng loạt tấn công địch ở Gia Bát, La Dày. Thừa thắng ta đánh địch ở đồn Lút-

xe, Đa Kai, Suối Kiết, Sông Phan lúc đó thuộc huyện Tánh Linh và Di Linh. Tháng 5/1954 ta tấn công địch ở đồn Sông Lũy, bót Đại Hòa, đồn Sông Lòng Sông (ở Bắc tỉnh), đồn Bà Gia (Hàm Thuận) và trận đánh ngày 31/7/1954 vào đồn Sông Dinh là trận đánh cuối cùng trong kháng chiến chống Pháp trên chiến trường Bình Thuận. Trong vòng 5 tháng đầu năm 1954, quân và dân Bình Thuận đã diệt 12 cứ điểm, phá nhiều tháp canh, làm bị thương và diệt 2.000 tên địch, giải phóng hoàn toàn miền Tây Lương Sơn và huyện Tánh Linh. Đây là đợt hoạt động có tính chất quyết định thắng lợi của quân dân tỉnh Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp. Trong cuộc chiến đấu này, giai cấp nông dân Bình Thuận đã đóng góp đáng kể sức người, sức của vào thắng lợi chung của cả dân tộc.

Sau thắng lợi của ta ở Điện Biên Phủ (7-5-1954), thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đất nước ta tạm thời bị chia làm hai miền, sau hai năm (1956) hai miền Nam Bắc Việt Nam hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà.

Như vậy, kể từ khi thực dân Pháp đặt chân xâm lược nước ta (1858) đến ngày chúng ký Hiệp định Giơnevơ, công nhận chủ quyền và độc lập toàn vẹn lãnh thổ của nước ta, nông dân Bình

Thuận cùng nông dân cả nước đã trải qua gần 100 năm đấu tranh chống quân xâm lược.

Từ phong trào yêu nước, chống giặc ngoại xâm trước những năm 1930 theo phong trào Cần Vương, Duy Tân, nhiều nông dân đã hy sinh vì sự nghiệp cao cả. Giai cấp nông dân Bình Thuận cùng với giai cấp nông dân cả nước được tập hợp thành một lực lượng chính trị và đóng góp vào cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc bắt đầu từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Với cương lĩnh giải phóng dân tộc, thực hiện người cày có ruộng, nhiều cuộc đấu tranh của nông dân với nhiều hình thức bãi công, bãi thị đòi dân sinh, dân chủ đã diễn ra suốt 15 năm cho đến khi Đảng ta giành được chính quyền.

Cách mạng tháng 8-1945 thành công, giai cấp nông dân tập hợp và thật sự được giải phóng. Suốt 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, nông dân đã trở thành lực lượng nòng cốt cùng với giai cấp công nhân, các tầng lớp xã hội khác liên tục tấn công địch cả về chính trị, quân sự, kinh tế, địch vận giành thắng lợi, buộc thực dân Pháp phải rút về nước. Thắng lợi trong chống Pháp tạo điều kiện và tiền đề mới cho giai cấp

nông dân cùng cả dân tộc bước tiếp vào cuộc trường kỳ kháng chiến chống Mỹ sau này.

Tuy nhiên, từ năm 1947, 1948 do xác định vị trí, vai trò của các đoàn thể quần chúng, trong đó có tổ chức nông dân chưa đúng mức, nên đã giải thể Ban chấp hành Hội Nông dân tỉnh, huyện làm cho phong trào nông dân trong những năm qua có nhiều hạn chế. Đến năm 1949 và nhất là sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (tháng 8/1949), Tỉnh ủy Bình Thuận đã có chủ trương củng cố tổ chức Nông Hội thành hệ thống từ tỉnh đến huyện và xã đã làm cho sức mạnh của phong trào nông dân phát triển, góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

CHƯƠNG IV

GIẢI CẤP NÔNG DÂN BÌNH THUẬN THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1954-1975).

I- TỔ CHỨC VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TRONG ĐẤU TRANH ĐÒI MỸ-DIỆM THI HÀNH

HIỆP ĐỊNH GIƠNEVƠ VÀ GÓP SỨC VÀO PHONG TRÀO ĐỒNG KHỞI MIỀN NAM:

1. Đấu tranh đòi Mỹ-Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ :

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, cán bộ quân-dân- chính- Đảng Bình Thuận cùng các tỉnh khác ở miền Nam tập kết ra Bắc, hai năm sau hai miền Nam- Bắc hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà sẽ trở về quê hương. Hơn 1400 cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 812, cùng gần 300 cán bộ Dân Chính Đảng từ căn cứ Khu Lê Hồng Phong hành quân đến Hàm Tân để vào Xuyên Mộc (tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu) xuống tàu ra miền Bắc. Trong lực lượng đi tập kết có một số ít cán bộ nông hội và các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, số còn lại về quê hương sinh sống.

Tỉnh Bình Thuận lúc bấy giờ với diện tích 6.700km², dân số khoảng 187.000 người, nhiều vùng đất đai rộng lớn được giải phóng như huyện Hàm Tân, Lê Hồng Phong, Tánh Linh, Di Linh và nhiều vùng căn cứ du kích, vùng căn cứ lớn ở Hàm Thuận, Phan Thiết, Bắc Bình. Vùng địch tạm bị chiếm chỉ còn một số nơi như thị xã Phan Thiết; Ma Lâm, Phú Lâm, Mương Mán, Tâm Hưng, Mũi Né, Phú Hội (Hàm Thuận) và

Long Hương, Phan Rí, Chợ Lầu, Duồng (Bắc Bình)... Thực hiện Hiệp định, ta chuẩn bị giao các vùng cho địch, nhưng chúng vội vã cho quân tiến chiếm các vùng làm chủ của ta, gây nhiều khó khăn, trở ngại trong việc thực hiện Hiệp định đã ký kết.

Đối với địch, năm 1957, chúng chia Bình Thuận thành hai tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy. Bình Thuận có các quận Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Hải Ninh, Hàm Thuận (từ năm 1961, quận Hàm Thuận được chia thêm quận Thiện Giáo, Hải Long), Nha phái viên hành chánh Phú Quý và xã Châu Thành Phan Thiết. Bình Tuy gồm có các quận Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và xã Châu Thành, Tân Phước.

Ở Bình Thuận, chúng từng bước đưa đồng bào giáo dân và sư đoàn 5 ngụy cùng gia đình ở miền Bắc vào, chúng cấm dân vào các vùng xung yếu như Sông Mao, Vĩnh Hải, Vĩnh Thủy, Ma Lâm, Văn Phong (Mương Mán), Văn Lâm (Hàm Mỹ), Thuận Nghĩa (Hàm Kiệm) và ở Bình Tuy chúng đưa đến La Gi, Hiệp Nghĩa, Tân Hà v.v... Từ 1957, địch đưa đồng bào từ Quảng Nam, Quảng Ngãi và năm 1959 dồn dân ở Đông Tánh Linh vào lập các khu tập trung và dinh điền ở hai bên sông La Ngà, vừa nhằm khai thác kinh

tế, vừa lập một khu vực kiểm soát mới của chúng ở vùng này.

Để kiểm soát dân cả về chính trị, quân sự, địch lập các tổ chức: Đảng Cần lao nhân vị, Phong trào cách mạng quốc gia, Thanh niên cộng hòa, Phụ nữ liên đới.... Về quân sự, chúng thành lập tiểu đoàn bảo an ở tỉnh, đại đội bảo an ở cấp quận và các làng xã có dân vệ, thanh niên chiến đấu. Trong từng làng xã, chúng thành lập Hội đồng hương chính và trong các khu tập trung, khu dinh điền, hình thành các liên gia và phân loại nhân dân để phân biệt đối xử ⁽¹⁾.

Sau khi sắp xếp lực lượng đi tập kết, Ban Cán sự Cục Nam ⁽²⁾ chỉ đạo số cán bộ Bình Thuận được phân công ở lại hình thành bộ máy để lãnh đạo nhân dân đấu tranh với địch đòi chúng thi hành Hiệp định, có 7 đồng chí, do đồng chí Trần Lê bí thư Liên tỉnh III kiêm bí thư Tỉnh ủy Bình

-
- (1) Trong nhân dân, địch phân ra 5 loại: 1- Gia đình có người đi tập kết; 2 - Gia đình có người trốn rừng (thoát ly); 3 - Gia đình có người tham gia trong chống Pháp; 4 - Gia đình có người bị tù; 5 - Gia đình thân với quốc gia
- (2) Ban Cán sự Cục Nam thành lập tháng 3/1949 trực thuộc Liên khu V, chỉ đạo 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng; Năm 1954 đổi thành Liên tỉnh 3 phụ trách cả Khánh Hòa.

Thuận. Tất cả cơ quan lãnh đạo các cấp của ta lúc này đều hoạt động trong điều kiện bí mật.

Tổ chức Nông hội lúc này không hình thành bộ máy như thời kháng chiến chống Pháp. Các ông Nguyễn Đức Phan, Bùi Sô, Lâm Chí Xuân, Đinh Văn Tri nguyên là cán bộ Nông hội ở lại hoạt động, nhưng không còn tổ chức chỉ đạo từ tỉnh xuống cơ sở như trước đây. Tại các làng, xã, vùng giải phóng trước đây do chi bộ các địa phương lãnh đạo. Các đoàn thể thanh niên, phụ nữ cũng cùng chung hoàn cảnh ấy. Sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy và cấp ủy các vùng và một số xã trong điều kiện bí mật nên phong trào nông dân cũng gặp nhiều khó khăn. Cuối năm 1955, một số đại biểu tỉnh Bình Thuận ra Hà Nội dự Hội nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (đổi tên từ Mặt trận Liên Việt) tiếp thu bản đề cương tóm tắt 10 điểm⁽¹⁾. Đây là đường lối đầu tiên của Mặt trận, là cương lĩnh hành động của các đoàn thể trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ.

(1) a-Hoàn thành độc lập dân tộc; b-Thực hiện thống nhất nước nhà; c-Xây dựng chế độ dân chủ; d-Phát triển kinh tế, nâng cao sản xuất; đ-Cải cách ruộng đất; g-Thi hành chính sách xã hội hợp lý; h-Phát triển văn hóa, giáo dục; i-Củng cố quốc phòng và bảo vệ Tổ quốc; k-Thi hành chính sách ngoại giao hòa bình độc lập; l-Đoàn kết toàn dân.

Từ cuối năm 1954, phong trào nông dân tham gia mítinh mừng hòa bình và đấu tranh đòi Mỹ-Diệm thi hành Hiệp định Giơnevơ diễn ra sôi nổi và có nơi rất quyết liệt. Ngày 19/8/1954, hàng ngàn cán bộ chiến sĩ và nhân dân, phần đông là nông dân đã tập trung về căn cứ Lê Hồng Phong mít tinh mừng thắng lợi sau 9 năm kháng chiến chống Pháp và nghe phổ biến tình hình, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới. Sau đó ta chuyển quân vào Hàm Tân chuẩn bị xuống tàu đi tập kết. Ngày 3/9/1954 tỉnh tổ chức cuộc mít tinh tại Láng Chết (Tân Thành), có gần 10.000 người tham dự. Trước đó vào ngày 01/8/1954 dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy Hàm Thuận, nhân dân Hàm Liêm, Hàm Chính, Hàm Phong, Hàm Hiệp tập trung về Xóm Chòi (Hàm Liêm) dự mít tinh mừng hòa bình và tiếp tục kéo về Phan Thiết. Khi đi qua đồn Trinh Tường, địch ở đây ngăn chặn nhưng đoàn biểu tình vẫn vượt qua. Sau đó cuộc mít tinh của quần chúng kết thúc thắng lợi. Chiều ngày 3/8/1954, hơn 500 đồng bào, dân quân, cốt cán các xã Hàm Hiệp, Hàm Cường, Hàm Kiệm, Phú Lâm (tức Hàm Mỹ sau này) cùng với gần 70 em học sinh trường tiểu học khu tập trung ở Phú Lâm kéo đến đồn Ngã Hai đưa kiến nghị đòi địch thi hành hiệp định đình chiến và phản đối chúng bắn pháo vào xóm làng. Đi đầu đoàn biểu tình là 2 chị phụ nữ gương cao băng rôn

lớn với khẩu hiệu: "Nhà cầm quyền phải thi hành hiệp định đình chiến và không bắn pháo bừa bãi vào xóm làng". Đoàn biểu tình cứ mỗi lúc càng đông thêm, đứng kín cả mặt đường trước đồn Ngã Hai và hô vang các khẩu hiệu "... thi hành" và "phản đối ..." với khí thế áp đảo của những người chiến thắng. Trước sức mạnh của quần chúng, địch có nhượng bộ, nhưng là kế hoãn binh, sau đó điều 2 tiểu đội lính từ Phan Thiết lên, do tên Lu-y cầm đầu, chúng ném lựu đạn cay và xả súng bắn vào đoàn biểu tình, làm chết và bị thương hơn 50 người. Ở Vĩnh Hảo, Long Thanh (Tuy Phong) nông dân đấu tranh đòi tự do cư trú làm ăn, địch phải nhượng bộ. Ở Phan Rí Cửa gần 100 cán bộ kháng chiến cũ từ căn cứ Lê Hồng Phong trở về sinh sống sau khi có Hiệp định, địch bắt ký giấy đầu thú, anh em đấu tranh không chịu thực hiện, chúng bắt một số về giam ở Hòa Đa và sau đó đưa một số vào Phan Thiết giam giữ. Ở Hàm Tân, cuộc đấu tranh đòi thả các đồng chí Kinh, Chi, Mỹ, Phát là những cán bộ kháng chiến cũ bị địch bắt diễn ra quyết liệt, nông dân nhiều làng tham gia. Trước sức mạnh của quần chúng, địch thả các đồng chí, sau đó đồng chí Kinh thoát ly ra căn cứ, năm 1961 bị địch bắt và tử tiêu. Ngày 13/9/1955, nhân dân Nhơn Thiệu (Bắc Bình) đưa kiến nghị đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ và chặn xe, không cho chúng chở

quân từ quận Hòa Đa đến đàn áp quần chúng đang đấu tranh tại xã. Đồng thời quần chúng còn đấu tranh không cho đưa những người đấu tranh bị chúng bắt về quận Hòa Đa.

Ngay những ngày đầu tiên thực hiện Hiệp định Giơnevơ, nông dân Bình Thuận đã thấy được tính ác liệt và những thử thách ban đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Từ tháng 7-1955, địch không bàn hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Nam Bắc, Tỉnh ủy thực hiện chủ trương của trên phát động quần chúng đấu tranh đòi lập quan hệ bình thường giữa hai miền; đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Thực hiện chủ trương trên, nhiều nơi ở Lê Hồng Phong nông dân tham gia đấu tranh bằng rải truyền đơn, hội họp, đưa kiến nghị, ở Phan Thiết diễn ra các cuộc bãi thị, bãi khóa chợ không người, xe không chở khách.

2- Đấu tranh chống chính sách "tố cộng" của địch:

Song song với đấu tranh đòi địch thi hành Hiệp định Giơnevơ, nông dân trong tỉnh còn tham gia đấu tranh chống chính sách tố cộng của chúng. Từ tháng 2/1955, Ngô Đình Diệm mở chiến dịch tố cộng và đây là một "quốc sách" để triệt hạ

cộng sản" từ cơ sở. Ở Quân khu II ⁽¹⁾, chúng chọn Tiểu khu Bình Thuận làm điểm.

Tiểu khu Bình Thuận chọn Xa Ra xã Hàm Đức làm điểm, để rút kinh nghiệm nhân rộng ra các địa phương. Tại đợt tổ cộng này chúng đưa những tên tham gia cách mạng trước đây đầu hàng giặc cùng với số hội tề các nơi về nghiên cứu, học tập. Tên Hồng Đức, một cán bộ của ta ở Bình Định đầu hàng giặc làm Trưởng ty Thanh niên - Thông tin kiêm Trưởng ban "tổ cộng" Tiểu khu Bình Thuận đã trực tiếp điều hành cuộc tổ cộng này. Đêm 29/10/1954, địch bắt đồng chí Đặng Ngọc Châu, chi ủy viên chi bộ xã Hàm Chính đưa về Hàm Đức để "tổ cộng". Là một người nông dân yêu nước đồng chí đã tham gia kháng chiến chống Pháp bị chúng bắt lên "tổ cộng" đầu tiên. Hàng trăm con người, đa phần là nông dân hồi hộp chờ đợi. Chúng hỏi đồng chí vì sao không đi tập kết; muốn sống phải tổ cộng sản, phải quy thuận v.v... Trước sức ép của kẻ

(1) Theo phân chia của địch, từ 1954-1960, hai tỉnh Bình Tuy và Bình Thuận thuộc Quân khu II; đến tháng 4-1964, hai tỉnh thuộc khu chiến thuật 33, vùng III chiến thuật do Quân đoàn III quản lý. Đến cuối 1964, chúng chuyển Bình Thuận thuộc khu chiến thuật 23, vùng II chiến thuật, Quân đoàn II quản lý. Sự phân chia này tồn tại đến tháng 3/1975. Tháng 4/1975, địch đưa Ninh Thuận, Bình Thuận thuộc Quân đoàn 3.

thù không lên không được, lên tố cộng, chống lại cách mạng, việc làm không đúng, dẫn đo đấu tranh tư tưởng, đồng chí bước lên khán đài. Địch hý hửng, quần chúng nhân dân im lặng. Trước kẻ thù, trước đồng bào, đồng chí Châu đồng dạy: "Chế độ quốc gia mới nắm quyền mà đã thể hiện đầy đủ sự dã man, tra tấn, giết chóc, trả thù hèn hạ với những người kháng chiến cũ...". Chưa dứt lời, kẻ thù đã đánh đồng chí ngay tại khán đài và đêm 31-10-1955 địch đã giết hại đồng chí tại động Bà Hòe (Hàm Đức). Sau đợt tố cộng điểm, chúng tiến hành "tố cộng" với quy mô khắp các vùng dân cư ở đồng bằng. Các đợt tố cộng ở Hàm Tân (11/1955), Lê Hồng Phong (01/1956), Đông Tánh Linh (5/1955)... với âm mưu "tát nước bắt cá", "bắt nhầm hơn bỏ sót"... Phong trào cách mạng bị khó khăn nhất kể từ khi Võ Xuân Viên, một Ủy viên Thường vụ tỉnh ủy đầu hàng giặc, khai báo cho địch bắt nhiều cán bộ, đảng viên, cốt cán và làm vỡ nhiều cơ sở cách mạng ở nông thôn⁽¹⁾. Tuy nhiên, nhiều tấm gương

(1) 28/6/1957, Võ Xuân Viên mới được bầu bổ sung vào Thường vụ tỉnh ủy đã đầu hàng giặc; sau đó địch đưa vào làm ở Ty chiêu hồi và nòng cốt trong chiến dịch "tố cộng" lưu động ở Hàm Thuận, Bắc Bình, Lê Hồng Phong từ tháng 9/1957 đến tháng 6/1959, là những nơi y tiếp xúc nhiều với cán bộ, cơ sở địa phương trước đây để truy bắt cán bộ, cơ sở của ta.

dũng cảm của cán bộ, đảng viên và cốt cán đã củng cố niềm tin cho nhân dân vào cách mạng, vào chính nghĩa

Sau đợt "tố cộng" ở miền Đông Tánh Linh, địch dồn dân các thôn La Dạ, Măng Tố (xã Thạnh Hòa) về La Ngâu; xã Mỹ Hòa về Đan Sách và dân sống dọc đường quốc lộ I thuộc xã Bình Hòa dồn về km 36 (nay là Tân Lập). Đến năm 1957, địch triển khai chiến dịch "Thượng du vận" thực chất là "tố cộng" và gom xúc dân ở miền núi. Với các cuộc càn quét đánh phá vào căn cứ, cơ sở cách mạng của ta ở Cỏ Mồm (Hàm Thuận), Gia Bát (Di Linh), dồn dân các xã La Dạ, La Ngâu, Măng Tố về khu tập trung Bắc Ruộng và năm 1959 địch đưa dân các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi vào lập các khu dinh điền. Đây là đợt đánh phá của địch vào đồng bào các dân tộc nhằm đẩy dân xa cách mạng.

3- Tiếp tục đấu tranh giành lại quyền lợi ruộng đất cách mạng đem lại trong kháng chiến chống Pháp :

Trong thời gian đầu, phần lớn nông dân vùng căn cứ cũ trong tỉnh còn giữ được quyền lợi các loại đất công điền, công thổ, ruộng vắng chủ, ruộng hiến điền, ruộng thực dân và vẫn bảo đảm

nguyên canh, đóng mức tô cho chủ ruộng như trong kháng chiến chống Pháp. Chỉ có một số ruộng ở Bắc Hàm Thuận và Tam Giác, nộp tô sớm cho địa chủ vào cuối 1954, mà đáng lẽ ra trong năm 1954 được hưởng không phải nộp tô. Đến đầu năm 1955, Ngô Đình Diệm liên tiếp ra các Dự số 2, số 7 quy định chính sách tô, thuế mới và kế ước tá điền. Ngày 20/10/1956, Diệm ban hành tiếp Dự số 57 với khẩu hiệu "Hữu sản hóa nông thôn", "Thăng tiến cần lao, đồng tiến xã hội" để lừa mị nông dân và tước đoạt những thành quả ruộng đất do cách mạng đem lại cho họ trong kháng chiến. Từ tháng 7/1955 tại làng Hồng Hải (Nam Lê Hồng Phong), ruộng làng Đức Thắng, Phú Lâm và vài địa phương ở Hàm Tân bị phát canh thu tô. Đầu tháng 8/1955, Trần Huỳnh Kỳ thu 4 tấn lúa tô của nông dân Hàm Tân; địa chủ Hàm Đức giật lại 50 mẫu ruộng hiến điền; tên Louis Langlet chiếm lại đất ở Hàm Trí và Sông Khiêng. Đến cuối 1955 số địa chủ, thực dân đã giật lại của nông dân trong tỉnh khoảng 900 mẫu ruộng được cách mạng cấp trước đây. Nhưng nhìn chung do sự đoàn kết đấu tranh của nông dân một số nơi còn mạnh nên nông dân giữ được ruộng đất. Trừ vài ba tên địa chủ ra mặt cướp lại ruộng của dân, số còn lại có tư tưởng dè chừng tình thế hai năm sau tổng tuyển

cử, nên âm mưu chiếm lại ruộng đất của dân nhìn chung chưa công khai trắng trợn. Số nông dân bị mất ruộng là do có nơi ta không có cơ sở để lãnh đạo nông dân đấu tranh với địch và nhiều nơi đến 2, 3 tháng chưa phổ biến chủ trương nên nông dân vẫn giữ nguyên lãnh canh và nộp tô theo mức trước đây cho địa chủ. Có nơi nông dân sợ địa chủ giạt ruộng cày đã nộp tô sớm loại ruộng vắng chủ.

Từ cuối 1955 đến tháng 8/1956, địch đánh phá cách mạng trên diện rộng, phong trào gặp khó khăn và việc lãnh đạo của các cấp ủy cơ sở về chính sách ruộng đất theo Nghị quyết Tỉnh ủy tháng 3/1955 (điều chỉnh Nghị quyết 9/54) không thực hiện được, nên phần lớn quyền lợi ruộng đất của nông dân được hưởng trước đây bị địa chủ lấy lại ⁽¹⁾. Nhiều nơi, Hội đồng hương chính xã của địch quản lý thu tô hoặc cho tá điền mượn tiền mặt, mức tô phổ biến từ 10 đến 15%. Riêng 10 mẫu ruộng ở Hàm Tân tô từ 16 đến 20%. Chỉ có nông dân Thái An, Ngọc Sơn huyện Bắc Bình đấu tranh có kết quả nên Hội

(1) Chủ trương của Nghị quyết Tỉnh ủy tháng 3/55: Giữ nguyên sở hữu cho nông dân, đấu tranh giành mức tô trung gian thấp hơn để trích một phần cho quỹ làng lo công ích cho nông dân; phần còn lại giữ cho dân nghèo và tùy đó để san sẻ lại với nhau trong nội bộ nông dân.

đồng hương chính của địch chỉ thu tô từ 2,7 đến 2,9%. Có nơi lợi dụng địch không nắm được diện tích công điền và sản lượng, tá điền khai thác xuống tránh được mức tô cao.

Đối với ruộng thực dân trong tỉnh có 5 sở. Trừ sở Louis Langlet trở lại chiếm hữu, còn lại 4 sở là: Sở Guidon la Vallée 50 mẫu ta, chia cho 50 nông dân xã Bình An (Bắc Bình), vẫn còn giữ được; Sở Casset có 380 mẫu trong kháng chiến ta giao cho 46 gia đình mượn sản xuất, nhưng địch lấy lại phân cho 9 tên cách mạng quốc gia đất tốt, 9 trung nông cày ruộng thường và 28 bần cố nông cày ruộng xấu và chúng định mức tô là: năm 1956 miễn tô, 1957 mức tô từ 7,5 đến 12,5%; 1958 mức tô từ 15 đến 25% sản xuất, nhưng chưa ai nộp; Sở Taxi có 30 mẫu thuộc xã Hàm Kiệm, trong năm 1954 có 55 nông dân cày không phải nộp tô, 1956 địch chủ trương đấu giá, nông dân phản đối, chúng chuyển sang cho mượn định tô, nông dân đấu tranh đòi miễn tô. Còn sở De Monestrol ở Hàm Tân nông dân vẫn giữ nguyên trạng như trong kháng chiến chống Pháp.

Còn ruộng vắng chủ (chủ yếu ở vùng căn cứ của ta trước đây) phần lớn địa chủ trở lại thu tô 10% mức sản xuất. So với trước đây, người cày được hưởng, nay phải đóng tô. Nhiều nơi

nông dân đấu tranh, vì vậy mức tô còn chưa thống nhất. Loại ruộng vắng chủ có 3 nơi nhiều nhất như ở Bắc Hàm Thuận có 55 phần, hàng năm sản xuất được khoảng 558 tấn lúa; Nam Hàm Thuận diện tích ruộng vắng chủ chiếm 6 đến 7/10 ruộng đất trong vùng. Chủ yếu số đất này là của địa chủ ở Phan Thiết. Hơn 100 mẫu đất của Trần Huỳnh Kỳ ở Hàm Tân, từ năm 1956 nộp tô mức 15 đến 17% sản xuất, nông dân đấu tranh không chịu mức tô nên chủ cũng không thu được lợi. Từ 1957, Hội đồng hương chính các xã quản lý thu tô mức 16%.

Số ruộng do địa chủ phát canh trước đây, nay một số địa chủ lấy lại bán, nên tá điền bị mất nguyên canh, trong đó có một số tá điền đã mượn tiền mặt từ 20 đến 25%. Số ruộng còn lại phát canh như trước đây với mức tô 18%. Ở Bắc Bình có loại ruộng bỏ hoang trong kháng chiến, nay nông dân khai hoang phục hóa lại, một số không nộp tô, một số phải nộp tô với mức thấp. Ở Tuy Phong một số ruộng vẫn bỏ hoang, những nơi đất tốt thì địa chủ cho vay tiền mặt hoặc nâng tô cao nên tá điền mất nguyên canh. Vùng Tam Giác và phía Bắc Hàm Thuận phần lớn địa chủ vẫn cho nguyên canh. Ở Hàm Tân loại đất địa chủ phát canh mức tô cao nhất là 25%, tăng gấp đôi so với trước.

Loại ruộng nửa công, nửa tư như ruộng các nhà chùa, nhà chung, tô vẫn mức 10 đến 15%. Riêng ở Tà Cú mức tô cao hơn.

Trong thời gian này các cuộc đấu tranh của nông dân chống lại việc cướp giạt ruộng đất hoặc không cho lĩnh canh, chống tăng tô có diễn ra, nhưng chỉ tự phát hoặc trong chừng mực nào đó có sự lãnh đạo của cấp ủy cơ sở. Trong nông dân thiết tha với quyền lợi nên giữ được mối đoàn kết để đấu tranh giành co với bọn địa chủ, Hội đồng hương chính của địch. Một số nơi có tranh thủ được Hội đồng hương chính để có lợi trong việc đòi giảm tô, bảo đảm quyền lĩnh canh. Tuy nhiên các cuộc đấu tranh tổ chức không chặt chẽ, chưa liên tục. Một số nông dân đấu tranh nửa chừng bỏ cuộc hoặc chịu mướn tiền mặt, làm hạn chế sức mạnh của phong trào, nhân đó địch thực hiện âm mưu cướp đoạt lại ruộng đất của quần chúng, nhất là các loại ruộng công điền, hiến điền và ruộng thực dân. Một số nơi ở Tam Tân, Tân Thành, Tân Thuận (Hàm Tân), bọn địa chủ cấu kết với Hội đồng hương chính và bọn tay sai cấp trên cướp ruộng của nông dân một cách trắng trợn.

4. Nông dân đấu tranh góp phần vào phong trào đồng khởi:

Đầu năm 1958, tỉnh thành lập hai đơn vị vũ trang (cấp tiểu đội) và đến tháng 7/1959, Tỉnh ủy Bình Thuận mở Hội nghị tại Ra Pú (Di Linh) bàn biện pháp xây dựng lực lượng vũ trang, nhiệm vụ sản xuất tự túc, bố phòng đánh địch... Ngày 2/9/1959, tỉnh thành lập đơn vị vũ trang tập trung đầu tiên trong chống Mỹ lấy phiên hiệu đơn vị 2/9. Những thanh niên ở vùng nông thôn Lê Hồng Phong, Hàm Thuận đã từ giã ruộng đồng, gia đình, thoát ly gia nhập vào đơn vị vũ trang của tỉnh. Từ năm 1959, nhiều cán bộ Dân Quân Chính Đảng đã tập kết ra Bắc, nay lần lượt về lại địa phương xây dựng phong trào. Tháng 3/1960, Nghị quyết 15 Trung ương được phổ biến trong cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện với phương châm "đấu tranh chính trị có vũ trang hỗ trợ" tạo điều kiện cho phong trào cách mạng trong tỉnh chuyển sang giai đoạn mới và phong trào nông dân cũng từng bước phát triển. Nhất là sau trận đánh địch ở quận lỵ chi khu Hoài Đức, phá khu tập trung Bắc Ruộng đêm 31/7/1960 đưa hơn 4.000 đồng bào thượng du bị địch dồn về đây trở về buôn làng cũ. Ra đi trong mùa mưa gió, nước sông chảy xiết, lính địch đuổi theo, đồng bào vẫn khắc phục khó khăn, vượt qua núi cao, rừng rậm, suối sâu, đưa cả đồ đạc, dụng cụ sản xuất về nơi chôn nhau cắt rốn trước đây. Diệt được một quận lỵ

chi khu, phá được khu tập trung và đưa hàng ngàn đồng bào về lại buôn làng xưa là thắng lợi lớn của Đảng bộ Bình Thuận, trong đó cũng có sự đóng góp quan trọng của những người nông dân ở vùng rừng núi này.

Tiếp theo thắng lợi ở Bắc Ruộng, hoạt động của cách mạng diễn ra nhiều nơi trong tỉnh. Từ trận diệt ác ở Tân Phú Xuân (20/8 và 18/9/1960), đến trận phá khu tập trung Bàu Ruộng (Hàm Thạnh) ngày 12/11/1960, địch ở đây chạy về Mương Mán... Ngày 9/12/1960, ta tấn công vào trụ sở Nhơn Thiện tổ chức mít tinh buộc địch bỏ chạy về Bàu Thiêu, đã tạo nên một khí thế tấn công địch rộng khắp, làm cho chúng hoang mang.

Như vậy, trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tổ chức Hội Nông dân các cấp không còn, nhưng dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, trong chừng mực nhất định người nông dân vẫn đấu tranh giành và giữ quyền lợi ruộng đất đã được cách mạng đem đến cho họ. Bọn địch càng ra sức khủng bố và không thi hành Hiệp thương thống nhất nước nhà thì địa chủ, tay sai của chế độ thực dân mới thẳng tay cướp giật quyền lợi ruộng đất của nông dân. Trong tình thế cuộc cách mạng có bước thoái trào từ cuối 1957-1959, nhiều ruộng đất của nông dân bị địa

chủ tước đoạt. Nhưng người nông dân hiểu rằng chỉ có cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo mới đem đến quyền lợi cho người nông dân, nên từ 1959, 1960 họ lại tham gia đấu tranh, góp phần vào thắng lợi chung của nhân dân trong tỉnh, mở ra cao trào tấn công địch theo phương hướng đấu tranh mới từ 1960 trở đi.

II - MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM RA ĐỜI, TỔ CHỨC NÔNG HỘI ĐƯỢC HÌNH THÀNH GÓP PHẦN VÀO TẤN CÔNG ĐỊCH, TIẾN TỚI TỔNG TẤN CÔNG TẾT MẬU THÂN (1961-1968).

Ngày 20/12/1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời đánh dấu một bước ngoặt mới của cách mạng Miền Nam. Đây là nơi tập hợp rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước vào mặt trận chống Mỹ cứu nước, giải phóng Miền Nam thống nhất nước nhà. Ngày 21/4/1961, Hội Nông dân giải phóng miền Nam Việt Nam thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời, tạo điều kiện cho việc thành lập các tổ chức Hội các cấp. Tháng 8/1961, Tỉnh ủy Bình Thuận củng cố lại tổ chức lãnh đạo kháng chiến, hình thành các cơ quan giúp việc như Ban quân sự, tuyên huấn, tổ chức, kinh tài, binh vận, hành lang và

Ban dân vận ⁽¹⁾. Ban Dân vận lúc này do đồng chí Nguyễn Gia Tú phó bí thư tỉnh ủy, kiêm trưởng ban; với nhiệm vụ là giúp cấp ủy chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể công, nông, thanh, phụ vận. Đến năm 1963, đồng chí Hoàng Từ (Trang) được bổ sung vào Thường vụ tỉnh ủy thay đồng chí Tú phụ trách dân vận và đến tháng 5/1965 chuyển về làm Bí thư huyện Hoài Đức. Tuy nhiên do đặc điểm và điều kiện của Bình Thuận lúc bấy giờ công tác nông vận cũng giống như công vận do cấp ủy các cấp trực tiếp theo dõi, chỉ đạo chưa hình thành tổ chức riêng. Riêng đoàn thể thanh niên, phụ nữ được hình thành sớm, là 2 tổ chức tập hợp đông đảo lực lượng thanh niên, phụ nữ là những nông dân tham gia đoàn thể, tham gia cách mạng.

Trước đòi hỏi phát triển của phong trào nông dân trong tỉnh cần có tổ chức để lãnh đạo, nên tháng 5/1965 Tỉnh ủy cử đồng chí Nguyễn Thanh Tâm (Rợ) Tỉnh ủy viên dự khuyết phụ trách nông hội tỉnh và đến tháng 7/1967 đồng chí Tâm về ban kinh tài, đồng chí Nguyễn Ngô (Ninh) tỉnh

(1) Các đ/c lãnh đạo Tỉnh ủy Bình Thuận từ năm 1956 đến 1958 do đ/c Võ Dân làm bí thư; từ 1958-1960 đ/c Nguyễn Gia Tú làm bí thư và từ 1961 đến 1968 đ/c Lê Văn Hiến làm bí thư. Tỉnh ủy Bắc Bình năm 1967-1968 do đ/c Nguyễn Gia Tú làm bí thư.

ủy viên thay thế phụ trách theo dõi giúp cấp ủy chỉ đạo công tác này. Các huyện cử một đồng chí cán bộ theo dõi công tác nông vận. Riêng các xã vùng giải phóng từ năm 1961 đến năm 1968, những nơi có điều kiện thì thành lập ban cán sự nông hội, nơi không đủ điều kiện thì chỉ định cán bộ theo dõi. Phần nhiều cán bộ nông vận do cấp ủy huyện, xã kiêm nhiệm.

Đối với địch, sau thất bại trong âm mưu tố cộng, đến giữa năm 1961 chúng tiến hành "chiến lược chiến tranh đặc biệt", trong đó xương sống của chiến lược này là kế hoạch "Xtalây-Taylo" bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Để thực hiện âm mưu này, chúng tiến hành kế hoạch dồn nhân dân miền Nam vào 17.000 ấp chiến lược. Ấp chiến lược vừa là "xương sống" của "chiến lược chiến tranh cục bộ", nó vừa là nơi tập trung đại đa số nông dân lao động vào những nơi quy định để kèm kẹp, bóc lột và ngăn chặn nông dân đến với cách mạng.

Ở Bình Thuận, chúng tiến hành các cuộc càn quét với quy mô lớn mang tên "Sơn Dương I, II", "Bình Lâm I, II" đánh phá, chà đi xát lại các vùng căn cứ, giải phóng, thực hiện dồn dân, rào làng, lập các ấp chiến lược. Bằng nhiều âm mưu, thủ đoạn và để lấy tiền của ngụy quyền

trung ương, đến tháng 6/1963 Tiểu khu Bình Thuận báo cáo lên trên là đã lập 180 ấp chiến lược, dồn 232.417 người trong tổng số dân 234.264 người vào sống trong các ấp. ⁽¹⁾

Để đánh bại âm mưu dồn dân, lập ấp chiến lược của địch, từ cuối năm 1961 ta liên tục tấn công địch, giải phóng Khu Lê Hồng Phong, lập lại các xã giải phóng, tiếp đó ta tấn công địch ở Hàm Thuận, Hàm Tân ... Tính đến tháng 7/1961 vùng căn cứ, vùng tranh chấp và vùng có cơ sở của ta trong toàn tỉnh có 35.320 dân trong 15 xã, 4 khu dinh điền. Trong đó vùng căn cứ có 3320 người sinh sống trong 46 thôn, buôn thuộc 6 xã; vùng tranh chấp mạnh, yếu có khoảng 8.000 dân trong 4 xã; vùng mới có cơ sở khoảng 10.000 dân trong 90 ấp, thuộc 5 xã; Dân 4 khu dinh điền có 5.500 người và 8.500 dân trong 6 đồn điền. Vùng ta chưa có cơ sở gồm 10 xã người Kinh, 3 thị trấn, 3 xã thượng du, 7 khu dinh điền và khu tập trung.

Tình hình đời sống nhân dân trong các vùng có khác nhau. Ở vùng căn cứ Tánh Linh, nhân dân bị địch dồn, lúa gạo và hoa màu bị đốt phá không sản xuất được, hoặc chỉ sản xuất được ít

(1) Theo báo cáo của địch, hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

và thiếu giống má, dụng cụ sản xuất ảnh hưởng đến đời sống. Tình hình thiếu muối, thiếu đói và thiếu vải mặc rất trầm trọng. Từ cuối tháng 8/1960, đói cơm, lạt muối, rách rưới cộng với ăn ở mất vệ sinh, sinh ra bệnh tật đau ốm, một số dân ở Tổng Cà Dồn, Sa Lon bị bệnh chết. Cũng từ tình trạng khó khăn đó nảy sinh mất trật tự, mất đoàn kết trong thôn xóm. Nhưng đến cuối năm 1961, nông dân Cà Dồn, Tố La, đã vượt qua được nạn đói cơm, lạt muối, đẩy mạnh sản xuất, bố phòng xây dựng căn cứ, đi dân công đóng góp cho cách mạng. Vụ bắp, vụ lúa sớm trong vùng căn cứ thu hoạch tháng 10/1961 đã cải thiện được một phần khó khăn. Trong vụ mùa ở Tố La, Bà Gia (Tánh Linh) thu hoạch khá, đủ ăn giáp hạt và giúp một phần lương thực cho gần 200 người dân ở khu dinh điền mới trở về⁽¹⁾. Riêng vùng căn cứ ở Di Linh bị thất thu nặng, nhất là vùng Nộp, nên tháng 12/1961 thêm 500 người dân phá khu tập trung Láng Cóc (Gia Le) trở về, không có lương thực để hỗ trợ nên hầu hết bị thiếu ăn, thiếu giống và thiếu muối.

(1) Theo Báo cáo tình hình năm 1961, ký hiệu IIDa2 lưu tại Ban Tuyên giáo tỉnh ủy: Vùng căn cứ năm 1961 gieo được 6.010 gạ lúa, 3.599 lon bắp và hàng chục nghìn bụi mì, khoai lang, ước tính thu hoạch 120.000 gạ với dân số 3.320 người đủ ăn trong 6 tháng .

Ở vùng nông thôn đồng bằng, kể cả vùng tranh chấp, vùng tạm bị địch kiểm soát và các khu tập trung, dinh điền đời sống của dân gặp rất nhiều khó khăn hơn những năm trước đây. Nhiều nơi 1/3 dân bị đói và 2/3 còn lại chạy ăn từng bữa. Nguyên nhân thiếu đói là do địch cấm đoán đi sản xuất xa và bị địch bắt đi làm xấu. Địch còn thực hiện gom dân, rào làng, lập ấp chiến lược và càn quét liên miên cũng làm cho nông dân không sản xuất được. Vùng Khu Lê Hồng Phong cây màu đem bán mua gạo. Khi địch phong tỏa thì vùng Nhơn Thiện, Xóm Xẩm, Bàu Thiêu đời sống rất khó khăn.

Đời sống còn gặp nhiều khó khăn, phong trào đấu tranh của nông dân không liên tục. Nhưng so với trước phong trào đã phát triển một bước khá, diện rộng hơn. Ở Lương Sơn địch cấm không cho dân đi làm xa để chuẩn bị kháng thành ấp chiến lược "kiểu mẫu", nhưng hàng trăm người vẫn bung ra làm ăn, chúng bắn dọa, đồng bào vẫn không nao núng. Đồng bào dân tộc thiểu số ở Tà Pao, Bắc Ruộng, Đồng Kho ra rừng làm ăn, ở lại 7 đến 8 ngày, chuyển dần tài sản chuẩn bị về núi rừng sinh sống. Những cuộc đấu tranh chống đồn dân ở Long Phú, Hàm Thạnh, Phú Lâm, Phú Sung vào cuối năm 1961 diễn ra rộng

rãi. Hơn 100 nông dân Hàm Trí bung về đất cũ sản xuất, bố phòng sống bất hợp pháp đã có tác động đến nhiều gia đình khác. Những tháng cuối năm 1961, hơn 800 nông dân các dân tộc ở các khu tập trung Cỏ Mồm, Láng Cóc, Đồng Kho tự động về lại núi rừng sản xuất, bố phòng và tự quản. Nông dân Nộp đấu tranh giành cơ chống địch dồn ra đường số 8. Nông dân Văn Mỹ, Phú Sung, Tân Phú Xuân đốt ranh rào ấp chiến lược, có cuộc từ 30 đến 40 người tham gia. Ở Lagi đấu tranh chống đuổi nhà, phá ruộng vẫn diễn ra liên tục. Trong tháng 4/1961, hàng trăm quần chúng Nhơn Thiện ký đơn cử 19 đại diện đến quận lỵ Hòa Đa xin về lại xóm cũ. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của 207 nông dân ấp Phú Khánh (Phan Thiết) chống dồn ra Ngã Hai, thu hút tề ấp, liên gia tham gia đã giành thắng lợi. Cuộc đấu tranh của 17 gia đình ở Bắc Ruộng đòi địch trả lại 17 mẫu ruộng, buộc chúng phải nhượng bộ. Đồng bào vùng giải phóng đấu tranh chống địch phong tỏa hàng hóa diễn ra liên tục, nhất là nông dân các xã Nhơn Thiện, Hàm Thạnh vừa đấu tranh trực diện, vừa tranh thủ binh lính và bọn tề, đi hợp pháp để mua bán hàng hóa vùng địch tạm chiếm, trong đó vai trò chị em phụ nữ là những người thực hiện tích cực, có hiệu quả.

Bước vào năm 1962, địch tiếp tục hành quân gom dân, xây dựng các ấp chiến lược đã hoàn thành đợt 1, rào được 138 ấp, đang tiến hành làm tiếp 39 ấp. Bên cạnh đó, chúng tăng cường bóc lột, cướp lúa, dồn lúa của dân vào các khu tập trung, ấp chiến lược, ngăn chặn nông dân giấu lúa ngoài ruộng, ngoài rừng để về đất cũ và tiếp tế cho cách mạng. Chúng bắt nông dân gặt xong chở lúa bó về nhà, không được đập ngoài ruộng. Ở Văn Mỹ, chúng tổ chức đoàn gặt xung phong, đưa lúa lên xe chở về ấp. Ở Hàm Thạnh, chúng huy động hàng trăm người ở vùng tạm bị kiểm soát đến gặt lúa, nhưng số người bị ép buộc đi gặt không muốn làm và du kích vùng giải phóng chặn đánh nên địch không thực hiện được. Ngoài ra, chúng tăng các thứ thuế đất, thuế nhà, nguyệt phí v.v... Chúng còn bắt nộp các khoản tiền củng cố ấp chiến lược 50đồng/người, tiền xây cổng gác ấp chiến lược 100đồng/người và tiền giấy phép ra vào ấp, giấy phép gặt lúa, giấy phép đi chợ v.v..., mỗi thứ 10 đồng/người. Ở Bắc Ruộng và Tân Hiệp địch còn bắt nông dân đi xây dựng ấp chiến lược từ 15 đến 30 ngày không công (đi làm xấu). Ngoài ra, địch còn phá hoa màu để xây dựng ấp chiến lược. Riêng 8 xã Ma Lâm, Tầm Hưng, Lại An, Kim Ngọc, Phú Hội, Đại Năm, Bình Mỹ Thuận, Tân Phú Xuân chúng

đã lấy 800.000m² ruộng đất của dân để đào giao thông hào quanh các ấp.

Đối với ta, diện tích sản xuất của vùng giải phóng, vùng căn cứ tăng hơn năm 1961, đời sống nông dân khá hơn. Tại vùng căn cứ, ta thực hiện chính sách ruộng đất chia công điền và giảm tô, giảm tức cho nông dân. Tuy nhiên chỉ có xã Hàm Thạnh, Hàm Phú, Hàm Trí thực hiện được việc này, còn xã Kim Bình và các xã ở căn cứ Lê Hồng Phong chủ yếu làm rẫy nên không tiến hành được, chỉ thương lượng với nhau để khai phá đất mới làm ăn. Tại các xã căn cứ và giải phóng, ta còn tổ chức các chợ kháng chiến làm nơi giao lưu mua bán giữa vùng bị chiếm với vùng giải phóng. Xã Kim Bình đem muối, cá, mắm lên Hàm Thạnh đổi lấy gạo, bắp; các xã ở Khu Lê Hồng Phong đem đậu, mè, dưa bán cho đồng bào vùng tạm bị chiếm để mua gạo, đường, vải... Việc làm ăn trong các xã căn cứ, giải phóng tuy chưa trở thành nền nếp thường xuyên nhưng bước đầu đã có kết quả.

Mỗi xã giải phóng ở đồng bằng ta đã thành lập Ủy ban tự quản, ở miền núi thành lập Ủy ban tự trị, các đoàn thể Thanh niên, Phụ nữ và Nông hội. Các thôn có Ban cán sự các giới, nhưng chưa đều. Có nhiều xã mạnh dạn rút cán bộ các

giới khác sang phụ trách công tác Nông hội. So với những năm trước đó, việc hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể các xã có nền nếp hơn. Mặt trận và các hội giải phóng đã làm được nhiệm vụ động viên quần chúng thực hiện các chủ trương, chính sách của Mặt trận đề ra có kết quả. Cuối tháng 12/1962, xã Kim Bình tổ chức đại hội Nông dân giải phóng bầu Ban chấp hành Nông hội và xã có 552 hội viên. Nông dân vùng giải phóng còn vận động các gia đình có con em làm việc cho chính quyền ngụy, hoặc vận động binh lính khi đến cần quét không được tàn phá hoa màu của gia đình họ và của dân, một chừng mực nào đó cũng làm cho chúng bớt hung hăng.

Nhờ sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất khá hơn trước, gắn với giải quyết tư tưởng ngại gian khổ, ngại phi pháo, đánh phá của địch, làm cho tình hình chung ở vùng căn cứ ổn định. Việc đóng góp cho cách mạng cũng thực hiện tốt. Tính đến tháng 12/1962, hai huyện Di Linh và Hoài Đức đã đóng góp được 10.556 tạ lúa cho cách mạng. Việc bố trí nơi ăn ở, tránh lánh, phân tán, cất giấu tài sản, bảo vệ dân khi địch cần quét được phân công, phân nhiệm cụ thể cho cán bộ, trong đó có cán bộ các giới tham gia. Tuy nhiên tình hình ở vùng căn cứ cũng còn nhiều

khó khăn, thiếu thốn, nhất là thuốc chữa bệnh và vấn đề tiêu thụ sản phẩm của nông dân làm ra. Ở Hàm Thạnh là nơi sản xuất được nhiều bắp không có nơi tiêu thụ; Thiệp Nghiệp trồng nhiều măng cầu cũng không bán được làm cho đời sống khó khăn.

Vùng địch kiểm soát, nông dân sống trong các khu tập trung, áp chiến lược, nhiều nơi ruộng vườn bị bỏ hoang và sự vơ vét của địch làm cho đời sống nông dân khó khăn. Trước khó khăn về sản xuất và sự bóc lột của địch, nhiều nơi nông dân đấu tranh phá áp chiến lược, đòi tự do đi lại làm ăn. Nông dân ở các ấp Tà Nung, Bàu Ốc, Gộp (xã Long Phú) lần lượt bỏ khu tập trung về vùng giải phóng. Nhiều nơi nông dân đấu tranh với địch không tập trung lúa bằng cách đào hầm giấu ngoài ruộng, chỉ đưa về ấp một số ít. Sau trận ta đánh địch ở quận lỵ Tam Tân (8/1961), địch cấm đồng bào trong ấp đi mua gạo ở các nơi, nông dân tập trung tới xã đấu tranh, buộc chúng phải đưa lên quận Hàm Tân giải quyết và để cho đồng bào tự do đi lại mua bán như trước đây.

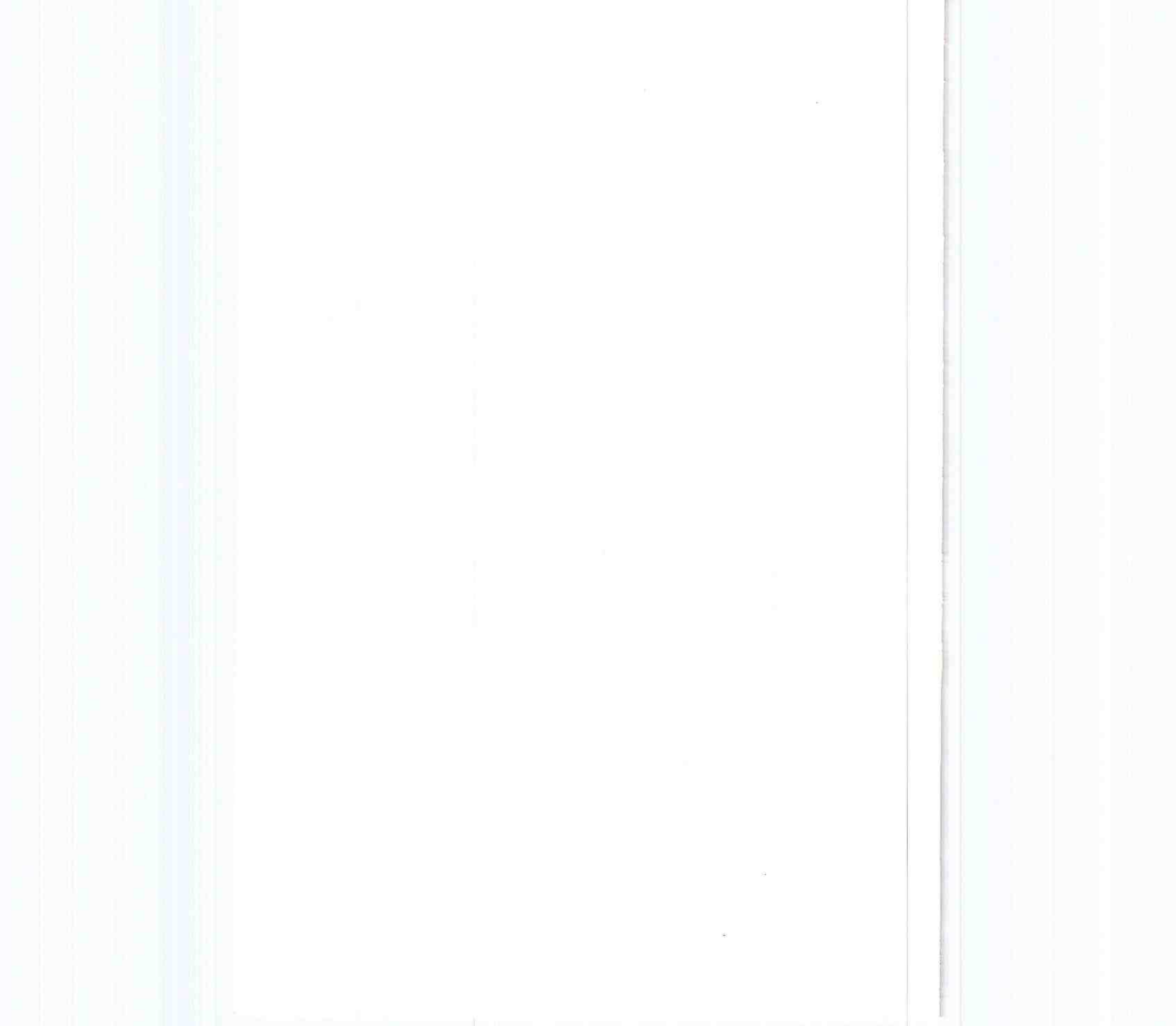
Tình hình nông dân vùng ta làm chủ cũng có những bước phát triển. Tháng 11/1961, tỉnh đề ra nhiệm vụ xây dựng xã Hàm Thạnh là xã chiến đấu như một số tỉnh ở Nam Bộ. Xã đã huy

động 3 đợt với hàng nghìn ngày công xây dựng làng chiến đấu được 25 km, cắm 35.000 mũi chông, 370 hố chông sắt; trong nhà, ngoài vườn đều có hầm tránh phi pháo. Tuy vậy, việc giải quyết những nẩy sinh mất đoàn kết trong các xã còn chậm. Quan hệ bóc lột giữa tầng lớp trên và nông dân lao động ta chưa chú ý giải quyết và có khi phát hiện chậm làm cho khối đoàn kết trong bản, cố nông chưa được củng cố vững chắc.

Để khắc phục những khó khăn, tồn đọng và nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, phát huy tình đoàn kết trong thôn xóm, các xã đều tổ chức học tập chủ trương của Đảng và Mặt trận. Những nơi có điều kiện thì học tập chính sách chia ruộng công điền. Xã Hàm Thạnh tổ chức hội nghị sản xuất có 60 nông dân tham dự và Đại hội nhân dân có 70 người. Sau khi các xã tổ chức học tập chính sách ruộng đất, việc phát động sản xuất và xác định nhiệm vụ đóng góp cho cách mạng thực hiện có kết quả. Nông hội xã Hàm Thạnh chia ruộng công điền cho 85 gia đình (có 451 khẩu), gieo được 333 giạ giống; chia ruộng vắng chủ cho 49 nông dân quản lý và lấy ruộng hiến điền, ruộng của ác ôn bỏ chạy vào vùng địch cấp cho 38 nông dân gieo được 49 giạ giống. Trong vụ mùa năm 1962, Hàm Thạnh vận động



*Nhân dân xã Hàm Phú (Hàm Thuận) nổi dậy đấu tranh,
phá khu tập trung về làng cũ làm ăn.*



giảm nhẹ lãi vay lúa non từ 100% xuống 15 đến 20%, nông dân được lợi 150 xe lúa nên rất phấn khởi. Công tác thủy lợi được chú ý, đắp đập Đốc Dầu, làm mương tưới dài 1.500m, củng cố đập Sông Linh và nạo vét 2.000m mương cũ, nhờ vậy, mùa bắp thu hoạch khá. Việc vận động sản xuất ở Nhơn Thiện bước đầu có kế hoạch nên tháng 6/1962 đã bám đất ở bìu bầu trồng được 30.000 mét lang. Vùng đất ở Giếng Chanh, Giếng Đế nhân dân đấu tranh với địch nên làm hết diện tích. Còn Thiện Nghiệp, Văn Mỹ kết quả kém hơn.

Từ sản xuất thắng lợi, năm 1962 nông dân vùng giải phóng ủng hộ, đóng góp nhiều lương thực, tiền bạc cho kháng chiến. Chỉ tính đến tháng 3-1962 xã Hàm Thạnh đóng góp được 60 tấn lúa; Nhơn Thiện ủng hộ tiền, gạo, thực phẩm trị giá 70.000 đồng; xã Kim Bình tuy có khó khăn cũng ủng hộ 35.000 đồng, 500 nông dân ở Xóm Xám, Bàu Thiêu ủng hộ 3.000 đồng và lương thực nuôi 28 cán bộ, du kích thoát ly.

Công tác đi dân công trong các xã giải phóng cũng thường xuyên thực hiện tốt. Đến tháng 2/1962, ta đã huy động 1.296 ngày công tải lúa gạo, muối và chiến lợi phẩm, trong đó nông dân Hàm Thạnh tham gia chiếm 2/3 ngày công. Các

xã Hàm Thạnh, Kim Bình còn huy động 72 xe trâu đi tải lúa. Từ tháng 3 đến cuối năm 1962 ta huy động nhiều đợt, mỗi đợt có hàng trăm người tham gia. Như nông dân Hàm Thạnh đi tải lương thực về căn cứ ở Tánh Linh; đầu tháng 8/1962, hơn 200 dân công xã Kim Bình được huy động đi tải chiến lợi phẩm sau trận ta đánh vào quận lỵ Hàm Tân. Ngoài ra, trong tháng 7, 8/1962 nông dân các xã Hàm Thạnh, Kim Bình, Thiện Nghiệp đã 5 lần được tỉnh huy động 206 người đi tham gia phá ấp chiến lược ở Tam Giác, Long Phú, Tân Hiệp.

Sang năm 1963, địch vẫn thực hiện kế hoạch Xtalay- Taylor, củng cố ranh rào các ấp chiến lược đang còn làm dang dở và dồn số dân lâu nay chúng không kiểm soát được. Địch đẩy mạnh xây dựng bộ máy kèm kẹp, bóc lột vợ vệt của cải của nông dân. Mặt khác, chúng tiếp tục càn quét, đánh phá bằng bom đạn và bao vây kinh tế vùng giải phóng, căn cứ của ta; tiến hành bắt lính đôn quân. Với những âm mưu thâm độc, xảo quyết, trong năm chúng đã dồn được một số dân vùng giải phóng, bao vây phá hoại kinh tế ta ở một số vùng và vợ vệt nhiều của cải, sức người trong vùng chúng kiểm soát phục vụ cho chiến tranh.

Đối với ta, phong trào nông dân trên 3 vùng (vùng làm chủ, vùng tranh chấp và vùng địch kiểm soát) diễn ra ở các mức độ khác nhau.

Vùng ta làm chủ, đời sống nông dân đã nâng lên một bước rõ rệt. Ở huyện Hoài Đức được mùa, Di Linh thu hoạch có ít hơn nhưng vẫn vượt qua nạn đói và huyện Tánh Linh thu hoạch vụ mùa sớm cũng khá, góp phần lương thực giải quyết cho dân và lực lượng ở vùng ta làm chủ, số dân mới phá ấp trở về căn cứ 723 người. Do nhận thức rõ giải quyết đói và lụt là hai nhiệm vụ trọng tâm của vùng làm chủ nên ngay từ đầu năm, các xã đều mở hội nghị bàn chỉ tiêu sản xuất cho từng người, hỗ trợ tương trợ lẫn nhau và chống thế bao vây kinh tế của địch. Thực hiện nhiệm vụ trên, diện tích sản xuất lần này tăng lên gấp đôi; Huyện ủy Hàm Thuận cũng đã mua giúp cho nông dân Hàm Thạnh, Đăng Gia hàng tấn gạo, 462 giạ giống. Huyện ủy Tánh Linh giúp số nông dân trong ấp chiến lược chạy ra vùng ta 200 giạ lúa ăn và giúp giống sản xuất. Đến cuối 1963, trừ căn cứ Lê Hồng Phong, toàn bộ các vùng giải phóng, làm chủ của ta đã sản xuất được 4.589 giạ lúa giống, 305 giạ bắp giống, 1.022.145 bụi mì và hàng trăm giạ đậu giống. Bên cạnh đó, các xã căn cứ ở miền núi, ta khai

thác thêm lâm, thổ sản và trao đổi hàng hóa với vùng tạm bị chiếm nên giải quyết được khó khăn. Mặt khác, trong năm ta tổ chức lấy được 3 đợt muối gồm 4.000 gia từ đồng muối Cửa Cạn (Hàm Tân), Trinh Tường (Hàm Thuận) đưa về căn cứ Tánh Linh, giải quyết được tình hình lạt muối lâu nay, đây là một thắng lợi lớn trong kinh tế kháng chiến.

Vùng tranh chấp, nông dân gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và sinh hoạt đời sống. Địch bắt đi sâu, đi canh gác và cấm đi sản xuất ở vùng ta. Khi phong trào tấn công địch diễn ra nhiều nơi, sự kèm kẹp của địch giảm đi, nông dân tranh thủ sản xuất nên có phần nào cải thiện được đời sống. Tại các nơi này, phong trào chống bắt lính, bắt sâu, chống đồn dân, rào làng liên tục nổ ra, nhưng hình thức quy mô nhỏ, lẻ tẻ, chưa có các cuộc đấu tranh quy mô lớn.

Vùng địch kiểm soát, phần nhiều là ở các khu dinh điền, thị trấn, thị xã và dọc các đường quốc lộ. Nông dân bị bắt làm ấp chiến lược, bị bắt sâu, bắt lính, bắt đi canh gác ấp... liên miên, ảnh hưởng đến đời sống. Trước bức bách, o ép của địch, nhiều khu tập trung, khu dinh điền, ấp chiến lược, nông dân đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế, quyền lợi cuộc sống. Đồng bào Quảng

Nam, Quảng Ngãi bị cưỡng ép di cư vào các khu dinh điền Quan Hà, Bắc Ruộng, Đông Kho, Đông Me đấu tranh đòi địch tiếp tục cấp thêm 3 tháng lương thực, cấp trâu bò để cày cấy và không chịu trả tiền vay nông tìn cuộc. Nông dân sống dọc đường sắt từ ga Sông Lòng Sông đến Vĩnh Hảo và 500 nông dân ấp Bàu Ốc (Lương Sơn) trực tiếp đến quận lỵ đòi địch không được thả chất độc hóa học làm hư hại hoa màu và đòi bồi thường thiệt hại.

Việc thực hiện chính sách ruộng đất và đấu tranh đòi quyền lợi ruộng đất cũng có bước tiến bộ, các cấp ủy coi vấn đề này là nhiệm vụ cơ bản nhất để củng cố liên minh công nông, mở rộng mặt trận, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng. Cho nên nhiệm vụ chung của Hội Nông dân là tiếp tục vận động thực hiện giảm tô rộng rãi, thu và tạm cấp ruộng đất của bọn tay sai thân Mỹ, tiếp tục khôi phục quyền lợi ruộng đất và giữ gìn ruộng đất đã giành được cho nông dân. Đối với vùng giải phóng, vùng làm chủ, việc tịch thu ruộng đất của bọn ác ôn, địa chủ phải được Tỉnh ủy thông qua; những ruộng đất tạm cấp, tạm giao cho nông dân, cần giáo dục cho nông dân nhận rõ là nhờ Đảng và cách mạng đem lại, nên phải tiếp tục giữ gìn và đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Đồng thời ngăn chặn

tình trạng đem bán, cầm cố loại ruộng đất tạm cấp, tạm giao. Đối với vùng địch kiểm soát, ta phát động nông dân đấu tranh đòi giảm tô một cách mạnh mẽ và rộng rãi.

Từ năm 1964, 1965 tình hình cách mạng miền Nam có bước phát triển mới, ta mở nhiều đợt hoạt động quân sự lớn và giành thế chủ động trên chiến trường. Đối với địch, sau khi lật đổ Ngô Đình Diệm (tháng 11/1963), tình hình bất ổn diễn ra trong nội bộ chúng. Trong hai năm qua đã diễn ra nhiều cuộc đảo chính lật đổ lẫn nhau.

Trong bối cảnh chung đó, thực hiện chủ trương của trên, Tỉnh ủy chủ trương mở các đợt hoạt động Đông Xuân 1964-1965 và Hè 1965. Kết quả hoạt động quân sự đã hỗ trợ nhân dân trong tỉnh đấu tranh với địch phá rã, phát ban nhiều mảng ấp chiến lược trở về đất vườn cũ làm ăn; vùng tạm bị chiếm thu hẹp, vùng giải phóng, vùng tranh chấp được mở rộng. Đặc biệt, trong chiến dịch Đông Xuân 1964-1965 ta đã giải phóng hoàn toàn huyện Hoài Đức và đại bộ phận vùng nông thôn Tánh Linh. Đến đầu năm 1966, vùng giải phóng có 33 xã, 14 ấp, giải phóng thêm 64.000 dân. Trong 6 tháng đầu năm 1965, đã có 1.000 thanh niên thoát ly tham gia lực lượng kháng chiến.

Năm 1965, Trung ương Cục miền Nam ra chỉ thị về chính sách ruộng đất và phương hướng phát triển ở nông thôn. Chỉ thị đánh giá tình hình giai cấp, tình hình ruộng đất ở miền Nam, chỉ thị nêu rõ trong thời gian từ 1960 - 1965 chính quyền Mỹ-ngụy đã cướp từ 80 đến 90% ruộng đất của nông dân đã giành được trong kháng chiến chống Pháp. Chỉ thị cũng nêu rõ nhiệm vụ chung hiện nay là: "Tất cả để kháng chiến và kiên quyết thực hiện chủ trương xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của toàn bộ giai cấp địa chủ ở những vùng nông thôn giải phóng" và đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng vùng; một số chính sách cụ thể đối với ruộng đất của địa chủ, của tư sản và chính sách về đất công điền, công thổ, hương điền, tự điền và chính sách giảm tô, giảm tức, xóa nợ, hoãn nợ trong nông dân.

Tháng 4-1965, Hội nghị Tỉnh ủy ra nghị quyết về tình hình địch trong thời gian qua, tình hình đánh phá ấp chiến lược, đấu tranh 3 vùng, xây dựng vùng căn cứ và hoạt động của các đoàn thể, mặt trận. Đồng thời nghị quyết cũng xác định nhiệm vụ cụ thể cho các công tác kháng chiến. Đối với công tác nông thôn, nghị quyết nêu rõ: Nhiệm vụ chung trước mắt là phát huy những thành quả đã giành được, tiếp tục phát

động nông dân đứng lên phá ấp chiến lược, giải phóng đại bộ phận nông thôn còn lại, làm chủ nông thôn, xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, biến nông thôn thành chỗ dựa vững chắc cho cách mạng, đẩy mạnh sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến, giành cho được một bước thắng lợi quyết định. Nghị quyết cũng nêu rõ nhiệm vụ vùng nông thôn đồng bằng phải phát động nông dân nổi dậy phá kềm, giải phóng nông thôn, khôi phục làng xóm cũ. Giải phóng đến đâu đem lại quyền lợi ruộng đất cho nông dân đến đó, xây dựng quyền làm chủ ruộng đất, làm chủ nông thôn của bản-cố nông, trung nông lớp dưới... trên cơ sở đẩy mạnh đấu tranh 2 chân (chính trị, quân sự), 3 mũi (chính trị, quân sự và binh vận), phát triển du kích chiến tranh, chống địch tái chiếm, gom dân. Mặt khác bồi dưỡng sức dân và động viên nông dân đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Vùng tranh chấp, vùng địch kiểm soát đẩy mạnh tuyên truyền về chính sách ruộng đất, những thắng lợi của vùng nông thôn giải phóng để động viên nông dân ở đây đứng lên phá ấp, phá kềm, đấu tranh đòi giảm tô, giảm tức mạnh mẽ, chuẩn bị điều kiện tiến lên phát động nông dân phá banh ấp chiến lược, giải phóng nông thôn, đem lại ruộng đất cho nông dân.

Đường lối về giai cấp nông dân của Đảng hiện nay cũng được Nghị quyết chỉ rõ: Dựa hẳn vào cố-bần nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, thực hiện khẩu hiệu "Bần-cố-trung nông một nhà", đoàn kết như con một cha, như nhà một nóc, liên hiệp với phú nông; đánh đổ toàn bộ giai cấp địa chủ ác ôn, có phân biệt về biện pháp và sách lược. Còn vùng miền núi, nghị quyết nêu rõ: Ở đây chưa phân hóa giai cấp như vùng đồng bằng, nên đường lối của ta là: Dựa vào quần chúng lao động đông đảo, đoàn kết với tầng lớp trên, lôi kéo, tranh thủ số lưng chừng, đánh đổ từng tên ác ôn hiện làm tay sai đắc lực cho đế quốc Mỹ.

Về chính sách ruộng đất, chính sách tô, tức nghị quyết nêu: Đối với vùng giải phóng từng bước thực hiện xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của địa chủ bằng các biện pháp trưng thu, trưng mua để chia cho nông dân lao động. Phú nông phải triệt để giảm tô theo quy định. Số trung nông có phát canh thu tô thì tiến hành thương lượng trong nội bộ nông dân để giảm cho hợp lý. Còn ruộng của nhà chùa, nhà thờ cũng giảm tô theo quy định. Trường hợp ruộng đất của nhà thờ, nhà chùa lấy của dân trước đây ta lãnh đạo nông dân đấu tranh đòi lại quyền sở hữu. Các loại ruộng thực dân trước đây bị ngụy quyền giết

lại và ruộng công điền, ruộng vắng chủ đều chia cho nông dân, trong đó có ưu tiên cho gia đình thương binh, liệt sĩ.

Về tổ chức Nông hội, nghị quyết đề ra là ra sức phát triển và củng cố Nông hội, xác định Nông hội là tổ chức chính trị của nông dân lao động, là tổ chức trung tâm, mạnh nhất của nông dân. Vì vậy, tổ chức này phải tập hợp các lực lượng hăng hái cách mạng nhất trong nông dân lao động, không phân biệt nam, nữ, già, trẻ, tôn giáo, dân tộc, chịu sự lãnh đạo của Đảng. Nhiệm vụ của Nông hội là đoàn kết nông dân lao động, đoàn kết nông thôn, đấu tranh giành ruộng đất, đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, tích cực kháng chiến, giành giữ vững chính quyền cách mạng. Đồng thời xác định vai trò phụ nữ trong Nông hội rất quan trọng. Phụ nữ là lực lượng chính trong sản xuất hiện nay nên phải tích cực phát triển phụ nữ nông dân vào Nông hội, ra sức đề bạt, đào tạo cán bộ nữ. Về số lượng Ban chấp hành mỗi xã phải có 9 người, trong đó $\frac{2}{3}$ ủy viên là bản-cổ-trung nông lớp dưới và $\frac{1}{3}$ ủy viên là phụ nữ. Mặt khác công tác xây dựng và phát triển Đảng ở nông thôn phải được chú trọng. Động viên mọi tầng lớp đóng góp công sức của cho kháng chiến như đảm phụ nông nghiệp, mua công phiếu kháng chiến.

Đế quốc Mỹ thất bại trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt", từ năm 1965-1968, chúng chuyển sang chiến lược "chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào tham chiến ở miền Nam, cho nên việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Cục và Tỉnh ủy về chính sách ruộng đất và chính sách nông thôn gặp rất nhiều khó khăn.

Tháng 10/1965, địch tập trung lực lượng (1 lữ đoàn quân Mỹ) đánh phá các xã giải phóng ở Bắc sông và bình định các xã Nam sông La Ngà thuộc 2 huyện Hoài Đức, Tánh Linh, lần chiếm lại xã Lương Sơn (Bắc Bình), Phước Thiện, Xuân, Phú Hải (Hàm Thuận), vùng làm chủ của ta bị thu hẹp và vùng tranh chấp đấu tranh giữa ta và địch ngày càng quyết liệt. Trong 6 tháng đầu năm 1966, địch bình định có trọng điểm ở Hoài Đức và Hàm Thuận nhằm đánh bật lực lượng ta ra khỏi vùng này, từ đó đánh phá căn cứ của ta. Sáu tháng cuối năm 1966, địch đóng các đồn Bà Gia, Bình An, Bà Gò (có D2/7 Mỹ) và chúng dùng chiến thuật thiết xa vận, trực thăng vận và bộ binh Mỹ hỗ trợ vòng ngoài tấn công vào các xã Hàm Minh, Hàm Kiêm, Hàm Phú, Hàm Trí, Hàm Thanh, Hồng Sơn... để phá kho tàng, tiêu diệt lực lượng ta. Còn quân ngụy tiến hành bình định bên trong. Mặt khác, địch dùng máy bay

rải chất độc vùng căn cứ ta. Ngày 29/12 Mỹ dùng máy bay B57 ném bom căn cứ Lê Hồng Phong và quân ngụy dựa vào xe M113 và pháo binh Mỹ càn quét vào Hàm Kiệm, Hàm Phú, Hàm Trí, Xa Ra, Tuy Hòa, xức tát hơn 1.000 dân căn cứ ở Hàm Thuận về vùng địch kiểm soát. Riêng xã Hàm Thạnh bị địch xức 400 người; vùng giải phóng Hàm Thuận bị địch gây tổn thất 200 xe lúa. Ở Hoài Đức, chúng xức dân từ Bắc sông La Ngà về Nam sông thành lập các xã mới, vùng giải phóng mỗi xã chỉ còn khoảng 100 người. Trong tháng 11/1966, chúng 3 lần rải chất độc ở vùng giải phóng Bắc sông La Ngà. Tháng 12/1966, chúng lại dùng lữ dù Mỹ 173 và sư đoàn 10 ngụy 3 lần hành quân càn quét vào 6 xã Bắc sông La Ngà, đốt nhiều lúa gạo, xức tát 87 người dân. Từ tháng 11/1966 đến tháng 7/1967 chúng càn vào các xã giải phóng Hàm Trí, Hàm Phú, Hàm Thạnh, Hàm Kiệm của huyện Hàm Thuận và Hồng Liêm, Hồng Sơn huyện Thuận Phong, đánh phá vùng căn cứ miền núi của ta. Từ tháng 5 đến cuối năm 1967, Mỹ-ngụy dùng máy bay Đacôta rải chất độc xuống các xã giải phóng Văn Mỹ (Hàm Tân), Hàm Thạnh, Hàm Cần, Đăng Gia, miền Đông Tánh Linh, Bắc sông La Ngà và 3 xã căn cứ Thuận Phong làm cho lúa, lang, mì đều bị chết, gây khó khăn lớn cho ta. Mặt

khác chúng tăng cường bao vây kinh tế, không cho hàng hóa cần thiết như gạo, muối, vải, thuốc chữa bệnh vào vùng căn cứ, vùng giải phóng. Cuộc chiến đấu của quân và dân ta chống Mỹ-ngụy càng trở nên khó khăn, ác liệt.

Tình hình vùng căn cứ, vùng giải phóng có những thuận lợi, khó khăn ở từng địa phương trong từng thời gian khác nhau. Ở huyện Hoài Đức sau ngày được giải phóng, cuối 1964 nông dân gặt lúa mùa và thu hoạch hoa màu phụ, diện tích sản xuất cả ruộng, rẫy được hơn 3.000 ha và đóng góp nhiều sức người, sức của cho kháng chiến. Ngày 23/6/1966 Huyện ủy Thuận Phong họp, có cán bộ Nông hội huyện dự bàn giải quyết điều chỉnh ruộng đất chung cho vùng giải phóng trong huyện, trong đó chú trọng đến tình hình ruộng đất của xã Hồng Sơn. Toàn xã đã có hơn 336 ha, chia cho nông dân từ 1965, có hộ phải nhận nhiều nơi và do biến động dân số, ảnh hưởng đến sản xuất. Một số ruộng tịch thu của số địa chủ trước đây, nay xét lại họ không phải ác ôn nên ta trả lại ruộng. Vì vậy việc điều chỉnh ruộng đất lần này ở xã Hồng Sơn phải căn cứ vào tình hình thực tế thiếu nhiều cấp nhiều, thiếu ít cấp ít và không thiếu không cấp. Để đạt yêu cầu như chủ trương đề ra, ta tổ chức cho nông dân học

tập, bàn bạc trên tinh thần đoàn kết. Mức điều chỉnh mỗi nhân khẩu 1,5 sào, gia đình nào còn thiếu thì cấp thêm, số ruộng còn thừa để dành giải quyết cho thương binh và những gia đình từ vùng địch kèm trở về. Số ruộng này trong thời gian chưa cấp giao cho Nông hội quản lý để giao cho những hộ nông dân có khả năng canh tác, nộp tô cho cách mạng. Còn các xã Hồng Thái, Hồng Tân, Hồng Liêm (Hòa Đa) chính quyền giải quyết theo nghị quyết Tỉnh ủy đề ra là giảm tô. Số ruộng nông dân chạy vào vùng địch thì Nông hội xã tạm quản lý giao cho nông dân khác sản xuất, khi họ về giao lại.

Vùng căn cứ miền núi Di Linh (thuộc Bình Thuận) có khó khăn do đói cơm, lụt muối, thiếu thuốc nên ốm đau lại tái diễn, nhưng qua phát động, quần chúng vẫn quyết tâm bám núi rừng sản xuất, tham gia kháng chiến và bắt đầu củng cố, xây dựng Nông hội giải phóng.

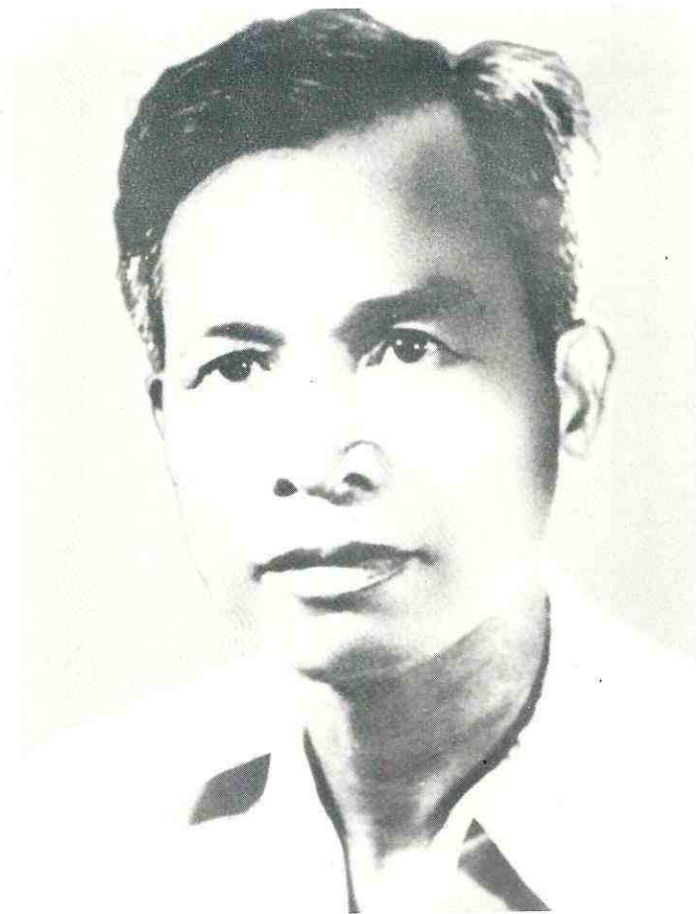
Vùng tạm bị chiếm, nông dân chống đồn, đấu tranh đòi quyền lợi chính đáng hàng ngày. Nông dân Láng Cháy, Bà La, Rạng, Gò Bồi, Tam Giác, Huy Khiêm, Tề Lễ, Làng Mới, Tân Hiệp đấu tranh đòi về vườn đất cũ, bung ra làm ăn ở vùng nông thôn, đòi địch bồi thường hoa màu do chúng rải chất độc...

Phong trào và tổ chức nông dân phát triển nên kết quả sản xuất khá, tạo nguồn thu tài chính cho cách mạng cũng được nâng lên. Trong vụ mùa năm 1966, 1967 thu hoạch nhanh, gọn; địch không cướp phá được nhiều, ta có dự trữ. Ngoài ra trong các vùng căn cứ, giải phóng đã cứu tế 700.000 đồng và giúp vốn cho dân sản xuất được 2,5 triệu đồng. Các nguồn thu đảm phụ nông nghiệp, thu sản xuất tự túc của các cơ quan, thu tiền bán lâm sản và thu thuế chiếm 89% tổng thu cả năm, góp phần quan trọng vào chi tiêu cho lực lượng vũ trang và phong trào trong tỉnh. Công tác thu mua lương thực 5 tháng đầu 1967 đạt 44% so với kế hoạch đề ra.

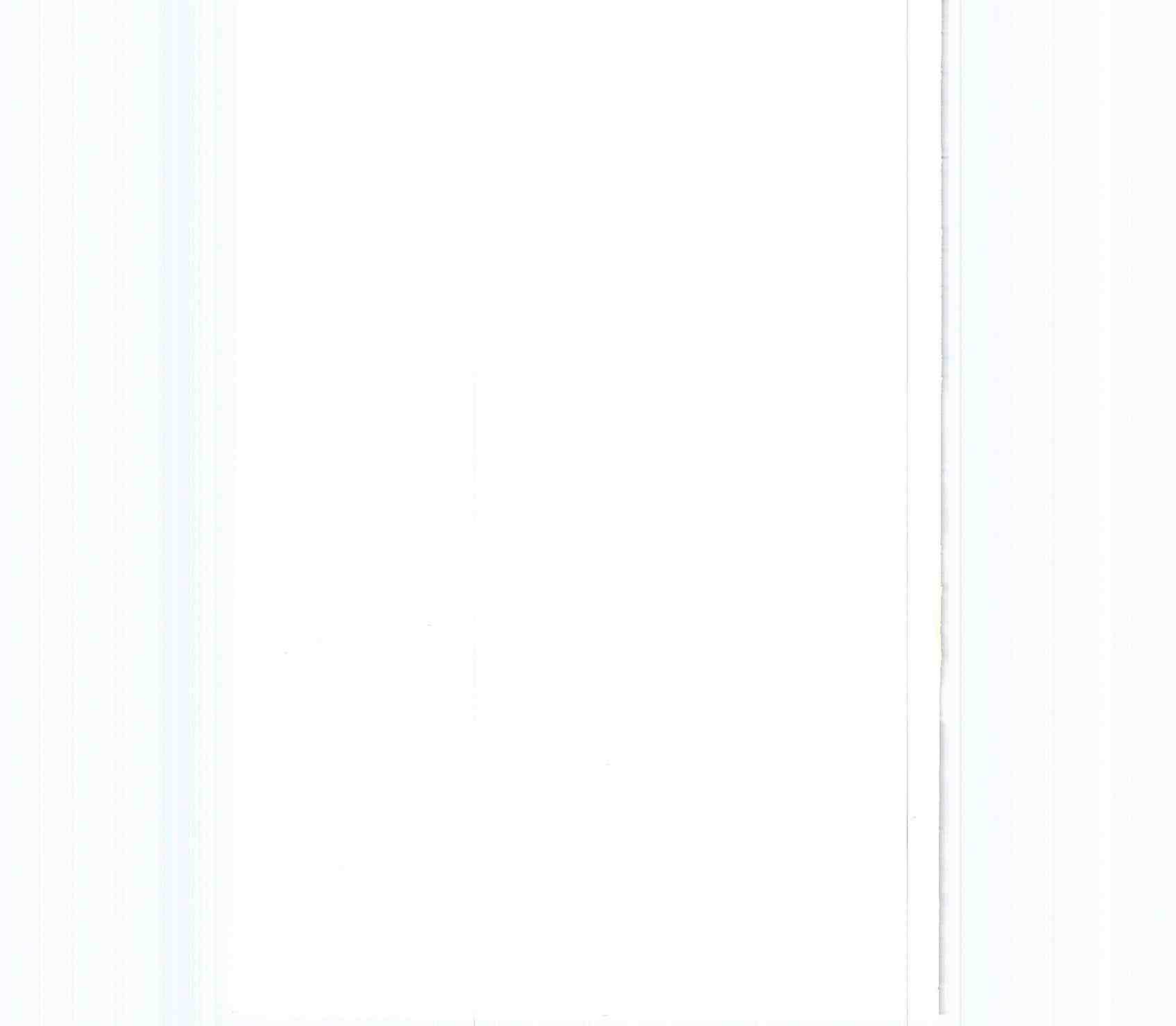
Cùng với sản xuất, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được chú ý. Ta tổ chức cho hội viên Nông hội học tập lời kêu gọi của Bác Hồ 17/7/1966, tài liệu về nâng cao cảnh giác cách mạng, chống chiêu an, chiêu hồi của địch v.v... Từ đó làm cho nông dân hiểu được tình hình chung, xác định lập trường của mình, tích cực tham gia cách mạng. Mặt khác, phong trào học tập bổ túc văn hóa ở miền núi được duy trì, giáo dục phổ thông ở đồng bằng có nơi vẫn được duy trì củng cố. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân có chú ý hơn trước.

Đầu năm 1967, Khu ủy Khu 6 quyết định tách các huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong cùng với huyện K67 của tỉnh Tuyên Đức thành lập tỉnh Bắc Bình, do đồng chí Nguyễn Gia Tú làm bí thư. Về Nông hội Bình Thuận, đến cuối năm 1967 đồng chí Nguyễn Ninh về làm Bí thư Hàm Thuận thay đồng chí Nguyễn Văn Bốn chuyển về làm Bí thư Phan Thiết, Tỉnh ủy phân công đồng chí Nguyễn Thành thay và Nông hội tỉnh Bắc Bình do đồng chí Ngô Nhuận phụ trách. Riêng ở huyện Hàm Tân tổ chức Nông hội các xã vùng giải phóng được củng cố. Ban chấp hành Nông hội xã Tân Thành có 7 người (trong đó có 1 ủy viên là phụ nữ), 2 Ban cán sự nông hội thôn có 7 người và toàn xã có 14 tổ nông hội với 94 hội viên (có 24 hội viên nữ). Xã Hàm Minh có 1 Ban cán sự nông hội và toàn xã có 4 tổ với 23 hội viên. Xã Tân Thắng (Hiệp Hòa) có 2 tổ nông hội với 14 hội viên.

Để tiếp tục chỉ đạo công tác nông hội từng vùng, Tỉnh ủy chủ trương: Vùng giải phóng phải có khoảng 70% dân số vào các tổ chức giải phóng, trong đó đa số vào nông hội và vận động quần chúng đấu tranh 3 mũi, xây dựng thôn chiến đấu, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến. Vùng tranh chấp mạnh ta phải nắm được 60% nông dân và số gia đình còn lại vận động họ



Đồng chí Nguyễn Ninh (Ngô)
Phụ trách Nông hội tỉnh Bình Thuận năm 1967 và Chủ tịch
Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải từ năm 1984 đến năm 1985.



hướng về cách mạng, động viên họ đấu tranh 3 mũi, đóng góp sức người, sức của và đi dân công ngắn hạn 6 - 7 ngày. Vùng tranh chấp yếu, ta cố gắng nắm khoảng 40-50% dân số, hướng họ vào đấu tranh 3 mũi, đào hầm bí mật và huy động 70-80% quần chúng tham gia đóng góp cho kháng chiến. Còn vùng phá lỏng kèm, bọn tề cầu an, lưng chừng nên vận động quần chúng đấu tranh đòi dân chủ, dân sinh, đòi bung về làng cũ làm ăn.

Hoạt động Đông Xuân 1966-1967 và hoạt động mùa khô 1967-1968, ta đã gây cho địch nhiều tổn thất. Trước tình hình có nhiều biến chuyển thuận lợi, Bộ Chính trị Trung ương Đảng quyết định mở đợt tổng tấn công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 trên toàn miền Nam. Khu ủy Khu 6 chọn thị xã Phan Thiết là trọng điểm tấn công của Khu. Vào đợt (31/01- 31/3/1968), ta đã đồng loạt đánh vào các mục tiêu ở thị xã Phan Thiết, làm chủ một số khu vực, chiếm các thị trấn Phú Long, Phan Rí, đánh diệt địch ở chi khu Hoài Đức và tấn công nhiều mục tiêu khác... gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề, đối phó bị động.

Hòa chung với cuộc tấn công của lực lượng vũ trang và nhân dân các thị trấn, thị xã, nhiều

nơi ở vùng ven đã đẩy lên phong trào quần chúng với khí thế khởi nghĩa. Hàng trăm nông dân tham gia các cuộc mít tinh, nổi trống mõ, đi tuần hành trong các thôn xóm, hô vang các khẩu hiệu cách mạng, truyền tin chiến thắng, phô trương thanh thế, kêu gọi địch đầu hàng... Hàng ngàn người tham gia phá lộ, dựng chướng ngại vật, đốt trụ sở, ranh rào ấp chiến lược; lập chính quyền cách mạng. Đồng bào nhiệt tình giúp đỡ bộ đội chiến đấu, nuôi thương binh; hàng trăm thanh thiếu niên gia nhập lực lượng vũ trang, tự vệ, đi dân công hoặc thoát ly tòng quân. Mặt khác, quần chúng còn chống bắt lính, đôn quân, chống địch cướp phá bóc lột, vợ vét của cải, đòi bồi thường thiệt hại. Ở vùng căn cứ, giải phóng trong đợt tổng tấn công và nổi dậy năm 1968, nông dân rất phấn khởi, được học tập tình hình nhiệm vụ, học tập lời kêu gọi của Bác Hồ, đã hăng hái xây dựng căn cứ và đi dân công phục vụ tiền tuyến. Phong trào sôi nổi nhất là xã Hồng Liêm (Thuận Phong). Trong đợt hoạt động này, nhiều nơi tổ chức quần chúng được củng cố lại; sinh hoạt Đảng, đoàn thể đi vào nền nếp. Chính quyền cách mạng được thành lập ở các xã miền núi và đồng bằng mà trước đây bị địch đánh phá, dồn dân để tổ chức, lãnh đạo nhân dân tăng gia sản xuất, bố phòng, chiến đấu, phục vụ chiến đấu, đoàn kết

giúp đỡ lẫn nhau và trấn áp bọn phản cách mạng. Nhờ đó, sản xuất trong năm tăng cả diện tích và sản lượng, nhiều nơi được mùa lớn.

Nhìn chung, từ sau cuộc nổi dậy ở Bắc Ruộng, tấn công quận lỵ, chi khu, phá khu tập trung năm 1960 cho đến đợt tổng tấn công nổi dậy Xuân 1968, kẻ thù đã hai lần thay đổi chiến lược và từ năm 1965, Mỹ cùng các nước chư hầu đưa quân vào Miền Nam nước ta cùng quân ngụy đánh phá phong trào cách mạng, làm cho cuộc kháng chiến của ta trở nên ác liệt. Do đó tổ chức Nông hội và phong trào nông dân trải qua nhiều khó khăn, thử thách. Nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ, tổ chức và phong trào Nông hội có bước phát triển đáng kể. Bộ máy lãnh đạo Nông hội các cấp tuy chưa đủ mạnh, nhưng đã hình thành từ tỉnh đến xã. Nhiều xã giải phóng tổ chức Hội phải lập đi, củng cố lại nhiều lần. Phong trào đấu tranh của quần chúng có bước chuyển biến mới và từ khi có chủ trương, chính sách cụ thể về 3 vùng thì phong trào đấu tranh cách mạng từng vùng có khởi sắc hơn, góp phần đưa phong trào chung phát triển lên cao. Nông dân tham gia các hoạt động kháng chiến như đóng góp của cải, công sức cho cách mạng, gia nhập các đoàn thể, các lực lượng vũ trang

và trực tiếp đấu tranh với địch, xóa bỏ áp chiến lược, mở ra triển vọng mới tốt đẹp cho phong trào cách mạng ở địa phương .

III. PHÂN CHIA LẠI TỔ CHỨC, Củng cố PHONG TRÀO, NÔNG DÂN BÌNH THUẬN, BÌNH TUY TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TẤN CÔNG ĐỊCH (1968-1973).

Theo chủ trương của Trung ương Cục miền Nam, Khu VI đã tổ chức lại địa bàn hai tỉnh Bắc Bình, Bình Thuận lại cho phù hợp với tình hình mới. Tháng 8/1968, tỉnh Bắc Bình sáp nhập vào Bình Thuận và tách các huyện Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức lập tỉnh Bình Tuy theo địa giới hành chính của địch.

Tỉnh Bình Thuận có diện tích 4.404 km² (hơn 440 nghìn ha). Diện tích đất có điều kiện sản xuất lúa lúc bấy giờ khoảng hơn 20.000 ha, diện tích trồng màu 5.670 ha. Còn lại là rừng và các đồi cát. Hệ thống thủy lợi chỉ có 2 đập Đồng Mới (ở Hòa Đa) và đập Cây Khế (Hàm Thuận) đủ tưới cho 3.500 ha, còn lại là sản xuất dựa vào nước trời. Về tổ chức hành chính, ta chia Bình Thuận thành 6 huyện, 1 thị xã: Phan Thiết, Thuận Phong, Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Thuận Bắc, Thuận Nam. Còn ngụy quyền Sài Gòn chia Bình

Thuận 8 quận: Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý, Hải Ninh, Hải Long, Thiện Giáo, Hàm Thuận và xã Châu Thành- Phan Thiết. Dân số đến 30/01/1969, toàn tỉnh có 269.404 người. Trong đó số dân thị xã, thị trấn 196.385 người, riêng Phan Thiết 108.778 người, (thời kỳ chống Pháp dân số thị trấn, thị xã chiếm 40% tổng dân số cả tỉnh). Diện tích trồng lúa 1960 là 19.200 ha, đến 1968 còn 16.398 ha (theo số liệu chế độ ngụy Sài Gòn), trong đó diện tích trồng lúa của Thuận Phong và Hàm Thuận chiếm 13.000 ha, riêng cánh đồng Tam Giác diện tích 4.000 ha. Nhìn chung sản xuất mới bảo đảm 50% lương thực. Ruộng sản xuất lúa chủ yếu vùng địch kiểm soát, còn vùng tranh chấp, vùng căn cứ, vùng giải phóng diện tích 2.461 ha, phần nhiều là đất rẫy, trồng màu là chính.

Tỉnh Bình Tuy có các huyện Hoài Đức, Tánh Linh, Hàm Tân, thị xã Lagi. Năm 1970 ta lập thêm Ban cán sự Nam Thành ở Bắc sông La Ngà và cắt các xã miền núi ở Tánh Linh cùng với huyện Di Linh của tỉnh Lâm Đồng thành lập huyện căn cứ Nam Sơn trực thuộc khu ủy Khu VI chỉ đạo. Phần đất còn lại của Tánh Linh ta thành lập Ban cán sự Nam Thắng. Năm 1973 thành lập thêm huyện Nghĩa Lộ. Đối với ngụy quyền, chúng

chia Bình Tuy thành 3 quận: Hàm Tân, Tánh Linh, Hoài Đức và Tân Phước là xã Châu Thành. Diện tích 3.637km²; rừng chiếm 8/10 diện tích toàn tỉnh và dân số có 164.943 người, gồm 9 dân tộc (Kinh, Rắclây, K'Ho, Chăm, v.v...).

Sau khi chia tách tỉnh, bộ máy Nông hội 2 tỉnh được chấn chỉnh. Tháng 10/1968, Ban Nông hội tỉnh Bình Tuy có 2 đồng chí, do đồng chí Nguyễn Thanh Hà (Mười Kiệm) phụ trách ⁽¹⁾. Tháng 9/1969, Ban Chấp hành Nông hội tỉnh Bình Thuận được thành lập do đồng chí Nguyễn Thành phụ trách; năm 1974, đồng chí Thành ra miền Bắc chữa bệnh, đồng chí Ngô Nhận thay. Đồng chí Thảo (tức là Đại - hy sinh năm 1972), Hạnh, Được, Sơn, Hòa, Phi, Tường ủy viên Ban Chấp hành và đồng chí Trọng là cán bộ Nông hội tỉnh. Do điều kiện thiếu cán bộ nên sự phân công cán bộ phụ trách các huyện có nhiều thay đổi. Các đồng chí Hà (nông hội Thuận Nam), đồng chí Tường (Nông hội Thuận Bắc) năm 1970 đi học ở Nông hội Khu VI về, chuyển sang công tác khác. Sau đó tỉnh điều đồng chí Phi về phụ trách

(1) Tháng 5/1970, đồng chí Nguyễn Thanh Hà là ủy viên Ban Chấp hành Nông hội Khu 6 tiếp tục phụ trách Nông hội Bình Tuy, đến tháng 7/1973 ra miền Bắc chữa bệnh, cuối năm 1975 về lại, tiếp tục phụ trách Nông hội Bình Tuy cho đến khi sát nhập vào tỉnh Thuận Hải.

nông hội Thuận Bắc, nhưng không được bao lâu lại phân công nhiệm vụ khác, Nông hội huyện Phan Lý do đồng chí Sơn phụ trách, đồng chí Hiền làm văn phòng hội. Nông hội huyện Hòa Đa do đồng chí Được làm thư ký. Đồng chí Hạnh được phân công theo dõi công tác nông hội ở các huyện phía Nam tỉnh.

Ngày 29/9/1970, đồng chí Lâm Quang Huyền (cán bộ Nông hội Miền) về kiểm tra theo dõi phong trào Nông hội Bình Thuận và làm việc với các đồng chí Nguyễn Đăng Kỳ (Nông hội Khu VI), đồng chí Nguyễn Quý Đôn, Nguyễn Ninh thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận cùng đồng chí Nhạn là nông hội tỉnh ban chủ trương mở phong trào đấu tranh ở các huyện Bắc tỉnh Bình Thuận; phân công đồng chí Nhạn chỉ đạo nông hội 3 huyện Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong; đồng chí Thảo thường trực Hội chỉ đạo nông hội huyện Thuận Phong.

Số lượng hội viên nông hội Bình Thuận năm 1968 có 2.733 người; Bình Tuy có 557 người. Đến tháng 3/1969 Bình Thuận tăng lên 3.134 hội viên (1.081 hội viên nữ) và Bình Tuy có 771 hội viên (có 112 là nữ). Như vậy, từ khi Mỹ đưa quân vào Bình Thuận, đến 1968 tổ chức Nông hội có bị xáo trộn, từ năm 1969 đã được củng

cố, phát triển đi lên và vùng yếu cũng đặt mạnh phát triển cơ sở của Nông hội.

Chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ bị quân và dân cả nước ta đánh bại, buộc chúng phải điều chỉnh chiến lược. Từ 1969, địch thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" nhằm mục tiêu cơ bản là rút quân Mỹ ra khỏi miền Nam, vẫn giữ được chính quyền tay sai không sụp đổ. Do đó chúng đẩy mạnh bình định "cấp tốc" và "phi Mỹ hóa chiến tranh". Ở 2 tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy, chúng đưa quân cộng hòa vào làm nhiệm vụ bình định. Chúng ra sức giành dân, xúc dân vào ấp chiến lược, ráo riết tổ chức phòng vệ dân sự, đồn quân bắt lính, củng cố nguy quân, nguy quyền ở cơ sở. Năm 1971, địch đưa 12.000 Việt kiều từ Campuchia về lập khu tập trung dân ở Nam Cánh ESEPIC và Kim Bình nhằm thiết lập vành đai bảo vệ Phan Thiết từ phía Nam. Nhưng do cuộc sống khổ cực và dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự Nam Cánh, nhân dân đấu tranh, năm 1974 địch phải đưa dân vào Long Khánh.

Năm 1972, địch tiến hành khai hoang để thực hiện giành dân, giành đất với ta. Ở Bình Tuy, chúng tiến hành ủi phá địa hình từ Km 30 quốc lộ I vào đến Long Khánh; vùng Sơn Mỹ

đến Km 46 (quốc lộ 55 ngày nay) và ở tỉnh lộ 3 Gia Huynh đi Trà Tân, ủi phá đến đâu chúng đưa dân đến sinh sống, xây dựng nhà thờ, nhà chùa, lập tế và cài cấy gián điệp đến đó. Ở Bình Thuận chúng tập trung ủi phá từ Hàm Kiệm vào đến Ba Hòn và vùng Sông Lũy. Hoạt động của địch tạm thời thu được một số kết quả, gây cho ta một số khó khăn tổn thất, làm cho sản xuất và đời sống một số nông dân bị xáo trộn, không ổn định.

Tuy nhiên, các âm mưu trên của địch bị lực lượng vũ trang và quần chúng giáng trả nên kế hoạch của chúng thất bại, ta giữ được phong trào. Ta phát động quần chúng học tập lời kêu gọi ngày 3/2/1969 của Hồ Chủ tịch; tình hình nhiệm vụ Xuân Hè, giải pháp chính trị 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Qua đó ở vùng làm chủ yếu, ta vẫn được nông dân ủng hộ, phục vụ đánh địch, bán hoặc ủng hộ hàng trăm xe lúa gạo, có nơi không vào lấy được, quần chúng gửi vật chất hoặc tiền ủng hộ ra cho ta. Vùng giải phóng, vùng ven do địch ra sức càn quét đánh phá liên miên nên một số nơi gặp nhiều khó khăn, nhất là ở Tam Giác và căn cứ xã Hàm Minh, nhiều gia đình phải ăn củ rừng, rau, cháo hàng tháng trời. Các xã miền núi Hàm Thuận sản xuất chỉ đủ ăn 4 tháng. Các xã căn

cứ thuộc Phan Lý sản xuất đủ ăn 2 năm... Đảm phụ kháng chiến chỉ thu được 2.899.055 đồng/dự kiến 4.500.000đồng.

Phong trào đấu tranh của nông dân diễn ra nhiều nơi với nhiều hình thức khác nhau. Tháng 9/1969, hàng ngàn quần chúng ở Phan Thiết đấu tranh cả tháng buộc địch chở gạo từ Sài Gòn ra bán cho nhân dân. Hơn 200 đồng bào Thượng Sông Trao (Ma Lâm) kéo về quận Thiện Giáo đòi tự do ra rừng làm ăn. Đồng bào các xã Hàm Liêm, Hàm Chính (Hàm Thuận), Hồng Sơn, Hồng Liêm, Sa Ra (Thuận Phong), Tịnh Mỹ (Phan Lý) nhiều lần ra chặn đầu xe tăng của Mỹ không cho chúng chạy vào ruộng lúa, buộc chúng phải chạy theo hướng khác; hơn 60 nông dân Hàm Kiệm (Thuận Nam) đấu tranh chống địch bán đất với giá cao. Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của nông dân Hòa Đa trong tháng 8/1970, buộc địch phải khai thông mương Cầu Queo. Đây là một cầu nhỏ nằm trên quốc lộ I, cách Phan Thiết 60 km về phía Bắc. Cầu bắc qua con mương cái đưa nước từ đập Đồng Mới về tưới cho các cánh đồng rộng trên 800 mẫu thuộc các xã Hồng Thái, Chợ Lầu (Hòa Đa), Tịnh Mỹ và Hựu An (Phan Lý). Cuối 1967, du kích Hồng Thái phá cầu để ngăn chặn quân địch càn quét vào vùng ta, sau đó địch đặt cống bằng sắt, xe tăng địch chạy qua

lại nhiều lần cống bị sập tắt dòng chảy, làm 60 mẫu lúa và 30 mẫu bắp bị chết. Nông dân xôn xao, lo lắng, nguyện vọng của họ là phá cống để lấy nước về. Trước tình hình đó, Nông hội Hòa Đa trao đổi ý kiến với chi bộ xã Hồng Thái bàn biện pháp lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Được sự đồng ý của thường vụ Huyện ủy Hòa Đa, Ban lãnh đạo cuộc đấu tranh gồm 3 đồng chí: đồng chí Bảy Túc, huyện ủy viên, đồng chí Huỳnh Văn Thừa nông hội xã Hồng Thái, đồng chí Nguyễn Được thư ký Nông hội Hòa Đa và đồng chí Hai Huyền cán bộ Nông hội Miền. Mục tiêu và biện pháp của cuộc đấu tranh là dùng lực lượng quần chúng đông đảo đi đào mương Cầu Queo để làm áp lực buộc địch phải làm cầu, có nước tưới cho đồng ruộng. Ban chỉ đạo sử dụng Ban quản trị mương Cầu Queo làm lực lượng đấu tranh công khai, hợp pháp và bố trí cơ sở bên trong làm nòng cốt giáo dục phát động quần chúng. Cuộc đấu tranh diễn ra liên tiếp trong 9 ngày (từ ngày chuẩn bị 23/8 đến 31/8/1970). Ngày 23/8 ta tổ chức cuộc họp có 150 người dự bàn kế hoạch, ngày 26/8 đưa kiến nghị về quận, về tiểu khu. Ngày 29/8, đại diện nông dân gặp tên tỉnh trưởng đang dự lễ sắc tộc tại Phan Lý, tỉnh trưởng đồng ý cho đào mương Cầu Queo vào 30/8. Sáng 30/8 có gần 350 nông dân các xã Hựu

An, Tịnh Mỹ, Chợ Lầu, Hồng Thái vác xẻng, cuốc, xà beng tiến về Cầu Queo. Trong lúc nông dân đang đào cống có 4 xe bọc thép và 1 trực thăng đến uy hiếp, cốt cán kịp thời động viên quần chúng bình tĩnh đào vét, kéo ống bi lên khai thông dòng chảy. Đường bị đào, xe cộ bị ùn tắc lại, buộc địch phải cho công binh ra làm cầu. Cuộc đấu tranh đến chiều ngày 31/8/1970 kết thúc, gây tiếng vang trong vùng, có tác động tốt đến tinh thần nông dân.

Tháng 8/1970, cuộc đấu tranh của gần 3.000 đồng bào Hàm Tân (Bình Tuy) chống Mỹ cưỡng hiếp làm chết hai mẹ con bà Bạc, với khí thế sôi sục, kéo về quận đòi địch trừng trị bọn Mỹ, đòi bồi thường nhân mạng và đòi Mỹ rút về nước. Tháng 4/1971 hơn 300 nông dân ở Võ Đắc chống tên đại úy Lập, quận phó quận Hoài Đức ác ôn áp bức quần chúng. Hay cuộc đấu tranh của 300 nông dân Võ Xu xô xát với địch giành lại hàng trăm bao lúa bị chúng cướp. Nông dân Võ Xu còn đấu tranh chống địch cướp 30 ha đất sản xuất cấp cho Việt kiều Campuchia về nhằm thực hiện âm mưu di dân dân của chúng.

Từ ngày 4 đến ngày 9/7/1970, Hội nghị cán bộ Nông hội Nam Trung Bộ lần thứ 2 được tổ chức. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cho cán bộ hội các cấp, phát động nông dân đoàn kết đẩy mạnh

tấn công 3 mũi; ở vùng căn cứ, vùng giải phóng kiên quyết chống càn quét của địch, thực hiện khẩu hiệu "Một tấc không đi, một ly không rời", và đẩy mạnh phong trào "Thi đua sản xuất thắng Mỹ". Hội nghị cũng đặt ra vấn đề vận động nông dân trong diện các gia đình binh sĩ và nhân viên nguy quyền nhận rõ trách nhiệm với Tổ quốc, kêu gọi chồng, con em của họ trở về.

Tiếp đến Khu ủy Khu VI ra chỉ thị số 108 về việc giải quyết quyền lợi ruộng đất của nông dân trong Khu. Chỉ thị đánh giá tình hình thực hiện chính sách ruộng đất từ 1965-1968 trong Khu và đề ra chủ trương tới. Thường vụ Khu ủy chủ trương mở một đợt phát động nông dân ở nông thôn đồng bằng đấu tranh đòi giảm tô trong mùa thu hoạch sắp tới và chống nộp tô, nộp tiền đấu giá công điền cho địch. Mức tô thực hiện là 15%.

Cuối năm 1970, Tỉnh ủy Bình Thuận mở Đại hội chiến sĩ thi đua sản xuất chống Mỹ, tổng kết thành tích trong 2 năm 1969 và 1970. Đại hội đã điểm lại những thành tích thi đua sản xuất thắng Mỹ trong 2 năm qua. Thành tích của nông dân trong những năm qua bao gồm chống phá ấp chiến lược có trên 10.000 dân bung về đất cũ, 4.000 dân cất chòi ở lại vườn, rẫy làm ăn lâu dài, nông dân biết đoàn kết với nhau để đấu

tranh. Việc sản xuất được đẩy mạnh, giải quyết được nạn đói và toàn tỉnh đóng góp 40 triệu đồng, 2.000 gia lúa cho cách mạng. Động viên chồng, con thoát ly tham gia kháng chiến. Tiến hành làm thủy lợi để đẩy mạnh sản xuất; như Hàm Thuận chỉ trong năm 1970 nạo vét 12.460 mét mương đưa nước về ruộng. Nông dân Hàm Thạnh tu sửa lại đập Sông Linh bảo đảm tưới tiêu và cuộc đấu tranh buộc địch phải làm lại Cầu Queo ở Phan Lý - Hòa Đa.

Với thành tích trên, năm 1970 Ban chấp hành Hội nông dân giải phóng Nam Trung Bộ đã quyết định:

Tặng Bằng khen cho: Phong trào Nông dân huyện Thuận Bắc, Nông dân xã Hàm Minh (Thuận Nam) và Nông dân xã Hồng Thanh (Thuận Phong).

Tặng Giấy khen cho: Phong trào nông dân các xã Hàm Phú (Thuận Bắc), xã Hàm Trí (Thuận Bắc), xã Chợ Lầu (Hòa Đa) và Phong trào đối công hợp tác xã Hàm Thạnh huyện Thuận Nam.

Đây là những bằng khen, giấy khen đầu tiên mà nông dân các xã và huyện thuộc Thuận Bắc, Thuận Nam, Hòa Đa do có nhiều thành tích được Hội Nông dân giải phóng Nam Trung Bộ khen thưởng.

Qua tổng kết "thi đua sản xuất thắng Mỹ", vùng căn cứ, giải phóng tỉnh Bình Thuận trong năm 1970 trồng trĩa được 940 thùng lúa giống, 1.647 lít bắp giống và 248.517 gốc mì; tỉnh Bình Tuy sản xuất được 295 thùng lúa giống, 563 lít bắp giống, 83.630 bụi mì, 61.120 thước lang và 170 lít đậu.

Các tỉnh cũng xây dựng được tổ chức làm ăn tập thể, như Bình Tuy có 28 tổ đổi công, hợp tác với 249 lao động; Bình Thuận có 26 tổ đổi công hợp tác gồm 333 lao động.

Để tạo điều kiện dễ dàng cho nông dân từ vùng yếu, vùng địch tạm kiểm soát ra vùng do cách mạng quản lý sản xuất làm ăn, Khu VI đề ra "Một số chính sách khuyến khích sản xuất trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ" như sau:

1- Chính quyền cách mạng bảo đảm ai vào cây cấy nơi nào được quyền thu hoa lợi (kể cả gia đình binh lính địch).

2- Chống bỏ ruộng hoang, khuyến khích khai hoang.

3- Chăm bón ruộng đất tốt được khuyến khích và không phải tăng phần đóng đảm phụ nông nghiệp so với mức quy định.

4- Bảo đảm tự do thuê mượn nhân công và thuê trâu bò cày cũng như máy móc nông nghiệp.

5- Bảo đảm tự do vay mượn, lời lãi do hai bên thỏa thuận.

6- Đẩy mạnh việc giúp đỡ lẫn nhau.

7- Chính quyền địa phương giúp đỡ sản xuất.

Đầu năm 1972, trên chiến trường Bình Thuận, Bình Tuy quân địch chuyển sang kế hoạch "bình định củng cố". Tháng 3/1971, quân Mỹ cơ bản rút hết ra khỏi địa bàn hai tỉnh chỉ để 55 tên cố vấn Mỹ và ra sức bắt lính, đôn quân để thay thế cho số lính Mỹ-chư hầu đã rút về nước.

Đối với ta, năm 1972 là năm thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng là đánh bại về cơ bản chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ ngay trên chiến trường miền Nam. Vì vậy, từ 6/4/1972 ta mở cuộc tấn công vào các vị trí của địch ở hai tỉnh và chống địch lấn chiếm.

Phối hợp với lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng khác, Nông hội các cấp trong thời gian này thực hiện Chỉ thị số 33 của Khu ủy Khu VI về đánh phá bình định nông thôn của địch. Nhiều địa phương trong hai tỉnh mở hội nghị để phát động quần chúng. Riêng Bình Thuận đã

mở Đại hội Chiêm Thành và Đại hội dân tộc Nùng ở Phan Lý. Các huyện khác mở 33 hội nghị nông dân có 1.123 người dự với thời gian từ 2 đến 4 ngày. Sau đó các Nông hội tổ chức đấu tranh phối hợp 3 mũi. Về mũi vũ trang, nông dân Kinh, Thượng, Chiêm, Nùng tham gia đấu tranh đông đảo hơn với nhiều mức độ, như tham gia du kích, an ninh mật, tự vệ mật, canh gác báo tin, rải truyền đơn và tham gia diệt ác. Về đấu tranh chính trị diễn ra nhiều hơn. Các cuộc đấu tranh gắn chính trị với đấu tranh đòi dân sinh. Các đợt đấu tranh tập trung vào : phá kềm, bung dân về ruộng vườn cũ sản xuất, chống bắt lính, đôn quân... Trong đó có hàng trăm nông dân xã Hậu Quách đã sôi nổi tham gia đấu tranh giành quyền lợi đời sống và chống địch cướp đất. Còn đấu tranh binh vận, ta kết hợp tuyên truyền chính sách 10 điểm của Mặt trận dân tộc giải phóng cho binh lính và gia đình họ, hướng dẫn anh em binh lính chống đi chiến trường xa, co cụm, án binh bất động, đồng tình tham gia đấu tranh với nhân dân.

Để chuẩn bị cho đợt chồm lên khi có thời cơ, theo sự chỉ đạo chung, Ban Nông hội Khu VI đã đề ra công tác nông hội cho các tỉnh là: Phải xác định rõ vai trò, vị trí của tổ chức quần chúng trung tâm ở nông thôn, khẩn trương phát động

các tầng lớp nông dân nêu cao truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất, đoàn kết giai cấp, chung lưng đấu cật vùng lên đấu tranh, nổi dậy đồng loạt, liên tục, quyết liệt và bằng 3 mũi tại chỗ tấn công làm tan rã lực lượng địch, diệt ác phá kềm, bung về sản xuất, đưa phong trào lên thế tranh chấp mạnh, tạo điều kiện bung dân về ruộng vườn đất cũ, tạo thế ăn ở, sản xuất, chiến đấu, mở rộng diện lỏng, rã kềm.

Thực hiện chủ trương chồm lên, đêm 26/01/1973 vào đợt, ở Bình Thuận, ta tấn công vào 26 ấp, trụ lại lâu nhất là 3 ngày như ấp Phú Nhung. Ở Bình Tuy, ta tấn công vào 18 ấp và làm chủ nhiều đoạn đường trên quốc lộ 1, đường liên tỉnh 2, 3 và 23... Qua đợt hoạt động, nông dân phấn khởi, nhiều nơi nông dân bung về làng cũ làm ăn với tổng số 12.000 người và vùng tranh chấp có 346 gia đình, 2.408 khẩu bung ra và ở lại làm ăn.

Về công tác xây dựng Hội, tính đến tháng 6/1972, thực lực Nông hội phía trước của Bình Thuận có 165 tổ với 944 hội viên, 29 Ban cán sự có 85 cán bộ và 4 Ban chấp hành xã với 19 cán bộ. Ở Bình Tuy có 85 tổ với 375 hội viên, 12 Ban cán sự có 36 cán bộ (chưa tính thực lực vùng căn cứ, vùng giải phóng đồng bằng như

Tân Thành, Tân Thắng, Bà Giêng). Cuộc đấu tranh vừa qua, Tỉnh hội có 2 đồng chí ủy viên Ban chấp hành và ở huyện có 1 cán bộ Nông hội hy sinh. Sáu tháng đầu 1972, số lượng hội viên Nông hội Bình Thuận tăng 236 người, còn quý II Nông hội Bình Tuy tăng 75 hội viên và 3 Ban cán sự. Tuy nhiên, hệ thống tổ chức Nông hội các cấp chưa đều khắp, một số huyện và nhiều xã thiếu cán bộ chuyên trách nên các chủ trương của Hội không chuyển đạt được đến hầu hết hội viên.

Như vậy, từ sau cuộc tấn công Mậu Thân 1968 đến đầu năm 1973, phong trào nông dân 2 tỉnh gặp nhiều khó khăn do địch thực hiện chiến lược Việt Nam hóa một cách quyết liệt, giành giật với ta cả kinh tế, chính trị, quân sự. Nhưng với khí thế cách mạng sẵn có, nông dân hai tỉnh cùng với các đoàn thể khác và lực lượng vũ trang, lực lượng Dân-Chính-Đảng liên tục tấn công địch, giành nhiều thắng lợi quan trọng, góp phần đánh bại kế hoạch bình định của chúng.

IV. NÔNG DÂN BÌNH THUẬN, BÌNH TUY ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH LẤN CHIẾM, THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH PARI VÀ GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG QUÊ HƯƠNG (1973-1975).

1- Đấu tranh chống lấn chiếm và đòi địch thực hiện Hiệp định Pari.

Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết vào ngày 27/01/1973 và có hiệu lực từ 7 giờ ngày 28/01/1973 ở Việt Nam. Trên chiến trường 2 tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy, ngay ngày đầu tiên thực hiện ngừng bắn chúng đã mở 23 đợt phản kích vào vị trí của ta. Từ tháng 4/1973 chúng đẩy mạnh ủi phá địa hình và đưa 14.000 dân Quảng Trị, Quảng Nam đến lập thêm 4 ấp, 7 khu tập trung ở Bình Tuy và ở Bình Thuận, chúng đưa đồng bào Quảng Ngãi đến hình thành một ấp dân cư mới ở Sông Lũy. Chúng tập trung phi pháo, máy bay và bộ binh càn quét vào các bàn đạp và một số vùng căn cứ Thuận Phong, Hàm Thuận. Bên ngoài nống ra lấn chiếm, bên trong chúng bình định. Từ tháng 5 đến tháng 10/1973, địch co cụm phòng thủ, đối phó với tấn công của ta.

Về kinh tế, ngoài việc đưa dân các nơi đến Bình Thuận, Bình Tuy để lập các ấp mới trên các vùng đất chúng mới ủi phá và nhằm thực hiện chính sách phát triển kinh tế, chúng cho tư sản từ các thành thị ra khai thác gỗ, đất ở các vùng căn cứ, vùng rừng núi nhằm làm trống địa hình, cài cắm gián điệp để nắm tình hình của ta.

Về ta, từ khi Hiệp định Pari có hiệu lực, nông dân rất phấn khởi. Trên khắp các vùng, bằng các hình thức khác nhau, ta tổ chức tuyên truyền nội dung và ý nghĩa thắng lợi của Hiệp định; đồng thời động viên nhân dân nâng cao cảnh giác cách mạng, chống địch phá hoại Hiệp định, càn quét, lấn chiếm vùng giải phóng, đấu tranh đòi về đất cũ làm ăn, kêu gọi anh em binh sĩ trở về với gia đình, dân tộc, v.v... Tại vùng căn cứ, giải phóng ta tổ chức nhiều cuộc mít tinh mừng thắng lợi về Hiệp định. Như vùng căn cứ Nam Sơn của Khu 6 tổ chức mít tinh có hơn 500 người dân tộc thiểu số tham dự và đâm trâu ăn thề trung thành với cách mạng.

Qua 9 tháng thi hành Hiệp định Pari, đối với ta nhìn chung duy trì được thế tấn công địch, đẩy mạnh các mặt công tác phía trước, phía sau lên một bước mới. Về sản xuất trên các địa bàn đạt được một số kết quả. Vùng Hàm Thạnh, Đăng Gia- Hàm Cần dân số có 490 người cùng với 1.300 người thoát ly đứng chân trên địa bàn, tính chung đã sản xuất 1.195 giạ lúa giống, 990 lít bắp giống và 495.000 gốc mì. Khu vực Bắc Hoài Đức dân số có 360 người, lực lượng thoát ly đóng tại đây có 140 người (có 1 đội sản xuất chuyên nghiệp trên 100 người) và có 160 đồng bào Thượng ở hai buôn Tà Riêng, Đăng Lang của Nam Sơn

chuyển xuống đây sản xuất. Diện tích sản xuất 600 mẫu. Riêng nông dân tại chỗ sản xuất 800 gia lúa giống, 366 lít bắp giống và 166.000 gốc mì. Căn cứ Nam Sơn dân số 4.800 người đã trồng tría khoảng 6.000 thùng lúa giống, 3.998 lít bắp giống và 3 triệu gốc mì. Huyện Nam Sơn cũng dự kiến xây dựng vùng F4 (xã Đông Giang ngày nay) trở thành một thị tứ của căn cứ, Nam Sơn còn xây dựng một công doanh (nông trường) sản xuất ở Đông Bắc Tánh Linh do đồng chí Nguyễn Văn An nguyên bí thư huyện Di Linh phụ trách. Diện tích sản xuất Bình Thuận tính chung cả vùng căn cứ và giải phóng trên 600 mẫu, đã gieo trồng 28.826 gia lúa giống và 2.747.000 gốc mì.

Tháng 5/1973, Trung ương Cục Miền Nam có chỉ thị xây dựng kinh tế vùng căn cứ, vùng giải phóng và trong đó có chủ trương chuyển thể sản xuất từ vùng cao xuống vùng thấp và vùng đất bằng, thì Bình Thuận và Nam Sơn đã thực hiện trước một bước. Như K'lon (Phan Lý) phần nhiều đã chuyển từ vùng cao xuống vùng đất cũ sản xuất. Toàn xã có 145 người (31 gia đình) đã chuyển nhà ở sát ruộng vừa làm ruộng, vừa làm rẫy. Đồng bào Bà Giêng (Tánh Linh) có 74 người chuyển xuống làm ruộng ở đồng bằng. Ngoài ra đồng bào vùng yếu chuyển ra vùng ta sản xuất ngày càng nhiều như ở Sông Mao, Hàm Trí, Hoài

Đức sản xuất với diện tích 400 ha. Nam Sơn đưa dân vùng Con Hai, Tân Bưởi xuống vùng Cà Tót (nay là xã Đông Tiến) để sinh sống, sản xuất lúa nước. Phong trào sản xuất của các đơn vị lực lượng thoát ly có tiến bộ. Các cơ quan Khu VI, Bình Thuận đã mua thêm 40 đôi trâu bò và 3 máy kéo phục vụ cho tăng gia sản xuất. Vùng Búng Tròn (Hàm Thạnh) là nơi các cơ quan Khu tập trung sản xuất.

Vận dụng pháp lý Hiệp định, ta đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị với địch, đòi tự do đi lại làm ăn. Nhiều nơi quần chúng vùng ven ra vùng ta làm ăn lâu dài. Bên cạnh đó đấu tranh chống địch vơ vét của cải, đòi giải quyết đời sống ở vùng địch cũng thường xuyên diễn ra.

Về đấu tranh binh vận, quần chúng mạnh dạn tiếp xúc với binh lính địch tuyên truyền chính sách hòa hợp dân tộc. Phòng vệ dân sự nhiều nơi sau khi được tuyên truyền, nhiều người trả súng, hoặc chỉ còn hoạt động hình thức, chiếu lệ. Ở Bình Tuy có 1 toán phòng vệ dân sự mang 9 súng giao nộp cho cách mạng. Ở Bình Thuận giải trang 2 toán phòng vệ dân sự, thu 19 súng.

Công tác xây dựng Hội đến cuối 1973, Bình Thuận ở phía trước có 234 tổ Nông hội với 1.181 hội viên; Bình Tuy có 82 tổ với 396 hội viên.

Còn vùng căn cứ , giải phóng, tổ chức Nông hội Bình Thuận có 80 tổ với 747 hội viên; Bình Tuy có 75 tổ với 235 hội viên và Nam Sơn có 75 tổ với 684 hội viên. Việc xây dựng các tổ đổi công, hợp tác, ở Bình Tuy xây dựng được 13 tổ gồm 111 lao động; Bình Thuận xây dựng 44 tổ, có 730 lao động và Nam Sơn xây dựng 163 tổ với 2.730 lao động. Ngoài ra, mỗi tỉnh còn tập hợp nông dân dưới các hình thức ngành nghề như làm ruộng, làm rẫy, làm rừng, làm biển... Bình Thuận có 117 nhóm với 1.125 quần chúng; Bình Tuy có 10 nhóm với 165 quần chúng.

Ban chấp hành Nông hội Bình Thuận đến cuối 1973 có 7 ủy viên (1972 có 8 ủy viên). Cấp huyện có 3 Ban chấp hành gồm Hòa Đa, Hàm Thuận, Thuận Phong với 16 cán bộ. Hai huyện Phan Lý, Tuy Phong chưa hình thành Ban chấp hành Nông hội nhưng có 4 cán bộ chuyên trách. Còn Nông hội các xã phía trước có 4 Ban chấp hành với 18 cán bộ; vùng căn cứ, vùng giải phóng có 13 Ban chấp hành với 54 cán bộ, các ấp phía trước có 30 Ban cán sự với 95 ủy viên. Vùng căn cứ, giải phóng có 14 Ban cán sự thôn với 42 ủy viên. Ở Bình Tuy, trước tháng 6-1973 đồng chí Nguyễn Thanh Hà (Mười Kiệm) phụ trách Nông hội tỉnh, đến năm 1974, đồng chí Hồng Hanh thay. Ở huyện Hàm Tân, Hoài Đức có 3

cán bộ chuyên trách, các xã giải phóng có 6 Ban chấp hành gồm 22 cán bộ và các ấp phía trước có 10 Ban cán sự với 33 ủy viên. Căn cứ Nam Sơn của Khu VI lúc này chưa có cán bộ chuyên trách công tác nông hội.

Đầu năm 1974, Nông hội Khu VI đề ra nhiệm vụ trung tâm của công tác Nông hội Khu trong năm là: Ra sức phát động, tập hợp, động viên lực lượng nông dân tấn công địch 3 mũi tại chỗ, đánh bại một bước kế hoạch bình định lấn chiếm mới của địch, giữ vững vùng giải phóng, giữ vững phong trào vùng làm chủ, tranh chấp, vùng sâu, vùng yếu và mở rộng diện làm tan rã địch. Ra sức xây dựng khối đoàn kết nông dân, động viên xây dựng vùng căn cứ, giải phóng, phát triển sản xuất theo quy mô, tốc độ mới. Khẩn trương xây dựng Hội cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng tổ chức Hội cả 3 cấp, bảo đảm sự chỉ đạo của Hội thông suốt đến cơ sở, nhằm tạo thế và lực mới cho cách mạng trong nông dân, tạo cơ sở tấn công địch ngày càng mạnh hơn và sẵn sàng đối phó với địch trong mọi tình huống.

Sau khi có Hiệp định Pari, âm mưu của địch đối với nông thôn là bình định, ủi phá địa hình, lấn chiếm vùng giải phóng, vơ vét của cải vùng tạm bị chiếm, phá hoại Hiệp định Pari một cách

trắng trợn. Bên trong chúng tăng cường hành quân cảnh sát và cho tư sản trong thành phố ra khai hoang, cày cấy ở vùng ta với nhiều hình thức tinh vi. Lập nhiều công ty như "Công ty di dân ấp Nùng", "Công ty khai hoang" để thực hiện các âm mưu lấn đất, di dân, ủi phá địa hình. Mở rộng vành đai phòng thủ ở nam Phan Thiết, Lagi; di dân lấn chiếm các vùng dọc đường 1, đường 20. Chúng tiếp tục cướp đất của nông dân được cách mạng chia cấp. Như ở xã Hàm Phú (Hàm Thuận), từ 1971 đến nay chúng cướp của nông dân gần 300 ha ruộng đất. Xã Hồng Sơn (Thuận Phong) bị chúng cướp 170 ha.

Trong tình hình và bối cảnh mới, Nông hội vẫn tiếp tục tuyên truyền chủ trương, chính sách, giáo dục vận động quần chúng nông dân đấu tranh chống địch. Trong năm, Bình Thuận tiến hành Đại hội dân tộc Chiêm-Nùng có 112 người dự. Phong trào đấu tranh 3 mũi của nông dân như bùng ra sản xuất ngày càng đông và trên diện rộng. Nông dân Tánh Linh, Hoài Đức (Bình Tuy) sau khi phát động đã đấu tranh với địch, với tư sản giành lại được 140 ha đất chia cho 131 gia đình và vận động 135 gia đình khác ra khai hoang phục hóa trên 250 ha. Nông dân Láng Gòn, Phước Hội ở Lagi (Bình Tuy) chặn đầu xe

ủi không cho chúng ủi vào ruộng vườn. Gần 100 gia đình ở Hiệp Hòa bị đồn về thị xã Lagi nay bung về ruộng vườn cũ sản xuất. Ở Tánh Linh có 180 gia đình cất chòi ở vườn đất cũ và ở Hàm Thuận có 149 gia đình bung về vùng giải phóng sinh sống.

Phong trào nông dân phối hợp với các giới, các ngành tấn công binh vận bằng cách tuyên truyền chính sách của cách mạng cho binh sĩ và gia đình binh sĩ. Ở Hoài Đức, sau trận ta đánh đồn Gia Huynh, có 85 gia đình kéo đến quận đòi chồng con em, gây thổi động trong hàng ngũ của địch.

Về công tác phát triển sản xuất, diện tích được tăng hơn và thời kỳ này đã dùng máy cày phục vụ sản xuất⁽¹⁾. Bình Tuy đắp thêm 5 đập mới như Sông Dinh, Tân Thuận, v.v... tưới cho 140 ha mới phục hóa trong năm 1974. Việc vận động chuyển dân vùng cao xuống sản xuất vùng thấp có được chú ý, xã Kà Lon (Bình Thuận) đã thực hiện ổn định sản xuất, đời sống. Ở Hàm

(1) Trâu bò làm sức kéo của nhân dân vùng căn cứ, vùng giải phóng ở Bình Thuận có 313 con; của các cơ quan 83 con và 1 máy cày. Ở Bình Tuy trâu bò của dân 24 con, của cơ quan 18 con và 5 máy cày. Căn cứ Nam Sơn có 12 trâu bò của dân và 9 con của cơ quan.

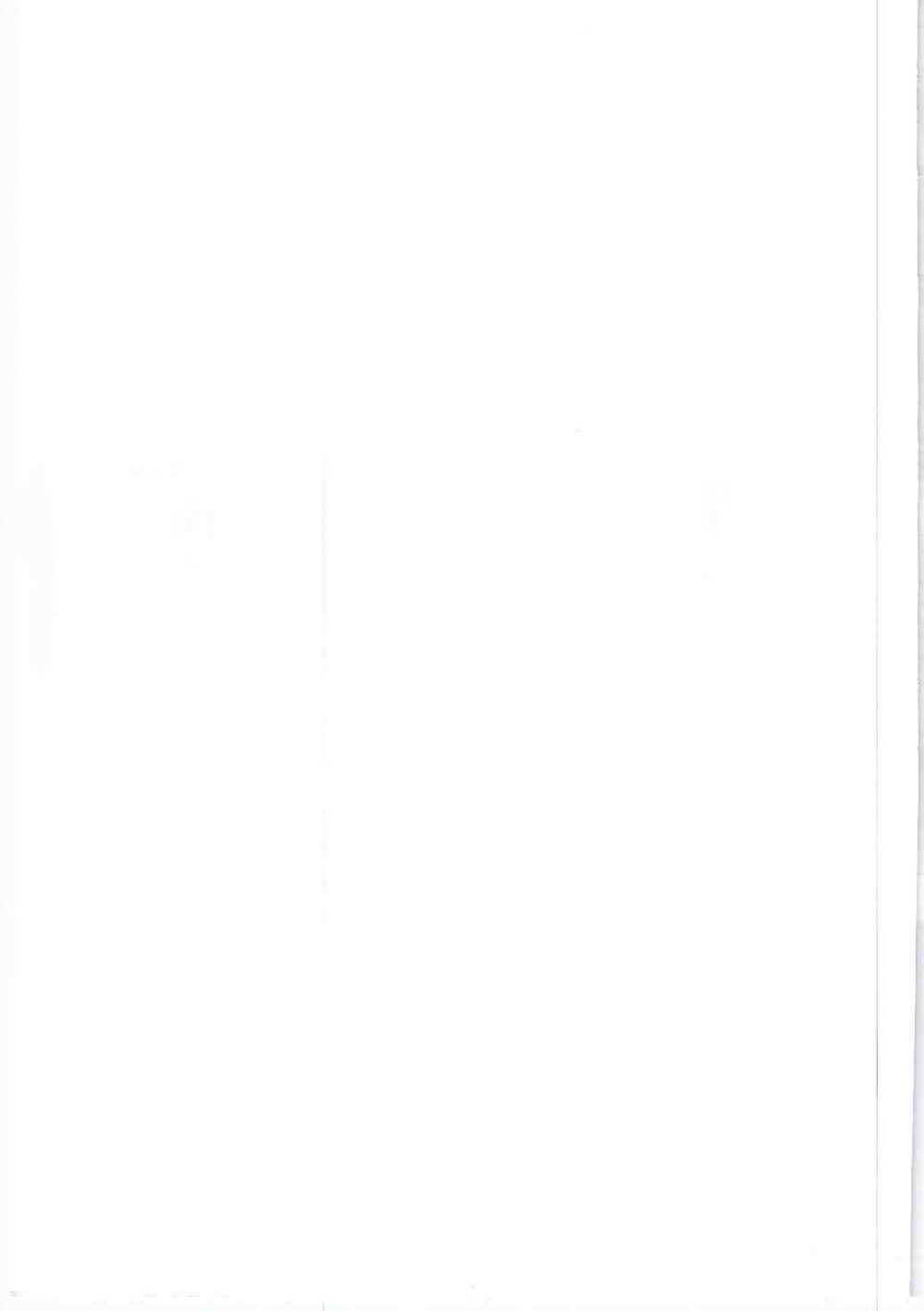
Phú, Hàm Trí, Hàm Thạnh (Hàm Thuận) đã khai hoang phục hóa số ruộng bỏ hoang trước đây. Việc giải quyết ruộng đất cho nông dân không có ruộng ở Hàm Thuận trong năm 1973 bằng cách san sẻ trong nội bộ nông dân và khai khẩn được đất hoang ở 3 xã (Hàm Phú, Hàm Thạnh và Hàm Chính) nên đã chia cấp cho 197 hộ với 1.261 ha. Ở Tánh Linh, nông dân phía trước chống địch và tư sản chiếm đất, đã thu hồi và phân phối cho 131 hộ với 140 ha.

2- Nông dân hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy góp phần giải phóng quê hương:

Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng tháng 1 năm 1975 hạ quyết tâm: "Động viên sự nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn dân cả hai miền, trong thời gian 2 năm 1975-1976 đẩy mạnh tấn công quân sự, đấu tranh chính trị, kết hợp với đấu tranh ngoại giao làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam theo hướng có lợi cho ta... tạo điều kiện chín muồi, tiến hành tổng công kích, tổng khởi nghĩa tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ Trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng miền Nam". Thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, quân dân toàn miền Nam liên tục tấn công địch giành nhiều thắng lợi.



Mừng què hương giải phóng.



Trên chiến trường Bình Thuận, Bình Tuy từ cuối 1974 đầu 1975 ta đẩy mạnh tấn công địch ở nhiều địa phương . Trong đó nổi lên là các đợt tấn công giải phóng huyện Tánh Linh vào cuối 1974 và giải phóng huyện Hoài Đức vào tháng 3/1975, làm cho vùng căn cứ, giải phóng được mở rộng liên hoàn, tạo bàn đạp thuận lợi cho cuộc tiến quân vào giải phóng Sài Gòn.

Từ sau chiến thắng của ta ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên trong tháng 3/1975, trên chiến trường miền Trung thu nhiều thắng lợi, nhiều tỉnh đã hoàn toàn giải phóng. Đối với Bình Thuận-Bình Tuy sau chiến thắng Hoài Đức, Tánh Linh ra sức tấn công địch với tinh thần "xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện". Ngày 8/4/1975 ta giải phóng Ma Lâm; 17/4 giải phóng Tuy Phong; 18/4 giải phóng Hòa Đa; 19/4 giải phóng Phan Thiết; 23/4 giải phóng Hàm Tân và 27/4/1975 giải phóng đảo Phú Quý, mảnh đất cuối cùng của tỉnh Bình Thuận .

Hòa nhịp với cuộc tấn công quân sự, trong tháng 3 và tháng 4/1975, nông dân hai tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng hăng hái tham gia và phục vụ chiến đấu, phối hợp với các lực lượng của trên giải phóng quê hương. Vùng giải phóng được mở ra đến đâu, nông dân tham gia giữ gìn trật

tự, truy quét tàn quân, ổn định đời sống trên 3 vùng đồng bằng, đô thị và miền núi. Ủy ban quân quản các cấp nhanh chóng được thành lập giải quyết các vấn đề đời sống, xã hội cho nhân dân, vận động nông dân bị địch xúc tát gom dân trước đây trở về lại ruộng vườn cũ, giải quyết chính sách ruộng đất cho nông dân, tổ chức các tổ vận công đoàn kết, hỗ trợ nhau sản xuất, nhanh chóng củng cố tổ chức phát triển hội viên và lập tổ chức Nông hội vùng mới giải phóng. Trong bối cảnh khẩn trương, nhộn nhịp và bẽ bộn của thời kỳ giải phóng, nông dân đã tự giác tham gia học tập các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước dưới sự chỉ đạo của Nông hội các cấp.

Suốt 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phong trào cách mạng Bình Thuận, Bình Tuy đã trải qua biết bao thử thách, khó khăn, gian khổ, tổn thất, hy sinh, có lúc tưởng chừng không vượt qua được. Giai cấp nông dân Bình Thuận, Bình Tuy là bộ phận chủ lực của lực lượng cách mạng, người bạn đồng minh của giai cấp công nhân, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Bác Hồ kính yêu. Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng và Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam ra đời tiến hành đấu tranh vũ trang hỗ trợ đấu tranh chính

trì, tiến lên đấu tranh 2 chân, 3 mũi rộng khắp trên 3 vùng chiến lược, thì phong trào nông dân không ngừng phát triển cả về chất và lượng. Cũng từ đó tổ chức Nông hội phát triển, góp phần thúc đẩy sự lớn mạnh của phong trào đấu tranh cách mạng của nông dân trong tỉnh.

CHƯƠNG V

GIẢI CẤP NÔNG DÂN BÌNH THUẬN TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975-2000)

I - BỐI CẢNH BÌNH THUẬN SAU NGÀY QUÊ HƯƠNG GIẢI PHÓNG :

Thắng lợi ngày 30/4/1975, đánh dấu một bước ngoặt lịch sử của cách mạng Việt Nam. Sau 45 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân ta đã đánh thắng các tên đế quốc xâm lược, giành độc lập tự do cho Tổ quốc, thống nhất nước nhà, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày giải phóng, hệ thống chính trị hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy được củng cố, bổ sung

lực lượng để bảo đảm công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong thời kỳ mới. Từ sau ngày 30/4 đến cuối năm 1975, tình hình trong tỉnh có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn, thách thức đặt ra cho Đảng bộ cũng như chính quyền cách mạng tỉnh Bình Thuận và Bình Tuy.

Nhân dân trong tỉnh phấn khởi, từ nay đất nước không còn bị chiến tranh, bom đạn của kẻ thù không còn tàn phá, chết chóc, gia đình được đoàn tụ, chính quyền về tay nhân dân, nông dân lao động được đổi đời, làm chủ đất nước, làm chủ đồng ruộng. Qua học tập chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước, nông dân hiểu rõ hơn về giai cấp và trách nhiệm của mình đối với đất nước. Từ đó, nhiều người giải tỏa được các nhận thức sai lầm do địch tuyên truyền xuyên tạc trước đây và xác định chỉ có con đường đi theo cách mạng, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thì họ mới được giải phóng.

Tuy vậy, sau ngày giải phóng chúng ta phải đương đầu với nhiều khó khăn, thách thức do hậu quả chiến tranh trong 30 năm qua để lại: Nền kinh tế phụ thuộc vào viện trợ, nay không còn nữa, hàng vạn ngụy quân, ngụy quyền tan rã tại chỗ không có việc làm, 30 vạn dân bị địch gom vào các ấp chiến lược, 18 vạn dân các tỉnh

miền Trung bị địch đưa đến các vùng tranh chấp trước đây còn thiếu nơi ăn, ở, việc làm và hơn 3 vạn ha ruộng đất bị hoang hóa, nhiều nơi bom mìn chưa tháo gỡ. Trong khi đó cơ sở vật chất phục vụ cho sản xuất và đời sống hai tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy còn nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch đang bao vây cấm vận kinh tế, chống phá cách mạng Việt Nam, bọn Fulro, số phản động quấy phá nhiều nơi gây rối trật tự an toàn xã hội. Về tổ chức nông hội chưa hoàn chỉnh và thiếu cán bộ.

Để lãnh đạo nhân dân trong tình hình mới, ngay sau ngày được giải phóng mỗi tỉnh thành lập Ủy ban Ban quân quản để tiếp thu các cơ sở của địch, ổn định tình hình trong thời gian đầu. Nhiệm vụ chính trong thời gian này là giữ vững an ninh chính trị, trật tự xã hội. Đồng thời kêu gọi binh lính, sĩ quan, công chức chế độ cũ ra trình diện, tổ chức truy quét bọn tàn quân lẩn trốn. Ta tập trung giải quyết gạo giúp dân bị thiếu đói, dân mới từ khu tập trung trở về vườn đất cũ và tiến hành vận động, tập hợp quần chúng xây dựng đoàn thể cách mạng, xây dựng đảng bộ, chính quyền địa phương.

Với nỗ lực ban đầu, nhân dân 2 tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy dưới sự lãnh đạo của Đảng đã

thu được nhiều thành công, xã hội không có biến động lớn, các vấn đề xã hội ổn định, nạn đói không xảy ra, sản xuất dần dần khôi phục, không có sự trả thù, đàn áp như kẻ thù trước đây đã từng tuyên truyền. Các trường học được mở đúng thời gian, bệnh xá, bệnh viện hoạt động bình thường. Nhiều nơi ta tịch thu và truy quét văn hóa phẩm cũ độc hại, nhiều công chức cũ trong các ngành kinh tế- xã hội được sử dụng lại phục vụ cho đời sống nhân dân. Từng bước hệ thống chính trị được xây dựng, củng cố, trong đó tổ chức Hội nông dân giải phóng được hình thành từ tỉnh đến các xã.

Đầu năm 1976, theo chỉ đạo của Trung ương⁽¹⁾, 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Tuy và Bình Thuận được sáp nhập thành tỉnh Thuận Hải. Ba

(1) Nghị quyết số 245 NQ/TW ngày 20/9/1975 của Bộ Chính trị về việc bỏ Khu, hợp Tỉnh phải đạt yêu cầu là xây dựng các tỉnh thành đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chính có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất, tổ chức đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân...; đồng thời giảm bớt cấp trung gian, giảm bớt đầu mối trực thuộc Trung ương.

- Ngày 20/12/1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 19/NQ về việc điều chỉnh việc hợp nhất một số tỉnh ở miền Nam (từ Khu 6 trở vào).

- Ngày 06/01/1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định số 05/NQ/NS/TU về chỉ định Ban chấp hành lâm thời Tỉnh đảng bộ Thuận Hải có 31 đ/c.

tỉnh Cực Nam Trung Bộ đã từng gắn bó với nhau trong quá trình hình thành và phát triển từ xa xưa (1693) và trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Tỉnh Thuận Hải với diện tích 11.567km² (trong đó đất nông nghiệp 997km², đất có thể khai thác sản xuất 768km², đất rừng và rừng 5.021km²), dân số 838.271 người, dân số ở nông thôn 569.073 người (trong đó có 360.113 lao động) nhân dân cùng nhau góp sức để xây dựng một tỉnh phát triển các thế mạnh vốn có: Nông-ngư-lâm và công nghiệp.⁽¹⁾

Qua 15 năm xây dựng, Đảng bộ và nhân dân tỉnh Thuận Hải đã đoàn kết một lòng, khắc phục những khó khăn do chế độ cũ và chiến tranh để lại, lãnh đạo nhân dân đi theo con đường XHCN với việc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, thu được nhiều thành tựu to lớn, trong đó việc xác lập chế độ xã hội chủ nghĩa là thành quả lớn nhất. Thực hiện Nghị quyết của kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII ngày 20/10/1991 về phân chia tỉnh Thuận Hải thành hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận. Tỉnh Bình Thuận sau khi được tái lập có diện tích 7.992 km² (trong đó đất nông,

(1) Theo Chi cục thống kê tỉnh tháng 8/1977.

lâm nghiệp chiếm 6.158 km²), địa hình đa dạng bao gồm đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển, hải đảo. Dân số toàn tỉnh có 897.818 người, có 27 dân tộc, gồm Kinh, Chăm, Rắclây, K'ho, Hoa, Tày, Nùng... Tỉnh chia thành 8 huyện và một thị xã: Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân, Tánh Linh, Đức Linh, Phú Quý và thị xã Phan Thiết (nay là thành phố). Đến năm 2000, toàn tỉnh có 111 xã, phường, thị trấn (năm 2002 có 115 xã, phường, thị trấn). Việc tái lập Bình Thuận là một chủ trương sát, đúng tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ, chính quyền địa phương lãnh đạo sâu sát, phát huy những tiềm năng, thế mạnh vốn có để xây dựng thành một tỉnh vững vàng về chính trị, giàu về kinh tế và mạnh về quốc phòng an ninh trong thời kỳ đổi mới.

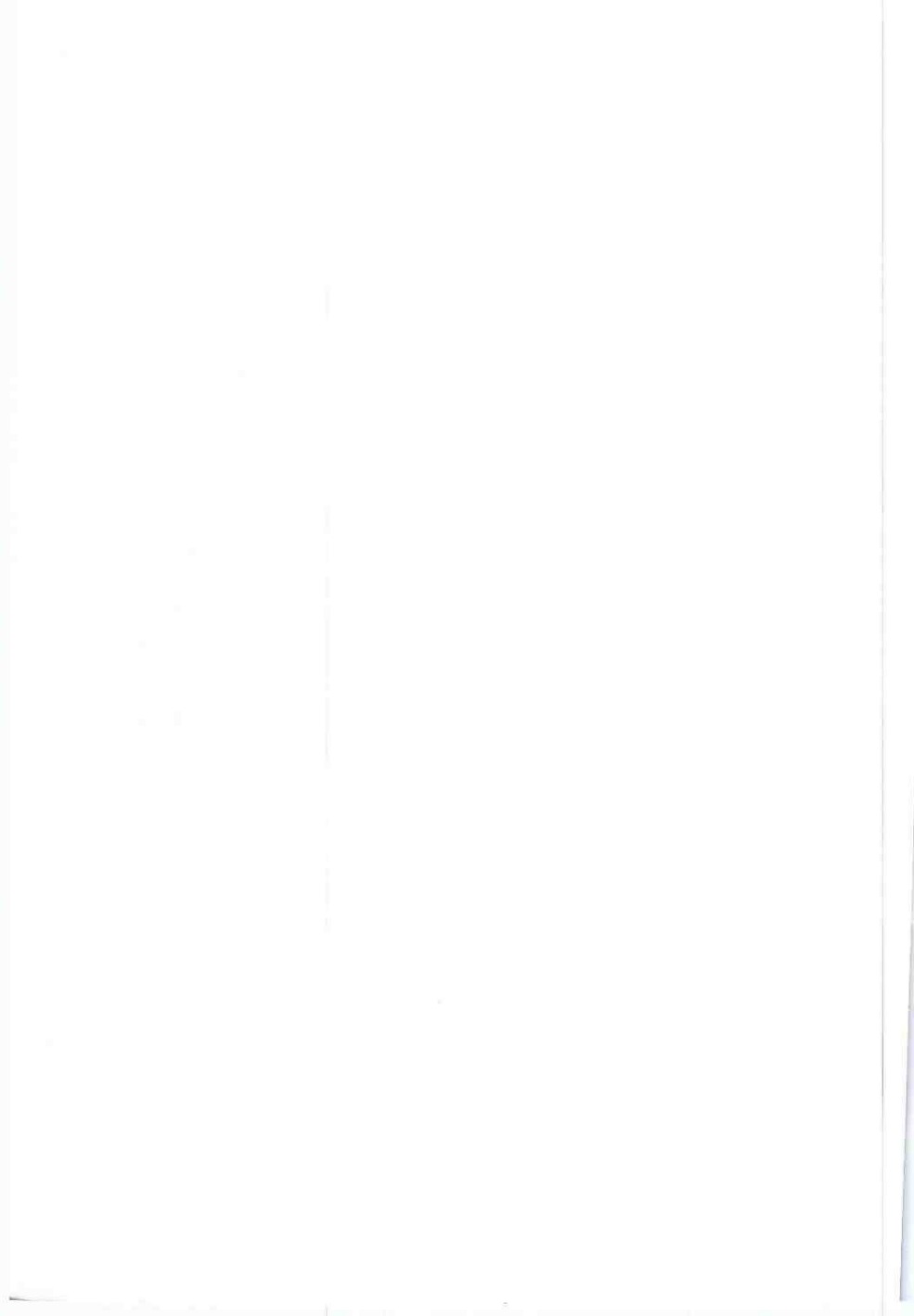
II - TỔ CHỨC PHÒNG TRÀO NÔNG DÂN THỜI KỲ CẢI TẠO QUAN HỆ SẢN XUẤT CŨ TRONG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ VÙNG BIỂN, XÂY DỰNG QUAN HỆ SẢN XUẤT MỚI:

1. Đẩy mạnh công tác xây dựng tổ chức Hội ngày một vững mạnh (1976-1987):

Đầu năm 1976, thực hiện chủ trương của Bộ Chính trị, tỉnh Thuận Hải được thành lập và



Đồng chí Nguyễn Đăng Kỳ (Nguyễn Bình)
Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải từ năm 1976 đến năm 1982.



các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể, Mặt trận tỉnh được hình thành. Trên cơ sở đó, Nông hội 3 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy được sáp nhập thành Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải⁽¹⁾. Ban Thường trực Nông hội tỉnh có 6 ủy viên, do đồng chí Nguyễn Đăng Kỳ, tỉnh ủy viên làm thư ký. Ngày 12/5/1976 thành lập Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy Thuận Hải và Nông hội tỉnh được sáp nhập thành một cơ quan. Hội nghị Ban Nông nghiệp tỉnh ủy ngày 15/9/1976 gồm các đồng chí Hoàng Tử, Nguyễn Đăng Kỳ, Lâm Vĩnh Minh (Tám Kiên), Lê Hải Anh, Nguyễn Thanh Hà

(1) Theo tài liệu "Kỷ niệm 65 năm thành lập Hội Nông dân Việt Nam" của Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận xuất bản năm 1995: Từ tháng 10/1976 Hội Nông dân Thuận Hải nhập vào Ban Nông nghiệp tỉnh ủy; cuối năm 1977 tách khỏi Ban Nông nghiệp tỉnh ủy; đến tháng 6/1984 nhập vào Ban Nông nghiệp tỉnh ủy và đến tháng 8/1987 tách khỏi Ban Nông nghiệp tỉnh ủy.

+ Theo tài liệu Ban Nông nghiệp tỉnh ủy Thuận Hải, lưu tại Văn phòng tỉnh ủy Bình Thuận:

Ngày 12/5/1976 thành lập Ban Nông nghiệp tỉnh ủy phụ trách cả Nông hội tỉnh và đến ngày 4/6/1988 nhập vào Ban Kinh tế tỉnh ủy, gọi là Ban Kinh tế tỉnh ủy. Ngày 7/4/1987 tách Hội Nông dân ra khỏi Ban Nông nghiệp tỉnh ủy thành một đơn vị riêng.

+ Theo báo cáo: Tình hình hội viên đến tháng 6/1978 của Ban Chấp hành Nông hội Thuận Hải: Cuối năm 1975 tỉnh Bình Thuận có 7.456 hội viên với 713 tổ và tỉnh Bình Tuy có 5.684 hội viên và 647 tổ.

(Mười kiệ̣m), Thanh tham dự (vắng đồng chí Mười Út), đã thảo luận về chức năng, nhiệm vụ Ban Nông nghiệp tỉnh ủy; chức năng nhiệm vụ của tổ chức Nông hội. Về chức năng, nhiệm vụ của Nông hội trong tình hình mới, Hội nghị đã thông qua là :

- Ra sức giáo dục phát động nông dân đi theo đường lối, phương hướng cách mạng XHCN ở nông thôn, thực hiện tốt những chủ trương, chính sách của Đảng và chính quyền cách mạng, nhất là đi vào con đường làm ăn tập thể theo hướng tiến lên Hợp tác hóa nông thôn; thực hiện quyền làm chủ tập thể của nông dân lao động. Tổ chức lực lượng nông dân vào hợp tác lao động, hợp tác xã nông nghiệp...

- Phát triển hội viên nông hội, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ nông hội từ tổ trưởng đến ban cán sự, ban chấp hành xã; xây dựng, củng cố nông hội xã, huyện làm nhiệm vụ trung tâm, nòng cốt hoạt động trong các phong trào làm ăn tập thể, thực hiện làm chủ tập thể của nông dân lao động.

- Về tổ chức, vẫn trên danh nghĩa Ban chấp hành Nông hội tỉnh để quan hệ, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách và chỉ đạo xây

dựng hội ở huyện, xã. Giữ quan hệ với cấp trên và các cơ quan ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh"⁽¹⁾.

Đây là nhiệm vụ của Hội được xác định khi hợp nhất tỉnh trong giai đoạn cách mạng mới. Trong Ban Nông nghiệp có 2 đồng chí Nguyễn Đăng Kỳ và Lê Hải Anh làm nhiệm vụ xây dựng Nông hội.

Hội nghị đã đề ra chương trình hoạt động 7 điểm của Ban Nông nghiệp tỉnh ủy từ tháng 9 đến tháng 12/1976. Trong đó coi trọng tổ chức nông dân làm ăn tập thể ở nông thôn (đồng bằng), miền núi và vùng biển; tổ chức định canh định cư của nông dân miền núi; chuẩn bị cho việc thí điểm xây dựng hợp tác xã quy mô xã và đào tạo cán bộ lãnh đạo xây dựng hợp tác xã cho các huyện, xã và hợp tác xã.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tháng 3 năm 1977, Tỉnh ủy phân công đồng chí Hoàng Tử, ủy viên thường vụ tỉnh ủy làm trưởng ban Nông nghiệp tỉnh ủy; đồng chí Nguyễn Đăng Kỳ làm phó ban. Thường trực Hội Nông dân tỉnh có 3 đồng chí do đồng chí Lê Hải Anh làm thư ký, các đồng chí Phạm Ngọc Chiến, Nguyễn Hưng làm ủy viên. Đến tháng 4/1978, 6 huyện và thị

(1) Tài liệu lưu tại kho lưu trữ, Văn phòng Tỉnh ủy Bình Thuận.

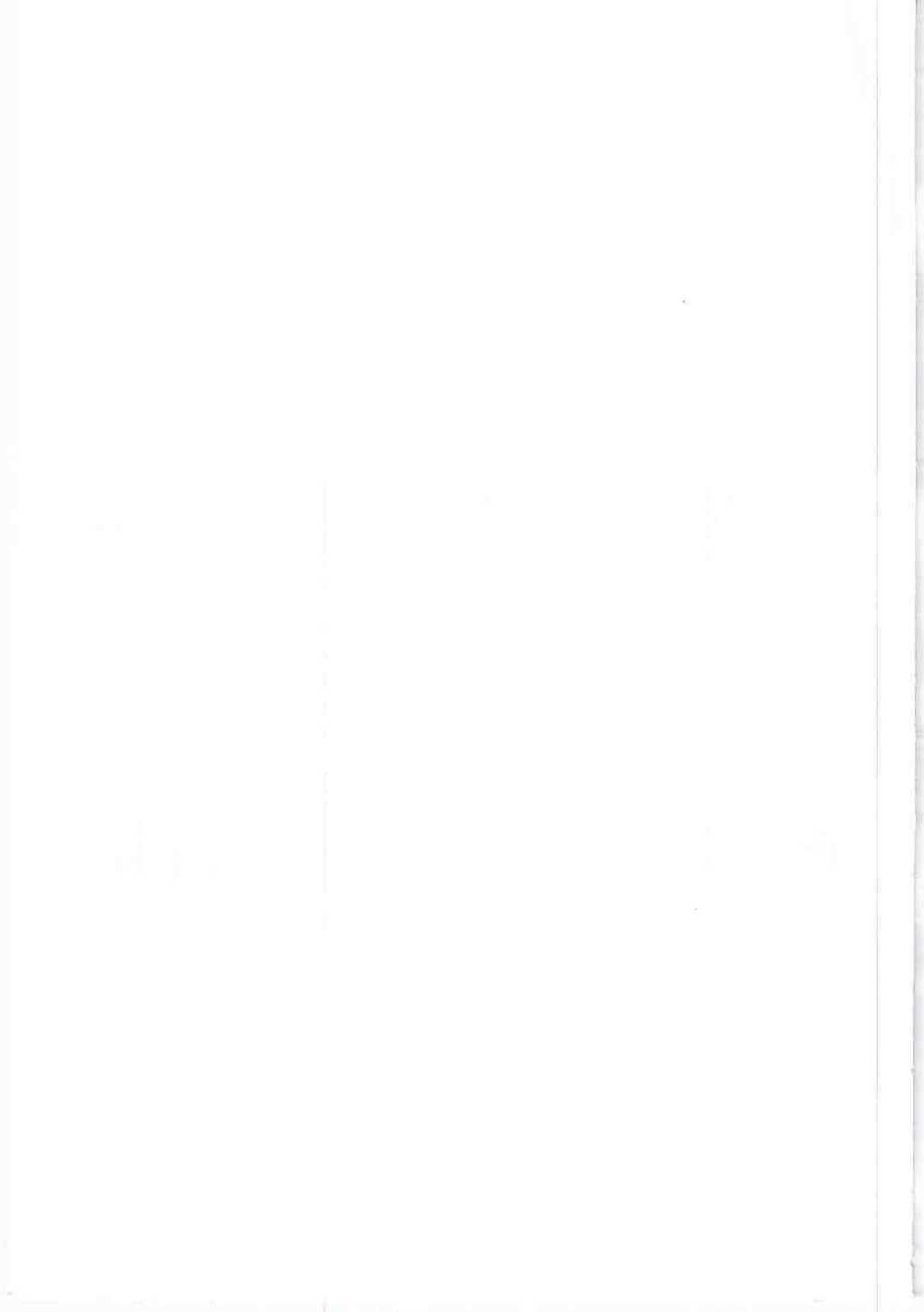
xã chỉ định được Ban chấp hành Hội nông dân; 116 xã trên tổng số 135 xã, phường đã hình thành tổ chức nông hội. Trong 109 xã có Ban chấp hành và trong đó 84 Ban chấp hành xã do đại hội bầu ra. Ngoài ra có 494/527 thôn, ấp hình thành tổ chức nông hội. Còn 33 thôn ven biển và kinh tế mới chưa tiến hành xây dựng tổ chức nông hội⁽¹⁾.

Để thực hiện chủ trương của Đảng về tập hợp nông dân vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa, đến cuối năm 1978 tổ chức Hội tách khỏi Ban Nông nghiệp tỉnh và từ ngày 30/10 đến 01/11/1978 Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải lần thứ I diễn ra tại Phan Rang, có 150 đại biểu đại diện cho 38.921 hội viên trong 8 huyện, thị về dự. Đại hội đã nghe "Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu Nông hội tỉnh lần thứ nhất và đề án công tác nhiệm kỳ 2 năm 1978-1980". Đại hội bầu Ban chấp hành có 29 đồng chí; đồng chí Nguyễn Đăng Kỳ được bầu làm chủ tịch Hội. Các đồng chí Lê Hải Anh, Hà Văn Nam, Nguyễn Hưng (ích) phó chủ tịch. Đến tháng 6/1982, Ban Thường vụ Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh⁽¹⁾ có các đồng chí :

(1) Theo báo cáo: Tình hình hội viên đến tháng 6/1978 của Ban Chấp hành Nông hội Thuận Hải, có 35.162 hội viên với 1.102 tổ.



Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải lần thứ I.



- Nguyễn Đăng Kỳ, chủ tịch (cuối 1982 về hưu).

- Hà Văn Nam, phó chủ tịch.

- Nguyễn Hưng (ích), ủy viên thường vụ.

- Cha Ma Lé Ta, ủy viên thường vụ.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải tháng 3/1983, Tỉnh ủy phân công đồng chí Đặng Văn Hải, Ủy viên thường vụ tỉnh ủy làm trưởng ban Nông nghiệp tỉnh ủy, kiêm chủ tịch Hội Nông dân tập thể, đồng chí Nguyễn Hưng (ích) làm thường trực Hội Nông dân. Cuối tháng 10/1983, đồng chí Hải được phân công sang Campuchia giúp bạn, đồng chí Đức Thành phó ban Nông nghiệp tỉnh ủy tạm thay thế và tháng 2/1984 đồng chí Nguyễn Ninh (Ngô) làm Trưởng ban Nông nghiệp phụ trách nông hội. Ban chấp hành Hội từ năm 1980 đến tháng 5/1984 có 29 ủy viên, trong đó có 7 đồng chí chuyên trách; Ban chấp hành 13 huyện, thị, mỗi nơi có từ 17 đến 21 ủy viên và có từ 1 đến 3 đồng chí chuyên trách; 143/161 Ban chấp hành xã, phường, mỗi nơi có từ 9 đến 15 ủy viên, bộ phận thường trực có 3 cán bộ. Các hợp tác xã có 545 chi hội, Ban điều

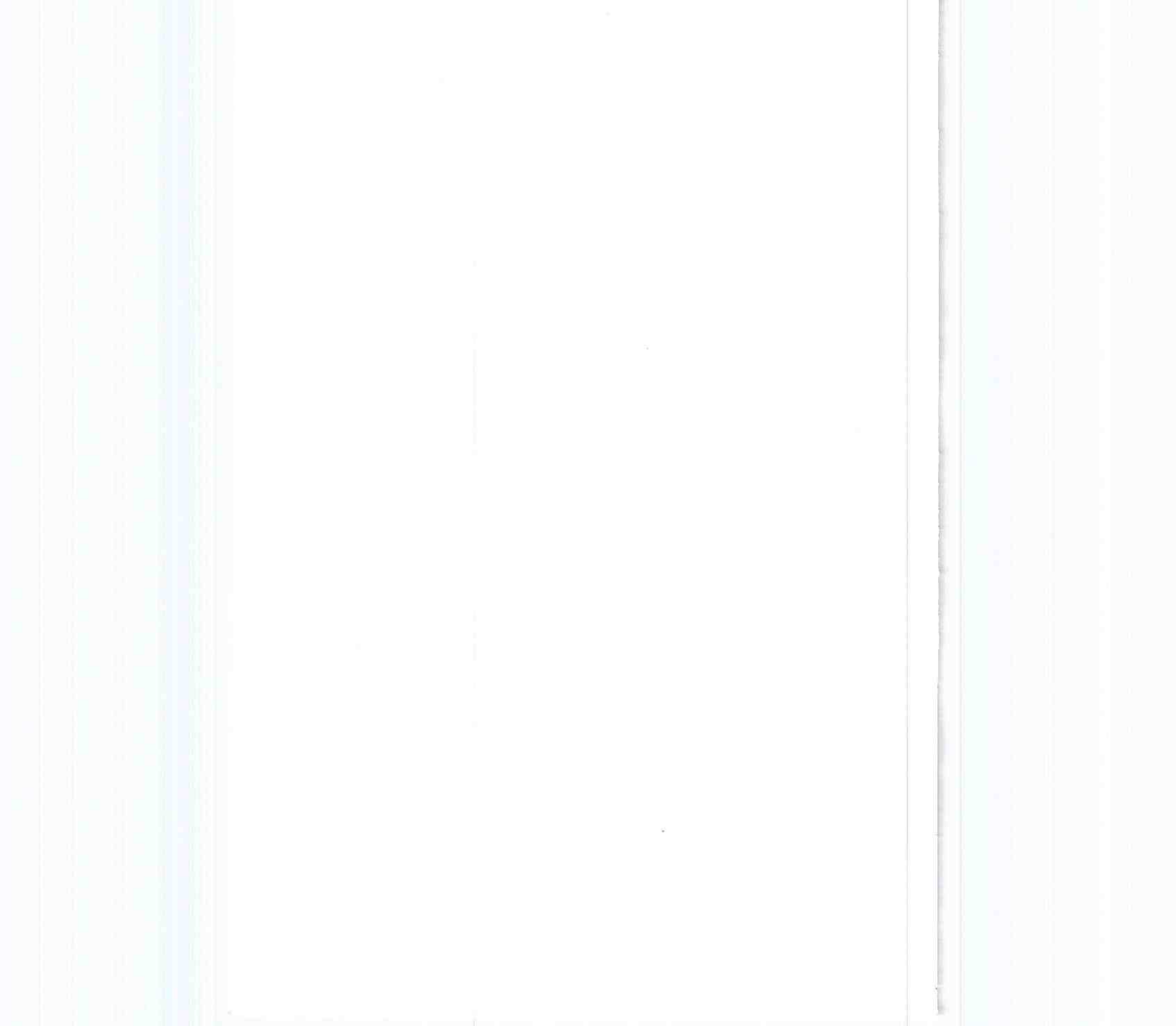
(1) Tháng 9/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị 78 CT/TW về tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

hành có từ 2 đến 3 người, với 3.360 tiểu tổ ở các đội sản xuất, mỗi tổ có tổ trưởng và 1 tổ phó.

Đầu năm 1984, Hội Liên hiệp nông dân tập thể tỉnh nhập vào Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy và ngày 30/6/1984, tiến hành Hội nghị đại biểu Hội Nông dân tập thể tại Hội trường Tuyên Quang - thị xã Phan Thiết, kiểm điểm nhiệm vụ của Hội từ Đại hội đại biểu tháng 11/1978 đến nay và bầu Ban chấp hành mới 27 đồng chí. Chủ tịch hội do đồng chí Nguyễn Ninh (Ngô) trưởng ban Nông nghiệp tỉnh ủy kiêm nhiệm (đến tháng 8/1985, đồng chí Nguyễn Ninh chuyển sang làm Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, đồng chí Ngô Minh Thưởng ủy viên thường vụ tỉnh ủy làm trưởng ban Nông nghiệp, kiêm chủ tịch Hội nông dân); các đồng chí Võ Việt Dũng, Trần Thị Nên làm phó chủ tịch, đồng chí Nguyễn Thị Đài, ủy viên thường vụ, (đến năm 1987 nghỉ hưu). Cơ quan thường trực Hội có 5 đồng chí. Riêng năm 1983, thực hiện phân chia lại đơn vị hành chính huyện, huyện Bắc Bình chia thành Bắc Bình, Tuy Phong; Hàm Thuận chia thành 2 huyện Hàm Thuận Bắc và Hàm Thuận Nam; huyện Đức Linh chia thành huyện Tánh Linh và Đức Linh... nên Ban chấp hành hội một số huyện còn thiếu cán bộ. Để Hội trở thành một lực lượng chính trị - xã hội lớn mạnh cả về tổ chức và phong trào, từ sau Hội



*Đồng chí Ngô Minh Thường
Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải từ năm 1985 đến năm 1987.*



ng nghị đại biểu tháng 6/1984 đến đầu năm 1985, tổ chức Hội ở cấp tỉnh đã có các bộ phận chuyên môn giúp việc gồm:

- Bộ phận tổ chức xây dựng hội.
- Bộ phận tuyên huấn, văn xã.
- Bộ phận theo dõi công tác cải tạo nông nghiệp.
- Bộ phận nghiên cứu xây dựng hội lao động biển.
- Bộ phận sản xuất, đời sống, thi đua.
- Bộ phận Văn phòng.

Tuy nhiên đến 1985, trong lãnh đạo Hội có 3 người chuyển công tác, còn 4 đồng chí thường vụ Hội và 1 đồng chí ủy viên Ban chấp hành phân công nhau phụ trách 5 bộ phận; bộ phận nghiên cứu xây dựng hội lao động biển và cơ quan thường trực hội chưa có cán bộ, nhân viên giúp việc. Nhiều xã, Ban chấp hành nông hội hoạt động không có hiệu quả và toàn tỉnh có 210.000 hội viên, nhưng chỉ có 1/3 thật sự có hoạt động.

Nhằm củng cố lại phong trào nông dân và tổ chức Hội, thực hiện sự chỉ đạo của Thường vụ tỉnh ủy, ngày 7/4/1987 tổ chức Hội tách khỏi

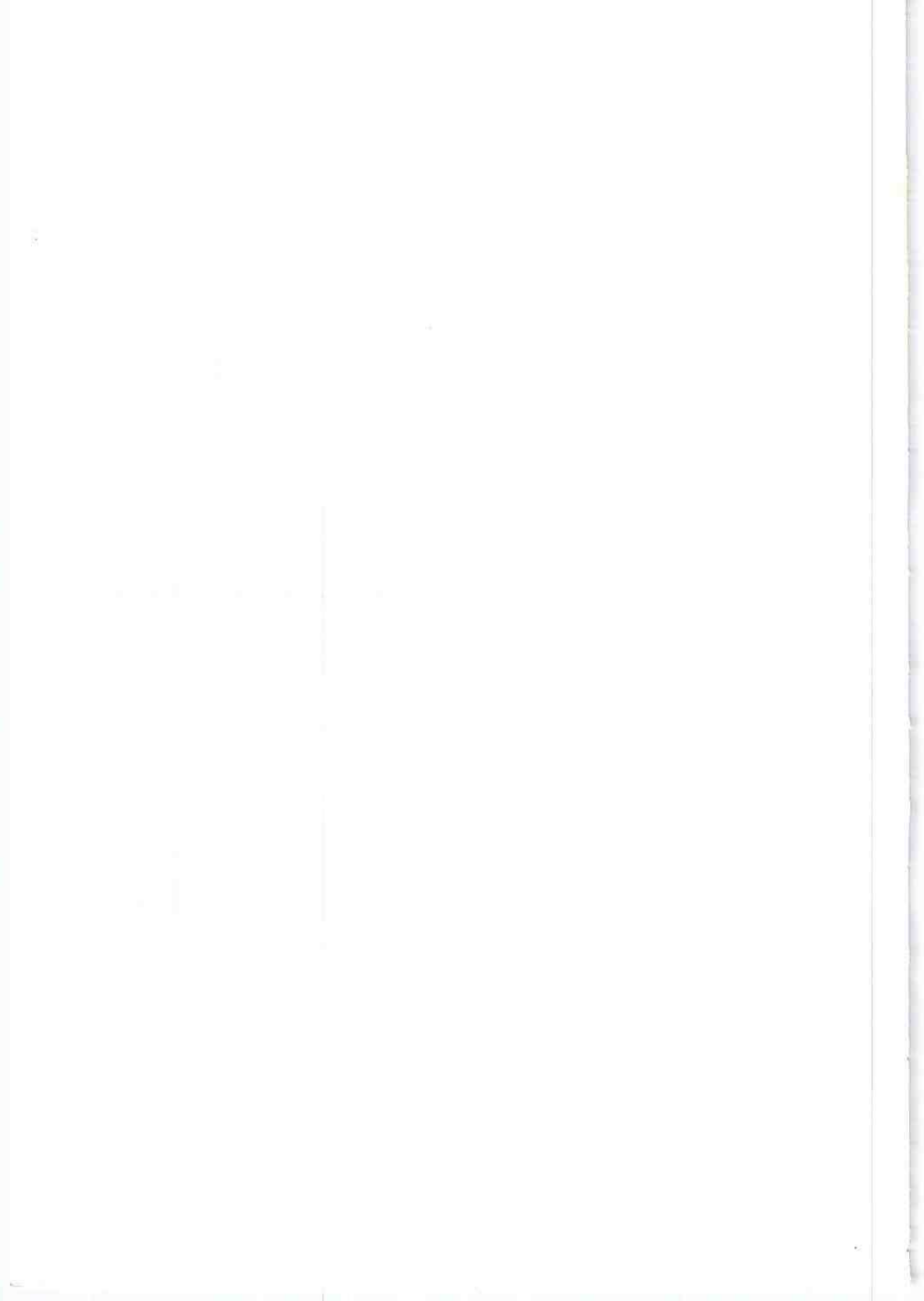
Ban Nông nghiệp tỉnh ủy và đến ngày 9 và 10/8/1987 Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Nông dân tập thể tỉnh Thuận Hải lần thứ II được tổ chức tại thị xã Phan Thiết ⁽¹⁾. Đại hội đã bầu Ban chấp hành gồm 27 ủy viên; Ban thường vụ có 9 đồng chí và đồng chí Võ Việt Dũng làm chủ tịch, 2 đồng chí Hoàng Trí Thức và Trần Thị Nên phó chủ tịch; có 5 đồng chí ở 5 ngành, giới, 11 huyện, thị và 3 cơ sở được cơ cấu vào Ban chấp hành. Trong số 27 đồng chí có 8 đồng chí làm chuyên trách. Tuy nhiên, từ đầu năm 1988 cho đến tháng 7 năm 1988, đồng chí Võ Việt Dũng, Trần Thị Nên cùng 2 đồng chí ủy viên thường vụ và 5 đồng chí ủy viên Ban chấp hành nghỉ hưu, hoặc chuyển công tác khác.

Trước tình hình đó, Hội tổ chức hội nghị Ban chấp hành bầu bổ sung 3 đồng chí vào Ban chấp hành, bầu đồng chí Hoàng Trí Thức làm chủ tịch và đồng chí Nguyễn Văn Thiệu làm phó chủ tịch. Tháng 12-1988, tiếp tục bổ sung đồng chí Đinh Văn Xương làm phó chủ tịch Hội. Do biến động cán bộ, nên trước khi chia tách tỉnh Thuận Hải (1992), Ban chấp hành Hội Nông dân Việt Nam tỉnh còn 19 đồng chí. Cơ quan Hội từ biên chế 15 đồng chí nay còn 12 đồng chí.

(1) Trong Nghị quyết Đại hội đề là Đại hội đại biểu lần thứ II.



*Đồng chí Võ Việt Dũng
Chủ tịch Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Thuận Hải 8/1987 - 8/1988.*



Từ tháng 10/1976 đến 1978, Hội Nông dân Giải phóng Miền Nam tỉnh Thuận Hải là một bộ phận của Ban Nông nghiệp tỉnh ủy có cơ cấu như một ban chấp hành Hội để quan hệ công tác với các ngành, đoàn thể trong tỉnh và các cơ quan cấp trên. Năm 1978, Hội tách khỏi Ban Nông nghiệp tỉnh ủy và năm 1984 sáp nhập lại. Từ tháng 8 năm 1987 cho đến nay Hội là một tổ chức độc lập. Từ năm 1978, tổ chức Hội ở cơ sở đã tương đối đều khắp. Từ khi có Chỉ thị số 24 CT/TW năm 1977 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chỉ thị 04 CT/TU của Tỉnh ủy Thuận Hải chuyển Ban cán sự Hội thành Ban chấp hành gắn với hợp tác xã, xã viên là hội viên, các tổ-đội sản xuất là tổ hội. Ngày 27/9/1979, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 116 CT/TW đã xác định về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp Nông dân tập thể các cấp và ban hành điều lệ Hội làm cơ sở cho hoạt động của Hội theo nguyên tắc thống nhất các chức năng, nhiệm vụ ⁽¹⁾.

Ban chấp hành Hội các cấp luôn được củng cố về số lượng và chất lượng. Đến năm 1984 đã

(1) Từ năm 1975 đến năm 1978 tổ chức Hội vẫn mang tên Hội Nông dân Giải phóng Miền Nam. Từ năm 1979, Hội đổi tên là Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam và đến năm 1988 Hội đổi tên là Hội Nông dân Việt Nam cho đến nay.

có cơ cấu các ngành, giới liên quan, các huyện, thị và một số cơ sở xã vào Ban chấp hành Hội Nông dân tỉnh. Từ năm 1976, các cấp ủy Đảng đã cử các đồng chí ủy viên thường vụ hoặc cấp ủy viên trực tiếp chỉ đạo công tác Hội.

Tuy nhiên, tổ chức Hội thời gian qua có nhiều biến động, lúc sáp nhập vào Ban nông nghiệp, lúc tách ra làm cho tổ chức và hoạt động của Hội không ổn định. Một số huyện hình thành tổ chức chậm, một số nơi sự chỉ đạo chưa đến cơ sở. Còn ở cơ sở, thời kỳ xây dựng HTX, xã viên được coi là hội viên cho nên việc kết nạp hội viên cũng như sinh hoạt hội còn lỏng lẻo. Sau khi Hội được tách khỏi Ban Nông nghiệp Tỉnh ủy, tổ chức được củng cố nhưng đội ngũ cán bộ chuyên trách mỏng và việc điều động, bố trí chưa hợp lý cũng làm cho hoạt động của Hội bị hạn chế.

Nguyên nhân của tình hình trên một phần do cơ quan lãnh đạo Hội toàn quốc hình thành chậm, hạn chế đến việc chỉ đạo chung. Mặt khác, sự lãnh đạo của cấp ủy các địa phương đối với tổ chức và hoạt động của Hội chưa được chú ý đúng mức, làm cho đội ngũ cán bộ thiếu và yếu.

2. Thực hiện chính sách ruộng đất, cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp, nông thôn và vùng biển :

a. Thực hiện chính sách ruộng đất từ sau ngày được giải phóng (1975):

Sau thắng lợi 30/4/1975, nhân dân Bình Thuận, Bình Tuy thực hiện các chủ trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng và thống nhất nước nhà. Đồng thời việc thi hành chính sách ruộng đất của Đảng, Mặt trận, Chính phủ là một việc làm khẩn thiết để tiếp tục giải quyết chính sách ruộng đất còn lại trong cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân. Vì vậy ngay từ tháng 10 năm 1975, thực hiện Chỉ thị 02 của Khu ủy, Ban Nông vận Khu 6 đã có kế hoạch hướng dẫn các tỉnh thi hành chính sách ruộng đất, thực hiện khẩu hiệu "Người cày có ruộng". Trong kế hoạch của Ban Nông vận Khu 6 có 3 bước và 9 nhiệm vụ ⁽¹⁾. Theo kế hoạch trên, tỉnh Bình Thuận, Bình Tuy và Ninh Thuận tiến hành cuộc vận động thực

- (1) Bước 1: Học tập nội bộ, phát động quần chúng và kê khai ruộng đất; Bước 2- Thống kê ruộng đất xác định giai cấp, xác định thành phần và bước 3- Chia cấp ruộng đất. 9 nhiệm vụ: 1- Họp cấp ủy xã; 2- Họp cán bộ nông hội và chính quyền thôn; 3- Chọn cán bộ làm công tác thống kê; 4- Hướng dẫn nhân dân kê khai nhân khẩu và ruộng đất; 5- Lập hồ sơ số địa chủ có ruộng phát canh thu tô; 6- Phân loại số đất bình quân cho các nhân khẩu; 7- Thực hiện tịch thu, trưng thu, trưng mua ruộng đất địa chủ, ác ôn và vận động hiến điển đối với ruộng của số địa chủ kháng chiến, phú nông, nhà chung, nhà chùa; 8- Tiến hành chia ruộng đất; 9- Về chỉ đạo, làm thí điểm rút kinh nghiệm và tiến hành chỉ đạo chung.

hiện chính sách ruộng đất trong thời gian 2 tháng còn lại của năm 1975. Do hậu quả chiến tranh và chính sách bình định gom dân, lập ấp chiến lược của Mỹ- ngụy, nên ruộng đất nhiều vùng ở Ninh Thuận, Bình Thuận và Bình Tuy bị hoang hóa, xáo trộn (Bình Thuận trên 1.713 ha, Ninh Thuận trên 1.000 ha và Bình Tuy 25.000 ha). Nông dân chịu nhiều gian khổ, người bám trụ, người bị xúc tát đành phải lìa bỏ ruộng vườn vào khu tập trung, ấp chiến lược, nay được giải phóng trở về không còn ruộng đất làm ăn, đời sống vô cùng khó khăn. Trong khi nông dân lao động không có hoặc thiếu ruộng cày thì địa chủ, tư sản, phong kiến và đất nhà chung, nhà chùa cùng số cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền trước đây chiếm hữu ruộng đất khá lớn.

Do hậu quả trên đây, làm cho tình hình ruộng đất ở nông thôn có nhiều thay đổi, phức tạp, chiếm hữu ruộng đất bất công và nhiều vùng đất bị hoang hóa. Nông thôn vừa mới được giải phóng, tình hình chính trị xã hội chưa ổn định, giá sinh hoạt tăng cao. Nhiều gia đình ngụy quân, ngụy quyền chưa hiểu nhiều về chính sách của cách mạng nên chưa an tâm, mặc cảm và số tư sản, địa chủ sợ đấu tố, tài sản bị tước đoạt. Trong khi đó tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể

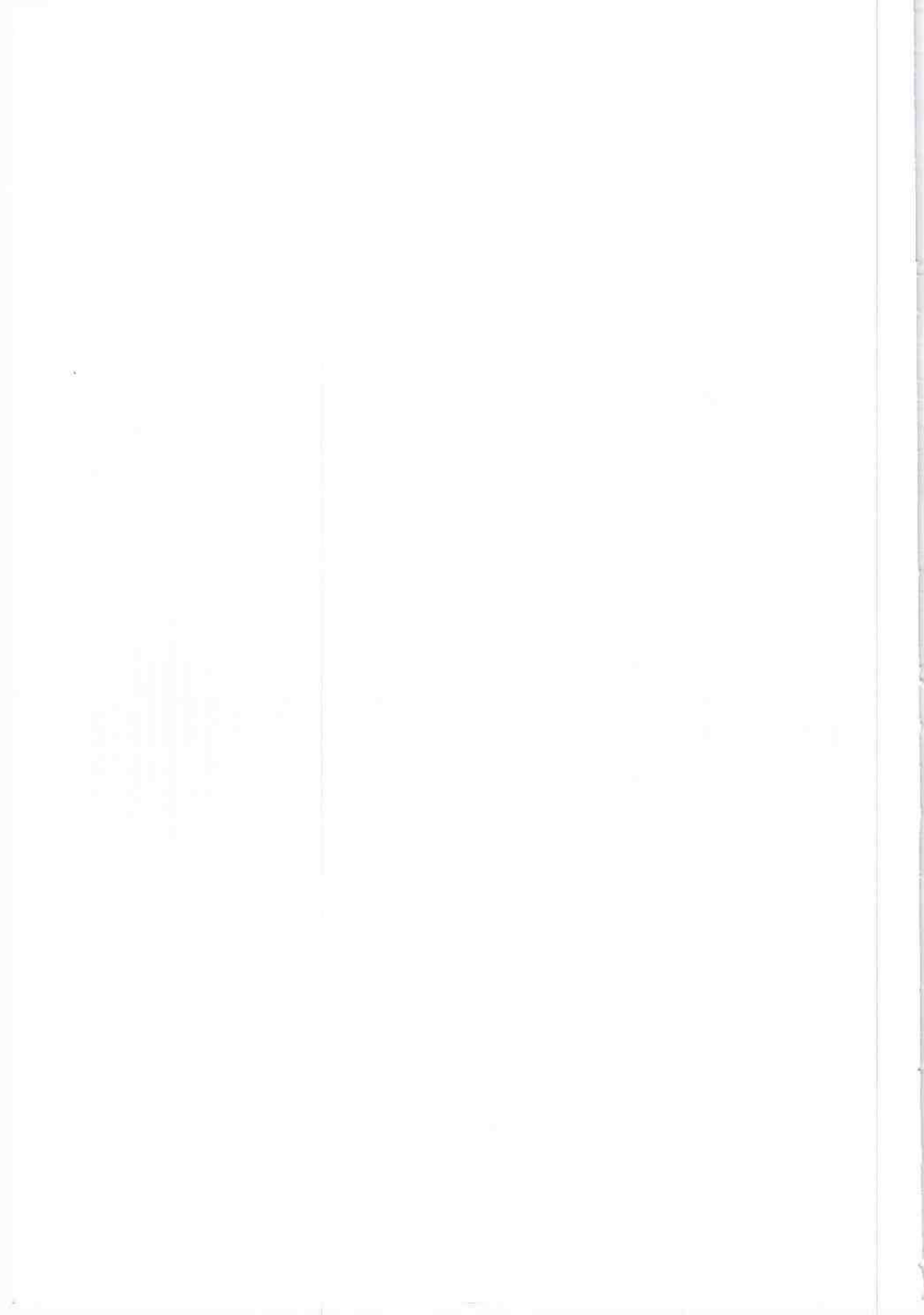
xã, thôn còn thiếu và yếu nhiều mặt, nhiều người chưa am hiểu về tình hình nông thôn.

Trước tình hình thực tế đó, vấn đề giải quyết ruộng đất được đặt ra là một nhiệm vụ bức thiết đối với nông dân lao động, cũng là yêu cầu của công cuộc khôi phục và phát triển sản xuất ở địa bàn nông thôn. Để làm tốt việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, tháng 10/1975 Khu ủy Khu 6 chỉ đạo tỉnh Bình Thuận chọn huyện Hàm Thuận làm thí điểm và huyện Hàm Thuận chọn xã Hàm Thắng làm điểm tiến hành giải quyết chính sách ruộng đất cho nông dân. Xã Hàm Thắng thành lập Ban chỉ đạo, cùng đại diện huyện, tỉnh tổ chức đến các ấp kê khai diện tích đất, nhân khẩu của từng hộ gia đình hiện có, từ đó xem xét ai không có ruộng, hoặc ít ruộng và gia đình nhiều ruộng, hoặc ruộng vắng chủ để chia cho người ít ruộng hoặc không có ruộng. Từ thí điểm trên, tỉnh và huyện rút kinh nghiệm, phổ biến cho các địa phương khác thực hiện. Với nỗ lực cao, dựa vào tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và nông hội các thôn, xã để triển khai các bước vận động trong nhân dân, nên công tác thực hiện chính sách ruộng đất đã đạt được kết

quả cơ bản theo yêu cầu đề ra. Chỉ tính riêng ở Bình Thuận đã có trên 14.785 hộ nông dân lao động kê khai nhân khẩu, ruộng đất và góp ý kiến cho nhiều hộ kê khai đúng sự thật nhằm giảm bớt số người kê khai tăng khẩu, ít ruộng. Qua tuyên truyền vận động trong nông dân đã thể hiện tinh thần đoàn kết, san sẻ ruộng đất cho nhau. Kết quả tỉnh đã thu hồi 3.525 ha của 52 địa chủ, 51 tư sản kiêm địa chủ và đất hiến điền của nhà chung, nhà chùa chia cho 8.596 hộ nông dân lao động (có 45.288 khẩu) không có hoặc thiếu ruộng cày, trung bình mỗi khẩu gần 1.000m². Như vậy, đất sản xuất đã về với người nông dân lao động mà bao năm người nông dân đi theo Đảng làm cách mạng đã từng mơ ước. Qua việc thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng đã tạo ra khí thế mới ở nông thôn, nông dân lao động rất đồng tình, phấn khởi; mặt khác các tổ chức chính quyền, đoàn thể ở cơ sở được củng cố, kiện toàn và phát triển một bước. Đối với giai cấp địa chủ kiêm tư sản lúc đầu họ hoang mang dao động, sợ bị đấu tố, sợ tài sản bị tước đoạt, qua học tập và thực hiện chính sách ruộng đất ở địa phương, phần nhiều đã đồng tình với chính sách của Nhà nước là tịch thu, trưng thu, trưng mua, mua lại, hoặc tự nguyện hiến điền...



Khung dệt cải tiến - Dệt thổ cẩm (Bắc Bình).



Đầu tháng 1 năm 1976, thực hiện chủ trương của Trung ương thành lập tỉnh Thuận Hải ⁽¹⁾, vẫn tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng. Giữa tháng 8 năm 1976 Thường vụ tỉnh ủy triệu tập cuộc hội nghị tổng kết cuộc vận động thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng. Hội nghị đã có đại diện các địa phương, các ngành, các giới trong tỉnh tham dự. Hội nghị đã khẳng định: Đến nay nhìn chung cuộc vận động thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng ở nông thôn trong tỉnh căn bản hoàn thành. Thắng lợi này rất cơ bản, làm cho tình hình nông thôn, nông dân và tổ chức hội có bước chuyển biến mới, toàn diện và sâu sắc; tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh phong trào khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích canh tác, tích cực làm thủy lợi, thâm canh phát triển sản xuất và vận động nông dân đi vào làm ăn tập thể. Bên cạnh đó, hội nghị cũng đã xác định, quá trình thực hiện vẫn còn một số khuyết, nhược điểm cần khắc phục. Hội nghị đề ra chủ trương là khẩn trương giải quyết dứt điểm tồn tại về chiếm hữu ruộng đất để tiến hành vận động tổ chức đưa nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể, chuẩn bị cơ sở cho việc tiến hành

(1) Năm 1976, hình thành tỉnh Thuận Hải có các huyện Ninh Hải, An Sơn, Bắc Bình, Hàm Thuận, Phan Thiết, Hàm Tân, Đức Linh.

hợp tác hóa nông nghiệp và từng bước đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn XHCN. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách ruộng đất từ các tỉnh cũ trước đây còn lại một số vấn đề như các đối tượng kê khai không hết, một số vụ việc giải quyết tranh chấp trong nội bộ nông dân và xử lý số ruộng để lại cho số nông dân trở về vườn đất cũ muộn hơn. Như ruộng thu hồi sau khi nhập tỉnh hơn 20.000 ha đã cấp 1.365 ha cho các tổ hợp tác lao động, đội sản xuất, số còn lại chia cấp cho 35.611 hộ (198.410 nhân khẩu) nông dân không có ruộng và thiếu ruộng cày⁽¹⁾. Tuy nhiên, việc giải quyết ruộng đất tồn tại trước đây và việc quản lý, sử dụng đất thu hồi chưa chặt chẽ, chưa kiểm tra đôn đốc dẫn đến một số địa phương trong tỉnh làm chưa đúng với chủ trương của trên.

Trong quá trình giải quyết chính sách ruộng đất còn thiếu sót mặt này, mặt khác, nhưng tỉnh đã sớm vận động thực hiện chính sách ruộng đất, xóa bỏ sự chiếm hữu ruộng đất của địa chủ và các hình thức bóc lột phong kiến, thực dân mới ở nông thôn, đem lại quyền làm chủ ruộng đất cho người nông dân lao động, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Đây là điều kiện ban đầu để thực hiện một bước về cải

(1) Theo số liệu thống kê tháng 2/1977 của tỉnh Thuận Hải.

tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới, kết hợp cải tạo với xây dựng trong suốt quá trình đưa nông dân đi lên CNXH.

Sau khi hoàn thành việc thực hiện chính sách ruộng đất, Hội Nông dân tỉnh phát động phong trào thi đua sản xuất giỏi, năng suất cao trong năm 1976. Đây là phong trào thi đua yêu nước đặt ra trong hoàn cảnh mới. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, khí hậu ở Thuận Hải có nhiều khắc nghiệt, đất đai bị hoang hóa nhiều, việc thi đua tăng năng suất, động viên nông dân hăng hái thi đua sản xuất giỏi là một việc làm cần thiết. Đầu năm 1976, tỉnh phát động phong trào thi đua sản xuất vụ Xuân cứu đói. Tiếp đến vụ Hè Thu và vụ mùa, tỉnh phát động đợt thi đua "Sản xuất giỏi, năng suất cao". Các đợt thi đua năm 1976 mang ý nghĩa chính trị lớn lao là chào mừng Hiệp thương thống nhất Tổ quốc, chào mừng kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa 6, chào mừng Đại hội 4 của Đảng và Đại hội I Tỉnh đảng bộ Thuận Hải (nay là Đại hội 4 Đảng bộ tỉnh Bình Thuận). Phong trào thi đua sản xuất cứu đói vụ Xuân 1976 đạt kết quả khích lệ, đẩy lùi tập quán sản xuất trước đây mỗi năm chỉ làm 1 vụ mùa. Thắng lợi trong vụ Hè-Thu, tạo nên khí thế chuẩn bị cho phát triển vụ mùa và những vụ tiếp theo của

năm sau. Ngày 11/2/1977, tỉnh Thuận Hải tổ chức Đại hội để tổng kết "Phong trào thi đua sản xuất giỏi, năng suất cao" năm 1976 của ngành nông nghiệp tại Phan Rang; có gần 250 đại biểu bao gồm những người xuất sắc trong sản xuất nông nghiệp, đại diện các ban, ngành quân, dân, chính Đảng các cấp trong tỉnh và đại diện Bộ Nông nghiệp tham dự. Đại hội đã tuyên dương huyện Đức Linh có thành tích sản xuất tương đối toàn diện và tạo điều kiện đến vụ Đông Xuân 1976-1977 đạt diện tích lúa tăng gấp 4 lần năm 1976, năng suất 27 tạ/ha và xã Mêpu có 5 ha đạt năng suất 80 tạ/ha và đưa năng suất bình quân cả năm lên 29,4 tạ/ha trên toàn bộ 8.800 ha lúa nước trong huyện. Huyện Hàm Thuận có phong trào thi đua chống hạn khá tốt, cứu được 8.000 ha lúa bị thiếu nước, bảo đảm cho toàn huyện đạt năng suất 26 tạ/ha trên diện tích 22.000 ha gieo trồng và là huyện làm nghĩa vụ lương thực khá nhất tỉnh. Huyện Bắc Bình có phong trào làm thủy lợi nhỏ, có thôn Hiệp Phước, xã Chợ Lầu trồng bông đạt 13 tạ/ha và năng suất lúa Hè Thu đạt 31 tạ/ha. Phan Thiết có phong trào chăn nuôi, cung cấp thịt heo cho Nhà nước đạt loại giỏi. Hàm Tân, nơi có phong trào chăn nuôi đại gia súc, cung cấp sức kéo cho sản xuất, một số nơi trồng các loại cây màu đạt khá, như bo bo 55

tạ/ha, mì H34 60 tấn/ha. Kết quả sản xuất toàn tỉnh năm 1976 đã gieo trồng 117.263 ha, tăng hơn năm 1975 là 24.000 ha, trong đó có 18.000 ha tăng vụ.

Đại hội cũng biểu dương thành tích sản xuất của xã Hàm Thắng (Hàm Thuận), Mêpu (Đức Linh). Xã Hàm Thắng đã tăng diện tích sản xuất 1 vụ lên 2 vụ, 3 vụ và sử dụng giống thân nông 73/2 gieo trồng trên 1.258 ha đạt năng suất 54 tạ/ha. Còn xã Mêpu đạt kết quả thi đua toàn diện, là một xã trước năm 1975 chỉ có vài trăm người nay đã tăng lên 3.500 người và xây dựng hợp tác xã sớm, sản xuất năng suất bình quân cả năm 27 tạ/ha; là nơi 1 ngày công lao động cao từ 15 đến 22 kg lúa... Đại hội cũng biểu dương một số cá nhân ở xã Hàm Đức (Hàm Thuận), Chợ Lầu (Bắc Bình) và ở Hàm Tân có nhiều cải tiến trong sản xuất, làm tăng vụ và năng suất lao động cao.

Đại hội cũng đánh giá trong phong trào thi đua còn một số tồn tại như động cơ thi đua chưa được tuyên truyền giáo dục đúng mức theo tinh thần "Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng CNXH, tất cả vì Tổ quốc giàu mạnh, vì hạnh phúc của nhân dân". Trong nông dân còn ỷ lại Nhà nước, sản xuất chưa gắn với nghĩa vụ xây

dựng đất nước, v.v... Tuy vậy, phong trào thi đua đã mở ra một khí thế sản xuất mới, tạo đà cho sản xuất nông nghiệp trong năm 1976 đạt hoặc vượt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra; tạo lòng tin của nông dân vào sự lãnh đạo của Đảng và CNXH.

b- Cải tạo quan hệ sản xuất cũ trong nông nghiệp, nông thôn, vùng biển và xây dựng quan hệ sản xuất mới.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhiều vùng giải phóng ở Lê Hồng Phong, Hàm Thuận, vùng Bắc sông La Ngà của Đức Linh, Tánh Linh nhiều tổ sản xuất, tổ vận đối công ra đời giúp nhau trong sản xuất và chiến đấu. Sau khi được giải phóng vào tháng 4/1975, nhiều địa phương đã vận động nhân dân về lại vườn đất cũ sinh sống và khai hoang, phục hóa bảo đảm cho người lao động có đất sản xuất. Từ những kinh nghiệm trong kháng chiến, nhiều địa phương tiến hành vận động nông dân làm ăn tập thể ở mức thấp, căn cứ theo đặc điểm từng vùng mà vận động, hình thành các tổ chức cho thích hợp, như tổ đoàn kết sản xuất, tổ vận đối công, tổ hợp tác lao động. Những tổ chức này lập ra theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Tăng cường giáo dục, nâng cao giác ngộ XHCN và xây dựng ý thức làm chủ tập thể

của nông dân lao động, trên cơ sở đó mà củng cố, phát triển tổ đoàn kết sản xuất (gồm các tổ vận đổi công đã hình thành, củng cố và phát triển tổ hợp tác lao động gọi là đội sản xuất). Quy mô các tổ chức này có từ 60 đến 70 lao động canh tác khoảng 30 đến 40 ha ruộng đất. Đồng thời, tiến hành cuộc vận động định canh, định cư vùng dân tộc ít người. Vận động nhân dân thị xã, thị trấn đi xây dựng vùng kinh tế mới. Xây dựng trường cán bộ HTX nông nghiệp làm nhiệm vụ đào tạo đội ngũ cán bộ cho đội sản xuất và hợp tác xã.

Để chuẩn bị tiến lên xây dựng phong trào hợp tác hóa một cách vững chắc, từ tháng 6/1976 Thường vụ tỉnh ủy Thuận Hải có chủ trương: "Tổ chức tất cả mọi người có tham gia sản xuất nông nghiệp vào tổ đoàn kết sản xuất" để tập hợp các tầng lớp nông dân vào làm ăn tập thể. Ngày 26/6/1976, UBND tỉnh ra Chỉ thị số 45/NN quy định: Tổ đoàn kết sản xuất thu nạp tất cả các hộ sản xuất nông nghiệp, không phân biệt thành phần, giai cấp, nam, nữ, dân tộc, tôn giáo. Về hình thức, các tổ chức đoàn kết sản xuất nông nghiệp gồm cả số tổ đổi công cùng số hộ làm ăn riêng lẻ ở gần nhau hình thành một tổ chức có chức năng kinh tế và chức năng hành chính

dưới sự chỉ đạo của Ban nông nghiệp xã. Để tiếp tục đẩy mạnh sản xuất và từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần thứ nhất tháng 3 năm 1977 (nay là Đại hội lần 4 của Đảng bộ Bình Thuận) đã nhấn mạnh: Năm 1977 xây dựng tốt hợp tác xã thí điểm của tỉnh, huyện để rút kinh nghiệm cho năm 1978 mở rộng phong trào xây dựng hợp tác xã. Tỉnh chọn một số huyện và huyện chọn một số xã xây dựng thí điểm hợp tác xã.

Thực hiện chủ trương trên của Tỉnh ủy, đến tháng 6/1977, nông dân trong tỉnh đi vào làm ăn tập thể đã đạt kết quả khá, đưa 159.175 lao động nông nghiệp vào các tổ chức làm ăn tập thể. Trong đó, tổ đoàn kết sản xuất có 48.337 lao động tham gia trong 1.329 tổ. Tổ vận đổi công dưới nhiều hình thức như vận đổi công thường xuyên, vận đổi công thời vụ, đã thu hút được 68.720 lao động tham gia trong 1.620 tổ. Còn hợp tác lao động và đội sản xuất đã xây dựng 592 tổ-đội, có 38.809 lao động. Các tổ sản xuất ít nhất cũng có 11 hộ với 21 lao động, cày cấy 216 ha. Tổ lớn có 98 hộ, 239 lao động cày cấy 1240 ha. Mỗi tổ có 3 người điều hành gồm 1 tổ trưởng, 2 tổ phó.

Qua các hình thức làm ăn tập thể, bước đầu đã tập thể hóa tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất và một số tổ sản xuất còn tập thể hóa trâu bò, công cụ sản xuất. Ở Đức Linh có 231 tổ sản xuất đã tập thể hóa tư liệu sản xuất gồm 4.484 ha đất, 1.111 trâu bò cày và 764 bò đàn. Bắc Bình có 63 đội sản xuất tập thể hóa 942 ha đất. Hàm Thuận có 34 tổ, tập thể hóa 976 ha, v.v... Trong số tư liệu sản xuất tập thể hóa lần này còn có đất hoang hóa được chính quyền giao cho tổ sản xuất khai hoang phục hóa nay trở thành sở hữu của tập thể, chủ yếu là 5 xã Bắc Đức Linh (Bắc sông). Các loại đất tư của nông dân và đất cách mạng cấp cho nông dân, được tuyên truyền vận động, nông dân tự nguyện đưa vào làm ăn tập thể, phần nhiều đất này thuộc các xã Nam sông La Ngà ở Đức Linh. Cũng có loại đất của tổ viên đưa vào sản xuất trên mức quy định được hưởng hoa lợi từ 10 đến 15%; phổ biến ở huyện Bắc Bình. Còn ở vùng kinh tế mới nhiều nơi chính quyền dùng cơ giới khai hoang giao đất cho tổ sản xuất. Ở Đông Giang (Hàm Thuận) có 16 tổ sản xuất đã phát được 200 ha rẫy để sản xuất. Nhờ tập thể hóa tư liệu sản xuất, tập thể hóa lao động đã phát huy sức mạnh để phát triển sản xuất, khai hoang phục hóa, làm thủy

lợi v.v... từ đó tăng thu nhập cho người lao động, đời sống khá hơn lúc còn làm ăn cá thể ⁽¹⁾.

Nhờ làm ăn tập thể đã tạo điều kiện cho khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích sản xuất. Như 5 xã Bắc sông La Ngà (Đức Linh) năm 1974 diện tích canh tác chỉ có 536 ha; 1976 tăng diện tích khai hoang mới 1.495 ha; đến tháng 9/1976 diện tích canh tác là 2.705 ha, trong đó đất trồng lúa 2.060 ha.

Từ thắng lợi bước đầu làm ăn tập thể của nông dân lao động, năm 1977 Tỉnh ủy chủ trương vẫn đặt là nhiệm vụ quan trọng tiếp tục củng cố và phát triển toàn bộ nông dân vào các tổ đoàn kết sản xuất. Các địa phương phải lo kiện toàn tổ chức đủ sức làm tròn nhiệm vụ trong tình hình mới, giáo dục, phát động tư tưởng, nâng cao giác ngộ XHCN, ý thức làm chủ tập thể, ý thức tự nguyện, tự giác đi theo con đường hợp tác hóa cho nông dân ⁽²⁾. Đồng thời tiến hành xây dựng thí điểm hợp tác xã để rút kinh nghiệm phổ biến

(1) Tính riêng về lúa, 5 xã Bắc sông La Ngà (Đức Linh) mỗi nhân khẩu 600 kg/năm. Ở Đông Giang, năm 1976 trung bình 345 kg lúa/người.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thuận Hải lần I (3/1977) ghi rõ: Trong năm 1977, Thuận Hải phải đưa 30% và 1978 phải có 60% lao động nông nghiệp vào các đội sản xuất.

ra diện rộng trong tỉnh. Các huyện, thị cũng chọn một địa phương xây dựng hợp tác xã thí điểm. Bước xây dựng hợp tác xã thí điểm là mở đầu cho cao trào xây dựng hợp tác hóa trong toàn tỉnh.

Tỉnh chọn xã Mê Pu (Đức Linh) và xã Phước Sơn (An Phước) làm thí điểm xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và Phước An (An Phước) làm thí điểm hợp tác xã trồng bông. Xã Mê Pu có 783 hộ với 3.831 khẩu, trong đó có 1.366 lao động, với diện tích 1.130 ha đất canh tác lúa và 1.800 ha đất gieo trồng cây màu, như mì, bắp, đậu...

Để thúc đẩy việc làm ăn tập thể của nông dân lao động, tỉnh có kế hoạch cuối năm 1977 Đại hội đại biểu xã viên và giữa năm 1978 tổng kết công tác xây dựng các hợp tác xã điểm trong toàn tỉnh để rút kinh nghiệm đẩy mạnh xây dựng hợp tác xã vào cuối 1978, đến năm 1980 căn bản hoàn thành việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp trong toàn tỉnh.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối và đánh bắt hải sản cũng bước đầu giải quyết về quan hệ sản xuất. Sau đợt học tập về chủ trương cải tạo vùng biển trong năm 1978, tỉnh có chủ trương từng bước xây dựng hợp tác

xã nghề cá. Những hộ có ghe thuyền, thúng chai vào hợp tác xã. Lao động nam giới có khả năng đi biển tham gia vào đánh bắt hải sản, nữ giới vào các tổ chế biến hải sản và một số hợp tác xã mua bán của xã-phường và của Ty hải sản, cùng thương nghiệp cấp tỉnh, huyện thu mua sản phẩm phân phối cho cán bộ, công nhân viên và nhân dân lao động. Hợp tác xã diêm nghiệp cũng bắt đầu bước vào làm ăn tập thể, nhưng số lượng xã viên còn ít.

Để hợp tác xã được xây dựng, hoạt động theo một nguyên tắc thống nhất, ngày 17/6/1977 Ban Nông nghiệp tỉnh ủy dự thảo "Một số quy định tạm thời về chính sách hợp tác xã tỉnh Thuận Hải". Bản dự thảo có 7 điều quy định các điều kiện tham gia xây dựng, tập thể hóa tư liệu sản xuất, cổ phần, hoa lợi ruộng đất, vấn đề đất thổ canh, thổ cư và đất 5% để lại gia đình xã viên làm kinh tế phụ, phân phối thu nhập và nghĩa vụ đối với nhà nước.

Tiếp đến ngày 26/7/1978, Ban Nông nghiệp tỉnh ủy đề ra Dự án quy hoạch về tổ chức hợp tác xã nông nghiệp và chỉ tiêu đào tạo cán bộ cho hợp tác xã nông nghiệp trong 4 năm tới (1977-1980). Đồng thời trong 4 năm này phải xây dựng 170 hợp tác xã.



Ngư dân chuẩn bị ra khơi đánh bắt hải sản.



Tháng 10/1978, Hội Nông dân tỉnh Thuận Hải đã tiến hành Đại hội đại biểu. Cùng với việc đánh giá tình hình củng cố về tổ chức và hoạt động của Nông hội từ 1976 đến nay, đại hội đã đề ra 4 nhiệm vụ chính ⁽¹⁾ cho thời gian từ 1978 đến năm 1980, gồm:

- Tuyên truyền giáo dục cán bộ, hội viên và nông dân nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần làm chủ tập thể, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tạo ra một khí thế cách mạng mới, thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng CNXH.

- Tiếp tục cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới đối với nông nghiệp dưới 2 hình thức: Đội hợp tác sản xuất và hợp tác xã nông nghiệp trên cơ sở tập thể hóa tư liệu sản xuất, phân phối theo lao động và phần đầu đến năm 1980 căn bản hoàn thành hợp tác hóa trong tỉnh.

- Giáo dục nông dân nâng cao cảnh giác cách mạng, thực hiện nền quốc phòng toàn dân, làm tốt nghĩa vụ quân sự, giữ gìn an ninh chính

(1) Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu Nông hội tỉnh lần thứ nhất và đề án công tác nhiệm kỳ 2 năm 1978-1980 lưu tại Hội Nông dân tỉnh Bình Thuận

trị, an toàn xã hội, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ Tổ quốc XHCN.

- Tích cực củng cố và kiện toàn tổ chức, phát triển hội viên, góp phần làm hậu thuẫn vững mạnh cho chính quyền và đủ sức hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng và của Hội.

Để đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh tháng 10/1978 đề ra cho 3 năm (1978-1980) và nhiệm vụ các năm kế tiếp (1981-1983) Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh ngày 30/6/1984 ⁽¹⁾ đã đánh giá tình hình trong nhiệm kỳ qua có nhiều khó khăn là do kẻ thù của nhân dân tiến hành chiến tranh phá hoại nhiều mặt; thời tiết cũng không thuận lợi, cơn bão số 9 đã gây tổn thất nặng về người, về mùa màng, tài sản,...Việc thâm canh, tăng vụ ở vùng không có thủy lợi gặp khó khăn. Trong một bộ phận nông dân vẫn còn tư tưởng tư hữu của người sản xuất nhỏ. Đồng thời Đại hội cũng khẳng định: Dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng và Nông hội các cấp, nông dân trong tỉnh đã đoàn kết, phấn đấu phát huy các thế mạnh trong nông- lâm- ngư và công nghiệp, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ, nhiệm vụ

(1) Trong báo cáo đề là "Đại hội Nông dân tập thể tỉnh lần thứ nhất".

của Nông hội tỉnh đạt được những kết quả đáng kể, trong đó đã giáo dục, vận động 85% nông dân đi vào làm ăn tập thể, cơ bản hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp trong tỉnh. Từ kết quả đó đã làm thay đổi sâu sắc đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa và tình cảm giai cấp của nông dân tỉnh nhà. Về những nhiệm vụ của Hội trong thời gian qua, Đại hội đã đánh giá :

- Công tác giáo dục, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước được đẩy mạnh. Đã tổ chức học tập Nghị quyết Đại hội III (nay là Đại hội VI) của Tỉnh đảng bộ; Chỉ thị 116 của Trung ương Đảng và điều lệ Hội; các Chỉ thị 07, 09 về ruộng đất; các Nghị quyết 31, 01 về cải tạo nông nghiệp của Thường vụ tỉnh ủy,...các pháp lệnh về thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, pháp lệnh về phát hành công trái, v.v... Đến 1983 có 10/12 huyện, thị hội đã mở được hàng ngàn cuộc với 248.268 lượt người tham dự. Công tác giáo dục, tuyên truyền đã nâng cao nhận thức cho nông dân về con đường làm ăn tập thể và củng cố lòng tin đối với Đảng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Việc đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với cải tạo, xây dựng, củng cố và

hoàn thiện quan hệ sản xuất mới ở nông thôn đã thu được kết quả rất quan trọng. Toàn tỉnh có 291 hợp tác xã, 254 tập đoàn sản xuất nông nghiệp đã tập hợp 102.524 hộ, 764.876 khẩu với 210.648 lao động nông nghiệp vào làm ăn tập thể; trong đó có 8/13 huyện, thị đã đưa 90% hộ nông dân vào làm ăn tập thể. Có huyện, nông dân vào làm ăn tập thể với tỷ lệ cao như Hàm Thuận đạt 99%.

Về hải sản, ngư trường Thuận Hải tương đối lớn so với một số tỉnh bạn và có 9 huyện, thị với 36 xã ven biển. Số lao động làm nghề biển có 35.000 người với 5.522 thuyền, trong đó có 4.467 thuyền máy với 71.386CV, năng lực đánh bắt khoảng 120.000 đến 140.000 tấn/năm. Hàng năm chế biến khoảng 25 triệu lít nước mắm, 60 tấn mực khô, 2.500 tấn hải sản đông lạnh, 80 tấn sò điệp... Trong nghề cá, đến cuối 1986 đã xây dựng được 109 hợp tác xã, 121 tổ hợp tác sản xuất và 13 tập đoàn sản xuất gồm 1.805 thuyền, 42.986CV, 16.383 lao động.

Quan hệ sản xuất XHCN trong nông nghiệp hình thành khá vững chắc, làm thay đổi sâu sắc bộ mặt nông thôn. Đã phân bổ lại sản xuất, lao động, quản lý và sử dụng có hiệu quả hơn tiềm năng đất đai, lao động và tư liệu sản xuất; năng

suất lúa hàng năm đạt trung bình trong toàn tỉnh từ 2 đến 2,7 tấn/ha; 28 hợp tác xã đạt năng suất cao từ 15-16 tấn/ha. Đến năm 1983, diện tích gieo trồng là 124.986 ha, trong đó diện tích trồng cây lương thực 100.622 ha và toàn tỉnh đạt sản lượng lương thực 242.800 tấn.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi được các hợp tác xã đẩy mạnh. Đến tháng 10/1983 toàn tỉnh có 23.996 con trâu, 94.971 con bò, bảo đảm sức kéo cho sản xuất và cung cấp nguồn phân bón cho sản xuất và thực phẩm cho xã hội.

Các cuộc vận động lao động công ích, thực hành tiết kiệm, mua công trái xây dựng Tổ quốc, làm nghĩa vụ lương thực, thực hiện theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm", các hợp tác xã đã làm tốt trách nhiệm của mình. Như năm 1983, là năm mất mùa nhưng có hơn 53.500 tấn lương thực nộp nghĩa vụ cho nhà nước. Trong đợt I năm 1983, riêng khu vực nông thôn có 58.733 nông dân mua 67.173 phiếu công trái với số tiền 9.933.800đ và 350 tấn thóc, 21 con bò, 24 con trâu v.v... Nông dân còn tham gia làm hàng trăm km đường giao thông nông thôn, đắp bờ vùng, bờ thửa và nạo vét, đào mới nhiều kênh thủy lợi phục vụ đi lại và sản xuất. Qua những việc làm trên, đã thể hiện tinh thần hành động cách mạng và khả năng to lớn của nông dân trong

tỉnh được phát huy dưới chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với mở rộng sản xuất, việc định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới, phân bố lại lao động, dân cư trên các vùng trong tỉnh là một chủ trương lớn của Đảng bộ. Từ năm 1978 đến 1983 đã vận động 3.167 hộ, có 18.125 khẩu, với 6.939 lao động là nông dân các dân tộc lâu nay sinh sống không ổn định định cư ở 10/47 điểm trong kế hoạch, như Đông Giang (Hàm Thuận Bắc), Phan Sơn (Bắc Bình), La Ngâu (Tánh Linh), v.v... Các vùng định cư kết hợp sản xuất nông nghiệp với lâm nghiệp; vận động nông dân vào làm ăn tập thể với hai hình thức tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Từ 1976 đến 1983 đã vận động 16.217 hộ, có 92.288 khẩu với 33.941 lao động đi xây dựng vùng kinh tế mới, đạt 71% kế hoạch đề ra. Đời sống nhân dân vùng kinh tế mới từng bước được ổn định, sản xuất lương thực ở các vùng này năm 1976 là 2.220 tấn, đến đầu 1983 tăng lên 21.000 tấn. Nhiều vùng kinh tế mới như Mêpu 2, Huy Khiêm, Vũ Thư, Đức Tân, Đức Phú, v.v... cơ sở vật chất tập thể như trụ sở hợp tác xã, hội trường, trường học, trạm xá, nhà trẻ, sân vận động được xây dựng. Cuộc vận động định canh, định cư, xây dựng vùng kinh tế mới đã đạt được kết quả đáng khích lệ, nhiều vùng

hoang vu, hẻo lánh trước kia nay trở thành vùng dân cư, có nhiều nơi trù phú. Kết quả lớn nhất là nhiều vùng đồng bào dân tộc ít người trước đây chỉ sống du canh, du cư, phát rừng làm rẫy nay đã ổn định sản xuất, ổn định cuộc sống, áp dụng khoa học vào sản xuất làm cho đời sống khá lên.

Giai cấp nông dân trong tỉnh còn là lực lượng góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Lực lượng dân quân, tự vệ được xây dựng rộng khắp ở các hợp tác xã, xã-phường. Năm 1976 lực lượng này chiếm 1,1%, đến 1983 chiếm 6,8% so với nông dân lao động. Ngoài ra, các đợt thi hành nghĩa vụ quân sự, hàng năm đều đạt và vượt chỉ tiêu. Dân quân tự vệ một số nơi như Phan Dũng (Tuy Phong) cùng với nhân dân phát giác và bắt bọn FULRO lẩn trốn nhằm bảo đảm bình yên cho xóm làng.

Về văn hóa- xã hội, giai cấp nông dân là một lực lượng tham gia đông đảo và cũng là lực lượng được hưởng các thành quả đông nhất. Nhiều người tham gia học bổ túc văn hóa, học sinh đến tuổi được cấp sách tới trường, vì vậy đã cơ bản xóa được nạn mù chữ ở đồng bằng. Các HTX nông nghiệp có nhà trẻ chăm sóc các cháu để

người lao động yên tâm đi sản xuất. Nhiều xã có nhà văn hóa, nhà truyền thống và cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, thực hành 3 công trình (nhà vệ sinh, nhà tắm, nước sạch) v.v... được nông dân nhiệt thành hưởng ứng. Tỷ lệ sinh đẻ từ 1,9% hàng năm, nay xuống 1,7%, trong đó các địa phương Hàm Thắng I, Hàm Minh là những nơi tiêu biểu. Cuộc vận động xây dựng nông thôn mới, gia đình văn hóa mới kết hợp với bài trừ các tệ nạn mê tín dị đoan, cưới hỏi linh đình gây tốn kém được nhiều hộ nông dân tham gia, hưởng ứng.

Sau khi đánh giá về thành tựu, khuyết điểm, tồn tại và nguyên nhân của 3 năm (1981 - 1983), Đại hội lần này đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác Hội và phong trào nông dân trong năm 1984-1985 nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (3/1983) là:

- Tiếp tục đẩy mạnh củng cố, xây dựng, hoàn thành hợp tác hóa và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới nông nghiệp XHCN, phát triển nông nghiệp toàn diện và vận động tập thể hội viên, xã viên làm đúng 3 lợi ích của hợp tác hóa...⁽¹⁾.

(1) 3 lợi ích: Nhà nước, tập thể và người lao động.

- Phát động nông dân đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, áp dụng kỹ thuật, sản xuất toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, thực phẩm gắn với trồng cây công nghiệp, mở rộng diện tích khai hoang theo kế hoạch và tăng vòng quay của đất từ 1,6 lên 1,9 lần. Phần đầu đạt mức lương thực từ 320.000 tấn năm 1985 lên 370.000 tấn trong năm 1990...

- Chăm lo đời sống cho nông dân và vận động thực hiện tốt chủ trương phát triển kinh tế gia đình đúng hướng theo Chỉ thị 33 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (18/1/1984).

- Đẩy mạnh công tác củng cố xây dựng bộ máy các cấp hội.

- Tăng cường giáo dục, phát động thường xuyên nâng cao giác ngộ XHCN cho giai cấp nông dân.

Để thực hiện 5 nhiệm vụ trên, báo cáo của Đại hội cũng đề ra các mặt công tác cụ thể trong 2 năm tới là việc phát động phong trào xây dựng và hoàn thành hợp tác hóa, từng bước hoàn thiện quan hệ sản xuất mới và hoàn chỉnh cơ chế khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động. Vận động nông dân đến năm 1985, trong tỉnh không còn hộ làm ăn riêng lẻ, giải quyết dứt điểm tiền hóa

giá tư liệu sản xuất để thực hiện tốt Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Nghị quyết 01 và Chỉ thị 20 của Thường vụ tỉnh ủy về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động⁽¹⁾. Thực hiện tốt 3 lợi ích Nhà nước, tập thể và người lao động trong sản phẩm làm ra. Qua giao khoán gắn với điều chỉnh hợp lý các loại ruộng tốt, xấu và chỉ giao ruộng đất khoán cho người lao động trồng trọt, không giao theo bình quân nhân khẩu, HTX quản lý 5 khâu, không khoán trắng cho người lao động, giao khoán cả cây (cây lúa, cây công nghiệp), con (bò, lợn). Giáo dục cho nông dân hiểu rõ vai trò, vị trí của Hội Nông dân là một đoàn thể chính trị xã hội ở nông thôn, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng và cuộc đấu tranh quyết liệt để giải quyết vấn đề "ai thắng ai" giữa hai con đường XHCN và TBCN. Đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng ở nông thôn (hợp tác xã và xã), chú trọng đến trồng cây lương thực, phát động tăng năng suất và nuôi trồng nhiều loại cây-con, trong đó phấn đấu đạt hai loại cây

(1) Ngày 13 tháng 01 năm 1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 về cải tiến công tác khoán, mở rộng "Khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động" trong hợp tác xã nông nghiệp. Thực hiện hoàn chỉnh chế độ "ba khoán" có thưởng, phạt công minh của hợp tác xã với đội sản xuất (khoán chi phí sản xuất, khoán công điểm và khoán sản phẩm).

công nghiệp, cây lúa và 2 loại con (bò, lợn), với chỉ tiêu một lao động nuôi trồng "2 cây và 2 con". Trong cây công nghiệp, phát động trồng cây ngắn ngày và dài ngày gắn với trồng rừng. Như trồng 4.000 ha bông, trồng đào lợn hột (điều), dứa, cọ khoảng 4.000 ha thành vùng tập trung, 1.000 ha cao su... Công tác xây dựng hội gắn với sản xuất và hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp..v.v...

Việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế nông, ngư nghiệp trong năm 1984 - 1985 đạt một số kết quả. Năm 1985 đã huy động 278.000 người tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp, tăng hơn năm 1984 là 8.000 lao động và canh tác 141.000 ha ruộng đất, trồng các loại cây lương thực, cây màu, cây công nghiệp. Năng suất lúa bình quân từ 29,4 tạ/ha năm 1984 tăng lên 31,2 tạ/ha năm 1985. Việc đẩy mạnh khai hoang đã tăng diện tích sản xuất từ 833 ha năm 1984 lên 930 ha năm 1985. Trong chăn nuôi cũng đạt khá, như bò 1984 là 97.000 con đến năm 1985 tăng lên 104.000 con. Từ sản xuất phát triển việc huy động lương thực không ngừng tăng lên, năm 1984 là 58.308 tấn đến năm 1985 đạt 67.806 tấn và từ 1981 trở đi tỉnh không phải nhận lương thực của Trung ương mà còn làm nghĩa vụ cho Trung ương

năm 1981 là 3.000 tấn và đến năm 1985 đã tăng lên 12.000 tấn. Cùng với đẩy mạnh phát triển sản xuất, công tác cải tạo xây dựng hợp tác xã trong nông- ngư nghiệp cũng được đề cập. Tổng số lao động vào HTX đánh bắt cá so với số lao động biển đạt 57,9% và chiếm 82,3% công suất thuyền có động cơ trong toàn tỉnh (toàn tỉnh có 43.795CV). Trong nông nghiệp có hai hình thức tổ chức HTX và tập đoàn sản xuất. Đến năm 1985 đã có 88,93% lao động vào HTX và tập đoàn sản xuất (không kể số lao động khu vực quốc doanh), trong đó lao động HTX chiếm 76,7%. Đến tháng 7/1985 toàn tỉnh có 320 HTX và 223 tập đoàn sản xuất, bắt đầu thí điểm xây dựng hợp tác xã Mê Pu (Đức Linh) thành HTX tổng hợp gồm sản xuất nông- lâm- công nghiệp, mua bán dịch vụ và tín dụng. Với thành tích đặc biệt xuất sắc của hợp tác xã nông nghiệp Mê Pu, ngày 29-8-1985, Hội đồng Nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định thưởng danh hiệu Anh hùng lao động và ngày 3-9-1986 tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhất. Đây là hợp tác xã đầu tiên của tỉnh ta được tặng danh hiệu cao quý này.

Như vậy, hơn 10 năm (1975-1985) phong trào nông dân trong tỉnh đã trải qua quá trình từ làm

ăn cá thể tiến lên làm ăn tập thể ở trình độ thấp như tổ hợp tác, tổ vận đối công và phát triển lên hợp tác xã, tập thể hóa tư liệu sản xuất, đến cuối năm 1980 căn bản hoàn thành việc đưa nông dân vào làm ăn tập thể. Từ khi có Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, phong trào nông dân đã bắt đầu thực hiện cung cách làm ăn mới, tất cả vì mục đích xã hội phát triển, gia đình ấm no. Qua xây dựng các hợp tác xã, đã gắn kết các tầng lớp, các ngành nghề của giai cấp nông dân thành một khối thống nhất và giai cấp nông dân gắn bó với giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức thành một lực lượng lớn mạnh phục vụ cho sự phát triển đất nước. Đồng thời với thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ, nông dân đã hăng hái tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, an ninh- quốc phòng ở địa phương.

Mười năm qua, việc giải quyết chính sách người cày có ruộng và từng bước đưa nông dân vào làm ăn tập thể đã có tác động sâu sắc đến giai cấp nông dân, qua đó phát huy tinh thần làm chủ tập thể của nông dân lao động trong kinh tế và xã hội.

Cũng qua xây dựng HTX nông nghiệp, cơ sở vật chất tập thể được tăng lên, hệ thống giao

thông nông thôn phát triển, các hệ thống thủy lợi, kênh mương nội đồng phục vụ tưới tiêu cho sản xuất, điện phục vụ cho đời sống và trường học được mở ra, con em đến tuổi được cấp sách tới trường. Công tác xây dựng vùng kinh tế mới phát huy tác dụng, nhiều vùng đất mới được khai khẩn, hình thành vùng dân cư mới, góp phần ổn định chính trị, phát triển kinh tế.

Căn cứ vào nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy, đối chiếu với thực tế cần khẳng định rằng chủ trương cải tạo XHCN trong nông nghiệp là đúng. Sản xuất có phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật tăng, cơ chế quản lý bước đầu có đổi mới. Tình hình chính trị, kinh tế và xã hội trong nông thôn tỉnh ta có chuyển biến, đời sống nông dân ở nhiều vùng được cải thiện.

Tuy nhiên trong chặng đường 10 năm qua, bước phát triển của tỉnh nhà nói chung, của giai cấp nông dân nói riêng gặp không ít khó khăn do thiên tai (cơn bão số 9 năm 1979, hạn hán năm 1980) và địch họa (chiến tranh biên giới Tây Nam và phía Bắc), nạn vượt biển trái phép làm cho phương tiện và năng lực đánh bắt hải sản giảm sút; việc cấm vận kinh tế của Mỹ và sự phá hoại của các thế lực thù địch đã ảnh hưởng không ít đến phát triển kinh tế-xã hội. Đời sống

nông dân từ năm 1985 có nơi, có lúc giảm sút và sản xuất có chững lại. Một chừng mực nào đó việc phát triển kinh tế có trì trệ, tư tưởng tư hữu có chiều hướng phát triển, ảnh hưởng đến năng suất lao động. Trong khi đó, phong trào hợp tác hóa từ năm 1985 bắt đầu chững lại và bộc lộ nhiều mặt tiêu cực, cơ chế quản lý hành chính bao cấp trong các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất khá nặng nề, làm ăn thua lỗ, nợ nần, kê đọng sản phẩm, lãng phí, hư hao, mất mát cũng không nhỏ. Đời sống chính trị, văn hóa, tinh thần, vật chất ở nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn. Việc thực hiện chính sách giá - lương - tiền có những sai lầm, khuyết điểm cũng ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống nông dân lao động.

Nhìn chung, 10 năm qua, so với tiềm năng thì nông nghiệp tỉnh ta phát triển chậm. Ngoài việc chưa tập trung đầu tư đúng mức cho sự chỉ đạo và xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp, thì quá trình hợp tác hóa có một số sai lầm khuyết điểm là: Nhận thức chưa đầy đủ, có chủ quan, nóng vội trong bước đi và hình thức tổ chức, áp đặt một mô hình tổ chức và quản lý cho tất cả các vùng, vi phạm nguyên tắc tự nguyện. Trong quản lý, chỉ đạo, điều hành

còn có thiếu sót, áp dụng cơ chế quan liêu, bao cấp như xí nghiệp quốc doanh, khu vực kinh tế tập thể, vai trò tự chủ của hợp tác xã và nông dân không được phát huy kết hợp tốt với xây dựng, chậm sơ kết, tổng kết các mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả để nhân lên. Công tác đào tạo cán bộ khu vực kinh tế tập thể làm còn ít. Chất lượng cán bộ còn yếu cả về chính trị, nghiệp vụ. Tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn chưa làm tốt công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách hợp tác hóa của Đảng ở nông thôn.

III - TỔ CHỨC HỘI VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1987-2000):

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đưa ra đường lối đổi mới; trước hết đổi mới tư duy, đổi mới quản lý kinh tế và từng bước hoàn thiện đổi mới quản lý hành chính, tiến tới đổi mới hoạt động của hệ thống chính trị. Trên cơ sở đổi mới đó, xóa bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp, phát triển kinh tế nhiều thành phần làm cho nền kinh tế phát triển theo quy luật khách quan, đưa đất nước ta lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm xây dựng một nước Việt Nam

định hướng XHCN, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đảng bộ Thuận Hải tiến hành Đại hội lần thứ IV (nay là Đại hội lần 7 Bình Thuận) vào tháng 9/1986, trước khi Đại hội VI toàn quốc của Đảng, nên một số chủ trương, nghị quyết thời kỳ 1986-1990 của tỉnh đề ra chưa phù hợp với yêu cầu đổi mới của Đại hội VI. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ đã có chủ trương bổ sung về quản lý nông nghiệp đến năm 1990 cho phù hợp.

Trong sự nghiệp đổi mới của Đảng, tổ chức và phong trào nông dân Bình Thuận đã từng bước vượt qua khó khăn, vươn lên hoàn thành nhiệm vụ của mình, cùng với giai cấp công nhân, tầng lớp trí thức trong tỉnh góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

1. Tiếp tục củng cố và xây dựng tổ chức Hội (1987 - 1991):

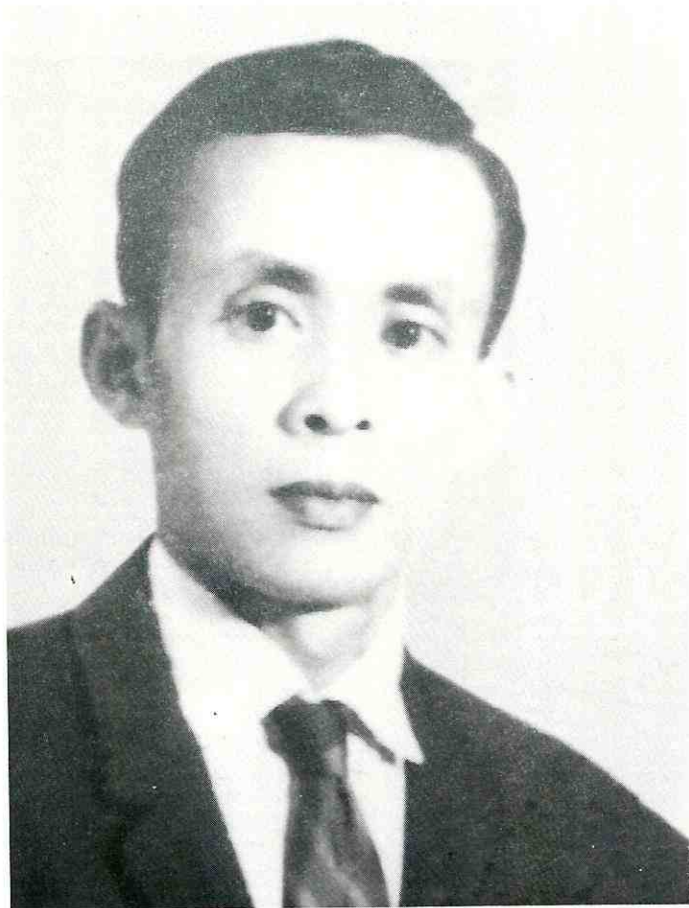
Từ sau Đại hội 3 cấp của Hội (xã-huyện, thị-tỉnh) năm 1987 đến năm 1989, việc xây dựng quy chế làm việc của Ban chấp hành Hội nông dân tỉnh chưa thực hiện được. Năm 1991, bộ máy chuyên trách của Hội cấp tỉnh có 12 đồng chí. Số ủy viên Ban chấp hành Tỉnh hội còn lại 18

đồng chí, đồng chí Hoàng Trí Thức làm chủ tịch, đồng chí Đinh Văn Xương và Nguyễn Văn Thiệu làm phó chủ tịch, đồng chí Trương Đồng và Dương Đức Ý là ủy viên thường vụ. Trong Ban Chấp hành có 4 ủy viên cơ cấu ngành Nông nghiệp-Lâm nghiệp, Thủy sản, Thanh niên và Phụ nữ; còn lại 7 ủy viên ở huyện, thị và 3 ủy viên ở cơ sở xã- phường.

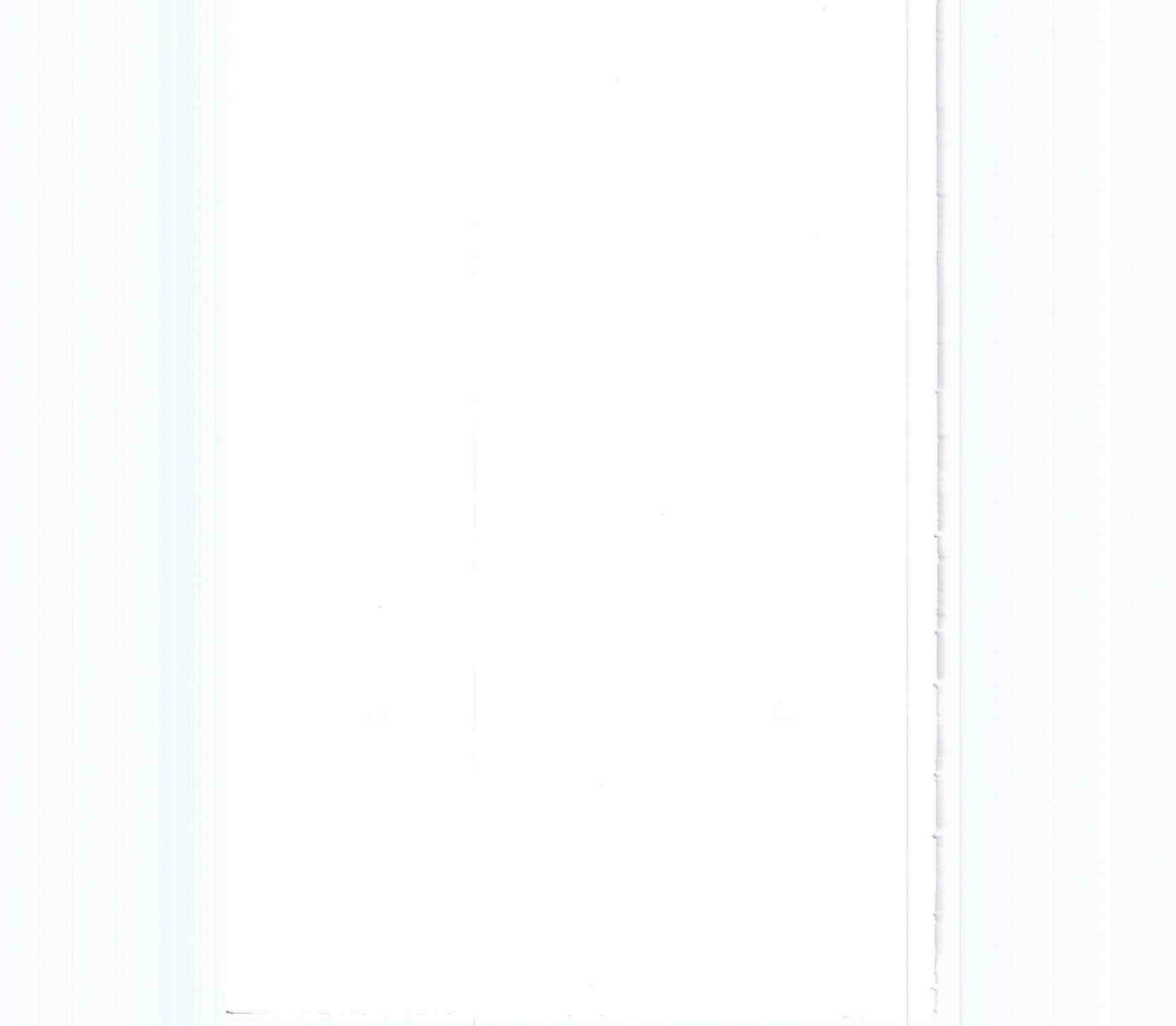
Các ban chuyên môn của Tỉnh hội gồm có: Văn phòng, Ban tuyên huấn, Ban kinh tế-xã hội, Ban tổ chức-kiểm tra.

Các huyện- thị hội đến 1991 có 13/13 huyện- thị có Ban Chấp hành Hội với 227 ủy viên, trong đó có 40 đồng chí chuyên trách, 161 ủy viên cơ sở, số còn lại cơ cấu ở các ngành, đoàn thể trong huyện, thị và 50 cán bộ chuyên trách các huyện- thị. Các xã-phường có 1.035 người là ủy viên ban chấp hành.

Năm 1991, toàn tỉnh có 137.464 hộ với 733.740 khẩu và 399.687 lao động. Nhưng số hội viên chỉ còn 187.038, so với trước giảm 10.709 người. Việc sụt giảm hội viên do khi chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế trong thời kỳ đổi mới, một số hợp tác xã và tập đoàn sản xuất không hoạt động.



*Đồng chí Hoàng Trí Thức
Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Thuận Hải
từ năm 1988 đến năm 1992.*



Ngày 29/11/1991, Ban chấp hành Hội nông dân Việt Nam tỉnh Thuận Hải có kế hoạch hướng dẫn tiến hành Đại hội đại biểu cấp cơ sở, huyện, thị và chuẩn bị Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh vào năm 1992, để tiến đến Đại hội đại biểu Hội nông dân toàn quốc vào quý 4/1993. Nhưng thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa VIII (20/10/1991), đầu tháng 4/1992, tỉnh Thuận Hải đã tiến hành phân chia thành 2 tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận nên việc đại hội các cấp chưa thực hiện.

Cùng với các cơ quan trong tỉnh, Hội nông dân tỉnh Thuận Hải đã phân chia, hình thành Ban chấp hành lâm thời ở mỗi tỉnh. Ban chấp hành lâm thời tỉnh Bình Thuận có 16 đồng chí, đồng chí Hoàng Trí Thức làm chủ tịch hội; đồng chí Nguyễn Văn Thiệu phó chủ tịch; các đồng chí Dương Thành Trung, Trương Đồng, Dương Đức Ý ủy viên thường vụ. Cơ quan thường trực tỉnh hội có 11 đồng chí; 9 huyện- thị hội có 29 đồng chí. Huyện nhiều nhất có 4 cán bộ, riêng huyện hội Phú Quý có 1 đồng chí.

2. Từng bước đổi mới, thúc đẩy phong trào Hội Nông dân phát triển (1987-1991) :

a. Công tác tuyên truyền, giáo dục hội viên:

Sau Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh (tháng 8/1987), Hội tổ chức tuyên truyền kết quả đại

hội và triển khai nghị quyết Đại hội đến cơ sở đã tạo một tinh thần mới cho tổ chức Hội. Tiếp đến, sau Đại hội Đại biểu Hội Nông dân toàn quốc lần thứ nhất (3/1988), các cấp Hội đã phát động phong trào thi đua thực hiện các công tác cấp bách của địa phương và tổ chức cho hội viên nông dân học tập nội dung Văn kiện Đại hội Nông dân toàn quốc. Đồng thời tổ chức cho cán bộ, hội viên nông, ngư dân học tập các Nghị quyết 04, Nghị quyết 10, Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, các Luật tố tụng hình sự, Luật đất đai... có 138.000 lượt người tham gia. Sau đợt tổ chức triển khai học tập tháng 5/1988 đến quý I/1989 nhận thức của nông, ngư dân có chuyển biến, tin tưởng hơn vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có nơi nông dân đề nghị tổ chức học tập lại bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Đại hội Nông dân toàn quốc. Tuy vậy, có một số cơ sở Hội tổ chức học tập cho hội viên nhằm thanh toán chương trình, không đảm bảo chất lượng. Đến năm 1989, Tỉnh hội phối hợp với các ngành, đoàn thể tổ chức học tập, tuyên truyền rộng rãi Nghị quyết 10, Chỉ thị 47 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy, Nghị quyết 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và các pháp lệnh về thuế nông

nghiệp, thuế nghề cá, luật bầu cử HĐND 3 cấp... Nông dân rất phấn khởi khi Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy Thuận Hải về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp được thực hiện. Năm 1990, Hội Nông dân tỉnh tổ chức sinh hoạt chủ đề "Bác Hồ với nông dân và nông dân với Bác Hồ" nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Bác. Đồng thời triển khai quán triệt Nghị quyết 08 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho 34.000 cán bộ, hội viên nông ngư dân. Đến năm 1990, công tác tư tưởng có tác động đến nhận thức của hội viên; qua đó làm cho hội viên thực hiện đổi mới theo khoán 10 trong nông nghiệp. Năm 1991, công tác tuyên truyền giáo dục của Hội trọng tâm là việc tổ chức Hội nghị ở các cấp hội để góp ý kiến vào Văn kiện Đại hội VII của Đảng.

b. Đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, nông thôn, đưa phong trào sản xuất, kinh tế - xã hội phát triển:

Đối với tỉnh Thuận Hải lúc bấy giờ, sau một thời gian dài duy trì cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp đã làm hạn chế đến khả năng phát triển sản xuất nông nghiệp. Nhiều tiềm năng đất đai, lao động, ngành nghề ... chưa được phát huy. Nghị quyết 10 ra đời như là một đột phá

vào những tồn tại đó, làm trỗi dậy nhiều khả năng mới trong sản xuất nông nghiệp.

Ngay sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết 10, tình hình sản xuất nông nghiệp đã có nhiều chuyển biến. Như năm 1989 là năm đầu tiên thực hiện "cơ chế" theo Nghị quyết 10, sản xuất đã có mức tăng khá, sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 314.000 tấn, tăng 11% so với năm 1988.

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi có phần phát triển. Ngay trong năm 1989, chăn nuôi heo tăng 7,2%, trâu tăng 2,3% và bò tăng 5,6% .

Đạt được kết quả trên, ngoài sự chỉ đạo của tỉnh, còn có sự nổ lực vượt bậc của nông dân trong khai thác các tiềm năng đất đai, vốn cùng với đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Trong đó nông dân Hàm Thuận Bắc khai thác tốt khả năng thủy nông, trong 2 năm (1988-1989) đã mở rộng diện tích gieo trồng được 800 ha, từ đó đạt tổng sản lượng lương thực năm 1989 là 53.000 tấn, là năm đạt cao nhất từ trước đến nay. Huyện Hàm Tân ngoài tăng diện tích các cây trồng hàng năm, còn xác định trồng các cây lâu năm như dừa, dâu, đào ... Trong 2 năm (1988-1989) đã trồng mới thêm 823 ha và phục hồi 12,8 ha các cây công nghiệp hiện có.

Từ khi thực hiện Nghị quyết 10, việc quản lý, sử dụng tư liệu sản xuất và tăng cường cơ sở vật chất phục vụ nông nghiệp cũng được đặt ra. Trước đây các HTX lấy quy mô tập thể hóa tư liệu sản xuất làm chỉ tiêu đánh giá phát triển HTX, quản lý tập trung được nhiều trâu, bò, máy móc, công cụ v.v... là HTX mạnh, nay đổi mới lấy chỉ tiêu hiệu quả kinh tế là cơ bản. Tài sản nào tập thể quản lý sử dụng có hiệu quả thì mới trực tiếp quản lý. Các công cụ nhỏ cầm tay, HTX giao cho xã viên tự mua sắm và định mức chi phí cho xã viên trong sản lượng khoán (giá trị sản lượng). Còn các công cụ khác như trâu, bò, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp bán lại hoặc giao khoán cho xã viên. Về thủy nông giao cho một số xã viên quản lý và họ được hưởng thu nhập do các hộ xã viên nhận khoán chi trả. Với cách quản lý tư liệu sản xuất đổi mới, đã tạo cho nhiều HTX tính toán cụ thể, nhiều hộ xã viên tự mua sắm thêm tư liệu phục vụ sản xuất.

Thực hiện Nghị quyết 10, từ giữa năm 1988 đến cuối năm 1988 Sở Nông lâm nghiệp tỉnh chọn một số HTX ở Hàm Thuận Bắc làm thí điểm đã đạt khá cả kết quả sản xuất và hiệu quả kinh tế. Qua đó, hầu hết nông dân phấn khởi sản xuất và nhiều hộ xin nhận thêm diện tích khoán. Khối lượng sản phẩm nông nghiệp làm

ra hàng năm tăng, năng suất lúa các huyện tăng từ 2 đến 5 tạ/ha. Để đáp ứng cơ chế quản lý mới, tổ chức bộ máy và hoạt động của các HTX có thay đổi theo hướng gọn nhẹ. Như huyện Hàm Thuận Nam với 30 HTX, năm 1987 bộ máy quản lý HTX có 862 người đến năm 1990 bố trí lại còn 442 người; huyện Bắc Bình từ 1.262 người giảm xuống còn 615 người ... Tổ chức các HTX cũng từ đó được sắp xếp lại. Trước đội sản xuất có đội trưởng, đội phó và kế toán, nay chỉ có một cán bộ quản lý và một số HTX đang thí điểm bỏ cấp đội sản xuất. Như HTX Hàm Thắng 3 trước có 8 đội sản xuất nay phân thành 5 vùng sản xuất, mỗi vùng có một cán bộ của Ban quản lý HTX phụ trách. Nhiệm vụ của họ là tổ chức giao khoán cho xã viên, hướng dẫn các hộ nhận khoán sản xuất theo chỉ đạo của HTX; làm dịch vụ sản xuất theo yêu cầu của xã viên về vật tư, làm đất và một số công việc khác.

Ở nông thôn, lấy hộ nông dân làm đơn vị sản xuất tự chủ, nên việc chỉ đạo kỹ thuật của các đơn vị sự nghiệp làm chức năng quản lý nhà nước như Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y không còn phù hợp nên gặp khó khăn.

Đi đôi với việc đổi mới quản lý HTX nông nghiệp, hoạt động quản lý kinh tế quốc doanh

nông - lâm nghiệp trong tỉnh cũng được đổi mới. Cả tỉnh có 50 đơn vị kinh tế quốc doanh nông - lâm nghiệp, tỉnh quản lý trực tiếp 25 đơn vị; bao gồm các đơn vị sản xuất kinh doanh, dịch vụ, chế biến, lưu thông. Đến nay tỉnh chỉ quản lý các công ty, xí nghiệp làm dịch vụ, kinh doanh và làm chức năng về quản lý Nhà nước. Còn lại một số nông - lâm trường giao cho các huyện.

Bên cạnh kết quả đạt được rất đáng phấn khởi của việc thực hiện khoán 10 về đổi mới quản lý trong nông nghiệp - nông thôn, cũng nảy sinh một số khó khăn, sai lệch. Việc khoán trắng đã diễn ra "Ruộng ai người đó cấy - Rẫy ai người đó làm", dẫn đến nhiều HTX chỉ còn trên danh nghĩa. Với quy định, các HTX phải duy trì cơ chế khoán 10 có hợp đồng trách nhiệm, ban quản lý HTX còn làm dịch vụ cho nông dân những khâu quan trọng; nhưng nhiều HTX không thực hiện được mà xã viên tự lo trong quá trình sản xuất. Cả tỉnh chỉ còn khoảng 30% HTX duy trì thực hiện được cơ chế quản lý mới theo Nghị quyết 10. Như Bắc Bình còn 14/46HTX; Hàm Thuận Nam 8/30; Hàm Thuận Bắc 17/52; Hàm Tân 3/26 HTX ... ban chủ nhiệm hợp tác xã làm nhiệm vụ quản lý điều hành và làm dịch vụ cho xã viên khi họ cần.

Từ khi giao khoán cho hộ xã viên, việc sản xuất độc canh vẫn là phổ biến. Do cạnh tranh không nổi với các thành phần kinh tế khác về chăn nuôi, trồng cây công nghiệp nên nhiều hộ quay về sản xuất đơn thuần là trồng trọt và trong trồng trọt chủ yếu là cây lúa. Các HTX ở Bắc Bình, Hàm Tân có chăn nuôi bò đàn từ 100-200 con trước đây nay quản lý khó khăn, quy mô thu hẹp. Mặt khác các sản phẩm nông nghiệp sản xuất không tiêu thụ hết đã ảnh hưởng đến sản xuất vụ sau. Do ứ đọng sản phẩm nông nghiệp dẫn đến nông dân nợ thuế, chiếm dụng vốn Nhà nước khá nhiều.

Việc tranh chấp, khiếu nại về ruộng đất bắt đầu nảy sinh. Ruộng đất khoán vào thời điểm 1988, hộ nông dân nhận khoán sản xuất với thời gian từ 10-15 năm. Cơ chế này tạo cho nông dân yên tâm sản xuất. Nhưng nhiều hộ nông dân xin canh tác trên ruộng đất cũ, xin trả hoa lợi, trả công khai hoang, xin lại đất hương hỏa v.v... Các đơn xin lại phần lớn theo mức bình quân nhận khoán địa phương nhưng cũng có một số xin lại toàn bộ số đất đã đưa vào HTX. Như huyện Hàm Thuận Bắc đầu năm 1989 có 503 đơn, trong đó 50% là đơn xin lại ruộng đất cũ trước đây đưa vào HTX. Việc giải quyết khiếu nại chậm, không thống nhất làm cho sự việc tăng thêm phức tạp.

Khoản 10 đã mở ra nhiều khả năng mới trong quản lý nông nghiệp, nhưng cũng nảy sinh nhiều vấn đề, đòi hỏi các cấp ủy Đảng, chính quyền và tổ chức Hội cần phải nghiên cứu giải quyết.

Như vậy, từ sau khi có Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, công cuộc đổi mới đã từng bước đi vào cuộc sống của nhân dân. Đối với giai cấp nông dân, Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị đã đáp ứng yêu cầu của người lao động và từ đó cũng đòi hỏi phải phát triển toàn diện nông nghiệp và nông thôn; đổi mới tổ chức Hội Nông dân; chấn chỉnh, cải tiến việc quản lý sản xuất, kinh doanh để các hợp tác xã thực sự là đơn vị kinh tế và hộ gia đình nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tăng thu nhập, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm...

IV. TỔ CHỨC VÀ PHONG TRÀO NÔNG DÂN TỪ KHI TÁI LẬP TỈNH BÌNH THUẬN (1992 - 2000):

1. Xây dựng tổ chức Hội:

Sau khi chia tách tỉnh, tháng 12/1992, Đảng bộ Bình Thuận tiến hành đại hội lần thứ 6 (nay là thứ 8), và được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, cũng như Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Ban

chấp hành Lâm thời Hội nông dân Bình Thuận chuẩn bị cho Đại hội củng cố lại tổ chức Hội.

Từ ngày 11 đến ngày 12 tháng 01 năm 1993, Đại hội đại biểu Hội nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận lần thứ III (tính từ sau 1975) đã khai mạc tại thị xã Phan Thiết, có 153 đại biểu tham dự. Đại hội đánh giá việc thực hiện phương hướng, nhiệm vụ Đại hội Nông dân tỉnh Thuận Hải từ tháng 8/1987 đến nay. Đại hội tiến hành bầu Ban chấp hành gồm 19 đồng chí; đồng chí Nguyễn Văn Thiệu được bầu làm chủ tịch (đến hội nghị tỉnh Đảng bộ giữa nhiệm kỳ 1994, đồng chí Nguyễn Văn Thiệu được bầu vào Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh); đồng chí Lê Lân làm phó chủ tịch (Tỉnh đoàn chuyển qua) và các đồng chí Võ Văn Tính, Đặng Ngọc Diệp, Dương Thành Trung ủy viên thường vụ; các đồng chí chủ tịch Hội các huyện, thị và một số ban ngành, đoàn thể tỉnh được bầu vào Ban Chấp hành. Đến tháng 2/1995, Hội nghị Ban chấp hành bầu bổ sung thêm đồng chí Trần Thanh Đình làm phó chủ tịch Hội. Trước Đại hội Hội Nông dân tỉnh, 9 huyện-thị và 106/109 xã, phường, thị trấn đã tiến hành đại hội bầu Ban chấp hành. Trong đó số ủy viên Ban chấp hành xã, phường, thị trấn có 760 người. Toàn tỉnh có 466 chi hội, 1.594 tổ, bao gồm 73.607 hội viên nông-ngư dân. Tuy nhiên



Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh (lần thứ IV).

đến 1993, số hội viên trong tổ chức giảm 21.028, là do trước đây đồng nhất xã viên HTX nông nghiệp là hội viên nông dân theo hình thức "đánh trống ghi tên", khi khó khăn không tham gia hoạt động, nên toàn tỉnh chỉ còn 57.348 hội viên. Năm 1997, số hội viên đã tăng lên 75.980, so với 1992 khi mới chia tách tỉnh tăng 2.373 hội viên và tổng số hội viên phát triển mới từ 1993 đến 1997 là 34.863 người. Đã phân loại 106 tổ chức cơ sở hội trong 9 huyện, thị năm 1992, cơ sở khá chiếm gần 1/3, yếu kém dưới 1/3 (23,5%). Đến năm 1994, tổng số cơ sở hội có 109/109 xã, phường, thị trấn. Trong đó cơ sở hội khá 42, cơ sở yếu kém 17 và đến năm 1997, toàn tỉnh có 110 cơ sở hội (thêm 1 xã mới được thành lập), cơ sở khá có 60 và yếu kém là 19.

Thực hiện Chỉ thị 28 của Bộ Chính trị, chủ trương của Ban chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam và Thông báo số 86 của Thường vụ tỉnh ủy Bình Thuận về việc tiến hành Đại hội Hội Nông dân các cấp, từ ngày 2 đến ngày 3/7/1998, Đại hội đại biểu Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận lần thứ IV đã khai mạc tại thị xã Phan Thiết. Đại hội có 145 đại biểu đại diện cho 110 tổ chức cơ sở hội thay mặt cho hơn 75.000 hội viên trong tỉnh, có đại diện Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, Thường

vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, các ban ngành, đoàn thể trong tỉnh, đại diện Hội Nông dân các tỉnh bạn là Tuyên Quang, Bà Rịa-Vũng Tàu, Ninh Thuận, Lâm Đồng tham dự. Đại hội đã đánh giá việc thực hiện chủ trương, nhiệm vụ nhiệm kỳ III (1993-1997) và đề ra phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ IV (1998-2003). Bầu Ban chấp hành mới gồm 27 ủy viên, đồng chí Nguyễn Văn Thiệu, tỉnh ủy viên làm chủ tịch hội; các đồng chí Trần Thanh Đình và Phan Tấn Khế làm phó chủ tịch. Ngoài 3 đồng chí chủ tịch, phó chủ tịch, Ban Thường vụ còn có 4 đồng chí ủy viên là Võ Văn Tính, Quế Ngọc Hoa, Nguyễn Bính và Nguyễn Văn Tiêm.

Về tổ chức hội cơ sở, thực hiện Chỉ thị 499 của Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, về việc xây dựng cơ sở Hội thực sự là đơn vị hành động cách mạng. Hội Nông dân tỉnh đã chọn thị trấn Phan Rí Cửa, phường Bình Hưng và xã Hàm Kiệm làm thí điểm, sau đó triển khai khắp các địa bàn. Sau một thời gian, các địa phương đã thành lập thêm 4 cơ sở hội, điều chỉnh nhiều chi hội theo hợp tác xã, hoặc đơn vị thôn có số lượng hàng trăm hội viên trở lên thành những chi hội, tổ hội có quy mô phù hợp gắn với nghề nghiệp và cụm dân cư. Có nơi, mỗi thôn là một chi hội, dưới chi hội có các tổ hội



*Đồng chí Nguyễn Văn Thiệu
Chủ tịch Hội Nông dân Bình Thuận từ năm 1993 đến năm 2002.*

từ 50 đến 60 hội viên. Cũng có địa phương, mỗi thôn tổ chức nhiều chi hội theo nghề nghiệp gắn với cụm dân cư và không có tổ hội. Qua mô hình tổ chức này tạo điều kiện sinh hoạt của hội viên được thuận lợi; nội dung hoạt động phong phú, thiết thực, phát huy đoàn kết tương trợ, hợp tác trong sản xuất và đời sống. Đến năm 2000, toàn tỉnh có 111/111 xã, phường, thị trấn có Ban chấp hành cơ sở, gồm 765 chi hội, 2.609 tổ hội và 80.303 hội viên. Trong năm 2000 tăng 3.839 hội viên. Số hội viên được cấp thẻ theo quy định của Trung ương Hội đạt 55,2%. Ở Tỉnh hội, các Ban chuyên môn được củng cố, sắp xếp lại. Ban tài chính nhập vào Ban xây dựng hội và thành lập Ban kiểm tra, nên cơ quan Tỉnh hội có các ban: Ban kinh tế-xã hội, Ban xây dựng hội, Ban kiểm tra, Văn phòng hội và hiện tạm-thời nhập Ban tuyên huấn vào Ban xây dựng hội khi chưa có đủ cán bộ.

Tuy nhiên, công tác tổ chức Hội từ 1987 đến năm 2000 có biến động. Khi thực hiện "Khoản 100" cùng với những khó khăn do thực hiện chính sách điều chỉnh giá-lương-tiền (1985) đã có tác động hạn chế nhiều mặt đến tổ chức hội vào những năm 1986-1990. Từ khi thực hiện "khoản 10" năm 1988 và bị tác động bởi cơ chế thị trường, các chi hội, tổ hội tổ chức lỏng ghép với hợp

tác xã, tập đoàn sản xuất nhiều nơi không đứng vững, số lượng hội viên giảm sút, thậm chí có nơi chi hội, tổ hội chỉ còn trên danh nghĩa, hình thức vì nhiều hợp tác xã không chuyển đổi kịp nằm im hoặc tan rã và các đội sản xuất đã giải thể. Cũng có nơi tiếp tục phát triển hội viên, nhưng nhiều người kết nạp theo lối "đánh trống ghi tên", đồng nhất xã viên là hội viên nên chất lượng không cao. Giữa năm 1990, sau khi học tập Nghị quyết 8B của Ban chấp hành Trung ương Đảng, các cấp hội có chuyển biến bước đầu trong việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, tập hợp quần chúng trong điều kiện mới ⁽¹⁾, tổ chức xây dựng một số chi hội, tổ hội theo tổ chức nghề nghiệp và địa bàn dân cư. Như ở Tuy Phong lập thêm một số chi hội trong đội vận tải thô sơ và hội vạn chài. Một số nơi thành lập chi hội làm vườn, chi hội trồng rau xanh, chi hội nuôi cá, tổ hội nuôi heo, tổ hội đường nước... Các hình thức này đã tập hợp được quần chúng, có nội dung thiết thực với cuộc sống của nông, ngư dân...

(1) Ngày 27 tháng 3 năm 1990 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI ra Nghị quyết 8B về việc đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.

Sau khi các nước XHCN ở Liên Xô, Đông Âu sụp đổ những năm 1990, 1991 đã có tác động nhất định đến tình hình chính trị, kinh tế của nước ta và có tác động đến hoạt động của tổ chức hội cơ sở. Và trong quá trình đổi mới, một thời gian việc "bung ra" trong sản xuất tư nhân không đúng hướng cũng làm tác động đến hoạt động của hội.

Sau 15 năm đổi mới (1986-2000) việc khẳng định con đường đi lên CNXH ở nước ta là đúng đắn và kinh tế nhiều thành phần trong đó kinh tế Nhà nước là chủ đạo. Hệ thống tổ chức Hội Nông dân từ tỉnh đến huyện, thành phố và xã, phường, thị trấn được xây dựng, củng cố, đổi mới cả về tổ chức, nội dung hoạt động và hình thức tập hợp nông dân.

2. Đẩy mạnh hoạt động Hội, xây dựng các mô hình sản xuất, góp phần phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng ở địa phương:

a. Công tác tuyên truyền, giáo dục hội viên:

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh lần thứ III tháng 01/1993, ngoài đánh giá tình hình công tác tổ chức, Đại hội còn xác định nhiệm vụ công tác tuyên truyền từ 1993 đến năm 1997 là "...tiếp thu và vận dụng những nội dung, quan điểm,

phương hướng nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII và sự chỉ đạo của Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về những vấn đề có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn... Qua học tập, sinh hoạt mà củng cố lòng tin của cán bộ, hội viên, nông dân vào sự nghiệp đổi mới và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn. Trên cơ sở đó, tạo ra một bước chuyển biến thật sự về đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các cấp Hội, xây dựng giai cấp nông dân tỉnh về mọi mặt, xứng đáng là lực lượng cơ bản trong việc xây dựng nông thôn mới". Cùng với Nhà nước và các ngành, các đoàn thể liên quan tổ chức có hiệu quả phong trào hành động cách mạng của quần chúng thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế-xã hội, an ninh- quốc phòng ở địa phương, từng bước xóa nghèo, dốt tiến đến mục tiêu "dân giàu, nước mạnh".

Sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh lần thứ III, Đại hội đại biểu Hội nông dân tỉnh lần thứ IV đánh giá công tác tuyên truyền giáo dục, vận động nông dân được chú ý hơn. Bằng nhiều hình thức sinh hoạt hội viên như tọa đàm trao đổi, phối hợp với chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, các ngành tổ chức

cho hàng trăm ngàn lượt hội viên và nông dân học tập các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, nhất là những vấn đề có liên quan đến nông dân, nông nghiệp, nông thôn. Hội còn tổ chức học tập Nghị quyết đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết 05 về phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, Luật đất đai sửa đổi, luật thuế sử dụng đất... Với các hoạt động trên, nhìn chung nhận thức của cán bộ, hội viên và nông dân được nâng lên, tạo lòng tin vào công cuộc đổi mới của đất nước, góp phần chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế-xã hội, an ninh- quốc phòng ở địa phương. Đại hội tiếp tục xác định công tác tuyên truyền giáo dục cho nông dân từ năm 1998 đến năm 2000 và cho đến hết nhiệm kỳ 2003 là phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan tổ chức sinh hoạt, tọa đàm, đối thoại để tuyên truyền giáo dục làm cho cán bộ, hội viên nhận thức đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IX, Nghị quyết đại hội III Hội Nông dân Việt Nam. Qua đó để nông dân thấy rõ thành tựu 10 năm đổi mới của đất nước và

tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 20/5/1991, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị số 69 lấy ngày 14/10/1930 - ngày thành lập Hội Nông dân Việt Nam. Thông tri số 223 ngày 11/6/1991 của Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam hướng dẫn tổ chức kỷ niệm 61 năm ngày thành lập Hội và Thông báo số 38 ngày 2/8/1991 của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận về việc tổ chức kỷ niệm lần đầu tiên, sau 61 năm ngày thành lập tổ chức Hội nông dân Việt Nam. Để tuyên truyền về sự kiện lịch sử quan trọng này của Hội và giai cấp nông dân trong tỉnh, qua đó giáo dục truyền thống cách mạng, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng trong cán bộ, hội viên. Ngay từ tháng 6/1991 các cấp Hội đã phối hợp với các cơ quan tuyên truyền thông tin đại chúng ở cấp tỉnh và các huyện, thị tổ chức tuyên truyền sâu rộng đến các cơ sở Hội và địa bàn dân cư. Đến ngày lễ kỷ niệm 14/10, nhiều cơ sở Hội ở các địa phương trong tỉnh tổ chức mítting, tọa đàm ôn lại truyền thống cách mạng của nông dân và của Hội. Tỉnh hội tổ chức cuộc họp mặt

với 120 đại biểu. Qua cuộc họp mặt, mít tinh kỷ niệm ngày thành lập Hội, Tỉnh hội đã trao tặng huy chương "Vì sự nghiệp giai cấp nông dân Việt Nam" cho nhiều cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc. Đợt kỷ niệm này đã tạo khí thế mới cho phong trào nông dân tỉnh nhà, khơi dậy những truyền thống cách mạng vẻ vang của giai cấp nông dân trong các giai đoạn cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH.

Từ đợt tổ chức kỷ niệm ngày lễ trọng đại 61 năm thành lập Hội Nông dân Việt Nam, tháng 10 hàng năm, tỉnh Hội đều tổ chức kỷ niệm ngày thành lập tổ chức Hội với nhiều hình thức phong phú, thiết thực. Đặc biệt, kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Hội (14/10/1930- 14/10/2000) với thành tích xuất sắc trong những năm qua, tổ chức Hội và phong trào nông dân Bình Thuận được Chủ tịch nước thưởng Huân chương lao động hạng 3. Hội triển khai Nghị quyết 3 Ban chấp hành Trung ương Hội và Nghị quyết 4 của Ban chấp hành Tỉnh Hội về công tác tư tưởng văn hóa gắn với việc đẩy mạnh hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2000, trong đó có kỷ niệm ngày truyền thống của Hội cho hội viên với chủ đề "Nông dân Việt Nam đi theo con đường Bác Hồ đã chọn", có gần 30.000 người tham dự. Đồng

thời phát động cuộc thi tìm hiểu "Nông dân với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn", có trên 1.000 bài dự thi, đã có tác động nhất định đến nhận thức người nông dân đối với quá trình phát triển đất nước, phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Công tác tuyên truyền, giáo dục hội viên đã góp phần truyền đạt chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và của Hội đến với nông dân, nhờ đó nông dân tích cực tham gia các công tác kinh tế, xã hội, an ninh- quốc phòng, thúc đẩy sự phát triển chung của tỉnh nhà. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền giáo dục nhiều lúc còn hạn hẹp, chưa phong phú, nhất là qua thực hiện khoán 10, có nhiều việc nảy sinh như khiếu nại, lấn chiếm, tranh chấp về đất đai, thuyền lưới, nhưng việc nắm bắt, phản ánh và phối hợp giải quyết chưa kịp thời.

b. Xây dựng các mô hình kinh tế, đẩy mạnh sản xuất, góp phần phát triển kinh tế tỉnh nhà:

Đại hội đại biểu Hội Nông dân tỉnh Bình Thuận đầu năm 1993 đã đánh giá: "Với cơ chế khoán 10, bên cạnh kinh tế tập thể, hộ gia đình nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, đã kích thích nông dân tích cực phát triển sản xuất, làm



Đoàn đại biểu Hội nông dân Bình Thuận làm lễ dâng hương, báo công với Bác tại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bình Thuận nhân kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Hội và đón nhận Huân chương lao động hạng III.

100

100

thủy lợi, khai hoang mở rộng diện tích, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, thâm canh tăng vụ, làm giống mới. Các tư liệu sản xuất như máy cày, máy tuốt lúa ... tăng lên đáng kể. Tuy thời tiết một số năm diễn biến phức tạp, nhưng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đều tăng hàng vạn tấn"⁽¹⁾.

Từ niềm tin vào chủ trương, chính sách phát triển cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong sự nghiệp đổi mới, một số vùng sản xuất nông nghiệp bước đầu đi vào sản xuất hàng hóa, nông sản thực phẩm xuất khẩu ngày càng tăng về số lượng, chủng loại và giá trị, các mô hình VAC, các nghề thủ công, dịch vụ nông nghiệp phát triển khá rộng. Phong trào nông dân sản xuất giỏi, phát triển còn hẹp nhưng bước đầu xác định được chỗ đứng trong cơ chế làm ăn mới, có tác động thúc đẩy sản xuất nông- ngư nghiệp phát triển, thu hẹp hộ nông dân nghèo. Kinh tế nông nghiệp trong những năm qua có sự chuyển biến, theo xu hướng ổn định diện tích và tăng năng suất cây lương thực, phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả. Đã hình thành vùng sản xuất

(1) Trích báo cáo của Ban chấp hành Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận, tại Đại hội đại biểu lần thứ III, trang 5.

lượng thực ở các huyện Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Đức Linh, Tánh Linh với diện tích 47.354 ha, chiếm 78,3% diện tích và 80,5% sản lượng lương thực toàn tỉnh.

Cùng với sản xuất lương thực, cây công nghiệp đến năm 1994 toàn tỉnh có 17.000 ha; kinh tế vườn 16.000 ha/89.420 ha đất nông nghiệp. Trong kinh tế vườn, cây thanh long có vị trí đáng kể. Chăn nuôi heo, bò cũng tăng lên.

Việc đánh bắt, nuôi trồng thủy sản trong năm 1994, 1995 cũng tăng gấp hai lần so với năm 1990. Toàn tỉnh có 5.370 thuyền với 153.107CV, trong năm 1994 đánh bắt 90.000 tấn hải sản các loại. Trong ngư nghiệp, do yêu cầu đánh bắt xa bờ nên xuất hiện nhiều mô hình hợp tác tự nguyện để phát triển ngành nghề, thu nhập các hộ tăng khá. Những hộ không có điều kiện đánh bắt hải sản, họ có vốn hoặc vay vốn để nuôi trồng thủy sản, như nuôi tôm, nuôi cá nước ngọt, đến năm 1995 đã có 515 ha mặt nước được đưa vào sản xuất.

Để đẩy mạnh sản xuất, bước đầu đã có một số nơi Hội nông dân đứng ra tín chấp vay vốn cho các hộ nghèo tạo điều kiện cho họ có vốn làm ăn. Như Hội nông dân xã Phong Năm (Phan

Thiết) năm 1992 đã đứng ra vay vốn 200 triệu đồng cho 197 hộ... Trong số đó, nhiều hộ đã phát triển sản xuất, giải quyết khó khăn đời sống gia đình và góp phần tăng sản phẩm xã hội. Và cũng từ mô hình này mà Tỉnh hội rút kinh nghiệm nhân rộng các địa phương trong tỉnh.

Tuy vậy, việc sản xuất nhìn chung tăng chậm, nhiều hợp tác xã chuyển đổi không kịp, trở thành gánh nặng cho xã viên vì phải nộp sản phẩm nuôi Ban quản lý. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân chậm. Tình trạng sang nhượng, mua bán đất trái phép trong nông dân tăng làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Phong trào hành động cách mạng của quần chúng nông dân chưa sôi nổi, mạnh mẽ, liên tục và nhiều hộ chưa làm tốt nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Vùng đồng bào dân tộc ít người ở miền núi, kinh tế-xã hội phát triển chậm, tình trạng thiếu đói còn nhiều. Đại hội III Hội Nông dân tỉnh đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội và đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng trong thời gian 5 năm tới (1993-1997) là thực hiện chương trình vận động nông dân đoàn kết, hợp tác, tương trợ giúp nhau phát triển sản xuất, khuyến khích phong trào nông dân sản xuất giỏi, góp phần xoá đói giảm nghèo.

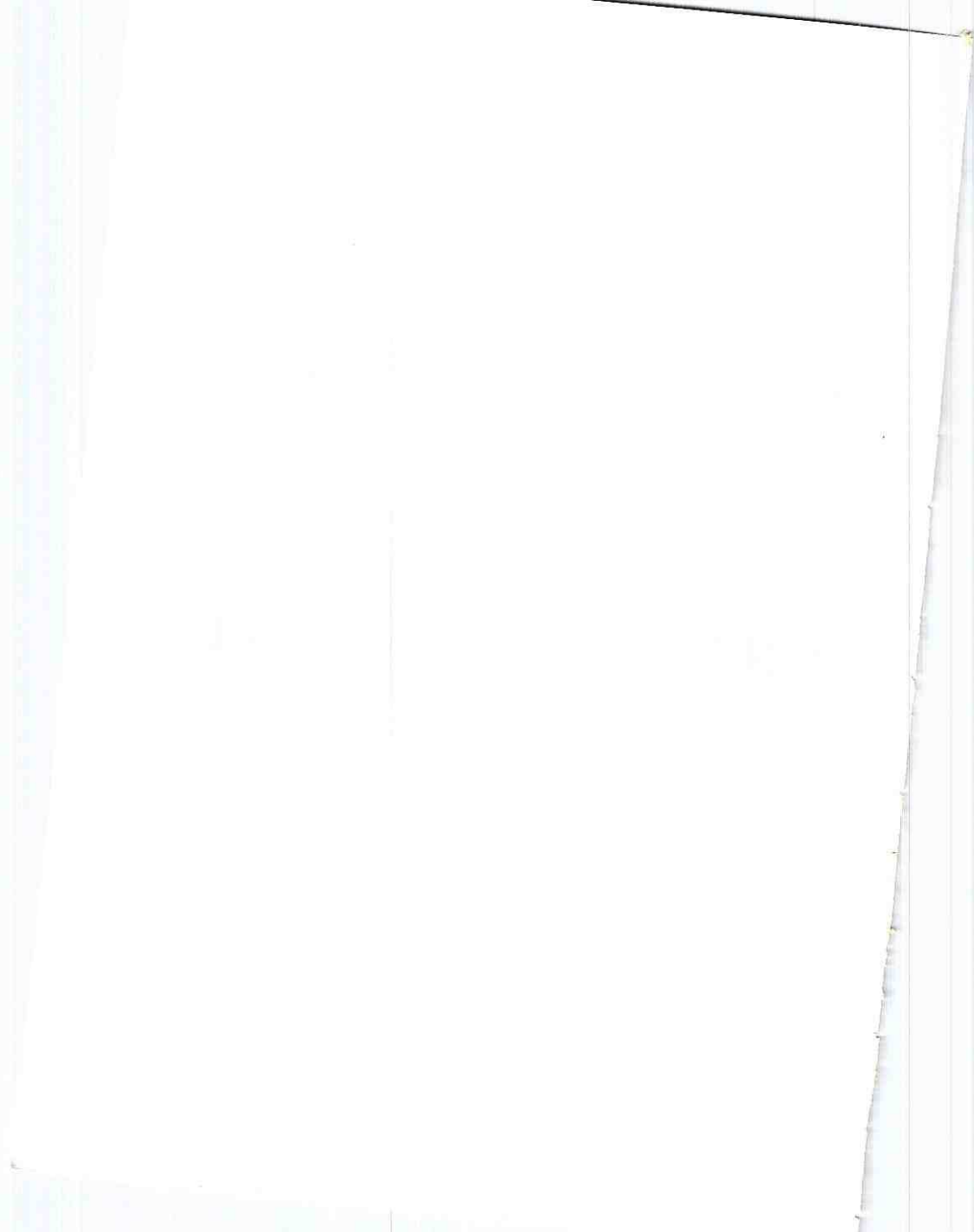
Để đánh giá hoạt động của Hội từ năm 1993 đến 1997 và đề ra nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới, từ ngày 2 đến 3/7/1998 Hội Nông dân tỉnh tổ chức Đại hội đại biểu nhiệm kỳ IV. Đại hội đánh giá về chương trình tạo vốn, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần xoá đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng ngày càng được mở rộng và đi dần vào chiều sâu.

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, cơ cấu cây trồng chuyển dịch đúng hướng. Tiến bộ kỹ thuật được ứng dụng nhanh vào sản xuất, bước đầu tạo ra nông sản hàng hóa với khối lượng khá lớn như thanh long, cao su, bắp lai... Đặc biệt năm 1997, lần đầu tỉnh ta tham gia xuất khẩu 5.000 tấn gạo và lương thực đạt 308.200 tấn tăng 26.500 tấn so với năm 1996.

Cùng với sản xuất, đã giao đất, giao rừng cho hộ nông dân quản lý. Năm 1997 trồng mới 4.300 ha và 7.200 ha được chăm sóc. Như vậy đất rừng đã giao khoán đến hộ và các tổ chức là 398.000 ha. Nhiều hộ đã hình thành các vườn cây công nghiệp, cây ăn quả, thu hút hàng ngàn lao động có việc làm, nhiều hộ khá lên. Trong đó, cây công nghiệp dài ngày năm 1998 là 24.140 ha, năm 2000 tăng lên 28.357 ha và cây ăn quả hiện có 11.597 ha.



Hồ Sông Quao.



Cũng đến năm 1997, ngành hải sản tăng năng lực khai thác các tàu thuyền, có 4.906 chiếc với 157.891CV. Đến năm 1998 có 4.692 chiếc tàu thuyền với công suất là 193.935CV. So với năm 1995, số lượng thuyền có giảm nhưng công suất tăng hơn. Đó là những thuyền nhỏ không phù hợp với cách đánh bắt hiện nay, ngư dân đóng mới những thuyền có công suất lớn để phục vụ đánh bắt dài ngày trên biển. Nhiều tàu thuyền được trang bị máy tầm ngư, máy định vị giúp cho việc đánh bắt hải sản xa bờ, dài ngày. Phong trào nuôi trồng thủy sản không chỉ ở biển, ven biển như trước, mà nhiều sông, ao hồ trong đất liền cũng được triển khai nuôi cá nước ngọt và mô hình cá - lúa - ao - chuồng được phổ biến nhiều nơi. Trong nền kinh tế mở, tính năng động của nông dân được phát huy tốt hơn.

Trong 5 năm qua, các cấp hội đã giải quyết cho 101.185 lượt hộ hội viên vay hơn 286 tỷ đồng theo chính sách phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo. Ngoài ra, một số cơ sở hội ở các địa phương với tinh thần đoàn kết, tương trợ vận động hội viên giúp nhau gần 70 triệu đồng, 12 tấn thóc và trên 16.000 ngày công. Nhờ những nguồn vốn đó, nhiều hộ nông dân được vay vốn đẩy mạnh sản xuất, mở mang ngành nghề, tạo thêm công ăn việc làm, hạn chế nhiều tiêu cực xã hội như

cho vay nặng lãi, bán sản phẩm non ở nông thôn. Ngoài ra các cấp hội còn phối hợp với Trung tâm khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật tổ chức huấn luyện chương trình quản lý dịch hại tổng hợp trên cây lúa, kỹ thuật nuôi-trồng một số cây con, chương trình sinh hóa đàn bò, tổ chức các điểm trình diễn kỹ thuật và hội thảo đầu bờ cho gần 24.900 lượt cán bộ, hội viên nông dân. Xây dựng 31 câu lạc bộ khuyến nông, thu hút nhiều hội viên và nông dân tham gia sinh hoạt. Kết quả rõ nét 5 năm qua là cùng với các phong trào hành động cách mạng của nông dân, đã xây dựng tổ chức Hội theo nghề nghiệp, từ đó tạo điều kiện cho đổi mới nội dung hoạt động gắn với phát huy tinh thần đoàn kết, hợp tác phát triển kinh tế-xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới có nhiều chuyển biến tiến bộ, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế-xã hội tỉnh nhà. Nhiệm vụ phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng là một trong bốn chương trình lớn của Hội Nông dân tiếp tục được Đại hội IV đề ra nhiệm vụ cho kỳ tới là: "Tạo điều kiện thuận lợi, giúp hội viên và nông dân phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mở rộng ngành nghề, dịch vụ, tạo thêm việc làm với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao; tăng thu nhập, cải

thiện đời sống, góp phần thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đề ra đến năm 2000 đạt 350.000 tấn lương thực, 115.000 tấn hải sản các loại, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% và tạo ra những tiến bộ vượt bậc trong những năm tiếp theo"⁽¹⁾.

Năm 1999 và 2000 là những năm chuyển tiếp để cả nhân loại tiến vào thế kỷ XXI, cho nên phong trào đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế-xã hội của Hội nông dân tỉnh cũng theo đó để phát triển, sau nhiều năm đổi mới là các HTX theo kiểu cũ đã gặp nhiều khó khăn, nay nhà nước thực hành luật HTX kiểu mới đã được nông, ngư dân nghiên cứu học tập. Đến năm 1999 có 86/93 HTX nông nghiệp đã được chuyển đổi và đăng ký lập mới 1 HTX, trong đó đến năm 2000 đã có 88 HTX đã được cấp giấy phép kinh doanh. Bước đầu một số HTX hoạt động đạt kết quả khá như HTX MêPu (Đức Linh), Đức Phú (Tánh Linh), Hàm Nhơn 2 (Hàm Thuận Bắc), Bình Lễ, Chợ Lầu 1 (Bắc Bình), Hàm Mỹ 2 (Hàm Thuận Nam), Tiến Lợi (thành phố Phan Thiết) ... Đồng thời còn 2.000 tổ kinh tế hợp tác tự

(1) Văn kiện đại hội đại biểu Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Bình Thuận lần IV, trang 43 và 44 - lưu tại Văn phòng tỉnh Hội.

nguyên trong nông, ngư dân với nội dung, quy mô, hoạt động đa dạng. Nhìn chung các HTX hoạt động đúng luật và một số hợp tác xã phát triển khá, tổ chức được nhiều dịch vụ phục vụ cho phát triển sản xuất, thúc đẩy kinh tế hộ phát triển. Việc chuyển đổi trong quản lý sản xuất nông nghiệp theo cơ chế mới và tổ chức HTX kiểu mới đã cho phép phong trào sản xuất của nông dân trong tỉnh từng bước phát triển.

Về sản xuất, đến cuối năm 2000 có bước phát triển hơn năm 1999, toàn tỉnh đã gieo trồng được 74.273 ha, sản lượng lương thực đạt 356.400 tấn.

Chăn nuôi bò nhiều năm qua có bị giảm sút vì không phải phục vụ cho sức kéo như trước đây, mà từ năm 1997 đã có nhiều loại máy móc nông nghiệp thay thế nên chỉ đạt 115.056 con; heo có trên 211.816 con.

Việc chuyển giao cho nông dân trồng và bảo vệ rừng có chuyển biến, đã trồng mới 3.940 ha (theo dự án 661 trồng 1.895 ha). Kinh tế trang trại hoạt động có hiệu quả do nông dân tự lựa chọn, mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật phù hợp với điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường đòi hỏi. Đến năm 2000 toàn tỉnh có 1.189 trang

trại, thu hút 5.176 lao động; trong đó có 6 trang trại kết hợp lâm- nông nghiệp.

Riêng khai thác hải sản năm 2000 đã tăng 3.000 tấn so với kế hoạch. Tuy nhiên, việc đánh bắt xa bờ còn đạt thấp. Việc nuôi trồng thủy sản được mở rộng, hiện có 431 ha mặt nước được sử dụng nuôi tôm sú.

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) thời kỳ 1996 - 2000 tăng bình quân hàng năm 10,16%, trong đó nông, lâm, thủy sản 8,08%.

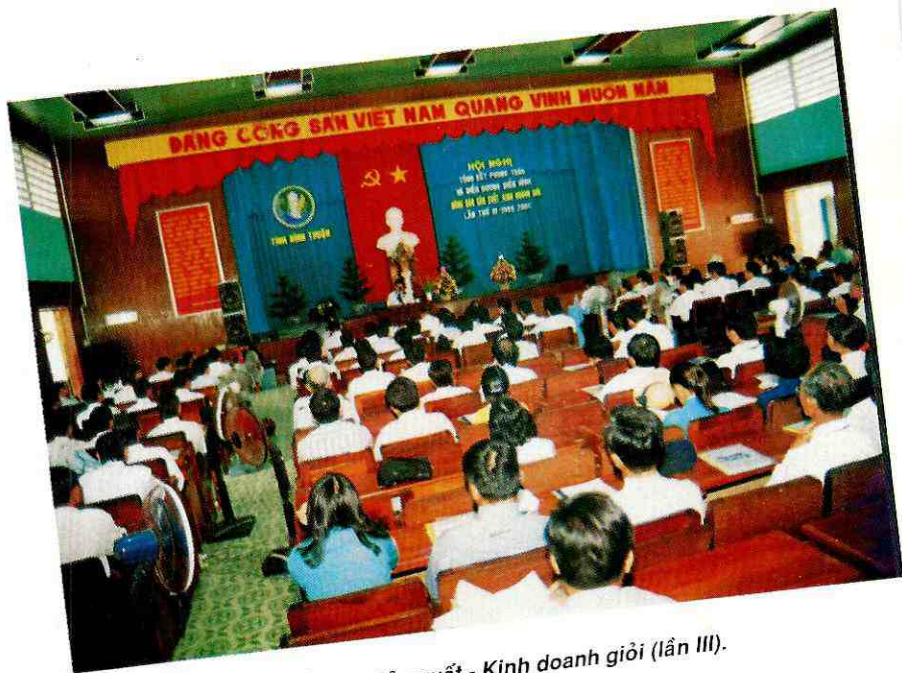
Tuy nhiên, trong 5 năm qua cũng có nhiều khó khăn, thử thách đối với nông dân. Như lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh ảnh hưởng đến sản xuất; giá nông sản thấp, việc tranh chấp ruộng đất diễn ra âm ỉ ảnh hưởng đến việc giao quyền sử dụng đất. Việc hoạt động của nhiều HTX sau chuyển đổi còn hình thức, cầm chừng, v.v...

Tháng 10/1995, Hội nghị nông-ngư dân sản xuất, kinh doanh giỏi toàn tỉnh lần thứ nhất (1) đã đánh giá phong trào trong một thời kỳ đặc biệt kể từ sau khi chuyển đổi cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp và thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý

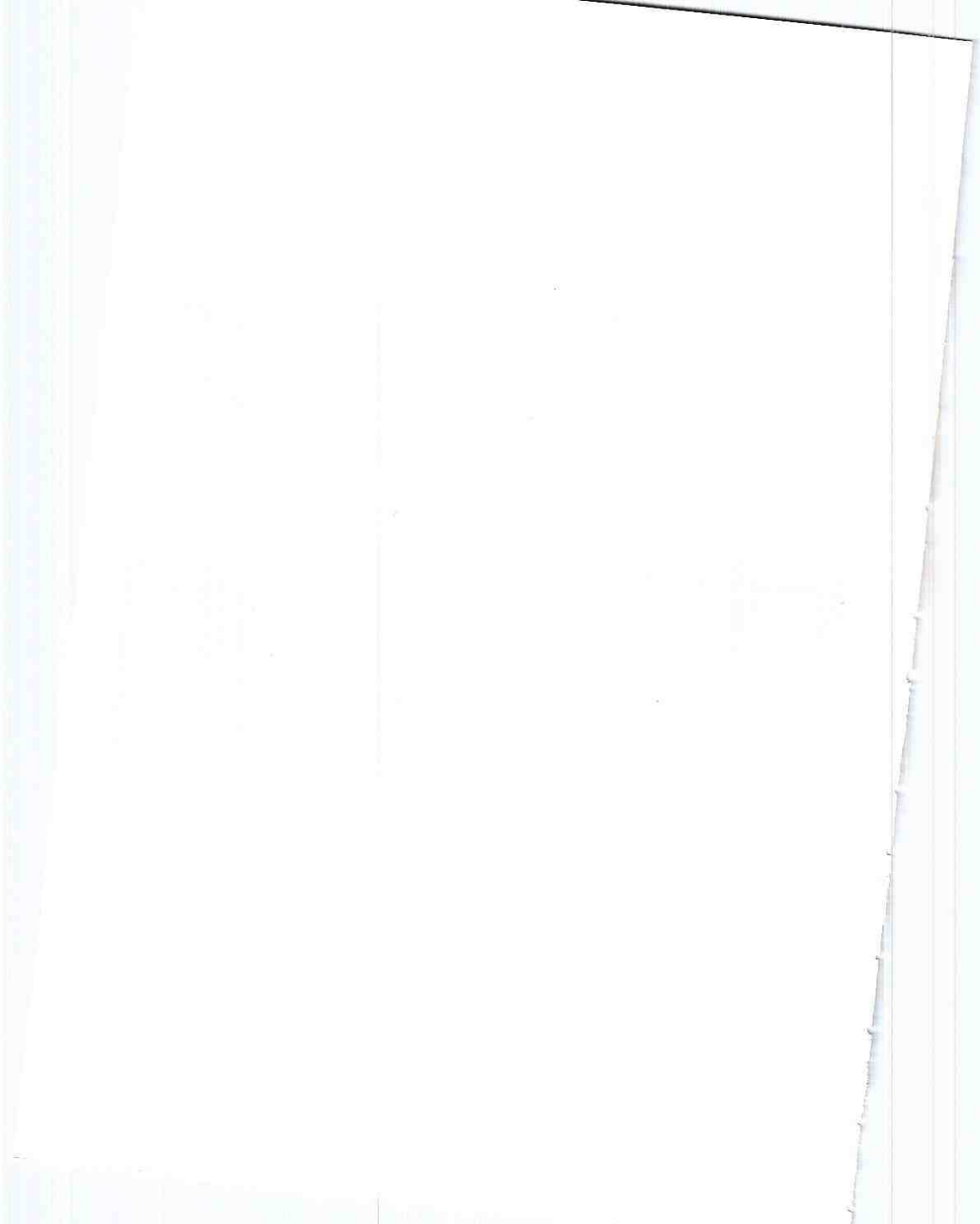
(1) Tính cả Hội nghị thi đua sản xuất giỏi năm 1976 thì Hội nghị 1995 là lần II và 1998 là lần III.

kinh tế nông nghiệp các cấp hội đã bầu chọn nông-ngư dân tiêu biểu. Tháng 01 năm 1999, tổng kết phong trào nông-ngư dân sản xuất giỏi của tỉnh lần thứ II (1996-1998)- báo cáo đã đánh giá: Ngoài các chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân, tự do lưu thông hàng hóa ... Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách mới như cho hộ nghèo vay vốn ưu đãi, đổi mới và phát triển HTX, kinh tế hợp tác ... Tỉnh có các nghị quyết về công nghiệp hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn đến năm 2010 và Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về tăng cường đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở nông thôn phục vụ cho sản xuất, chế biến nông, lâm, hải sản và chăm lo đời sống cho nông dân.

Đánh giá về phong trào thi đua 3 năm qua(1995-1998), kết quả trong sản xuất kinh doanh giỏi đã góp phần tạo nên những thành tích đáng kể trong sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn trong tỉnh. Sản xuất lương thực hàng năm đều tăng tạo điều kiện cho tỉnh tham gia xuất khẩu được 24.000 tấn. Bước đầu đã hình thành vùng mía đường tập trung ở Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân và các vùng tập trung cây ăn quả, vùng cây



Hội nghị Sản xuất - Kinh doanh giỏi (lần III).



công nghiệp dài ngày như Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Tân.

Việc chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt khá, đến tháng 10/1998 đàn bò có 116.901 con, đàn heo 190.050 con so với các năm trước (1995) đều tăng. Việc khai thác hải sản xa bờ phát triển; việc giao đất, giao rừng cho các đối tượng quản lý được 400.220 ha tăng gấp 2 lần so với năm 1995. Ngành nghề thủ công nghiệp và dịch vụ kỹ thuật ở nông thôn được khôi phục và phát triển tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động. Do phát triển kinh tế hộ nên kinh tế hợp tác tự nguyện của nông dân với quy mô, nội dung hoạt động phong phú, đa dạng xuất hiện ở nhiều địa phương, như chi hội nuôi tôm, tổ đánh bắt hải sản, chi hội làm vườn, tổ phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, tổ liên doanh vay vốn ...

Phong trào nông, ngư dân sản xuất kinh doanh giỏi đã góp phần xây dựng nông thôn mới, nếp sống văn hóa mới. Trong đó thể hiện xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn. Công tác DS-KHHGD cũng gắn với phát triển sản xuất. Phong trào nông, ngư dân sản xuất-kinh doanh giỏi cũng thu hút đông đảo nông dân tham gia và xuất hiện nhiều mô hình sản xuất kinh doanh giỏi. Đến cuối năm 1995 có 67/110 xã, phường, thị trấn ở 9 huyện, thị phát động phong trào thi đua và bình chọn 2.036 hộ nông dân đạt diện sản xuất-kinh doanh

giỏi. Đến năm 1998 có 78/110 đơn vị trong 9 huyện thi phát động thi đua và bình xét được 6.063 hộ nông-ngư dân đạt sản xuất kinh doanh giỏi các cấp ⁽¹⁾. Đến cuối năm 2000 có 108/111 xã, phường, thị trấn bình chọn trong 82 cơ sở hội được 10.492 hộ nông, ngư dân đạt danh hiệu sản xuất kinh doanh giỏi 3 cấp tăng 1,7 lần so năm 1998.

Các hộ sản xuất kinh doanh giỏi tập trung vào các mô hình như: mô hình VAC (vườn, ao, chuồng), sản xuất nông nghiệp tổng hợp; chuyên canh cây trồng, vật nuôi; sản xuất nông-lâm kết hợp; khai thác, đánh bắt và chế biến hải sản, sản xuất kinh doanh tổng hợp và đặc biệt có nhiều hộ phát huy nội lực được hỗ trợ của cộng đồng ...

Trong tổng kết sản xuất kinh doanh giỏi trong 3 năm qua cũng xác định rõ có được những mô hình sản xuất - kinh doanh đa dạng, năng suất cao, thu nhập tăng của nhiều hộ nông dân là có sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, vai trò nòng cốt của Hội và sự phối hợp giúp đỡ của các ngành, đoàn thể có liên quan. Như chính

(1) Tiêu chí hộ sản xuất- kinh doanh giỏi thu nhập bình quân khẩu trong hộ/tháng là: cấp tỉnh 500.000đ trở lên; cấp huyện 350.000đ đến dưới 500.000đ và cấp xã từ 220.000đ đến dưới 350.000đ cùng với một điều kiện kèm theo như ứng dụng cải tiến khoa học-công nghệ, chấp hành tốt chủ trương, đoàn kết tương trợ, xây dựng cơ sở.

sách khuyến khích đầu tư các chương trình, dự án giúp nông, ngư dân phát triển sản xuất, nhất là từ khi có Chỉ thị 18 của UBND tỉnh về việc xây dựng, phát triển tổ liên danh vay vốn, có chương trình liên tịch với chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp-phát triển nông thôn, thì việc tạo vốn cho nông dân hàng năm đều tăng, chỉ tính riêng năm 1999 và 2000 mỗi năm nông dân đều vay được hơn 100 tỉ đồng qua hình thức bảo lãnh của tổ chức Hội. Đồng thời các cấp Hội còn phối hợp với Sở Nông nghiệp Phát triển nông thôn, Sở Thủy sản, Trung tâm khuyến nông... chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân.

Như vậy trải qua một giai đoạn (1986-2000) thực hiện quá trình đổi mới, tổ chức và phong trào nông dân Bình Thuận đã có bước phát triển khá toàn diện, sản xuất kinh doanh phong phú, đa dạng; nhiều hộ khá giả, giảm hộ nghèo, từng bước đi lên cùng các tỉnh trong cả nước.

c. Phong trào nông dân với việc bảo vệ an ninh- quốc phòng và góp phần xây dựng Đảng, chính quyền vững mạnh:

Ngay từ tháng 6/1991, Thường vụ tỉnh ủy Thuận Hải có Chỉ thị 84-CT/TV về chương trình phối hợp hành động xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ngày 7/10/1992, Ban chỉ đạo thực hiện nghị quyết liên tịch đề ra

kế hoạch 03 sơ kết phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bình Thuận đã xây dựng kế hoạch hướng dẫn cho các tổ chức huyện, thị hội thực hiện. Trên cơ sở đó, nhiều địa phương đã xây dựng chương trình hành động phối hợp với Mặt trận, các ngành và đoàn thể liên quan thực hiện phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Huyện Đức Linh đã tổ chức cho hơn 20.000 lượt cán bộ, hội viên nông dân tham gia học tập về phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc; 3 xã Hàm Nhơn, Hàm Đức, Hồng Sơn (Hàm Thuận Bắc) đã có 3.125 lượt hội viên, nông dân tham gia; Phan Thiết tổ chức 18 lớp học về bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho 2.365 ngư dân. Nhiều thôn xóm ở Hàm Nhơn, Hàm Đức (Hàm Thuận Bắc) đã phối hợp bắt giữ, giải quyết 32 vụ trộm cắp, cướp giật tài sản công dân.

Từ năm 1995 đến 1997, công tác an ninh-quốc phòng được các cấp Hội tập trung hơn, đã phối hợp với các ngành, đoàn thể vận động con em lên đường làm nghĩa vụ quân sự hàng năm đạt và vượt chỉ tiêu; phối hợp giúp các đơn vị bộ đội hành quân dã ngoại làm công tác dân vận, tích cực thực hiện công tác hậu phương quân đội và góp phần giữ gìn trật tự trị an thôn xóm, khu phố ... Tỉnh hội xây dựng chương trình liên tịch với BCH Quân sự tỉnh, Bộ đội biên phòng

và tham gia tốt các đợt diễn tập chuyển trạng thái thời bình sang thời chiến.

Việc xây dựng và phát triển Đảng trong giai cấp nông dân là việc làm thường xuyên. Để cho Đảng Cộng sản Việt Nam thật sự vững mạnh trong sạch, nông dân còn góp ý kiến cho Đảng, phát hiện những biểu hiện sai trái, tham ô, tham nhũng của cán bộ, đảng viên. Với nhiệm vụ đó, hàng năm quần chúng góp ý kiến xây dựng Đảng và từ năm 1996 đến 1998, Hội nông dân các cấp đã giới thiệu 73 hội viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp. Chương trình hành động của Hội thực hiện phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã vận động nông dân tham gia xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, nhằm phát huy ý thức trách nhiệm, tinh thần làm chủ XHCN của hội viên và nông dân trong việc xây dựng Đảng. Đồng thời tiếp tục lựa chọn những hội viên ưu tú để kết nạp vào Đảng, làm cho Đảng mạnh về số lượng, chất lượng được nâng cao. Từ năm 1999, thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), ngoài số đảng viên là hội viên, cán bộ Hội nông dân các cấp tiến hành kiểm điểm, xây dựng chương trình hành động, các cấp hội còn giới thiệu 126 hội viên đã có 91 hội viên được kết nạp vào Đảng và năm 2000 kết nạp 59 đảng viên mới.

Phát huy hơn nữa kết quả công tác tham gia xây dựng Đảng, năm 2000 Hội tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết TƯ 6 (lần 2) và Nghị quyết TƯ 7, làm rõ vai trò và tạo điều kiện cho nông dân tham gia bàn bạc, đề xuất ý kiến các chủ trương của Đảng và Nhà nước có liên quan đến nông nghiệp, nông thôn và thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngày 25-4-1976, nhân dân cả nước tham gia bầu cử Quốc hội khóa VI, đây là cuộc bầu cử Quốc hội thống nhất sau 30 năm kháng chiến chống giặc ngoại xâm, nhân dân Bình Thuận đã hăng hái tham gia, chọn những đại biểu đại diện quyền lợi cho mình, góp phần xây dựng Nhà nước Việt Nam độc lập và chủ nghĩa xã hội. Và sau 5 năm một lần, nhân dân trong tỉnh tham gia công tác này. Mặt khác, nhân dân trong tỉnh tham gia bầu cử HĐND 3 cấp (xã- phường- thị trấn, huyện- thành phố và tỉnh). Mỗi lần chuẩn bị bầu cử, các cấp Hội Nông dân cũng đã tích cực tham gia cùng Ủy ban Mặt trận lựa chọn giới thiệu các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và là thành viên trong các tổ chức làm công tác bầu cử từ tỉnh đến cơ sở. Qua đó, góp phần xây dựng chính quyền các cấp thật sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân.



Liên hoan nghệ thuật quần chúng nông dân.

Năm 1996, Hội Nông dân tỉnh và UBND tỉnh xây dựng quy chế phối hợp công tác và sau đó bổ sung theo tinh thần Quyết định số 17/1998 QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cho nên khi triển khai các chương trình công tác lớn, những chủ trương, chính sách liên quan đến nông dân, UBND các cấp đều mời đại diện Hội Nông dân tham gia. Một số ngành có liên quan như Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Thủy sản, Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Văn hóa- Thông tin, Ủy ban Dân số- kế hoạch hóa gia đình và các đơn vị kinh tế- kỹ thuật như Trung tâm khuyến nông, Trung tâm khuyến ngư, Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, v.v... đều có chương trình phối hợp với Hội Nông dân để chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tạo vốn, tổ chức sản xuất, phát triển văn hóa-văn nghệ, thể thao, xây dựng thôn, khu phố văn hóa, gia đình nông dân văn hóa, thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Nhìn lại từ ngày tái lập tỉnh đến nay, tổ chức và phong trào nông dân trong tỉnh có bước tiến bộ đáng kể. Tổ chức cơ sở Hội được củng cố và phát triển đều khắp, số lượng và chất lượng hội viên được nâng lên. Các cấp Hội được kiện toàn, đội ngũ cán bộ từng bước trưởng thành, nội dung và phương thức hoạt động ngày càng đổi mới. Sự lãnh đạo được sâu sát hơn, chú ý lắng nghe ý kiến quần chúng và đi sâu vào những

vấn đề thiết thực nảy sinh trong cuộc sống hàng ngày của hội viên và quần chúng; nắm bắt, phản ánh tình hình nhanh, kịp thời hơn, triển khai thực hiện các Nghị quyết, chương trình dự án đạt chất lượng và hiệu quả cao. Sự phối hợp với các ngành liên quan chặt chẽ hơn, vị thế Hội Nông dân được khẳng định trong hệ thống chính trị.

Phong trào nông dân các vùng có những sắc thái mới: Khối đoàn kết nội bộ nông dân và nông thôn được củng cố. Nông nghiệp và nông thôn đã và đang có sự biến đổi sâu sắc và toàn diện. Nông dân tin tưởng đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, hăng hái thi đua thực hiện các chương trình kinh tế-xã hội, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm đẩy mạnh sản xuất. Kinh tế hàng hóa phát triển với nhiều mô hình phong phú và đa dạng, đạt hiệu quả khá cao. Nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước được nông dân thực hiện tốt. Cơ sở hạ tầng ở nông thôn (điện, đường, trường, trạm y tế, nước sinh hoạt ...) được tăng cường đáng kể. Diện hộ đói nghèo được thu hẹp, đời sống đa số nông dân lao động được cải thiện rõ rệt, nhiều hộ trở nên giàu có, khá giả. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, kế hoạch hóa gia đình, xây dựng nếp sống văn minh, ngăn chặn tệ nạn xã hội, phát triển phong trào văn nghệ thể thao, thực hiện đền ơn đáp nghĩa ... được đẩy

mạnh và đạt kết quả rất đáng phấn khởi. Công tác quốc phòng và an ninh được đông đảo nông dân tham gia tích cực, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ở nông thôn. Công tác tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được tăng cường hơn trước.

Tuy nhiên, vẫn còn có các mặt yếu kém và tồn tại đáng chú ý là: Tổ chức cơ sở Hội hoạt động chưa đều, một số nơi còn yếu, nhất là vùng miền núi và hải đảo. Số nông dân nằm ngoài Hội còn khá đông. Một số địa phương số lượng hội viên còn thấp. Đội ngũ cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu cả số lượng và chất lượng. Nội bộ nông dân và tình hình nông thôn trong quá trình đổi mới nảy sinh một số vấn đề khá phức tạp như: Trong cơ chế kinh tế thị trường, tư tưởng tư hữu đang trở dậy. Các tập quán cũ ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống chưa được xóa bỏ triệt để. Trình độ học vấn của nông dân thấp nên việc tiếp cận khoa học công nghệ mới bị hạn chế. Sự phân hóa giai cấp diễn ra sâu rộng trong nông dân với khoảng cách giàu và nghèo ngày càng lớn. Số hộ nông dân giàu có đang phát triển trong lúc còn khá đông hộ nông dân khác vẫn nghèo khó, thiếu vốn, thiếu tư liệu sản xuất. Một số nơi nông dân đang thiếu đất làm ăn, nhất là một số vùng miền núi, vùng cao; việc sang nhượng

ruộng đất bất hợp pháp và tranh chấp ruộng đất một số nơi âm ỉ kéo dài. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, lao động thiếu việc làm, lao động nông nhàn ở nông thôn còn nhiều. Chuyển đổi, xây dựng HTX theo luật chưa đạt yêu cầu, kinh tế hợp tác yếu, chưa thật sự phát huy vai trò, tác dụng. Phát triển kinh tế hàng hóa đang gặp khó khăn về vốn, về phương án đầu tư (trồng cây gì, nuôi con gì ...), về chế biến và tiêu thụ sản phẩm, kiến thức kinh tế thị trường của nông dân còn thiếu...

Đó là những vấn đề mà Hội Nông dân mỗi cấp cần đi sâu nghiên cứu, đề xuất với lãnh đạo địa phương về giải pháp, biện pháp để giải quyết nhằm đưa nông dân, nông nghiệp và nông thôn tỉnh nhà tiếp tục tiến lên theo đường lối đổi mới.

CHƯƠNG VI:

70 NĂM NÔNG DÂN VÀ HỘI NÔNG DÂN BÌNH THUẬN ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG VÀ XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC (1930 - 2000)

Bình Thuận là mảnh đất của Cực Nam Trung Bộ, có địa hình tự nhiên đa dạng: miền núi, đồng

bằng và ven biển, khí hậu tương đối khắc nghiệt. Nhân dân từ nhiều nơi trong nước đã quy tụ về đây sinh cơ lập nghiệp, chinh phục thiên nhiên để tạo dựng quê hương tươi đẹp ngày nay. Dân cư trên đất Bình Thuận gồm nhiều dân tộc anh em, sau khi định cư ổn định, cuộc sống đã không ngừng tăng lên theo sự biến động của lịch sử và thời gian, trong đó giai cấp nông dân, kể cả ngư dân chiếm hơn 90% dân số.

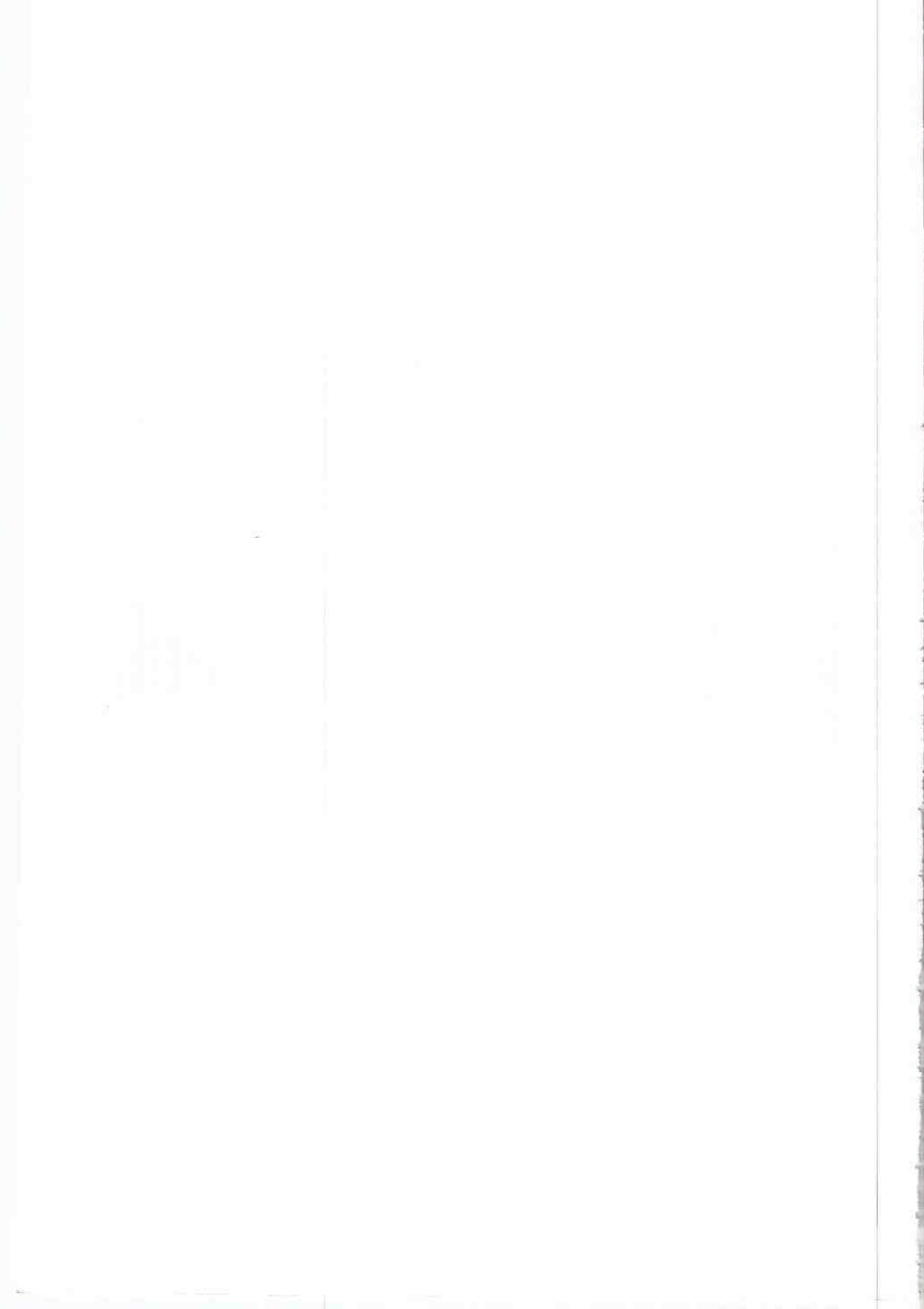
Dưới ách thống trị của chế độ cũ, cuộc sống người dân lao động vô cùng tăm tối, họ bị đế quốc, thực dân và giai cấp địa chủ phong kiến áp bức bóc lột, chiếm đoạt tư liệu sản xuất, tước đoạt quyền dân chủ tự do. Những người lao động biển lúc bấy giờ cũng bị đầu nậu, chủ vựa, hàm hộ, chủ thuyền bóc lột nặng nề. Sự khắc nghiệt của thiên nhiên cũng luôn rình rập, đe dọa họ. Người nông dân lao động làm việc một nắng hai sương, quăng quật quanh năm, song cái đói, cái nghèo vẫn luôn đeo đẳng bên họ. Để tự cứu mình, những người nông dân lao động cố kết nhau lại chống ách thống trị và chống chọi với thiên nhiên nhằm bảo vệ sự sinh tồn. Giai cấp nông dân Bình Thuận ra đời trong bối cảnh đó. Ngay từ ngày chưa có Đảng, một bộ phận nông dân trong tỉnh đã hưởng ứng các phong trào "Cần Vương", "Duy Tân" có nội dung yêu nước, chống ách thống trị

thực dân phong kiến, đòi quyền tự do, dân chủ, dân sinh. Khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, cương lĩnh, đường lối của Đảng được tỏa sáng, với khẩu hiệu "Độc lập dân tộc, người cày có ruộng" đã có sức thu hút đông đảo nông dân lao động hưởng về Đảng và cách mạng. Giai cấp nông dân được tập hợp thành một lực lượng chính trị hùng hậu từ đây. Những đảng viên đầu tiên của Đảng bộ Bình Thuận đã thâm nhập vào quần chúng, tuyên truyền giác ngộ và vận động nông dân gia nhập tổ chức Nông hội và "Hội đồng minh phản đế" ở một số địa phương trong tỉnh. Các tổ chức này tập hợp chủ yếu là những nông dân lao động và được phát triển ở nhiều nơi, từ đó Đảng đã lựa chọn những cá nhân cốt cán xuất sắc kết nạp vào Đảng Cộng sản, tạo ra những hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng Bình Thuận trước ngày tổng khởi nghĩa tháng 8/1945. Trước sự khủng bố, tàn sát của địch nhiều đảng viên bị bắt, bị tù đày, giết hại... phong trào địa phương tạm thời lắng xuống, nhưng đại đa số nhân dân trong đó số đông là nông dân lao động vẫn tin tưởng cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Cách mạng tháng Tám bùng nổ, tuyệt đại đa số nông dân hưởng ứng lời hiệu triệu của Việt Minh đã vùng lên đánh đổ ách thống trị, giành



Hội nghị cung cấp tư liệu lịch sử về phong trào và tổ chức Hội Nông dân tỉnh Bình Thuận từ năm 1930 đến năm 2000.



chính quyền về tay nhân dân, thiết lập chính quyền công-nông ở địa phương. Tổ quốc được độc lập, nông dân vô cùng phấn khởi được làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Hội Nông dân cứu quốc, là thành viên của Mặt trận Việt Minh, đại diện cho giai cấp nông dân tham gia các hoạt động trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai, đáp lời kêu gọi của Bác Hồ, giai cấp nông dân Bình Thuận nhất tề đứng lên chống giặc ngoại xâm với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Trong kháng chiến, Hội Nông dân tuy có nơi, có lúc có sự biến động về tổ chức và cán bộ, song nhìn chung đã làm tốt vai trò giáo dục, động viên quần chúng nông dân trong tỉnh tham gia kháng chiến cứu nước, đóng góp sức người, sức của phục vụ cho tiền tuyến. Ở các vùng căn cứ, giải phóng, Nông hội đã hướng dẫn nông dân đẩy mạnh sản xuất, tự cấp tự túc, chống địch bao vây và phá hoại kinh tế, thi hành chính sách tạm cấp ruộng đất, giảm tô, giảm tức, xây dựng chợ kháng chiến, xóa nạn mù chữ, v.v... nhằm bồi dưỡng sức dân, tạo được hậu phương vững chắc, góp phần đánh thắng giặc Pháp xâm lược và bẻ gãy tay sai.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta phải đối mặt với kẻ thù mới là tên đế quốc đầu sỏ rất hung bạo, độc ác, lăm mưu nhiều kế. Phong trào cách mạng trong tỉnh có lúc lâm vào thoái trào. Nhưng với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do", nhân dân Bình Thuận trong gian khổ, ác liệt hy sinh vẫn hướng về Đảng và cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, Hội Nông dân giải phóng đã hiệu triệu, tập hợp đông đảo nông dân lao động đứng lên đấu tranh chống địch, xây dựng, củng cố tổ chức Hội và xây dựng vùng căn cứ, giải phóng, góp phần đánh bại hoàn toàn các âm mưu của Mỹ-ngụy, giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam.

Thắng lợi vĩ đại của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mùa Xuân 1975 đã đưa đất nước ta đến thống nhất, cả nước xây dựng CNXH. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, sau ngày giải phóng, Hội Nông dân giải phóng Bình Thuận và Bình Tuy đã kịp thời chỉ đạo động viên hàng vạn nông dân lao động cùng với các tầng lớp khác tích cực tham gia thiết lập và bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trật tự trị an xã hội, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống; đồng thời thực hiện



chính quyền về tay nhân dân, thiết lập chính quyền công- nông ở địa phương. Tổ quốc được độc lập, nông dân vô cùng phấn khởi được làm chủ đất nước, làm chủ xã hội. Hội Nông dân cứu quốc, là thành viên của Mặt trận Việt Minh, đại diện cho giai cấp nông dân tham gia các hoạt động trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Khi thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ hai, đáp lời kêu gọi của Bác Hồ, giai cấp nông dân Bình Thuận nhất tề đứng lên chống giặc ngoại xâm với tinh thần "Thà hy sinh tất cả, nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Trong kháng chiến, Hội Nông dân tuy có nơi, có lúc có sự biến động về tổ chức và cán bộ, song nhìn chung đã làm tốt vai trò giáo dục, động viên quần chúng nông dân trong tỉnh tham gia kháng chiến cứu nước, đóng góp sức người, sức của phục vụ cho tiền tuyến. Ở các vùng căn cứ, giải phóng, Nông hội đã hướng dẫn nông dân đẩy mạnh sản xuất, tự cấp tự túc, chống địch bao vây và phá hoại kinh tế, thi hành chính sách tạm cấp ruộng đất, giảm tô, giảm tức, xây dựng chợ kháng chiến, xóa nạn mù chữ, v.v... nhằm bồi dưỡng sức dân, tạo được hậu phương vững chắc, góp phần đánh thắng giặc Pháp xâm lược và bẻ gãy tay sai.

Trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân ta phải đối mặt với kẻ thù mới là tên đế quốc đầu sỏ rất hung bạo, độc ác, lăm mưu nhiều kế. Phong trào cách mạng trong tỉnh có lúc lâm vào thoái trào. Nhưng với tinh thần "Không có gì quý hơn độc lập tự do", nhân dân Bình Thuận trong gian khổ, ác liệt hy sinh vẫn hướng về Đảng và cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, Hội Nông dân giải phóng đã hiệu triệu, tập hợp đông đảo nông dân lao động đứng lên đấu tranh chống địch, xây dựng, củng cố tổ chức Hội và xây dựng vùng căn cứ, giải phóng, góp phần đánh bại hoàn toàn các âm mưu của Mỹ-ngụy, giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam.

Thắng lợi vĩ đại của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mùa Xuân 1975 đã đưa đất nước ta đến thống nhất, cả nước xây dựng CNXH. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy địa phương, sau ngày giải phóng, Hội Nông dân giải phóng Bình Thuận và Bình Tuy đã kịp thời chỉ đạo động viên hàng vạn nông dân lao động cùng với các tầng lớp khác tích cực tham gia thiết lập và bảo vệ chính quyền cách mạng, giữ gìn trật tự trị an xã hội, khôi phục và phát triển sản xuất, ổn định đời sống; đồng thời thực hiện

chính sách ruộng đất và cải tạo quan hệ sản xuất vùng biển, nhằm hoàn thành những việc còn lại của cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân.

Thắng lợi của thực hiện chính sách ruộng đất và cải tạo quan hệ sản xuất vùng biển đã tạo điều kiện đưa giai cấp nông dân đi vào con đường làm ăn tập thể dưới nhiều hình thức, mà đỉnh cao là hoàn thành hợp tác hóa nông nghiệp và nghề cá vào những năm đầu 1980. Giai cấp nông dân đã cùng giai cấp công nhân đi suốt chặng đường cách mạng giải phóng dân tộc và giờ đây lại cùng nhau xây dựng CNXH- con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Thắng lợi của công cuộc tập thể hóa nông nghiệp đã tạo ra sự biến đổi sâu sắc trong nông dân và nông thôn. Giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp trong nông dân được nâng cao. Tổ chức Hội Nông dân được củng cố và vị trí chính trị, xã hội của Hội được khẳng định trong xây dựng CNXH. Kinh tế nông nghiệp luôn luôn tăng trưởng, phúc lợi xã hội ở nông thôn phát triển, đời sống vật chất và văn hóa của nông dân từng bước cải thiện.

Nhưng sau tập thể hóa nông nghiệp, do việc quản lý kinh tế nông nghiệp theo cơ chế bao cấp

không còn phù hợp nên vào những năm 1984, 1985... ở nông thôn bắt đầu xuất hiện nhiều HTX làm ăn không hiệu quả, sản xuất chững lại, đời sống nông dân gặp khó khăn. Thêm vào đó là ảnh hưởng bởi sự kiện Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu sụp đổ, kinh tế trong nước bị khủng hoảng lại bị Mỹ bao vây cấm vận kinh tế, các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động gây mất ổn định chính trị, làm cho tình hình xã hội nước ta và ở địa phương phát sinh những phức tạp mới, lòng tin của nông dân vào CNXH bị giảm sút.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng do Đại hội VI khởi xướng và Nghị quyết 10/TW ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, Tỉnh ủy Thuận Hải đã nghiêm túc kiểm điểm đánh giá khẳng định những thành tựu to lớn của hợp tác hóa nông nghiệp và thẳng thắn chỉ ra những khuyết điểm, tồn tại đang kìm hãm sản xuất phát triển; đồng thời ra Nghị quyết 05/TU ngày 20-10-1988 cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết 10/TW của Bộ Chính trị tại địa phương.

Nghị quyết 10 được thực hiện như là một sự đột phá vào những tồn tại trong quản lý kinh

tế nông nghiệp sau hợp tác hóa, làm trở dậy nhiều tiềm năng và khả năng mới trong sản xuất nông nghiệp đem lại lòng tin cho giai cấp nông dân. Cơ chế bao cấp từng bước được xóa bỏ. Kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng XHCN được khuyến khích. Sản xuất lương thực luôn đạt kết quả cao cả năng suất và sản lượng, chăn nuôi được đẩy mạnh, cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, kinh tế hàng hóa phát triển nhanh, khoa học-công nghệ được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, phong trào nông dân sản xuất- kinh doanh giỏi ngày càng phát triển sâu rộng trong các vùng, các lĩnh vực sản xuất ở nông thôn, công cuộc xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả đáng kể, đời sống nông dân nhìn chung được cải thiện rõ rệt, có bộ phận trở nên giàu có. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc được đẩy mạnh. Tình hình chính trị- xã hội nông thôn ổn định, nông dân tin tưởng vào đường lối đổi mới của Đảng, Hội Nông dân được củng cố kiện toàn, đã và đang phát huy tốt vai trò nòng cốt của mình trong thực hiện các chính sách, nghị quyết của Đảng và Nhà nước, đưa nông nghiệp và nông thôn tỉnh nhà từng bước tiến lên công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhìn lại chặng đường 70 năm đấu tranh và xây dựng của Hội và giai cấp nông dân tỉnh Bình Thuận, chúng ta nhận thấy rằng:

1- Nông dân Bình Thuận vốn có truyền thống yêu nước, yêu dân tộc:

Nông dân các dân tộc Bình Thuận vốn là những người nghèo khổ, cần cù, thông minh, sáng tạo, bị áp bức, bóc lột nặng nề. Họ có tinh thần dân tộc bất khuất, lòng yêu nước nồng nàn và ý chí căm thù địch sâu sắc, rất khao khát độc lập, tự do; có truyền thống đoàn kết chống chọi với thiên nhiên khắc nghiệt và chống ách thống trị của thực dân, phong kiến để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ quyền được làm người.

Trước ngày chưa có Đảng, một bộ phận nông dân trong tỉnh đã hưởng ứng các phong trào yêu nước với hy vọng không còn bất công áp bức, nhưng điều đó không đến với họ được. Thời kỳ hình thành Đảng bộ (1930) mặc dù bị kẻ thù rình rập, khủng bố, giết hại, tù đày nhưng vẫn có một số nhóm nông dân đã gia nhập vào các tổ chức quần chúng của Đảng do các đảng viên lập ra và từ các tổ chức này nhiều nông dân tiến bộ trở thành lớp đảng viên và cán bộ đầu tiên của Đảng ở Bình Thuận. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, hưởng ứng hiệu triệu của Việt Minh, nông dân khắp nơi nổi dậy đánh đổ ách thống trị thực dân phong kiến, thiết lập chính quyền cách mạng. Trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ,

người nông dân Bình Thuận chịu đựng tổn thất, hy sinh to lớn nhất về vật chất, tinh thần, song chính họ đã có mặt khắp mọi nơi cả tiền tuyến và hậu phương, đồng lòng theo Đảng, theo cách mạng đánh bại hoàn toàn quân xâm lược. Sau ngày quê hương được giải phóng, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến, lớp lớp nông dân hăng hái bắt tay xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc, từng bước thực hiện đổi mới kinh tế nông nghiệp, đưa nông nghiệp và nông thôn Bình Thuận lên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2- Cách mạng đã làm thay đổi căn bản vị trí chính trị- xã hội của giai cấp nông dân:

Dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến, giai cấp nông dân bị khinh rẻ, không có một tí gì về địa vị chính trị, kinh tế trong xã hội.

Từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng xác định giai cấp nông dân là bộ phận chủ lực trong lực lượng cách mạng Việt Nam, là người bạn đồng minh tin cậy của giai cấp công nhân, cùng đội ngũ trí thức hợp thành khối liên minh công- nông- trí thức vững chắc làm cơ sở cho khối đại đoàn kết dân tộc trong Mặt trận dân tộc thống nhất. Giai cấp nông dân tham gia cách

mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng- người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam.

Cách mạng tháng Tám thành công, giai cấp nông dân Bình Thuận cũng như cả nước bước lên vũ đài chính trị, được làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng. Và khi đế quốc thực dân xâm lược, giai cấp nông dân cùng các tầng lớp khác đứng lên quyết tâm chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn.

Sau ngày đất nước thống nhất, giai cấp nông dân được giải phóng, sống trong hòa bình, tự do và góp phần xây dựng chế độ mới- chế độ xã hội chủ nghĩa. Trên con đường đổi mới hiện nay, giai cấp nông dân đóng góp sức mình vào xây dựng phát triển kinh tế-xã hội nông thôn nói riêng, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nói chung.

3- Hội Nông dân là tổ chức chính trị- xã hội, là người đại diện cho quyền lợi của giai cấp nông dân, là chỗ dựa của Đảng và Nhà nước:

Hội Nông dân Bình Thuận có quá trình lịch sử vẻ vang. Từ những tổ Nông hội được xây dựng trong thời kỳ hình thành Đảng bộ tỉnh đến Hội Nông dân cứu quốc trong kháng chiến chống Pháp, Hội Nông dân giải phóng trong chống Mỹ, Hội

Liên hiệp Nông dân tập thể trong thời kỳ hợp tác hóa nông nghiệp và Hội Nông dân Việt Nam trong thời kỳ đổi mới, Hội Nông dân luôn gắn liền nhiệm vụ chính trị của mình với lịch sử phong trào cách mạng địa phương. Tuy tên gọi của Hội từng lúc có khác nhau, nhưng mục tiêu cơ bản là đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và xây dựng CNXH là không thay đổi.

Hội Nông dân Bình Thuận là tổ chức chính trị-xã hội của giai cấp nông dân, là thành viên tích cực của Mặt trận Dân tộc Thống nhất (nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam) và của hệ thống chính trị do Đảng lãnh đạo, là cầu nối giữa Đảng và quần chúng, có vai trò nòng cốt trong phong trào cách mạng của nông dân. Hội đã giáo dục, giác ngộ nông dân về dân tộc và giai cấp, đoàn kết tập hợp được nông dân lao động và động viên được đông đảo nông dân thực hiện đường lối, chính sách và nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và của Hội trong kháng chiến cứu nước trước đây cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN ngày nay. Qua thực tiễn đấu tranh, tổ chức Hội ngày một trưởng thành, vị trí của Hội được nâng cao, ảnh hưởng và uy tín của Hội được phát huy sâu rộng trong nhân dân. Nông hội là chỗ dựa tin cậy của Đảng và Nhà nước ta.

Chăm lo quyền lợi của giai cấp nông dân là chức năng và nhiệm vụ của Hội Nông dân. Hội Nông dân đã động viên được đông đảo nông dân 3 vùng đấu tranh chống địch, bảo vệ tính mạng và tài sản, đòi quyền dân chủ, dân sinh, đẩy mạnh tăng gia sản xuất tự cung tự cấp, giảm tô, giảm tức... trong kháng chiến và sau ngày giải phóng cùng với các ngành chức năng thực hiện chính sách ruộng đất, cải tạo quan hệ sản xuất và hợp tác hóa nông nghiệp, đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, phát triển kinh tế hàng hóa, xoá đói giảm nghèo, v.v... nhằm không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nông dân.

Hội Nông dân cũng luôn phản ảnh với cấp ủy và chính quyền địa phương về tâm tư, nguyện vọng, những vướng mắc, cản trở trong sản xuất và đời sống của nông dân và cùng các ngành liên quan đề xuất biện pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, ách tắc, đảm bảo quyền lợi cho nông dân.

4- Sự lãnh đạo của Đảng bộ có ý nghĩa quyết định sự thành công của phong trào nông dân và tổ chức Hội Nông dân:

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Quần chúng là chỗ dựa của cách mạng. Để dựa vào quần chúng, phải nắm được quần chúng thông

qua việc tuyên truyền, giác ngộ, tập hợp quần chúng vào tổ chức và hướng dẫn quần chúng hành động cách mạng. Đảng bộ Bình Thuận trước lúc hình thành, chính các đảng viên đã xây dựng các tổ chức Nông hội đầu tiên, từ đó bồi dưỡng thành cốt cán và kết nạp vào Đảng, mở rộng phong trào cách mạng trong tỉnh.

Qua các giai đoạn cách mạng khác nhau, Đảng bộ luôn gắn gũi gắn bó máu thịt với quần chúng nông dân lao động, nên trong những thời điểm khó khăn nhất của Đảng và cách mạng, nông dân lao động vẫn hướng về Đảng và cách mạng, nuôi dưỡng, bảo vệ, che chở cho cán bộ của Đảng hoạt động và khi có thời cơ thuận lợi, nghe lời kêu gọi của Đảng lớp lớp nông dân lao động đứng lên đánh đổ thực dân và phong kiến, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và xây dựng CNXH.

Đảng bộ lãnh đạo phong trào nông dân bằng đường lối, chính sách của Đảng và thông qua tổ chức Hội Nông dân để thực hiện đường lối, chính sách đó. Bí quyết thành công trong vận động nông dân làm cách mạng là Đảng bộ luôn chú ý đến quyền lợi thiết thân chính đáng của nông dân về chính trị, kinh tế-xã hội, vì vậy nông dân lao động luôn gắn bó với Đảng và cách mạng.

Đảng bộ đã quan tâm xây dựng tổ chức Hội Nông dân, bồi dưỡng, đào tạo, quản lý cán bộ, phân công cấp ủy viên phụ trách Hội Nông dân, chỉ đạo Hội Nông dân về đường hướng, nội dung, phương châm, phương thức hoạt động trong từng giai đoạn cách mạng. Nhờ đó mà tổ chức Hội Nông dân trưởng thành như ngày nay. Thành tích của phong trào nông dân và tổ chức Hội Nông dân không tách rời sự lãnh đạo của Đảng bộ.

Từ thực tiễn 70 năm đấu tranh cách mạng, bên cạnh những ưu điểm, chúng ta nhận thấy có những khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo cần nêu lên để rút kinh nghiệm, đó là:

1- Cần phải nắm vững mối quan hệ hợp lý giữa động viên và bồi dưỡng sức dân:

Lực lượng nông dân trong tỉnh có tiềm năng to lớn cả vật chất và tinh thần. Để khai thác tiềm năng và sức mạnh đó, cùng với các chủ trương động viên phải có các chính sách bồi dưỡng sức dân. Làm tốt việc bồi dưỡng thì sức dân được duy trì và phát triển và việc động viên sẽ đạt kết quả cao và nếu chỉ động viên một chiều, không quan tâm hoặc quan tâm không đúng mức việc bồi dưỡng sức dân thì kết quả sẽ ngược lại.

Trong hai cuộc kháng chiến cứu nước, ưu điểm của tỉnh ta là đã có nhiều chính sách động viên hợp lý sức người, sức của của nhân dân nên đã phục vụ kháng chiến thắng lợi. Mặt khác tỉnh có chú ý thực hiện nhiều chính sách nhằm bồi dưỡng sức dân như chống địch đánh phá, cướp bóc, bảo vệ mùa màng, bảo vệ tính mạng, tài sản của nông dân, thực hiện giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất... lập chợ kháng chiến, tổ chức giao lưu hàng hóa giữa vùng ta và vùng địch tạm chiếm, chăm lo sức khỏe, học hành, v.v... thiết thực phục vụ đời sống nông dân.

Nhưng có nơi, có lúc ta chỉ chú ý động viên sức người, sức của của nông dân là chủ yếu, chưa quan tâm đúng mức đến việc bồi dưỡng sức dân nên làm ảnh hưởng đến đời sống nông dân, nhất là thời kỳ tổng động viên nhân tài, vật lực, chuẩn bị chuyển mạnh sang tổng phản công trong cuộc kháng chiến chống Pháp những năm 1950 -1951.

2- Sức mạnh của quần chúng nông dân là sức mạnh có tổ chức và có hệ thống chỉ đạo. Nếu giai cấp nông dân không có hệ thống chỉ đạo thì không thành tổ chức và cũng không huy động được sức mạnh của quần chúng:

Nhìn chung Đảng bộ Bình Thuận lúc chuẩn bị thành lập đã nhận thấy vai trò, vị trí quan trọng của giai cấp nông dân và tổ chức Hội Nông dân nên có sự quan tâm xây dựng tổ chức Hội Nông dân ngay từ đầu. Tuy nhiên, về khách quan, do đặc điểm và hoàn cảnh cuộc đấu tranh cách mạng tại địa phương trong từng giai đoạn lịch sử có những khó khăn, thuận lợi khác nhau nên theo đó tổ chức Hội Nông dân có lúc mạnh, lúc yếu khác nhau. Mặt khác, xem xét về cụ thể, ta nhận thấy có nơi, có lúc Đảng bộ chưa có sự quan tâm đúng mức đến vấn đề cơ bản này. Trong kháng chiến chống Pháp, những năm 1947- 1948, giải thể bộ máy Nông hội tỉnh và các huyện, thị để củng cố cơ sở, đến giữa năm 1949 mới xây dựng lại, nhưng đến năm 1952 thực hiện chủ trương tinh giản bộ máy các cơ quan tỉnh, tổ chức Nông hội tỉnh chỉ còn một vài người, không đủ sức hoạt động; trong kháng chiến chống Mỹ, đến năm 1964 mới hình thành tổ chức Nông hội tỉnh, nhưng chỉ có một vài cán bộ chấp vá làm nhiệm vụ theo dõi tình hình. Tình hình trên đây thật sự là những khó khăn cho phong trào nông dân và hoạt động của Hội Nông dân lúc bấy giờ. Sau ngày giải phóng, Hội Nông dân được tổ chức đều khắp, nhưng làm theo lối đánh trống ghi tên và chủ trương áp đặt xã viên hợp tác xã là hội viên

nông dân làm cho tổ chức Hội ở cơ sở lỏng lẻo, rời rạc, hoạt động kém hiệu quả. Ở cấp tỉnh và huyện có thời gian sáp nhập Hội Nông dân vào Ban Nông nghiệp, làm lu mờ vai trò của tổ chức Hội. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới thì khuyết điểm trên có được sửa chữa nhưng hiện nay tỷ lệ hội viên vẫn còn thấp (63%) so với tổng số hộ nông, ngư dân trong tỉnh; nội dung và phương thức hoạt động của một số cơ sở Hội ở vùng cao, ven biển, hải đảo chậm được đổi mới; đội ngũ cán bộ Hội các cấp còn nhiều bất cập cả số lượng và chất lượng. Những khuyết điểm, yếu kém trên đã làm hạn chế việc phát huy tiềm năng, sức mạnh của nông dân, nông thôn và tổ chức Hội Nông dân tỉnh ta.

Nhìn lại 70 năm đấu tranh, xây dựng và trưởng thành, chúng ta rất vui mừng và tự hào với truyền thống vẻ vang của giai cấp nông dân và tổ chức Hội Nông dân. Chúng ta tin tưởng mạnh mẽ rằng giai cấp nông dân và tổ chức Hội Nông dân tỉnh nhà sẽ phát huy tốt truyền thống vốn có, phát huy tốt vai trò, tiềm năng và sức mạnh của mình, đóng góp ngày càng to lớn vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn Bình Thuận, vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam (1930-1995), xuất bản 1998.

- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập I (1930-1954), xuất bản 1994.

- Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Thuận, tập II (1954-1975), xuất bản 2000.

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thuận Hải lần I (1977).

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thuận Hải lần II (1979).

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thuận Hải lần III (1983).

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Thuận Hải lần IV (1987)

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Bình Thuận lần VIII (1992).

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Bình Thuận lần IX (1996).

- Văn kiện Đại hội Đảng bộ Bình Thuận lần X (2000).

- Các loại báo cáo, nghị quyết của Đảng bộ Bình Thuận trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ lưu trữ tại Ban Tuyên giáo tỉnh ủy và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

- Các báo cáo, nghị quyết của Đảng bộ Thuận Hải và Bình Thuận từ 1975-2000 lưu giữ tại Văn phòng tỉnh ủy.

- Các báo cáo, nghị quyết, văn kiện của Hội Nông dân Thuận Hải, Bình Thuận từ 1975 đến 2000 lưu tại Hội Nông dân tỉnh.

- Đóng góp ý kiến của các nhân chứng lịch sử trong các cuộc hội nghị thông qua tư liệu và bản thảo lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Bình Thuận được tổ chức tại Phan Thiết đợt I (ngày 9-8-1999), đợt II (ngày 05-01-2000), đợt III (ngày 29 và 30-6-2000), đợt IV (ngày 11, 12-9-2001 và ngày 8-7-2000 tại thành phố Hồ Chí Minh).

- Ngoài ra còn tham khảo một số tư liệu các ngành, đoàn thể và của chế độ cũ có liên quan.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời nói đầu.	5
<i>Chương I:</i>	
Đặc điểm giai cấp nông dân Bình Thuận trước khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.	7
<i>Chương II:</i>	
Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nông dân Bình Thuận góp phần giành chính quyền trong cách mạng tháng 8 năm 1945 (1930-1945)	21
<i>Chương III :</i>	
Giai cấp nông dân Bình Thuận tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)	40
<i>Chương IV:</i>	
Giai cấp nông dân Bình Thuận tham gia kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)	99

Chương V:

Giai cấp nông dân Bình Thuận trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975-2000)	175
--	------------

Chương VI:

70 năm nông dân và Hội Nông dân Bình Thuận đấu tranh cách mạng và xây dựng đất nước (1930 - 2000)	264
- Tài liệu tham khảo	282